

# VIÊN GIÁC



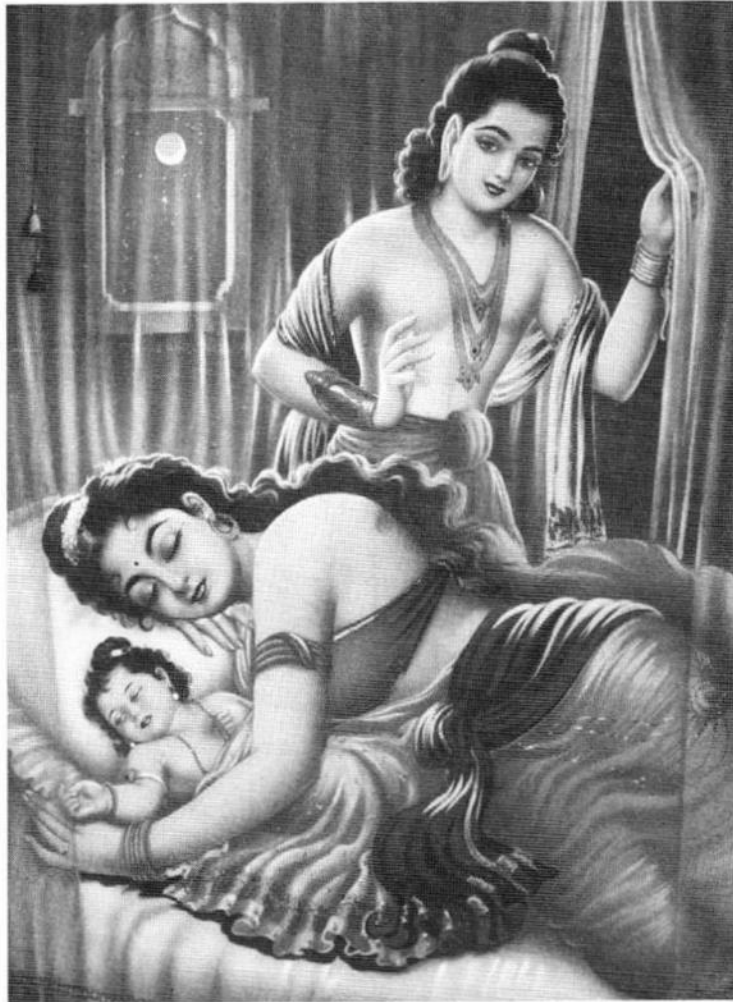
BỘ MỚI  
SỐ

30

THÁNG MƯỜI HAI 1985

DEZEMBER 1985

AUSGABE IN VIETNAMESESISCH UND DEUTSCH



*Thái Tư' Tất Đạt Đa từ già vợ con, lên đường tìm Đạo*

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC  
ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND VIETNAMESESISCHEN BUDDHISTEN  
IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND

# GIA BIỂU KINH SÁCH PHÁT HÀNH TẠI CHÙA



## DANH MỤC

## GIA TIỀN (DM)

|                                    |       |   |        |
|------------------------------------|-------|---|--------|
| 1. Ảnh đạo vàng                    | 10.00 | 54. Nhân quả nghiệp luân hồi                | 9.00   |
| 2. Bài học ngàn vàng (Tập 1-2)     | 10.00 | 55. Như đồng ý thức                         | 6.00   |
| 3. Bát Nhã Tâm Kinh giảng giải     | 5.00  | 56. Những mẩu chuyện đạo                    | 17.00  |
| 4. Biện minh tu chúng              | 8.00  | 57. Phật Giáo Việt Nam xưa và nay           | 7.00   |
| 5. Bông hồng cài áo                | 3.00  | 58. Phật học tử điển(1 bộ 3 quyển)          | 150.00 |
| 6. Câu chuyện dòng sông            | 15.00 | 59. Phật học phổ thông(q.1-2-3)             | 17.00  |
| 7. Câu hò Văn Tiên                 | 23.00 | 60. Phật học phổ thông(1 bộ tứ khóa 1-12)   | 122.00 |
| 8. Con người siêu việt             | 14.00 | 61. Phật học tinh hoa                       | 22.00  |
| 9. Cốt tủy đạo Phật                | 15.00 | 62. Phật học tinh yếu                       | 19.00  |
| 10. Cuộc đời Đức Phật              | 15.00 | 63. Phật pháp con đường giải thoát          | 11.00  |
| 11. Chìa khóa học Phật             | 7.00  | 64. Phật pháp yếu nghĩa                     | 13.00  |
| 12. Đại giới đàn Thiện Hòa         | 12.00 | 65. Phật và thánh chúng                     | 14.00  |
| 13. Đạo Phật và Tuổi trẻ           | 8.00  | 66. Phổ môn thị hiện                        | 8.00   |
| 14. Đường vào ánh sáng Đạo Phật    | 10.00 | 67. Qui Sợn Cảnh Sách thượng hạ             | 9.00   |
| 15. Góp nhặt cát đá                | 7.00  | 68. Sáu cửa thiên thất                      | 9.00   |
| 16. Giởng nhân quả                 | 8.00  | 69. Tam Thiên Phật danh                     | 12.00  |
| 17. Hai ngàn năm VN và Phật Giáo   | 17.00 | 70. Tánh không và Kinh Kim Cang             | 12.00  |
| 18. Hiện tình Phật Giáo Việt Nam   | 15.00 | 71. Tình đời nghĩa đạo                      | 13.00  |
| 19. Hưởng quê cực lạc              | 10.00 | 72. Tình độ thập nghị luận                  | 10.00  |
| 20. Kinh ADiĐà và k.QuánVôLượngThọ | 14.00 | 73. Tông phái Phật Giáo Nhật Bản            | 12.00  |
| 21. " ADiĐà Số Sao trọn bộ         | 22.00 | 74. Tổ thiên tông                           | 14.00  |
| 22. " Bát Đại Nhân Giác g.giải     | 8.00  | 75. Tu tập dưỡng tánh                       | 14.00  |
| 23. " Dược sư                      | 5.00  | 76. Tử tưởng Phật học                       | 15.00  |
| 24. " Địa Tạng                     | 18.00 | 77. Tứ diệu đế                              | 10.00  |
| 25. " Hiền Ngu                     | 14.00 | 78. Thâm ý qua hình tượng Phật, Bồ Tát      | 6.00   |
| 26. " Kim Quang Minh               | 12.00 | 79. Thế giới quan Phật Giáo                 | 9.50   |
| 27. " Kim Củng Bát Nhã BaLaMật     | 13.00 | 80. Thiên qua tranhchấn trầu                | 12.00  |
| 28. " Kim Cang giảng lục           | 9.00  | 81. Thiên luân(1 bộ 3 tập)                  | 50.00  |
| 29. " Kim Cang dịch và giảng       | 18.00 | 82. Thiên sử Việt Nam                       | 17.00  |
| 30. " Lăng Già Tâm Ấn              | 22.00 | 83. Thiên căn bản                           | 10.00  |
| 31. " Luồng Hoàng Sâm              | 22.00 | 84. Thiên đốn ngộ                           | 16.00  |
| 32. " Pháp Cú                      | 9.00  | 85. Thiên đạo tu tập                        | 22.00  |
| 33. " Pháp Hoa                     | 40.00 | 86. Thoát vòng tục lụy                      | 14.00  |
| 34. " Pháp Hoa để củng             | 14.00 | 87. Thoát vòng sống chết                    | 6.00   |
| 35. " Sâm Hối diệt tội             | 10.00 | 88. Triết học Phật Giáo                     | 14.00  |
| 36. " Tâm Địa Quán                 | 19.00 | 89. Truyện cổ Phật Giáo(1 bộ 3 q.)          | 24.00  |
| 37. " Thủy Sâm                     | 13.00 | 90. Trục chí chơn tâm                       | 13.00  |
| 38. " Vu Lan                       | 5.00  | 91. Việt Nam Phật Giáo sử lược              | 16.00  |
| 39. " Viên Giác                    | 14.00 | 92. Xuân trong cửa thiên                    | 15.00  |
| 40. Kiến thức căn bản Phật Giáo    | 20.00 | 93. Ý nghĩa người tại gia                   | 10.00  |
| 41. Le Bouddhisme en qq. mots      | 7.00  | 94. Đường về Cực Lạc                        | 23.00  |
| 42. Lăng nghiêm ảnh hiện           | 12.00 | 95. Niệm Phật thập yếu                      | 17.00  |
| 43. Lịch sử gia đình Phật Tử VN    | 14.00 | 96. Phật Pháp                               | 15.00  |
| 44. Lịch sử tranh đấu Phật Giáo VN | 17.00 | 97. Bản đồ Việt Nam(chỉ phát hành tại chùa) | 6.00   |
| 45. Liễu sanh thoát tử             | 7.50  | 98. Lời Tình ái(thở)                        | 18.00  |
| 46. Lối vàng ý ngọc                | 3.00  |   |        |
| 47. Mài giôm phục quốc             | 20.00 |   |        |
| 48. Miền Thượng Uyên xưa           | 15.00 |   |        |
| 49. Nét đẹp Đông Phương            | 10.00 |   |        |
| 50. Ngài Huệ Năng                  | 12.00 |   |        |
| 51. Nguồn thiên                    | 12.00 |   |        |
| 52. Nguồn thiên như huyền          | 20.00 |   |        |
| 53. Nghi thức tụng niệm            | 7.00  |   |        |

. Ngoài ra, chùa còn phát hành băng kinh, băng giảng, băng nhạc Phật Giáo giá từ 10-12,00DM cùng những pháp bảo.

. Tất cả kinh sách trên đây và những pháp bảo phát hành tại chùa đều chưa tính cước gởi.

. Quý vị muốn rõ thêm chi tiết xin liên lạc về chùa Viên Giác, Eichelkampstraße 35A, 3000 Hannover 81 - West Germany. Tel.: 0511-864638

## trong số này

In dieser Ausgabe

|                           |       |    |
|---------------------------|-------|----|
| Thư Toà Soạn              | Trang | 01 |
| Kinh Thập Thiện           |       | 02 |
| Cảm nghĩ về Thiên         |       | 05 |
| Lá Thơ Tịnh Độ            |       | 08 |
| Kinh Bồ Tát Diệm Tư       |       | 11 |
| Bắc Du Chôn Vỡ            |       | 15 |
| Phật Giáo với Mác Xít     |       | 18 |
| Thơ                       |       | 21 |
| Die Lehre Buddhas         |       | 22 |
| Allgemeine Buddhalehre    |       | 27 |
| Gefangener des Vietcongs  |       | 30 |
| Thơ                       |       | 33 |
| Cái tâm thường vôđặcbiệt  |       | 34 |
| Đường không biên giới     |       | 35 |
| Chuyện một dòng sông      |       | 39 |
| Trên cõi hồng hoang       |       | 43 |
| Giỏ cao su                |       | 47 |
| Cơm cháy                  |       | 48 |
| Đạo Phật đi vào cuộc đời  |       | 50 |
| Trang Thiệu Nhi           |       | 52 |
| Mùa Xuân-thư cho Thầy     |       | 54 |
| Bữa cơm ngon nhất         |       | 55 |
| Hoa sen chùa Viên Giác    |       | 56 |
| Tôi học giáo lý Phật Đà   |       | 59 |
| Tổ chức một "Kur" yêu đời |       | 62 |
| Em đi lễ chùa             |       | 64 |
| Thoát vòng tục lụy        |       | 66 |
| Tôi đi học tập cải tạo    |       | 69 |
| Genève-Paris haithành phố |       | 72 |
| Cô gái Đông Đức           |       | 74 |
| Tin Tức                   |       | 76 |
| Thối sự thế giới          |       | 79 |
| Phường danh quý Đạo Hữu   |       | 84 |

**CHỦ TRƯỞNG:** Thích Như Điển  
Herausgeber

**KỸ THUẬT:** Tịnh Chơn  
Layout

**CÙNG SỰ CỘNG TÁC CỦA:**  
Mitwirkung von

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn  
tại Cộng Hòa Liên Bang Đức  
Vereinigung der Buddhistischen  
Viet Nam Flüchtlinge i.d. BRD e.V.

**TÒA SOẠN:** Pagode VIÊN GIÁC  
Redaktion

Trung tâm Văn Hóa Phật Giáo VN  
Vietnam, Buddh. Kulturzentrum

EICHELKAMPSTR. 35a, 3000 HANNOVER 81  
Tel. 0511. 864638



## Thư tòa soạn

Hơn 30 số báo Viên Giác đã đến tay quý độc giả xa gần trợ vong 5 năm qua. Viên Giác đã đón nhận từ quý vị những lời khích lệ, xây dựng chân thành nhất và Viên Giác cũng đã nhận được sự tiếp tay ủng hộ bài vở của các Phật Tử, thân hữu ở mọi nơi, làm cho tờ báo càng ngày càng có nhiều đổi mới. Ngoài ra Viên Giác cũng đã nhận được sự ủng hộ tài chánh thiết thực nhất của quý độc giả. Có như thế Viên Giác mới tồn tại đến ngày hôm nay. Xin thành thật tán dương công đức của quý vị.

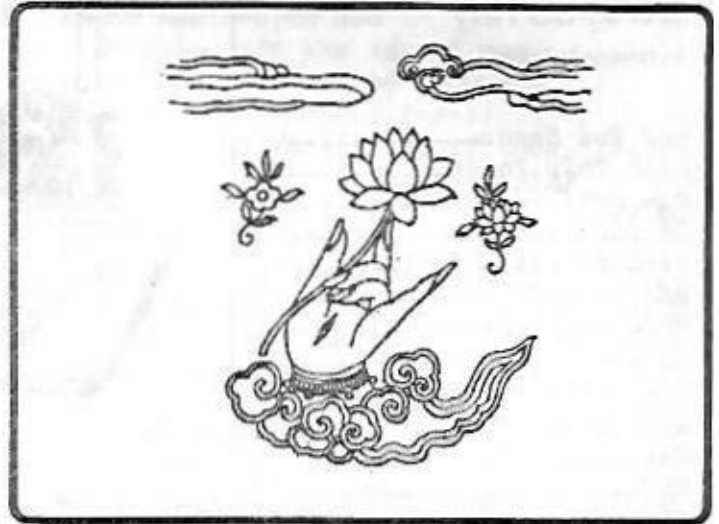
Thư ghi nhận một vài điều tổng quát để quý độc giả có một cái nhìn xác thực về việc thực hiện tờ báo Viên Giác như sau: Mỗi lần xuất bản Viên Giác ra 2.300 số. Mỗi năm xuất bản 6 kỳ. Mỗi kỳ như vậy tính đồ đồng về tài chánh là 1400 DM tiền giấy 1.000DM tiền bản kèm, phim, mực và dụng cụ in. 2.000DM tiền tem gửi đi và 700DM tiền in bìa. Tổng cộng là 5.100DM cho mỗi số. Đó là không kể tiền công in, mà hầu hết đã trả cho những Phật Tử đến làm công quả, không nhận tiền thù lao. Từ việc đánh máy đến trang trí, kiểm bài, bỏ dấu, in, cắt dán, cho vào phong thơ cho đến việc dán tem gửi đi v.v... đều không tốn một đồng nào cả. Ngoài ra chùa có một nhàmáy in nhỏ nhỏ để in báo trên. Nếu không, số tiền còn lên gấp đôi hoặc ba như thế nữa. Nếu tính tổng số tiền phải chi cho Viên Giác một năm là 30.600 DM. Trong khi đó sự đóng góp của Phật Tử chỉ có 3.000DM đến 5.000DM một năm. Vậy số thâm hụt 25.000 DM đó làm sao? - Chắc quý vị lo lắng lắm? - Có nhiều Phật Tử hỏi chúng tôi là nếu để cho bà con mình "tùy tâm ủng hộ" thì làm sao Viên Giác sống được? Nhân tiên đây cũng xin thưa với quý vị rằng: trong số tiền 25.000 DM đó, Bộ Nội Vụ đặc trách về vấn đề Tôn Giáo và Văn Hóa của Đức đã giúp một phần lớn, phần còn lại chùa phải chịu bù vào. Nếu quý độc giả cảm thấy có khả năng phụ vào chùa phần nào tiền tem thư thiếu hụt đó. Quả là điều tốt đẹp vô cùng. Nếu được, chúng tôi xin đề nghị như sau: Sau mỗi lần hay mỗi năm nhận báo, quý độc giả chỉ cần ủng hộ tiền tem là Viên Giác có thể sống lâu được. Không cần phải nhiều hơn số ấy; nhưng cần số nhiều người tham gia ủng hộ.

Trên đây là một vài ý kiến đề nghị chân thành của Tòa Soạn, của Chùa, chúng tôi xin gửi đến quý độc giả xa gần và kính mong quý vị không nỡ làm ngơ về món ăn tinh thần của mình đang cần đến bàn tay sẵn sàng của quý vị.

VIÊN GIÁC

# KINH THẬP THIÊN GIẢNG GIẢI

THÍCH THANH TỪ



LỜI NÓI ĐẦU

Người dốt, muốn biết chữ giỏi, trước phải đi học tư văn A-B-C... Thêm nữa, muốn thành hiền nhân, làm Thầy người đời thì phải công phu, cực nhọc, nhẫn chí, học hơi nhiều năm hơn; để tăng trưởng kiến thức, trí tuệ, kinh nghiệm của chúng ta, hầu làm khuôn phạm cho những người hậu học...

Nói theo phạm tình THẾ NHÂN NGHIỆP muốn đạt danh phận; khô khan, trao luyện, còn phải thử thách - chịu đựng dương ấy! Huống nữa! Chúng ta là những người Phật Tử học theo đạo BỒ TÁT, Phật, để giải thoát sanh tử, luân hồi. Làm sao vượt khỏi khuôn phép, không có thử lớp đực. Ừ? Cho nên PHÁP THẬP THIÊN này là một CẨM NANG VÔ GIA cho người TỬ ĐẠO; là ANH HAI ĐẰNG cho những người đi BIẾN ĐẸM, là KHỔ ĐÀU cho những người nghèo v.v... Kinh này, không những đã sáng tỏ, dễ hiểu, lại còn PHƯỚC DUYÊN cho chúng ta được THIÊN SỰ THƯỢNG THANH HẠ TỬ trách pháp thêm vi tế... Quá thật sung sướng làm sao!!! (ĐƯỢC TRÍCH GHI LẠI TỪ BĂNG cassette).

Chúng tôi không dám tô đậm nhiều, chỉ xin quý vị để dành ra chút ít thời giờ, thân tâm an tịnh, rồi hãy mở ra những trang kinh quý báu này, để thấy rằng :

NGHIỆP KHIÊN, NHƠN QUA KHÓ NGHĨ LƯỜNG,  
BA THÂN TẠO TÁC CHƠ XEM THƯỜNG.  
LỜI THÀNH CON PHẬT GIỮ CHƠN NGUYÊN,  
ĐẾN CỠ VÔ SANH NIẾT BAN VƯƠNG.

Như quý vị Phật Tử sẽ thấy rã rạc trong bài có những dấu ngoặc đơn ( ), ấy là : tỳ do chú tôi tiếp dẫn khi gặp những lời giảng, hay danh từ khó, đặc biệt trong nhà Phật cần phải giải. Muốn cho dễ theo dõi liên tục, nên chú tôi không ngừng, dời, để lại phần sau chót ;

mặc dầu có hơi rời rạc trong lúc theo dõi Kinh đó! Nhưng, sự lợi ích, thiết thực vẫn hơn. Vì, đây là những lời GIẢNG NÓI, nếu tích ghi lại đây có gì chưa thông sáng, xin quý vị hoan hỷ, niệm tình bỏ qua cho. ỜA TẠ.

SAU HẾT

NGUYỄN ĐEM CÔNG ĐỨC NẦY  
HƯỚNG VỀ KHẮP TẤT CẢ  
ĐỆ TỬ VA CHỒNG SANH  
ĐỀU TRỌN THANH PHẬT ĐẠO

TỊNH THẤT LAM TẾ  
TỊCH GIẢ VIỄN THÔNG



KINH THẬP THIÊN GIẢNG GIẢI

THÍCH THANH TỪ

Trước khi giảng ngay chánh văn ở trong Kinh Tôi sẽ nói khái quát những phần quan trọng, lợi ích của KINH THẬP THIÊN, để quý vị nhận thức sơ qua, rồi chúng ta học ngay trg chánh văn mới được lợi ích nhiều hơn... Kinh Thập Thiên là một quyển Kinh ngắn, gọn, nhưng rất thiết yếu. Thiết yếu không những cho hàng XUẤT GIA mà luôn cả hàng CỬ SĨ TẠI GIA.

Trước hết, Tôi nói về phần lợi ích của người tu. Tất cả những người tu tại gia sau khi thọ NĂM GIỚI (1/KHÔNG giết hại, 2/KHÔNG trộm cắp 3/KHÔNG tà dâm, 4/KHÔNG nói dối, 5/KHÔNG uống rượu v.v...), nếu y cứ theo đó thì NHƠN GIỮ NĂM GIỚI; QUA về sau hẳn sẽ được làm nữ hưởng phước an vui. Lại muốn cho sự tu hành

tiên thêm, lẽ dĩ nhiên, bên cạnh đó quý vị tu tại gia phát nguyện giữ GIỚI THẬP THIÊN. Có tu giữ GIỚI THẬP THIÊN, nhưn đó sau này chúng ta mới có thể tiến tứ tứ. Từ người TẠI GIA - tiến lên thêm phạm vi của người XUẤT GIA ; hay là tứ QUẢ BAO cõi người, rồi tiến QUẢ BAO cõi Trời, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật toàn thiện đó vậy !

Vì vậy, khi nói đến Pháp tu THẬP THIÊN, tức là một bước tiến của người TU TẠI GIA. Còn quý vị XUẤT GIA khi đã phát nguyện XUẤT TRẦN nhưn giữ theo giới này mà được giải thoát. Bên Phật Giáo Nguyên Thủy có Pháp: TỨ ĐIỀU ĐỀ và THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN v.v. Bên Phật Giáo Đại Thừa có pháp: TỨ NGHIỆP PHÁP, LỤC ĐỘ VAN HẠNH v.v. Nhưng tất cả pháp này cũng đều bắt nguồn từ PHÁP THẬP THIÊN mà có sanh ra. Nếu bỏ, không tu theo THẬP THIÊN, dầu cho chúng ta có TU, NÔI hay như thế nào, cũng còn trầm luân không giải thoát được. Cho nên, căn bản của người XUẤT GIA phải y cứ, trước TU PHÁP THẬP THIÊN. THẬP THIÊN chúng ta không giữ, dầu có GIẢNG THUYẾT CHƠN LÝ cao siêu đi chăng! cũng chỉ là huyền hoặc, xa lý thật. Vì thế, PHÁP THẬP THIÊN đối với người TU thật là hệ trọng. Bởi nó là căn bản, nền tảng của nguồn giải thoát. Phải bền chí nghiêm trì giới phạm, chđ ta mới có thể vượt tiến lên quả: tứ TU ĐẢ HOAN cho đến A LA HAN, SỐ ĐỊA, THẬP ĐỊA tu chúng của chư BỒ TÁT, PHẬT đó vậy. Nếu không, con đường NIẾT BAN khó đến, sanh tử khó ra. PHÁP THẬP THIÊN thật là quan trọng cho chúng ta, cho những người TU HẠNH cầu quả vị, giải thoát. Đó là Tôi nói riêng với giới XUẤT GIA. Bây giờ, Tôi nói rộng thêm đối với THẾ NHÂN. Nếu trong xã hội của chúng ta ai cũng đều biết tu theo PHÁP THẬP THIÊN, thì xã hội này chắc chắn sẽ có sự tiến bộ, văn minh. Có như thế, mới thật gọi là có VĂN MINH. Trong kinh TRƯỜNG A HÀM có nói :

"Thế giới Ta Bà đang trong thời suy hoại, vì chúng sanh không có tu giữ THẬP THIÊN. Trái lại chỉ tạo THẬP AC. Từ đây cho đến thời kỳ con người bán tâm CỤC AC, sống giãm thọ chỉ còn 30 tuổi, 20, 10 tuổi v.v. Lúc đó, tai nạn đao binh, chém giết lẫn nhau không thể nghĩ lường. Thiên tai, vạn họa đó! đều do con người tạo THẬP AC mà chịu. Đến hết thời kỳ THẬP AC CHÉM GIẾT nhau đao để, thế giới chúng ta mới bắt đầu tăng trưởng. Tuổi thọ con người cũng theo đó tăng dần, từ 10 tuổi, 100 tuổi, 1000t. 10.000 tuổi đến tốt 84.000 tuổi cũng đều do chúng sanh nghiêm giữ PHÁP THẬP THIÊN mãnên. Thế giới ấy cũng như Thiên giới đầy đủ tất cả những khoái lạc, an ổn. (Ở đây, Thiên Sư chỉ khái lược một đoạn) Cho nên, khi chúng ta biết tu THẬP THIÊN, thì cõi Ta Bà sẽ trở thành CỤC Lạc. Xã hội nếu muốn tốt đẹp, con người nếu muốn VĂN MINH, đều phải TU THẬP THIÊN .

Nhưng người XUẤT GIA, TẠI GIA biết áp dụng TU THẬP THIÊN, tất nhiên sự an lành, phước báu, thọ lạc đầy đủ. Vì thế THẬP THIÊN rất thiết yếu. Đó là điều thiết yếu trong khi TU theo PHÁP THẬP THIÊN. Nhiều khi, chúng ta là những người tu hành, nghe nói đến giữ THẬP THIÊN, người ta lại tưởng rằng là thương. Sự thật, nếu MƯỜI ĐIỀU LÀNH này chúng ta thực thi đầy đủ thì điều dung, quý báu không thể lường. Sau đây, Tôi sẽ bắt đầu giảng thẳng về ĐỀ KINH.



Kinh này tên là: THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO KINH

CHANH VĂN :

PHẬT NÓI VỀ MƯỜI ĐIỀU LÀNH

Hay là

CON ĐƯỜNG CỦA MƯỜI ĐIỀU THIÊN.

GIẢNG RỘNG :

Phật nói KINH THẬP THIÊN chúng ta đã biết Phật nói ra sao rồi! chỉ có THẬP THIÊN và NGHIỆP ĐẠO. Chữ "THẬP THIÊN" là mười điều lành nhưng khi nói đến mười điều lành trong thế gian người ta sẽ cảm thấy khó hiểu. Mười điều thì chúng ta đều biết; nhưng còn "LÀNH" làm sao biết được nghĩa CHƠN THẬT của chữ "LÀNH". Vấn đề này, khi mới nghe, thấy nó giản dị lắm gặp mọi người, ai cũng khuyên nhau: "NÊN AN HIÊN, Ở LÀNH", vì làm LÀNH là phải. Nhưng chúng ta làm sao biết cái đó là LÀNH? Cho nên, cái đó phải cần để ý. Thưa quý vị, làm sao chúng ta biết thế nào là LÀNH, thế nào là không LÀNH. Có người giải nghĩa LÀNH, là không phải DÙ; mà DÙ tức là không phải LÀNH; hay Tôi có thể nói LÀNH, có nghĩa là hiền từ. Nhưng khi nói như vậy, Tôi chỉ giải thích nghĩa LÀNH trống rỗng, chớ không có đúng sự thật.

Bây giờ, thế nào là LÀNH ? Thế nào là DÙ? thì quý vị nên chú ý chớ để cho ký sẽ thấy. Chữ LÀNH ở trong nhà Phật có ý nghĩa rất là thâm sâu. Thường thường người thế gian, khi học theo THE' GIAN NGHIỆP, họ sẽ rất lúng túng với hai DANH TỬ THIÊN AC này lắm. Tại sao họ lại lúng túng về vấn đề này? Ví dụ: Có người đi dạy học, khi có những học trò khó dạy, họ liền đánh học trò, sau khi trở về nhà, họ lại bị lương

tâm dầy vò; tại sao mình hiền LẠNH lại đi đánh người ta? mà ĐANH có nghĩa là ĐU rồi! Hay học trò bị THẦY CỐ mình đánh, liền cho THẦY CỐ của mình ĐU. Như vậy, khi THẦY CỐ có đánh học trò vì chúng quá ngộ nghịch, khó dạy - thì THẦY CỐ giáo có phải là ĐU hay không? Thành ra mấy vấn đề này chúng ta cần phải giải quyết. Nhiều khi, mọi người thắc mắc hỏi có "HÀNH ĐỒNG ĐANH NGƯỜI CÓ NGHĨA LÀ "ĐU"; như vậy ĐU này là HIÊN? Cho nên danh từ ở trong nhà Phật chúng ta phải định nghĩa cho rõ ràng, nếu không chỗ ta sẽ lầm. Cũng có một người khác thấy mấy đứa nhỏ ngộ nghịch, khó dạy, gặp ai chúng cũng chửi, cũng đánh, hung hăng; người này không có rầy, phạt - trái lại, còn khen ngợi bằng những lời ngọt ngào. Mà lời ngọt ngào thì coi như là LẠNH rồi! phải vậy không! nhưng thưa quý vị, người đó có LẠNH hay chẳng? Như vậy, cái LẠNH và ĐU nằm chỗ nào? Đó chỉ là nghề chuyên nho nhỏ mà chúng ta chưa xác định được một cách rõ ràng. Sau đó thực hành chúng ta sẽ dễ bị hoang mang, nghi ngờ - không biết chuyện mình làm có thiệt là LẠNH hay không? vì làm LẠNH thì quả phước mới đến với chúng ta; nếu trái lại, làm ĐU thì quả xấu sẽ đến với mình. Thành ra trong ĐẠO PHẬT dạy chúng ta phải nhận định cho thật kỹ: ĐIỀU LẠNH và ĐIỀU ĐU (tức là THIÊN AC).



Hỏi: thế nào là THIÊN? trong KINH PHẬT mới định nghĩa :

"Phàm làm một việc gì, đúng về mặt thời gian HIÊN TẠI và VỊ LAI mình, người đều có được sự lợi ích, mới gọi là LẠNH; hoặc rằng, hiện tại mình có thể bị thiệt thòi, mà VỊ LAI, mình có LỢI ÍCH cũng gọi là LẠNH. Trái lại, LẠNH hiện tại, VỊ LAI không LẠNH, cái đó không thể nói là LẠNH. Như vậy, chúng ta đã thấy rõ được điều này chưa? Ví dụ: Như trường hợp CỐ GIAO đánh học trò, thì hiện tại thấy CỐ GIAO bị thiệt thòi, thấy Cô hình như là ĐU; nhưng mà vì tương lai của học trò, lợi ích VỊ LAI của chúng - Cô phải rầy, phải phạt, để sau này chúng trở nên NGƯỜI THIÊN. Thì như vậy đó là LẠNH. Thời gian sau, đứa HỌC TRÒ trước bị đánh, nay học đến nơi, chốn - chừng ấy nó mới nghĩ đến công

ơn dạy bảo của CỐ GIAO mình ngày xưa. Như vậy VỊ LAI, CỐ GIAO và đứa HỌC TRÒ đều có lợi. Ấy mới thiệt gọi là LẠNH. Lại còn một mặt khác nữa; Ví dụ: Chúng ta thấy một người nọ nghèo đói, liền giúp đỡ họ - trong khi giúp đỡ, chúng ta đã bị thiệt thòi: như cho của chẳng hạn, nào là tiền, công lao v.v... mà VỊ LAI MÌNH và NGƯỜI đều được vui vẻ; hay HIÊN TẠI cả hai đều được vui vẻ; nhờ người vui, nên mình cũng cảm thấy vui. Còn như trường hợp mà TOI đã nói ở trên, có đứa học trò ngộ nghịch, mình không rầy phạt - trái lại, còn khen ngợi nó, trong lúc đó, thấy xem như là tốt; nhưng rồi, sẽ đưa nó đến KẾT QUẢ VỊ LAI: NÓ trở nên Ờ XẤU, mất dạy. Vì vậy, cái THIÊN chỉ có KẾT QUẢ trong hiện tại, mà không có KẾT QUẢ ở VỊ LAI thì không được gọi là LẠNH. Trên, là đúng về mặt thời gian đoán định việc LẠNH và AC; có khi hành động HIÊN TẠI, chúng ta tưởng chừng như là ác, xấu mà VỊ LAI lại có KẾT QUẢ THIÊN. Trái lại, cũng vậy. Cho nên, yếu tố LẠNH ĐU đó phải theo thời gian, nhất là đúng về VỊ LAI, mới có thể quyết đoán chắc chắn; chứ, chúng ta đứng có cạm suy, thấy người nọ làm, có nghĩ nghĩa cư hay quả, chúng ta vội cho đó là LẠNH, cái thấy đó chưa đúng lẽ thật, mà phải xét cho tận cùng nguồn gốc KẾT QUẢ của VỊ LAI.

(Còn tiếp)



# Cảm nghĩ về THIỆN ĐỐN NGỘ

Trích tập "NGUỒN THIÊN NHƯ HUYỀN"

(Tiếp theo)

Là vì trong pháp giới này, những cõi TỊNH ĐỘ được dệt nên bằng gì? Bằng toàn những quang minh vi diệu của Thân lực hải của Chư Phật cũng như Nguyên lực hải của Chư Đại Bồ Tát. .. Những quang minh ấy HIỆN LO TOÀN THÂN, làm che khuất tiêu chìm tất cả những quang minh thô kệch nhiễm vọng của Nghiệp lực hải... Cũng như trong kinh, như kinh Đại Định Thủ Lăng Nghiêm, thường nói rằng: khi một Đại Bồ Tát hiện thân hào quang của mình, thì những vầng hào quang của các thân chư thiên đều trở thành đen xì như đông mức, và các cung điện của Ma Vương đều lặn khuất. Là vì những hào quang ấy vi diệu quá, chói sáng quá, nhiều thân thông tự tại lực biến hiện quá, nên Ma Vương xa những quang minh của cõi Sắc cùng Vô sắc, nên Ma Vương cũng đành trói tay, không chịu đựng nổi. Có lẽ vì thấy quá xót đời mắt và đau nhói toàn thân tâm... Bởi vậy, nên ở các cõi Tịnh Độ, Ma Vương không thể có mặt được, vì Ma Vương thường chỉ có thể chịu đựng nổi và bơi lội trong mức độ hào quang của tầng trời Tha hóa nơi cõi Dục giới mà thôi. .. Vì nghiệp lực đã tiêu chìm, Ma Vương cũng bị tổng xuất, nên y báo của Tịnh Độ toàn là thắng duyên, và nước chảy cùng cây cỏ đều phát ra diệu âm để diễn nói về đạo lý tối thượng. Vì cái Lý vận hành của pháp giới là như vậy pháp thì là như thị... Còn về chánh báo, thì những chúng sanh thấp kém nhất dĩ nhiên cũng có thân sắc vàng ròng, có đủ 5 hay 6 thông, và luôn trụ trong chánh định... Và nếu lần giở lại 48 điều Đại nguyện, thì lúc nào, Phật A Di Đà cũng nhắc đi nhắc lại rằng: Cõi của

Ta hơn hẳn Hàng TRỜI người ở các cõi khác, tức là các uế độ...

Là, vì KHÔNG TRƯỚC THI SAU, hoặc MAU LẺ THẮNG TẮT hoặc TRỊ TRỆ LAU LẮC, tất cả những người tu hành, tất cả chúng sanh, cũng ĐỀU PHẢI ĐI QUA TỊNH ĐỘ... mới có thể đắc Vô sanh pháp nhân, mới có thể gột nốt những phâm cuối cùng của Mạng trước, rồi thì hoặc là viên mãn Phật quả, hoặc là trở lại TUNG HOÀNH TỬ TẠI nơi các uế độ để độ duyên được. Dù tu theo pháp môn nào cũng vậy, cũng phải đi qua cái cửa ải tối thẳng đó, vì Pháp thì là như thị.

Tỷ dụ như những kẻ sống ở đời, chỉ tạo ác thôi, chẳng nghĩ gì đến Phật Pháp cả, nhỡ tới lúc lâm chung, do những chủng tử túc duyên cũ nở xoe ra, nghe lời cảnh tỉnh, CHỚT HIẾU RA cái Sức Phướng tiên Đại bi vô biên của Chư Phật, nên chỉ tâm cầu... thì cũng đi qua đó.

Hoặc những người sống ở đời, chỉ có THIÊN TAM thôi, chẳng nghĩ gì mấy về Phật hay Pháp cả, nhưng lúc lâm chung do túc duyên cũ nở, CHỚT HIẾU RA, rồi chỉ tâm cầu... thì cũng được qua đó.

Hoặc những vị sống ở đời, tu theo Nhị thừa, giữ trai giới cùng thiên quán, chỉ có TRỰC TAM tức là tâm ngay thẳng không cong, queo thôi nhưng không hiểu gì về Đạo lý lớn Duy tâm sở hiện của Chư Phật cả, nhưng tới lúc lâm chung, CHỚT HIẾU RA thế nào Thân lực thế nào Tự lực, rồi hồi hướng cầu xin... thì cũng được qua đó.

Thậm chí cho đến những bậc cao siêu, do tự lực thiên quán cùng trì giới, đã vượt qua những chướng đường Tứ thiên Tứ không định, lọt vào nơi Không hải của Tầng thức, gột sạch phiền não, dứt Mạng căn, thành A La Hán mà kinh gọi là Độn căn... Nghĩa là mọi khía cạnh đều siêu xuất cả, chỉ mặc có một điểm kiến chấp lâlắc đầu quay quay, không chịu hiểu Đạo lý lớn, không chịu phát Đại bi tâm để nhập pháp giới... Những vị ấy, tuy gọi là niết bàn, nhưng thức ra chỉ là niết bàn hóa thành, mới thoát phần đoạn sanh tử thôi... Các ngài này thì chưa có phát nguyện vãng sanh, nhưng vì công phụ tu chúng cùng định lực rất cao rồi, nên nếu căn cứ vào đạo lý vận hành của pháp giới mà suy diễn ra, thì chắc rằng lòng Đại bi của Chư Phật vẫn nhiếp độ và đưa thân thức của các ngài sang Tịnh Độ. Nhưng có thể rằng sang tới đó, các ngài sẽ phải nằm trong hoa sen khép cánh một thời gian khá lâu (năm trng hoa sen cũng vui sướng như một tỷ kheo nhập đệ tam thiên), rồi chờ sự chín mùi của đại tâm và được sự gột rửa của hào quang Chư Phật, mới cất bước đi vào Tuệ giác vô thượng... Còn về phía các vị A La Hán lợi căn đã hồi

tâm vào Đại thừa, thì dĩ nhiên là các ngài tiên tu mau lẹ trên những chặng đường đầu của Bồ Tát đạo... Rồi tới một giai đoạn nào đó, các ngài sẽ hiểu ra cái Lễ cần thiết phải Vãng sanh qua một Tịnh độ... thì mới vượt hoàn toàn Mạng trước được.

Còn về phía các vị Bồ Tát sơ phát tâm cùng Tiêu hạnh Bồ Tát, thì rất có thể rằng trong một giai đoạn đầu, các ngài chưa hiểu ra cái Lý tất yếu của Vãng sanh, và có thể là chưa phát nguyện vãng sanh... Nhưng càng ngày càng tiến tu, càng hiểu sâu về cái Lý chấp chùng giữa Bát nhã và Đại bi của Chư Phật, nên lần lần sẽ hiểu ra và phát nguyện vãng sanh.



Còn như về tất cả các chúng sanh khác.. thì trôi lăn chìm nổi hoài hoài mãi, rồi đến một lúc cũng bắt buộc phải dụi mắt lắc đầu và hơi tỉnh giấc mộng đời. Rồi tu hành chút ít. .. Tu hành lâu rồi cũng hiểu ra, rồi phát nguyện vãng sanh...

Thiện nghĩ rằng cái LÝ CỦA NHỮNG CỐI PHẬT PHẢI LA NHƯ VẬY, khó có thể khác được. Và Lý ấy bao trùm tất cả pháp môn, dù là Thiên hay là Tịnh, vì đó là Sức Phương tiện thủ thắng và Tối thắng của Chư Phật... Nói Thiên chỉ là nói sự TRÚC CHỈ vào Trí huê Bát nhã, vào Thế tánh rộng lạng của Chư Phật, và nói Tịnh chỉ là nói sự TRÚC CHỈ vào tâm Đại bi của Chư Phật.

Và 2 thứ Tâm ấy không thể tách rời được, vì cùng là 2 khía cạnh của MỘT TÂM THOẠI... Nên Thiên và Tịnh vẫn là hội thông mật thiết, không thể nhìn theo lối cách biệt.

Cũng bởi thế, nên các bậc cao siêu như ngài Mã Minh Long Thọ... vốn là Tổ thiên, mà vẫn phát nguyện vãng sanh. Ngài Hám Sơn, tuy đã đắc thiên, mà vẫn niệm Phật 3 ngày đêm và thấy Đức A Di Đà. Còn như ngài Hư Vân, lúc ở Thiên đường thì giảng về khản thoại đầu, và lúc ở Niệm Phật đường thì giảng về môn niệm Phật. .. Và trong 7, 8 thế kỷ gần đây, thì trg hầu hết các Thiên viện đều có thiết lập một Niệm Phật Đường.

Nếu ta nhìn cao hơn nữa, thì thấy Đức Quan Thế Âm. Ngài là như thế nào?... Ngài là bậc đã nói ra bài Bát Nhã Tâm Kinh, tức là nổi lên con đường Thiên quán của Chư Thế Tôn. Trong kinh Lăng Nghiêm, ngài lại trấn giữ hàng đầu về viên thông trong 25 vị Thánh tu Thiên quán. .. Thế mà hiện nay, ngài lại thị hiện ở Tây phương Cực Lạc để tiếp dẫn...

Coi thế thì đủ hiểu rằng Thiên và Tịnh là hội thông, và con đường tiên tu nào cũng đi qua Tịnh độ. Và hơn nữa, sự tiên tu chính là Tịnh Tâm, là ba phần đoạn sanh tử thô kệch để đi sang Tịnh độ và vượt Mạng trước... và nhập Pháp giới...

...

Thiết tưởng cần trích dẫn mấy đoạn Kinh hoặc Luận sau đây, để làm y cứ cho LÝ TẤT YẾU và TỐI THẮNG của sự vãng sanh các cõi Tịnh độ:

a/- Trong Kinh Quán Âm Đại Bi Tâm Đà La Ni, (bản dịch của T.T. Thích Thiên Tâm), ngài Quan Thế Âm dạy rằng :

"Bach Đức Thế Tôn! Tôi nhớ vô lượng kiếp về trước, có Phật ra đời, hiệu là Thiên Quang Vương Tịnh Trụ Như Lai. Đức Phật ấy vì thương nghĩ đến tôi và tất cả chúng sanh, nên nói ra môn Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni... Lúc đó, tôi mới ở ngôi SỞ ĐỊA, và nghe xong thân chú này, liền CHỨNG VƯỢT LÊN ĐỀ BÁT ĐỊA... Từ đó về sau, tôi ở trong vô lượng pháp hội của vô lượng Chư Phật, lại đợc nghe và thọ trì môn Đà La Ni này... Mỗi lần nghe xong, tôi khôn xiết vui mừng, liền được VƯỢT QUA SỰ BIẾN DỊCH SANH TỬ VỊ TẾ trong vô số ức kiếp... Và từ đó đến nay, tôi vẫn hàng trì tụng chú này, chưa từng quên bỏ. Do sự trì tụng ấy, tùy theo chỗ sanh, TÔI KHÔNG CẦN PHẢI CHỊU THẬN BAO THAI, ĐƯỢC HÓA SANH NƠI HOA SEN THƯỜNG GẶP PHẬT NGHE PHÁP...".

Lời dạy này, tuy âm mật, nhưng có nghĩa rõ rệt là: do sự nghe và thọ trì chú Đại Bi, nên Ngài được vãng sanh sang một cõi Tịnh độ, và từ ngôi Sơ địa, chứng vượt ngay lên ĐỀ BÁT ĐỊA, đăc Vô sanh pháp nhãn, dứt bỏ mạng căn, không còn thọ sanh nơi bào thai nữa, lần lần dứt bỏ từng phần những biến dịch sanh tử vị tế tức là Mạng trước... Và từ đó trở đi, luôn luôn thọ sanh trong hoa sen ở các Tịnh độ, và vì thọ sanh nơi Tịnh độ, nên luôn luôn được gặp Phật nghe Pháp, rồi như con thuyền thuận gió trôi thẳng vào Biên Diệu Giác...

b/- Kinh Duy Ma Cát dạy :

"Chư Phật Như Lai đều công đức bình đẳng, chỉ vì giáo hóa chúng sanh mà HIỆN RA các cõi Phật không đồng". (bản dịch Thích Huệ Hưng, trang 105).



Hoặc :

"Mười phương các cõi Phật đều như hư không, nhưng Chư Phật vì muốn hóa độ những người U A PHÁP NHỎ (tức là căn cơ thấp và túc nghiệp nặng), nên KHÔNG HIỆN RA TOÀN CỐI THANH TĨNH ... Như Phật Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn AN CẢI SỨC TỰ TẠI VÔ LƯỢNG của ngài mà dùng những phương pháp thích hợp với những người nghèo hèn để độ thoát chúng sanh... "(tr.96 và 99)

Những lời dạy này có nghĩa rõ rệt là: Tịnh ĐỘ hay Uế ĐỘ, cõi Diệu hay cõi Thô chỉ là một TUỒNG ẢN HIỆN... Khi Phật ẩn cái sức tự tại thân thông của mình đi, tức là ẩn cái Thiện là vầng quang minh vi diệu của Thân lực hải thi cõi nước trở thành uế và thô. Và khi ngài hiện lộ toàn thân những quang minh vi diệu của Thân lực, thì các thứ quang minh nhiệm vụ của nghiệp lực đều bị hòa giải và tiêu chìm, và cõi nước trở thành tịnh và diệu... Song sự ẩn hay hiện ấy đều là tùy thuộc căn cơ của chúng sanh, cũng như tùy thuộc lòng Đại bi và Phương tiện huệ của Phật.

c/- Kinh Hoa Nghiêm rộng lớn như biển cả, và bao gồm tất cả pháp môn trở về Diệu tâm, nhờ tới khi kết thúc, ngài PHỔ HIỆN chỉ khuyết tâm Đại ý như sau :  
"Này chư Phật tử! Tới lúc lâm chung, thì quyền thuộc danh lợi của cái đời chạng thê mang theo được, gì hết, DUY CHỈ CÓ 10 HẠNH NGUYỄN VƯƠNG PHỔ HIỆN này là vẫn đi theo kẻ mang chung, và ĐẶN ĐƯỜNG CHO KẸ ĐO VỀ CỐI AN LẠC. .. ". (Phẩm 40)

d/- Kinh A Di Đà là một bộ kinh ngắn ngủi, có vẻ bình dị đơn sơ, lại do lòng Đại bi hằng khởi của Phật tự ý nói ra, và diễn nói về con đường THẮNG TẮT TỐI THẮNG. Nên Phật biết rằng các chúng sanh khó tin, khó nhận.

Bởi thế, nên Chư Phật mười phương phải hiện thân, THE LƯỚI RONG DAI, THE THỐT rằng: "Chúng sanh các người phải nên tin Kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Như Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này...".

Trong tất cả kinh Đại Thừa, không có kinh nào mà Chư Phật phải nặng lời thê thốt cả... Ngay đến kinh Pháp Hoa, Phẩm Như Lai Thân Lực Chư Phật cũng chỉ xuất hiện để xưng tán kinh xưng tán Phật tri kiến hay Diệu tâm thôi. Chứ không hề có thê thốt.

Thế mà về kinh A Di Đà, các Ngài đã phải hạ mình, nặng lời thê thốt nhiều lần... Như thế đã rõ ràng: con đường Vãng sanh Tịnh độ là Phương tiện cứu độ Tối thắng của các Ngài... Và nếu không đi qua cửa ải ấy, thì khó lòng gột mang trước và thành tựu Phật quả, cũng như khó thể nhập pháp giới trọn vẹn

được...

e/- Bộ kinh Lăng Nghiêm chuyên về Thiên Quan là bộ kinh nòng cốt của Thiên tông, dù là Thiên Thiên thai hay Đốn ngộ.

Nhưng Phật biết rằng: Con đường Thiên quan, thiên trọng về Bất Nhã, về Nhất nguyên phải thân hóa, về tư lực, là con đường cheo leo đầy chông gai cùng mà chướng. Vì đến như Tổ AN AN còn mắc ma chướng, huống hồ chúng ta?!

Bởi vậy, nên Phật lại phải khởi Đại bi tâm, và tuyên nói chú Đại Phật Đảnh, để các hành giả nương sức gia trì mà tiến bước... Vì nếu không có Thân lực gia trì, thì đại đa số hành giả chỉ có thể bị bỡ ngỡ bước được vài bước đầu thôi. Còn những chặng đường sau cùng, thì không có cách gì vượt nổi.

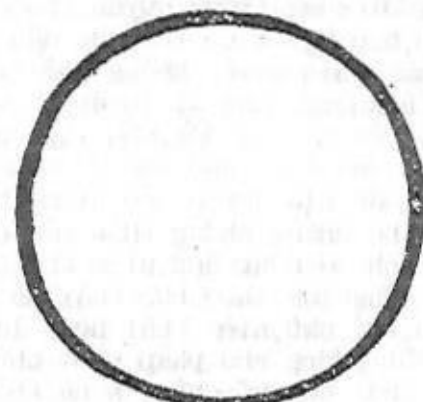
Và về chú Đại Phật Đảnh này, thì một trợ ngữ diệu dụng chính là: lúc lâm chung, kẻ tri tụng chú có thể TỎY NGUYỄN VẮNG SANH TỊNH ĐỘ ...

Rồi tới đoạn cuối cùng của kinh, Phật lại khởi tâm Đại bi, nhắc rằng: "Này A Nan! Vì như có người gây đủ các thứ tội trọng, chỉ trợ giấy lật phải trải qua tất cả địa ngục A Tỳ tại mười phương... Nhưng nếu người đó, chỉ trong một niệm thôi, đem pháp môn này mà khai thị cho người chưa học ở thời mạt pháp, thì tất cả TỐI CHƯỚNG của người ấy ĐỀU BIẾN THÀNH CẢI NHẬN SANH VỀ AN LẠC QUỐC... ". (tr.1071)

Xem thế thì đủ hiểu rằng việc Vãng sanh Tịnh độ là chặng đường tất yếu, không thể không qua được.

f/- Bởi vậy, nên trong bộ Đại Trí Độ Luận, ngài Long Thọ, vốn là Tổ thứ 14 của ngành Thiên Tây Trúc, cũng nhấn mạnh rằng: con đường Vãng sanh là con đường thẳng tắt để đi (Đi hành đạo), còn những con đường khác đều là Nan hành đạo.

H É T



# Lá thư Tịnh Độ

ẤN QUANG ĐẠI SƯ

(tiếp theo)

VIII.

Tiếp được thư, biết lệnh từ đã niệm Phật vắng sanh vào ngày mùng hai. Là đệ tử Phật, các người phải y theo Phật pháp khiến cho thân thức của từ thân được lợi lạc, chẳng nên quá buồn thương, thành ra kẻ còn người mất đều hưởng vô ích. Đến như việc tang tế phải dùng toán đồ chay cho nên tùy theo tập tục. Dù có những người không hiểu Phật pháp, bài xích nói là sai quấy, cũng mặc cho họ chê cười. Trong đám tang không nên quá phô trương bày vẽ, và làm Phật sự chỉ nên niệm Phật mà thôi. Anh em người phải đóc suốt người nhà đều khẩn thiết niệm Phật, thì thân thức của lệnh từ, cả trong gia quyến, cho đến bà con bè bạn, sẽ được sự lợi ích chơn thật. Nếu tài lực có đủ cũng nên làm các điều công đức; như sự độ tụng kinh, chỉ lo xong việc tang là được. Chớ nên làm quá long trọng, để rồi sau phải thốn thiếu là điều không hay.

IX.

Được thư, thấy nói lệnh từ khi lâm chung rất tốt. Đó âu cũng là sự hiệu nghiệm do căn lành bản nguyện của người, và công trợ niệm của anh em người cùng trong quyến thuộc. Thử bình sanh con người có thể che dấu các việc duy lúc sắp chết quyết không thể giả dối. Lệnh từ đã không lòng ái luyến, có sắc vui tươi, ngồi yên mà qua đời, nếu tịnh nghiệp chế thành thực, đâu được như thế ư? Mong anh em người và toàn gia quyến nên niệm Phật để truy tiên. Như thế chẳng những thân mẫu các người được lợi ích, mà công đức niệm Phật của chính mình lại càng lớn thêm. Đức Phật đã dạy: "Khi tụng kinh, trì chú, niệm Phật hoặc làm các công đức, nên hồi hướng cho pháp giới chúng sanh!" Lúc bình thời còn vì chúng sanh không can

thiếp chỉ đến mình mà hồi hướng, hướng chỉ về một đầu nớ chẳng hết lòng niệm Phật cầu nguyện cho người ư? Nếu có thể vì chúng sanh hồi hướng, tức là hợp với thế nguyện bodhi của chư Phật, như đem một giọt nước gieo vào biển thì giọt nước ấy đồng sự sâu rộng như biển cả. Như chưa được dung hợp cùng biển, dù một giọt nước, dù cho sông dài hồ rộng, đối với biển vẫn cách biệt như đất với trời. Thế thì, khi đem công đức hồi thí cho cha mẹ, và tất cả chúng sanh, chính là hồi cội phước cho mình. Biết được nghĩa này, người hiểu thảo lòng hiếu càng tăng thêm, kẻ kém hiểu tâm cũng phát lòng thảo thuận.

Thỉnh chúng tăng tụng niệm trong 7 tuần thất việc ấy rất tốt, nhưng khi đó anh em các người cũng phải có người đồng tụng niệm theo. Như phụ nữ trong nhà bất tất phải theo thứ lớp đứng sau chừ tăng mà tụng niệm, vì e lâu ngày thân thiên nhau, sẽ gây mối hềm nghi cho ngoài. Hàng phụ nữ nếu có tụng niệm, nên ở sau màn hoặc lập riêng một chỗ khác, các cửa ra vào hai bên đều không thấy nhau. Đó là nếu khuôn phép và mở thông nghi thức cho người trong hương ấp. Nếu thờ ở không phân giới hạn kẻ khác sẽ bất chước theo, về sau sanh ra mối tệ. Cách lập pháp của người xưa, dù bậc thượng thường cũng lấy pháp thức của kẻ hạ hạ mà làm phạm vi, nên không có sự tệ hại. Nếu các người có thể y như thế vì mẹ niệm Phật, lại kiêm ấn thí các quyển Quan Âm tụng, Văn Sao, thì chẳng những khiến cho từ thân phẩm sen thêm cao, mà ông bà cho đến thân phước người cũng được đồng như pháp lợi, siêu sanh Cực lạc. Mấy điều ta nói vẫn căn cứ đúng theo tình lý, không phải là những lời bông lông cốt để vừa lòng đẹp ý các người đâu!

X

Về phép hỏa táng, thờ đời Đường, Tống, Phật pháp còn thịnh, người tại gia phần nhiều cũng cố dùng. Nhưng hiện thời, nên theo thông tục mà chôn cất, vì e có kẻ chấp nê sanh ra nhiều điều nghi luận. Thật ra thì thiêu hóa thì hại mau tiêu tan hơn, và qua bốn mươi chín ngày thiêu hóa lại càng ổn tiện. Còn chôn cất hoặc khi lâu năm hài cốt bị bộc lộ. Tang chế 3 năm không làm lễ nhạc, điều ấy vẫn nên tuân giữ. Đời nay luân thường hiệu đạo bị gạt bỏ một bên, phép tắc giữ gìn trong kỳ tang chế còn đáng chỉ để luận bàn?! Tuy nhiên, cũng nên nương theo lễ giáo xưa chằm chước mà làm, đừng vội sửa đổi hoặc quá nê chấp.

Cách dò thăm hỏi nóng để nhân định thân thức thác sanh về cõi nào, thật đáng y cứ. Nhưng ta sợ những kẻ không biết cứ mãi thăm dò, nên ý nói: "Người dù tín nguyện, khi lâm chung chánh niệm rõ ràng, thì có thể vãng sanh, chẳng cần phải y theo một lễ, lấy sự lạnh nóng làm bằng

cứ". Điều này cần nên để ý, vì nếu cứ rờ thăm hơi nóng, e phát động đến tâm luyện ái, giận hờn của người sắp chết, làm cho hỏng mất sự vắng sanh.

Những thuyết "thai sanh, nghi thành" trong kinh Đại Báo Tích, nơi pháp hội của đức Vô Lượng Thọ Như Lai nói, là chỉ cho người niệm Phật dựa vào lối hối hận, nghi ngờ. Đây chính là ước theo nghĩa bị ngăn che, cách ngại, mà lập tên "thai sanh, nghi thành", vì bị ở trong hoa sen năm trăm năm không được thấy Phật nghe pháp, chớ đâu phải có sự thật? Sao lại cứ chấp chắc theo chữ mà giải nghĩa, cho rằng hàng người ấy không thuộc vào chín phẩm sen? Nên biết ở Tây Phương không có thai sanh, cũng không thành quách, đó là ước theo nghĩa: không được liền ra khỏi liên bào, bị cách ngại với Phật, để thí dụ cho thai và thành thế thôi! Bởi người chấp định danh từ nên mới cho là ngoài chín phẩm; nếu quả vậy thì bậc hạ trung cùng hạ hạ bị ngăn cách sáu kiếp và mười hai kiếp, thai và thành lại càng dày đặc biệt bao nhiêu? Mười hai kiếp kia còn thuộc về chín phẩm, huống nữa là chỉ có năm trăm năm đó ư? Sao người không xem tiếp tám chữ: "ở trong hoa sen không được xuất hiện..." hoa sen ấy không liệt vào sen chín phẩm hay sao?

Phật pháp nghĩa rộng vô cùng, nếu chấp định thì không việc sanh việc, thành ra phí hết bút mực thôi. Đó đều bởi tự mình để chân vào trong thành nghi, thành ấy còn dày hơn ngục Thiết Vi nữa! Nếu hiểu biết rõ ràng, tự nhiên cõi đất lặng chìm, ngục Thiết Vi tiêu tan mất cả. Thầy Mạnh Tư nói: "Dùng ý nghịch chí, đó gọi là đức"; chữ "nghịch" đây cũng là "nghị thành". Nếu biết "nghịch" tức là ý nghĩa "nghịch hiệp", thì nghi thành sẽ rã tan. Một hàng người vị cố chấp, nên tuy giảng nói, trọn ngày vẫn ở trong vòng mâu thuẫn. Đó là bởi căn bệnh chấp trước chưa tiêu, thành ra khó được sự lợi ích thiết thật.

## Thơ đáp Cusí CỬU BỘI KHANH

I.

Sự nóng giận như thế là do tập tánh từ kiếp trước. Nay các hạ đã biết nó chỉ vô ích, lại thêm có hai, thì đối với tất cả việc trái ý, đều nên dùng độ lượng rộng rãi như trời biển mà bao dung. Đó là phương pháp dùng lòng quảng đại để chuyển biến tánh hẹp hòi. Nếu khăng khít thì tập tánh giận hờn càng ngày càng tăng thêm, sự tai hại không phải ít.

Đến như niệm Phật, phải tùy nơi tinh thần sức

khỏe của mình mà niệm ra tiếng lớn, nhỏ, niệm thầm, hoặc niệm theo lối kim cương (chỉ sẽ động môi, niệm có tiếng nhưng người ngoài không nghe được), sao lại quá dùng sức để cho mang bệnh ư? Tâm quá mãnh liệt ấy cũng là lỗi đức tốc độ! Nay đã không niệm ra tiếng được, cũng có thể niệm thầm trong tâm, sao lại chỉ hạn có mười niệm? Và lại, khi bệnh nằm nới giường tấm lòng đầu thế vắng lặng như hư không, nếu tưởng nghĩ việc khác, thì tha tốt hơn lách tá tâm niệm Phật! Nên đem việc cần yếu giao phó cho người nhà, thường tưởng rằng mình sắp chết, sắp đọa địa ngục, trong lòng tuyệt không vướng vít một điều gì. Rồi dùng tâm thanh tịnh ấy tưởng nhớ tướng Phật, thâm niệm danh hiệu và kiêm tưởng niệm thánh tướng cùng danh hiệu đức Quan Âm. Qua được như thế, quyết định nghiệp chướng sẽ tiêu trừ, căn lành thêm lớn tật bệnh mau thuyên và thân tâm yên ổn. Căn bệnh của các hạ vẫn thuộc về túc nghiệp, bởi duyên niệm Phật mãnh liệt nên phát hiện, không phải hoàn toàn do quá dùng sức mà có ra. Giả sử không gặp nhân duyên niệm Phật quá sức ấy nó cũng sẽ phát hiện bằng một nhân duyên khác. Giữa đời, người không niệm Phật rất nhiều đâu phải tất cả đều không đau yếu, suốt đời mạnh khỏe đó ư? Hiểu rõ điều này, sẽ chẳng còn nhận lầm cho rằng niệm Phật thành bệnh, kết cuộc chỉ có tôn hai không được lợi ích.



Ấn Quang cùng các hạ chưa gặp mặt nhau, lần nào mà có những lời thành thật chỉ thiết thôm này, vì xem các hạ như người thân thuộc. Bởi kẻ tu hành vẫn thế theo lòng tư bi của Phật muốn cho người hữu duyên đều được vắng sanh ngay trong hiện đời. Pháp môn niệm Phật, nếu các hạ chưa tương tất, mỗi ngày nên xem qua vài thiên Văn sao để làm sự dân đạo cho đấng tu. Thế mới không ương một phen tri ngộ nhau trong thờ tự qua lại.

II.

Các hạ đã tin nói tôi, nên làm y theo lối tôi mới có thật ích. Chẳng thế thì tuy có tinh tâm chỉ gieo nhân lành về sau mà thôi. Chúng ta ở trong vòng sống chết luân hồi trải quan nhiều kiếp, gây nên nghiệp ác vô lượng vô biên. Nếu chỉ nương sức tu trì của mình, mong dứt hết

phiền não hoặc nghiệp để thoát nẻo luân hồi việc ấy còn khó hơn lên trời. Như có thể tin pháp môn Tịnh Độ của đức Phật chỉ dạy, dùng lòng tin nguyên chơn thiết, niệm danh hiệu Phật A Di Đà cầu sanh Tây phương, thì không luân nghiệp lực lớn, nhỏ, đều được mong nhờ từ lực vàng sanh Cực Lạc. Vì như có 1 hột cát nhỏ để vào nước liền chìm, trái lại, tảng đá dù nặng ngàn muôn cân, được chơ trên chiếc thuyền to, cũng có thể đem đi nơi khác. Tảng đá là dụ cho nghiệp lực sâu nặng của chúng sanh, thuyền to là dụ cho từ lực rộng lớn của đức A Di Đà. Nếu không niệm Phật, chỉ mong sức tu trì của mình để thoát sanh tử, phải đợi đến địa vị nghiệp dứt tình khế mới được. Chẳng thế thì dù có dứt được phiền hoặc chỉ còn như một sợi tóc, cũng không thể giải thoát. Đó là dụ cho hột cát tuy rất nhỏ, nếu không có vật gì chơ, khi để vào nước tất phải bị chìm. Các hạ nên sanh lòng tin, niệm Phật cầu sanh về Tây phương, dùng khởi những tư tưởng gì khác. Qua được như thế, thì tuổi thọ chưa hết bệnh sẽ mau lành, vì công đức chỉ thành niệm Phật có thể dứt trừ ác nghiệp đời trước như vàng hồng đã hiện, sương tuyết liền tan. Nếu số phần đã mất tất được vàng sanh, vì do tâm niệm chuyên nhất nên đạo cảm ứng giao thông, nhờ Phật xót thương tiếp dẫn. Như các hạ tin hiệu thấu đáo những lời trên đây, thì sống cũng được nhiều an vui, chết cũng được lợi ích lớn.



Lòng nóng giận là tập tánh từ kiếp trước muốn đổi tri, nên tưởng như mình đã chết. Thế thì mặc ai bồi hưởng thoa lo, nơi ta nào có can gì? Dù gặp những cảnh trái lòng đến đâu nữa, cũng cứ tưởng rằng mình đã chết, tâm hiện tánh giận hơn không thể nổi lên. Đây là môn "cam lộ pháp thủy" của đức Như Lai truyền dạy, để rửa hết kiết nghiệp của tất cả chúng sanh. Nay tôi vì các hạ thuật lại, không phải tự tôi đặt điều ức thuyết. Nếu khế niệm Phật cầu về Tây phương, tuy sanh lên chỗ cực tôn quý như trời Phi Phi Tướng, khi phước báo đã hết vẫn bị luân chuyển trong sáu đường. Nhịn dùng hết lòng thành khẩn niệm Phật, dù sắp đọa vào địa ngục A Tỳ, cũng có thể nhờ Phật tiếp dẫn. Vậy muôn lần xin chơ từ coi lã hấp

kém, cho rằng mình nghiệp nặng e không được vàng sanh. Nếu cố giữ quan niệm ấy thì quyết định chẳng được sanh Tây phương, vì bởi thiếu sự tin nguyên chơn thiết nên không do đâu để cảm đến Phật.

Quan Thế Âm Bồ Tát thành Phật đã từ lâu, chỉ vì lòng từ bi sâu thiết nên hiện thân trong chín pháp giới, dùng đủ phương tiện để độ thoát chúng sanh. (Chín pháp giới: Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, Trời, Người, A Tu La, Súc Sanh, Nga Quỷ, Địa Ngục). Riêng về pháp giới cõi người, Bồ Tát lại hiện nhiều thân sai khác hoặc làm vua, quan, hoặc làm thường dân ẩn dật hoặc làm phụ nữ, hoặc làm kẻ ăn xin... không nhất định. Vì chơn tướng của Bồ Tát tốt đẹp nhiệm mầu, người đời không thể hình dung được, nên khi vẽ ra phần nhiều giống với người nữ chơ chẳng phải Bồ Tát nguyên là nữ thân. Nếu muốn cúng dường, nên đến đường Bắc Kinh, xóm Trường Khang, chơ lưu thông kinh Phật, thỉnh bức tượng Tây phương tam thánh thứ bản đá, mua khung kiền đem lồng vào. Như thế là ven toàn, vì có đủ đức Phật A Di Đà, Quan Âm và Thế Chí. Nơi phòng ngủ nếu không được tinh khiết, nên đem tượng Phật thờ ở tịnh thất, mỗi ngày qua lay và chiêm ngưỡng một đôi lần thì trong tâm có thể ghi nhớ!

Niệm Phật tuy quý ở sự thanh khiết, nhưng với người bệnh có nhiều điều không thuận tiện, chỉ đem hết lòng thành niệm thầm hoặc ra tiếng, công đức cũng đồng nhau. Vì đức Phật vẫn rộng lòng thương xót, như cha mẹ đối với con khi con có bệnh không đem những nghi thức bình thường quả trách, mà còn xoa rờ thân thể gọi rửa chỗ hôi nhỏ. Nếu khi con bệnh đã mạnh mà còn bắt cha mẹ hầu hạ như khi đau yếu, đó là trái phép, Trời Đất sẽ không dung. Vậy các hạ không nên cho rằng nằm nơi giường bệnh niệm Phật thậm là có tội lỗi. Người mạnh khỏe khi nằm nghỉ còn nên niệm thầm, huống chi là người bệnh ư?

(Còn tiếp)



# KINH BỒ TÁT DIỆM TỬ

THÍCH TRUNG QUÁN  
Dịch Giả

(tiếp theo)

Bà La Môn đến chốn Thái Tử.  
Thái Tử xa nhìn thấy vui mừng ra đón thăm hỏi rồi tác lễ: "Ngài từ đâu lại đây, đi đường có khỏi cực nhọc không? và muốn cần dùng gì?"

Bà La Môn nói: "Tôi từ phương xa lại đây toàn thân đau đớn đói khát".

Thái Tử mời Bà La Môn vào ngồi lấy quả nước để trước mặt. Bà La Môn ăn quả uống nước, xong rồi nói với Thái Tử rằng :  
- "Tôi là người nước Cưu Lưu được nghe đã lâu Thái Tử là người bố thí tiếng khen đồn khắp mười phương, tôi rất nghèo khổ lại đây để xin Thái Tử".

Thái Tử nói: "Tôi không còn gì cho ông được, vì không còn có của gì yêu quý nữa, ở đây chỉ còn có tay không thôi."

Bà La Môn nói: "Nếu không còn gì thì cho tôi hai đứa con để làm hầu hạ, nuôi tôi tuổi già nói như thế tới ba lần. Thái Tử nói :  
- "Ông ở từ xa tới đây, muốn xin con trai con gái tôi thế gì mà tôi lại không cho". Khi đó hai con Thái Tử đi chơi.  
Thái Tử gọi hai con và nói :  
- "Ông Bà La Môn từ nơi xa lại đây xin các con, cha đã nhận lời cho, các con đi với họ".

Hai con chạy vào ép hai bên cha nước mắt rơi nói rằng :  
- "Con thường thấy Bà La Môn, chưa từng thấy người này, người này không phải Bà La Môn, đây là quý hay sao, bây giờ mẹ con đi hái quả chưa về mà cha đem cho con quý này nó ăn thịt hăn chết không nghi, nay mẹ con về tìm con không thấy cũng như trâu mẹ tìm con nghe rồi khóc rầm rĩ lên". Thái Tử nói :  
- "Cha đã hứa cho sao mà thôi được, đó là Bà

La Môn không phải quý đâu, không ăn thịt con đâu, con hãy đi theo họ".

Bà La Môn nói: "Tôi muốn ra đi, sợ mẹ chúng về thì không cho đi".

Con Thái Tử nói: "Người giữ thiện tâm với ta mẹ ta về thì hỏng mất thiện ý của người".

Thái Tử nói: "Ta từ sinh ra đến nay bố thí chưa từng hối tiếc".

Thái Tử lấy nước rửa tay cho Bà La Môn rồi dắt hai con đưa cho, dắt tự nhiên chần động, hai người con không chịu đi, đến trước cha quý thưa rằng :

- "Đời trước chúng con có tội gì ngày nay gặp phải khổ như thế này, giống giống của ngôi Quốc Vương mà phải đi làm nô tỳ, hướng lên cha hối lỗi, tự nhân duyên này tội diệt phúc sinh đời đời xin khỏi phải gặp như thế".

Thái Tử bảo con rằng :

- "Trong thiên hạ ân ái đều phải ly biệt tất cả đều vô thường, không có gì bảo thủ được. Khi ta đăc đạo vô thường bình đẳng, ta sẽ độ cho các con".

Hai con nói :

- "Cha vì con tạ từ mẹ con, vĩnh biệt mẹ, con hận không được từ biệt trước mẹ đó là tội trước của con, nay phải gặp khổ này, nghĩ mẹ mất con ưu khổ vô cùng".

Bà La Môn nói: "Tôi già và yếu, tiểu nhi sẽ bỏ tôi chạy đi tìm mẹ thì sao? Vậy Thái Tử sẽ trời giao cho tôi."

Thái Tử cầm hai tay con cho ông buộc lấy, buộc liền với nhau rồi cầm đầu giây kéo, hai nhi chẳng chịu đi theo, Bà La Môn lấy roidanh máu chảy lai láng.

Thái Tử nhìn thấy rơi lệ xuống đất, đất lại phun lên. Thái Tử cùng với cầm thú tiến đưa hai con, khi không còn nhìn thấy mới trở về. Các loài cầm thú đều theo Thái Tử đến chỗ

các con của Thái Tử chơi kêu gào, quăng lộn đập mình xuống đất.

Bà La Môn đưa hai con Thái Tử đi thẳng, con Thái Tử giữa đường lấy giấy quấn vào cây khế đi nữa, dơi mẹ lại từ biệt.

Bà La Môn lấy roi đánh.

Con Thái Tử nói: "Đừng đánh chúng tôi, chúng tôi tự đi". Rồi ngửa mặt lên trời nói:

- "Sơn thân, Thụ thân thương chúng tôi, nay phải đi xa làm nô tỳ cho người chẳng được thấy mẹ mà từ biệt, xin bảo mẹ tôi bỏ quạ lại mau với chúng tôi, để chúng tôi được gặp".



Bà mẹ ở trong núi đau gan bần chân trái mắt bên hữu máy, hai vú tuôn sữa, bà liền tự nghĩ chưa từng có sự quái gỡ này, dùng quả này chỉ nửa phải về xem con ta thế nào rồi vất quả xuống ra về. Khi đó Đế Nhì Đạo Lợi Thiên vua Đế Thích biết Thái Tử đem con cho người ta, sợ bà vợ làm mất thiện tâm bèn hóa ra con sư tử ngồi ở giữa đường. Bà nói rằng: "Người làm vua trong loài thú, ta cũng là con vua trong loài người cùng ở trong núi này, xin hãy lánh đi một chút để ta đi qua, ta có hai con hãy còn nhỏ bé sớm nay chưa được ăn trông chờ ta về".

Sư tử biết Bà La Môn đã đi xa mới đứng dậy lánh mình đi chỗ khác.

Mạn Chí bắt đầu đi về, thấy Thái Tử ngồi một mình và không thấy hai con đâu cả, chạy vào trong thảo am tìm con chẳng thấy, rồi lại vào nhà của con ở cũng không thấy, chỉ thấy cầm thú hươu nai sư tử, đi hầu chơi ở cột ở đó.

Mạn Chí tới trước vật mình kêu khóc, chỗ nước chơi của hai con cũng đều khô cạn. Mạn Chí đến trước Thái Tử hỏi, hai con bây giờ ở đâu Thái Tử lặng thinh không nói.

Mạn Chí lại nói: "Hai con nó xa nhìn thấy tôi đem quả về nó đã chạy lại ôm lấy tôi ngã ra rồi lại nhồm lên chạy lảng quăng gọi nói a mẹ đã về, thấy tôi ngồi thời lại ngồi hai bên nó thấy trên mình tôi có bụi bám nó liền phẩy đi nay chẳng thấy con, con chẳng lại về lấy tôi đem cho ai vậy, đi không thấy con tim tôi vỡ mất, xin bảo ngay cho con tôi bây giờ

ở đâu, chớ để tôi phát cuồng". Ba lần nói luôn như thế.

Thái Tử không nói gì cả.

Mạn Chí càng thêm sầu khổ nói chẳng thấy hai vì sao như thế?

Thái Tử chẳng nói khiến cho bà lại mê mẩn thêm.

Thái Tử nói: "Nước Cưu Lưu có người Bà La Môn lại xin hai đứa con tôi cho rồi".

Nghe Thái Tử nói xong bà quay lơ ra đất như núi Thái Sơn đổ, tiếp tục khóc không thôi.

Thái Tử nói: "Hãy yên đi bà không nhớ đời quá khứ thời Đức Phật Đệ Hòa Kiết La Bản yếu thế sao? Tôi khi bấy giờ là con của Bà La Môn tên là Bi Đa Vệ, người là con gái Bà La Môn tên là Tu Đà La, người đem bảy ngó hoa, ta đem năm trăm đồng tiền hỏi mua hoa của người để dâng Phật, người gửi ta hai ngó dâng Phật mà cầu nguyện rằng: dơi sau xin làm vợ tôi, đẹp xấu không lìa nhau. Ta khi bấy giờ kết lời ước nói với người rằng: muốn làm vợ tôi phải theo ý tôi, tôi làm hạnh bố thí không trái nhân tâm, chỉ trừ cha mẹ không cho ngoài ra bố thí phải theo ý tôi, khi đó người đã nhận chịu nay cho hai đứa con mà lại làm phan loạn thiện tâm ta sao?

Bà nghe nói tâm ý mở mang nhớ được kiếp trước tùy cho Thái Tử bố thí cho chúng được tâm sự đức. Khi đó vua Thiên Đế Thích thấy Thái Tử bố thí như thế bay xuống thủ Thái Tử hóa làm người Bà La Môn đủ mười hai tướng xấu, đến trước Thái Tử nói rằng:

- "Nghe biết Thái Tử hảo tâm bố thí, ai xin gì không làm trái ý người cho nên lại đây để xin vợ Thái Tử".

Thái Tử nói hay lắm có thể được.

Vợ Thái Tử nói:

- "Đem tôi cho người ta thì lấy ai cúng dàng Thái Tử".

Thái Tử nói:

- "Nay chẳng đem người mà cho thì sao thành được vô thượng bình đẳng độ?".

Thái Tử lấy nước rửa tay cho Bà La Môn, dặt vợ đưa cho. Vua Đế Thích thấy Thái Tử khệ có hối tâm chư thiên khen lao, trời đất đại động.

Khi đó Bà La Môn dặt vợ Thái Tử đi, đi được 7 bước dặt trở lại gửi Thái Tử mà nói khệ được cho ai nữa.

Thái Tử nói sao lại không lấy, hay là xấu, vợ trong mọi người vợ là lành quý, người này hiện là con ông Quốc Vương, cha chỉ có một nọ con gái này, người này lấy tôi đâu có lẫn vào trong nước sôi, ăn uống thô xấu cũng khệ lánh bỏ tôi, làm việc tinh siêng mặt mặt tươi đẹp ngài nay lấy đem đi lòng tôi vui mừng.

Bà La Môn nói với Thái Tử rằng:

- "Tôi không phải Bà La Môn, tôi là Thiên Vương Đệ Thích lại đây thủ Thái Tử, muốn cầu nguyện tôi xin giúp rồi hiện lại nguyên hình vua Đệ Thích trang nghiêm lắm liệt."

Man Chi tác lễ và xin ba nguyện: điều nguyện thứ nhất, người Bà La Môn đem hai con tôi về bán quốc bán. Điều nguyện thứ hai, hai con tôi không khổ, đói khát. Điều nguyện thứ ba, cho tôi và Thái Tử chóng được về nước. Thiên Đệ Thích nói: "sẽ được như nguyện".

Thái Tử nguyện tất cả chúng sinh sẽ được độ thoát, không có khổ sinh già bệnh chết. Thiên Đệ Thích nói: lành thay nguyện như thế nguy nguy vô thượng, nếu nguyện sinh thiên làm vua trong cung nhất, nguyệt, thế gian để chúa, duyên mạnh sống lâu, tôi có thể giúp được như lời Thái Tử nói ba cõi đặc tôn tôi không làm nổi. Thái Tử nói: Tôi nguyện được đại phú lại ham bố thí hơn trước, xin cho Phu Vương và quần thân đều nghĩ thấy tôi.

Thiên Đệ Thích nói: "sẽ được như nguyện". Nói xong biến mất.

Nước Cưu Lưu, Bà La Môn đem hai trẻ đưa về nhà, người vợ rửa máng rằng: "Sao nỡ đưa 2 đứa trẻ này về? Hai đứa này giống của ngôi Quốc Vương mà không có tử tâm, đánh nó thân mình ghẻ lở, mủ huyết chảy ra, mau đem đi bán để tìm kẻ khác". Bà La Môn nghe vợ dặt hai đứa trẻ đi bán.

Thiên Đệ Thích chủ cho dặt hai trẻ đi khắp các nơi chợ búa và nói hai đứa trẻ quý này không ai có thể mua được. Khi hai trẻ này đói khát, Thiên Đệ Thích lấy khí tự nhiên hai hải nhi được no nê. Thiên Vương hóa ý đến nước Diệp Ba, trong nước các quan, nhân dân đều biết hai con của Thái Tử, cháu Đại Vương. Tất cả trong nước đều khóc thương.

Các quan hỏi Bà La Môn rằng :  
- "Tư đâu người được hai đứa này".  
- "Tôi tự xin được, hỏi tôi làm gì?"  
Các quan nói :

- "Người vào nước ta, ta có quyền hỏi người!"  
Các quan và nhân dân muốn cướp lại hai hải nhi. Trong đó có một ông quan lớn can nói rằng - "Đây là tâm Thái Tử bố thí đến như thế, nếu mà cướp lại thì làm trái với bản ý của Thái Tử, chẳng bằng ta lên tâu vua, nếu vua biết tất nhiên vua chuộc lại".

Sau đó các quan lên tâu vua rằng :  
- "Tâu Đại Vương, hai cháu của Đại Vương nay bị kẻ Bà La Môn đem đi bán".  
Nhà vua nghe xong kinh hoàng lập tức cho gọi Bà La Môn đến và đem cả hai cháu vua vào cung

Khi đó nhà vua, phu nhân, quần thần, hậu cung, thế nữ nhìn thấy hai cháu ai cũng nghẹn ngào hỏi Bà La Môn rằng :

- "Tại duyên gì mà được hai đứa trẻ này?".  
Bà La Môn nói: tôi đến xin Thái Tử cho. Nhà vua gọi hai cháu và muốn bế, 2 cháu không chịu đến và cũng không muốn cho bế. Nhà vua hỏi Bà La Môn bán trẻ này lấy bao nhiêu tiền?  
Bà La Môn chưa kịp trả lời thì cậu con trai nói :

- "Con trai tiền bạc một ngàn, trâu đực một trăm đầu, con gái tiền bạc hai ngàn, trâu cái hai trăm đầu".

Nhà vua nói :  
- "Con trai quý hơn sao lại con trai rẻ con gái đắt?".  
Đáp: Thế nữ ở hậu cung đối với vua không có thân hoặc đồng ti tiện hoặc là đầy tớ, nếu ý vua yêu thì được tôn quý, trân bái nghiêm thân ăn đủ trăm mùi. Vua chỉ có một con mà đũa ra ở thâm sơn ngày ngày cùng với thế nữ trong cung vui vầy hoan lạc, không còn có ý gỉnh hi tới con cực khổ ở nơi lâm dã, coi đó thì biết trai rẻ mà gái đắt.

Nhà vua nghe nói rầu rĩ đau lòng và nói: ta thua cháu, sao cháu không lại đây cho ta bế? giận ta sao, hay là sợ Bà La Môn?

- "Cháu chẳng dám oán Đại Vương mà cũng khộ sợ Bà La Môn, vốn là cháu Đại Vương nay là nô nê tỳ, có bao giờ mà người nô tỳ lại đến cho ngôi Quốc Vương bế, vì thế cho nên không dám đến".

Nhà vua nghe cháu nói lại càng thêm sầu não Nhà vua liền thuê Bà La Môn gọi hai cháu lại bế thì hai cháu lại ngay, vua bế hai cháu xoa vuốt thân thể và hỏi hai cháu rằng :

- "Cha con ở trong núi ăn mặc thế nào?".  
Hai cháu đáp: "Cha mẹ con hàng ngày ăn quả cây mặc áo vải tơ, vui chơi với các loài cầm thú không có buồn rầu".  
Nhà vua bảo Bà La Môn đi.



Cậu cháu trai thưa vua rằng: "Tâu Đại Vương ông Bà La Môn này đương đói khổ xin cho ăn một bữa".  
Vua nói: "Cháu không giận hấn hay sao? mà lại

còn xin cho ăn".

Cháu nói: "Cha con hiếu thảo không còn, tiền của để bố thí, đem con cho họ thì họ tức là chủ nhà của cháu, sao nhân thấy đói khát mà không có tâm nhân từ, cha con đem con cho Bà La Môn. Đại Vương há tiếc một bữa cơm h a y sao?".

Nhà vua liền cho ăn cơm, ăn xong Bà La Môn ra về vui mừng.

Sau đó nhà vua sai sứ đi rước Thái Tử về.

Sứ giả thụ giáo đi mời Thái Tử, khi tới chỗ nước sâu khó qua nghĩ tới Thái Tử tự nhiên qua được. Tới nơi sứ giả thưa rằng:

- "Thưa Thái Tử, Đại Vương sai tôi đến đ a y mời Thái Tử về nước".

Thái Tử đáp: "Đại Vương giam tôi trong núi này mười hai năm, còn thiếu một năm nữa, tôi ở đây thêm một năm nữa hãy về".

Sứ giả về tâu vua như lời Thái Tử nói.

Nhà vua liền viết một lá thư cho sứ giả mang đi. Thư nói: Người là người trí tuệ, đi cũng nhân mà đi, về cũng nhân mà về, tại sao giận không về, ta đợi người rồi mới ăn uống.

Sứ giả mang thư đến Thái Tử. Thái Tử được tho đầu mặt l e sát đất, nhiều bảy vòng, rồi mở ra xem. Trong núi các loài cầm thú nghe thấy Thái Tử về, chồm nhẩy, vật lộn, vật mình gào kêu, nước giếng cạn khô, loài cầm thú không chobú bách điều kêu thán thiết, ý lo mất Thái Tử.

Thái Tử mặc áo cùng vợ ra về. Dịch quốc oán gia nghe Thái Tử về, sai người trang bị cho bạch tượng yên鞍 bằng vàng bạc, bát bạc đựng thóc bạc, bát vàng đựng thóc vàng, đi trên đường về để trả Thái Tử, từ tạ hỏi quá nói rằng: "Trước đây chúng tôi xin con bạch tượng là do ngu si vì thế mà nhà vua d a y Thái Tử ở nơi xa, nay nghe thấy Thái Tử về trong lòng vui vẻ nay đem con bạch tượng hoàn lại Thái Tử và xin tặng thóc vàng bạc, xin vui lòng nhận cho chúng tôi được khỏi tội lỗi".

Thái Tử đáp: Ví như có người d a y thức ăn đủ trăm mùi, dâng lên cho người, người ăn xong lại th o ra đất, cái hương vị đó còn có thể ăn được nữa không, nay ta bố thí cũng như người th o ra đất kia, quyết không nhận lại nữa, hãy cứ vui về ta Quốc Vương người, cảm phiền sứ giả từ xa lại mỗi m e t.

Sứ giả cỡi voi về tâu vua như trên, nhân con voi này mà dịch quốc oán gia hóa sinh từ nhân, Quốc Vương và chúng đều phát ý vôthướng bình đẳng độ y.

Khi đó Phụ Vương cỡi voi ra nghinh đón Thái Tử, Thái Tử tới trước đầu mặt tác lễ, theo sau vua về, trong nước nhân dân đều vui mừng rải hoa đốt hương treo cờ phan bảo cái, sai

nước thơm trên mặt đất đón Thái Tử. Thái Tử vào cung đến trước mẹ tác lễ thăm hỏi. Vua cho Thái Tử một kho của báu tha hồ tùy tâm bố thí hơn xưa, bố thí không ngót, từ đó mà tiến đến thành Phật.

Phật bảo ngài A Nan: "Đời trước ta làm b o thí như thế. Thái Tử Tu Đại Noa là tiền thân ta, phụ vương ta khi đó nay là phụ vương ta bây giờ, Duyệt Đầu Dàn mẫu hậu khi đó nay là mẫu hậu ta bây giờ, Ma Gia vợ ta khi đó là Man Chi nay là bà Cù Di. Đạo nhân A Châu Đà trog núi khi đó nay là ông Mục Kiến Liên, Thích Thiên Vương lúc đó nay là ông Xá Lợi Phất, người đi săn nay là ông A Nan, con trai tên Gia Lợi nay là La Văn, con gái tên K e N o a Duyên, nay là La Hán Mat Lợi Mẫu. Khất nhi Bà La Môn nay là ông Diệu Đạt, vợ Bà La Môn nay là Chiên Gia Ma Na. Ta cần khổ như thế vôgan số kiếp, làm lãnh kiếp số không kể xiết, vậy nên đem kinh này vì các vị Sa Môn mà giảng thuyết bỏ tất làm hạnh bố thí ba la mật như thế."

— H E T —

## THƠ



### văn thơ gửi Mẹ

Nơi ấy, thật xa, tận cuối trời,  
Có người bạc tóc, trắng râu vôi.  
Hàng đêm run rẩy tay lần hạt,  
Miệng cử thi thãm nhắc đến tôi.

Mắt lòa, Người vẫn hướng xa xôi.  
Câu nguyện cho tôi mạnh suốt đời.  
Đau ốm thân già, Người chẳng quản,  
Nhớ con chẳng có lúc nào người.

Van Phật, vái Trời cầu độ tôi,  
Còn tôi chẳng được ở bên Người.  
Đôi chân còn mãi đường thiên lý,  
Lời đạo, đành mang hận suốt đời.

Tôi muốn trở về quỳ trước mặt,  
Nghe ngào hai tiếng gọi "Mẹ đi!"  
Hỡi đi! muôn dặm xa biên biệt,  
Nhớ Mẹ đành thôi chỉ th o dài.

Mẹ một nơi, con lại một nơi,  
Núi sông ngăn cách mẹ con rồi.  
Sinh thành nghĩa cả, con chưa trọn.  
Xin Mẹ coi như hạt máu rồi.

● THANH NGUYỄN



Dịch giả

**LÊ HUY THIÊN**

# BẮC DU CHƠN VÕ



(tiếp theo)

HỒI THỨ MƯỜI BA

Tổ sư thâu Lôỉ Soái, Diên Huê

Khi ấy Chơn Võ tổ sư đi tới đất Ứng Châu, ngộ thấy hơi oán đầy trời, biết có yêu tinh nữa. Xảy thấy ông già, và đi và khóc! Chơn Võ tổ sư nói: "Chẳng hay ông khóc vì cớ nào? Xin cắt nghĩa cho rõ?". Ông già ấy khóc và thưa rằng: "Tôi họ Tôn tên Hạo, ở đất Ứng Châu, nội nhà tôi bảy người, đều ăn chay ngày mồng ba tháng ba cả thầy". Chơn Võ tổ sư hỏi: "Vì cớ nào mà ăn chay ngày ấy?". Tôn Hạo nói: "Tôi nghe đồn có một vị tu luyện tại núi Võ Đương nay đã thành đạo, nên tôi ăn chay ngày vía sanh của Ngài, mà cầu ngài bảo hộ cho đặng phước". Chơn Võ tổ sư nói: "Như vậy thì người là người làm lành, còn mắc họa hoạn chi mà khóc như vậy?". Tôn Hạo nói: "Tôi khóc vì cớ này, gần đây có núi Thần Lôỉ, có con yêu mới làm lộng ít năm nay, hiện hình cho chúng thấy đội mào đạo sĩ, ba con mắt tròn vo! Diên mao đủ dẫn, hình dung kỳ dị, tay cầm dùi và lưới cầm sét, xưng hiệu là Tân Hưng Vương. Con yêu ấy háo sắc quá, ở độc như vậy: Nếu ai ở xứ này gả con, thì bửa nhóm họ phải đưa con dâu lên núi một đêm, sáng sẽ rước về mà gả! Bằng không thì Tân Hưng Vương nổi sấm đánh chết con dâu! Ai nấy đều phàn nàn về sự ấy! Còn tôi có một con cháu gái, mai sẽ đưa dâu, nay nó chẳng chịu đi lên núi! Như vậy thì nó phải chết về nghiệp ấy, nên tôi thương cháu mà khóc than". Chơn Võ tổ sư nói: "Ta có học phép tiên, hay trừ yêu quái, người đừng than khóc làm chi để ta giải cứu. Người hãy trở về mà lo việc gả cháu". Tôn Hạo nghe nói mừng rỡ tạ ơn rồi về nhà.

Còn Chơn Võ tổ sư bảo Quan Ngươn soái hõa ra con gái, còn mình hõa ra ông già, đi đến núi Thần Lôỉ mà đứng châu.

Nói qua Tân Hưng Vương, thấy ông già đem châu đến mà nạp. Tức thời mừng rỡ, ra bông nâng ấy vào trong. Chăng ngờ Chơn Võ tổ sư nạt lên 1 tiếng, Quan Công liền hiện nguyên hình, Tân Hưng Vương trở tay không kịp, bị Quan Công bắt sống, đem nạp cho Chơn Võ tổ sư. Chơn Võ tổ sư nói rằng: "Nếu người muốn cải tà qui chánh, theo làm bộ hạ ta, thì phải uống viên thuốc này, ta mới thâu dụng". Tân Hưng Vương chịu phép, uống hướn thuốc hóa đờn, rồi lạy tổ sư, theo làm bộ tướng.

Nói về núi Lạc Phách có chúa động là Diên Huê hằng sai tiều yêu đi tuần núi, đón bộ hành mà thâu tiền mả lộ, bằng không tiền mả lộ Diên Huê hóa sét đánh chết lấy tâm can mà uống rượu.

Ngày kia Chơn Võ tổ sư, đi cách ba mươi dặm, đến núi Lạc Phách. Tiều yêu đón đường thâu tiền mả lộ. Chơn Võ tổ sư biết nó không phải là ăn cướp, thiệt quả khí yêu; liền rút gươm thất tinh, chúng nó chạy về động.

Khi ấy Diên Huê đại vương nghe tiều yêu về báo nổi giận xông ra, niệm chú sấm nổ. Chơn Võ tổ sư cầm gươm thất tinh chỉ lên, sấm khộ nổ nữa! Diên Huê làm phép hoài, mà sấm không nổ giận quá xông ra hôn chiến, đâm Tổ sư 1 thớt Chơn Võ tổ sư đỡ rồi đánh lại. Diên Huê bại tẩu. Triệu Ngươn soái đuổi theo; quăng dây hỏa sách trời lại, đem nạp cho Tổ sư. Chơn Võ tổ sư hỏi: "Người muốn đâu hàng chẳng?". Diên Huê thưa rằng: "Xin Tổ sư thứ tội, tôi tình nguyện hàng đầu". Chơn Võ tổ sư cho uống hóa đờn rồi dùng biểu tẩu với Thượng đế. Thượng đế phong Tân Hưng Vương làm Lôỉ Ngươn soái, phong Diên Huê làm Diên Ngươn soái đồng cầm cờ lĩnh theo Tổ sư.

Ngày kia Chơn Võ tổ sư đi dạng bảy mươi dặm gặp một ông già là Trương Vạn, Trương Vạn bái và hỏi rằng: "Chẳng hay các vị đi đâu đồng - đảo?". Chơn Võ tổ sư nói: "Thấy trò ta đi trừ yêu tinh tà quái". Trương Vạn thưa rằng: "Như các vị có phép trừ tà quái, để tôi điếm chỉ cho; tại núi Đầu Cách này có một con yêu trng động, mà chẳng thấy hình. Hễ nó thấy của tốt gái xinh, thì hóa giở thời bay về động. Nếu sử phụ có phép, cũng nên bắt con yêu ấy mà cứu dân". Chơn Võ tổ sư bảo Trương Vạn, dẫn đường đến núi Đầu Cách.

Khi ấy có một người trong động nhảy ra, tóc tai đỏ hoe, nanh vút chom chom, tay cầm siêu đao lớn, vọt trái Tổ sư. Chơn Võ tổ sư cự chiến con yêu đánh không lại, liền nổi giở đùng đùng

thời Chơn Võ tổ sư bay mất! Chơn Võ tổ sư bay đến một chỗ, ngó thấy đèn lớn, ngoài tre biên đề ba chữ rằng: Vô Sanh Diên (1). Có một người đạo sĩ ngồi trong. Chơn Võ tổ sư bước vào liên bái, và hỏi thăm tên họ. Đạo sĩ nói: "Ta họ Thích tên Triệu, hiệu là Thủy Đài". Chơn Võ tổ sư thuật chuyện bị yêu hóa gió mà thời v.v. Thích Triệu cười rằng: "Mình đã kim khuyết hóa thân, sao không hiểu phép ấy!". Chơn Võ tổ sư nói: "Bần đạo thiết không hiểu". Thích Triệu nói: "Gió ấy là Bắc phương thanh khí, ta cho một hướn tiên đơn, đem theo thì gió ấy thời không nổi". Chơn Võ tổ sư lãnh thuốc rồi tạ, đặng vân về Đâu Cách sơn. Các tướng đồng mừng rỡ.



Rạng ngày Chơn Võ tổ sư ngâm hướn thuốc tiên đơn, mà khiêu chiến. Con yêu ấy cũng cầm siêu đao ra đánh. Giây phút nó lấy bánh xe gió, làm phép như hôm qua, không dè không nổi gió bị các tướng bắt dặng nạp liền. Chơn Võ tổ sư hỏi nó tên họ chi? Nó xưng là Quảng Trạch Đại Vương chánh họ là Châu. Chơn Võ tổ sư bả nó uống thuốc hóa đơn thì cho hàng đầu làm bộ hạ. Châu Quang Trạch y lời. Chơn Võ tổ sư đứng số. Ngọc Đề phong cho Quang Trạch làm Phong Luân Châu Ngươn soái (2) theo phò Tổ sư mà lập công.

## HỒI THỨ MƯỜI BỐN

*Chơn Võ bắt Đẩu Thần, Hỏa Đức*

Nói về tỉnh Sơn Đông, huyện Minh Hải, có một con yêu không hiện hình. Nó ứng mộng xưng là Trương Kiến, hành bệnh bông trái. Nếu ai không cúng tế nó thì nó hành con cái mang chướng trái trời mà chết.

Khi ấy Chơn Võ tổ sư đến Sơn Đông, ngó thấy con yêu ấy mặt mày tươi tốt, áo mào nghiêm trang dặt ba đũa con nít, đặng vân giữ ảnh không, ấy là Trương Kiến. Chơn Võ tổ sư ngó thấy, biết là yêu tinh, liền rút gươm mà phóng nổ. Trương Kiến nói: "Người ở cõi trên, ta ở trung giới, không can phạm tới, sao người muốn hại ta?". Chơn Võ tổ sư nói: "Bởi người là m

chấn đẩu mà hại dân, nên ta thâu người không cho sát hại nữa". Trương Kiến làm thỉnh giao chiến dặng ít hiệp, bị các tướng xông vào trợ chiến, Trương Kiến bại tầu, chạy về bể động không ra! Chơn Võ tổ sư bảo Hỏa tướng quân hóa làm con nít, khóc trước cửa động, tiêu yêu bắt vào nạp cho Trương Kiến. Trương Kiến ngỡ là con nít, nên ăn thịt đỡ lòng. Chẳng ngờ mới kê vào miệng, Hỏa tướng quân biến làm con rắn con, chun thẳng vào bụng. Trương Kiến đả bụng quá, ngã lẩn dưới đất mà rên la! Hỏa tướng ở trong bụng nói rằng: "Ta là Xà tướng đã vào bụng người rồi, hãy mở cửa đặng mà rước thầy ta, bằng nghịch mạng ắt là ta cắn chết". Trữ Kiến chịu phép, mở cửa động rước Tổ sư, và các tướng vào, rồi quí lạy chịu tội. Chơn Võ tổ sư bảo nó uống một hướn hóa đơn, rồi kêu Xà tinh ra lập tức. Liên viết sớ dâng Ngọc Đế, Ngọc Đế phong Trương Kiến làm Tân trung Trương Ngươn soái; theo phò tá Tổ sư.

Ngày kia Chơn Võ tổ sư đi tới Hỏa diệm sơn, thì trời đã tối, xảy thấy một ngọn khí yêu, một con yêu đội mào đạo sĩ, tay cầm siêu đao có tiêu yêu cầm cờ đi trước, cờ đề rằng: "Đại Vương Tạ Sĩ Vinh". Triệu Ngươn soái với Quan Công bước tới hướn chiến. Tạ Sĩ Vinh phun lửa rần rần, Triệu Ngươn Soái và Quan Công b

Khi ấy Chơn Võ tổ sư rút gươm đánh với Sĩ Vinh, Tạ Sĩ Vinh cũng phun lửa như cũ. Chơn Võ tổ sư lấy gươm thất tinh chỉ về phía Bắc, nước dưng tối cuộn cuộn, lửa ấy tắt rồi, Tạ Sĩ Vinh lạnh quã chùng, chạy vô động bể cửa lại. Chơn Võ tổ sư kêu chiến không dặng, liền sai Thủy tướng hóa làm tiêu yêu, ở trên trời sa xuống, đánh với lũ yêu ngoài động, bị tiêu yêu bắt dặng đem nạp cho Tạ Sĩ Vinh! Thủy tướng hiện nguyên hình thần quí, phun nước tràn cả động! Tạ Sĩ Vinh kinh hãi chạy ra, bị Chơn Võ tổ sư cầm gươm thất tinh chỉ một cái, nước lụt minh mông, lũ tiêu yêu chết hết. Còn Tạ Sĩ Vinh bị Diên Huê bắt dặng, đem nạp cho Tổ sư. Chơn Võ tổ sư nói: "Người chịu hàng đâu chớ? Tạ Sĩ Vinh liền chịu. Chơn Võ tổ sư thâu chơn thủy luyện thành hướn thuốc, đưa cho Tạ Sĩ Vinh uống liền. Rồi dặng sớ cho Thượng Đế, phong Tạ Sĩ Vinh làm Hỏa Đức Tạ Thiên Quân, tay cầm roi vàng và đao lửa theo phò hộ Tổ sư.

Khi ấy Chơn Võ tổ sư đi khỏi Hỏa diệm sơn, đến núi Côn Lôn. Chẳng ngờ trong núi ấy có 6 con quái là: Thiên độc, Địa độc, Niên độc, Nguyệt độc, Nhật độc, Thời độc gọi là lục độc. Chúng nó hay phun hơi độc mà hại người. Chơn Võ tổ sư ngó thấy độc khí nhiều lắm, nên nói rằng: "Khí độc nhiều lắm chẳng phải tâm thương, để một mình ta rắng sức". Nói vừa dứt tiếng, xảy có trận gió thổi đến, Chơn Võ tổ sư cầm gươm

ra đôn, bị bảy yêu phun độc khí vào mắt, Chơn Võ tổ sư bất tỉnh nhưn sủ, té xuống nằm mê ! Các tướng hải kinh chạy tán.

Giây phút độc khí tan hết, các tướng nhóm lại thấy Tổ sư nằm thiếp thiếp, các tướng hải kinh! Quan Công nói: "Các tướng ngồi nhìn nhau cũng vô ích. Vậy thì các tướng ở đó mà hầu hạ thầy, để ta lên Thượng giới ra mắt Tam Thanh mà cầu cứu sự phụ". Ai nấy đồng khen phải, Quan Công dâng văn đến Tam Thanh thưa hết các việc, Tam Thanh nói: "Đồ là thân lục độc, bộ hạ của Châu Ngạn Phu ở núi Côn Lôn. Nay lục độc trộn xuống tác quái. Nếu người muốn cứu thầy, thì phải đến núi Côn Lôn mà thỉnh Châu Ngạn Phu, thì thân lục độc mới dặng". Quan Công thưa rằng: "E đệ tử thỉnh Châu Ngạn Phu không chịu đi, thì thầy tôi phải khổ". Tam Thanh nói: "Nó có một búp pháp kêu bằng trang độc đại(3) thiết sức các người cự không nổi, vậy thì chúng ta xuống cứu thầy người, sẽ bảy kẻ bắt Châu Ngạn Phu, sẽ bảo nó thân lục độc". Nói rồi lấy quạt dặng vân xuống núi Côn Lôn. Thấy Chơn Võ tổ sư nằm mê bất tỉnh. Tam Thanh niệm chú, lấy quạt mà quạt vài cái rồi phun nước vào mình Tổ sư lại há hời ba cái. Chơn Võ tổ sư bất tỉnh thở dặng, mở mắt thấy Tam Thanh liền dậy lay ba thầy, tạ ơn cứu mạng. Tam Thanh nói: "Người bị lục độc mà mang bệnh, nay phải thân chủ nó là Châu Ngạn Phu ở núi Côn Lôn, sẽ bảo thân chúng nó mới dặng". Chơn Võ tổ sư thưa rằng: "Rất đối lã bộ tướng của nó mà tôi còn cự không lại thay, xuống chỉ là chủ nó". Tam Thanh nói: "Ta có tiêu điều phiến(4), dùng đã mấy đời; yêu tinh không dám gần bầu ấy. Người hãy sai Hỏa Đức Tạ Thiên Quân lãnh tiêu điều phiến đi kêu chiên, chắc Châu Ngạn Phu lấy túi chứa độc mà thân Tạ Thiên Quân. Tạ Thiên Quân cầm tiêu điều phiến mà quạt vài cái, tức thì lửa dặng cháy túi mà ra. Thì người thân nó mới dặng. Như xong việc ấy, phải trả tiêu điều phiến cho ta". Nói rồi đưa tiêu điều phiến. Liên dặng vân trở lại thiên cung.

Đôn Chơn Võ tổ sư y kê, sai Tạ Thiên Quân lãnh quạt đi trước, Chơn Võ tổ sư với các tướng theo sau, dặng vân tới Côn Lôn lập tức. Chơn Võ tổ sư nói với các tướng rằng: "Để ta vào trước lấy lời mà khuyên nó, chừng nào nghịch mạng sẽ hay".

Khi Chơn Võ tổ sư vào trước, thấy Châu Ngạn Phu ngồi sùng. Chơn Võ tổ sư liền bái. Châu Ngạn Phu ngồi điềm nhiên hỏi rằng: "Người là ai đó?". Chơn Võ tổ sư nói: "Tôi là Bắc phương Chơn Võ tướng quân, vùng chỉ xuống phạm, mà thân Hắc khí". Châu Ngạn Phu nói: "Người đi thân hắc khí mà đến ta làm chi?". Chơn Võ tổ sư nói: "Bởi có lục độc làm loạn hại dân, hỏi ra mới hay là bộ tướng của tôn thân, nên đến

thỉnh tôn thân thân lại". Châu Ngạn Phu nói: "Người đi thân hắc khí sao lại cự địch với bộ tướng ta? Đã thân không dặng nổ thì thôi, còn dám đến mà sai cắt ta nữa sao?". Chơn Võ tổ sư nói: "Tôi vưng lệnh Ngọc Đê đi thân hắc khí, là trư hại cho dân, nay độc khí hại người dữ hơn hắc khí, nên tôi đến thỉnh tôn thân thân bộ hạ về, sao tôn thân lại nói như vậy? Châu Ngạn Phu nói: "Ta chẳng hề cho người nói dai nữa, hãy đi cho mau? Nếu nói rằng thì ta đem búp bối ra, thân người vào đó bảy ngày, sẽ tiêu tan ra nước". Tạ thiên quân nghe nói vô lễ, nên dẫn không dặng, nhảy lại đánh liền Châu Ngạn Phu lấy trang độc đại quảng ra thân Tạ thiên quân vào túi.

Khi ấy Chơn Võ tổ sư với các tướng áp đánh Châu Ngạn Phu. Còn Tạ thiên Quân ở trong túi quạt vài cái, lửa dặng cháy túi liền chun ra. Lấy quạt tiêu điều, quạt Châu Ngạn Phu vài cái. Châu Ngạn Phu hải kinh té xuống, bị chúng tướng trói liền. Châu Ngạn Phu lay lục chịu hàng đầu. Chơn Võ tổ sư lấy một hột kim đơn và túi trang độc lại. Rồi trao một hột hỏa đôn, bảo Châu Ngạn Phu uống. Liên dặng sủ tâu với Ngọc Đê. Ngọc Đê phong Châu Ngạn Phu làm Châu Ngươn soái, tay cầm kim chùy, và mang túi trang độc, theo Tổ sư thân quái mà lập công.

Khi ấy Chơn Võ tổ sư sai Châu Ngươn soái thân lục độc, Châu Ngươn soái vưng lời, thân rồi về thừa lại. Chơn Võ tổ sư mừng lắm. Châu Ngươn soái thưa rằng: "E ngày sau loài yêu quái ma thiêng lục độc mà làm hại lã dân. Nếu có dặng ấy, xin thầy cho phép tôi trừ nó". Chơn Võ tổ sư nói phải.

- (1) Vô sanh điện, đến vô sanh.
- (2) Phong luân bánh xe gió.
- (3) Đầy chứa độc.
- (4) Quạt tiêu điều.

(Còn tiếp)



# Phật Giáo

## với

# Mác Xít

Tác giả : Francis Story  
Dịch giả : Trần Quang Thuận  
Giới thiệu : I.T. Trí Quang  
Nguyên bản : Buddhism answers  
the Marxist challenge

(tiếp theo)

## TRÍ THỨC VÀ QUAN NIỆM.

Đức Phật đã nói: "Vô minh là một vết nhơ xấu xa nhất". Vô minh nghĩa là lòng tin vào cái Ta (chấp Ngã), và do đó có những tư tưởng sai lầm, hành động sai lầm và lời nói sai lầm. Vô minh còn là cái điều kiện tiên khởi đằng sau mọi biểu lộ của đời sống; chính nó đã tạo ra không gian và thời gian và ý thức, cùng mọi hiện tượng xảy ra trong không gian và thời gian đó ở khắp cõi luân hồi.

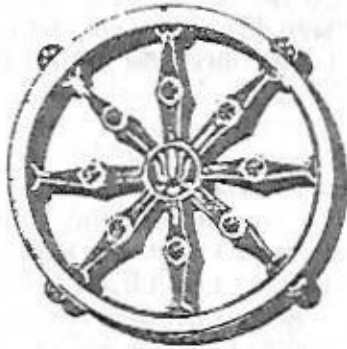
Nó là gạch nối đầu tiên trong cái chuỗi "Duyên Khởi" nhưng không có nghĩa là đầu tiên trong thời gian. Ta cũng không nên nhầm nó với quan niệm "Nguyên Nhân Đầu Tiên" bởi vì Duyên Khởi không có một sự bắt đầu trong thời gian. Muốn hiểu điều này ta cần phải xét tới ngay bản chất của thời gian. Thời gian-nghĩa là tri thức của ta về nó, bởi nó không có một hiện sinh ngoài cái phạm vi của tương đối hiện tượng-được chi phối bởi những chuyển động của vật này đối với vật khác, bởi sự xoay quanh của trái đất và sự chuyển động quanh mặt trời của trái đất, cùng với những chuyển động của các tinh tú và hành tinh khác trong vũ trụ, và bởi những chuyển động của những vật ngay chung quanh ta. Bởi vì chuyển động (Thời Gian) có nghĩa một sự rời chỗ (Không Gian), nên hai quan niệm về không gian và thời gian phải có tính cách đồng nhất: ta không thể xét được nếu ta tách rời chúng ra. Đây chính là quan niệm Không Thời Gian của Einstein: một tập hợp liên quan và liên thuộc của ý tưởng mà trong toán học chỉ là một quan niệm duy nhất. Nếu không có các vật và không gian vật

chất - nghĩa là cái khoảng mà các vật chiếm cứ -, thì không thể có thời gian. Nếu không có thời gian thì không thể có hiện tượng, và nếu không có hiện tượng thì không thể có thời gian. Vì vậy nói đến "lúc bắt đầu khai thiên lập địa", hoặc "Nguyên Nhân Đầu Tiên", sẽ không có nghĩa lý gì hết. Sự sáng tạo tư hữu vô chi có thể có nghĩa là sự sáng tạo của thời gian bởi vì thời gian không thể có trong hư vô, và sáng tạo một cái gì chưa có tư trước tất phải bao hàm sự hiện hữu trước đó của thời gian, bởi lẽ để sự vật đó có thể có được phải cần 3 điều kiện đã có của thời gian. Phải có "quá khứ", thời gian lúc vật chưa hiện hữu; "hiện tại" thời gian lúc sáng tạo và "tương lai" thời gian mà sáng tạo tiếp diễn. Như vậy ta phải đi đến chỗ kết luận; như Phật Giáo thường nhấn mạnh, là không thể bao giờ có một lúc nào mà Cõi Ta Bà và vũ trụ vật chất đã không hiện hữu, dưới hình thức này hoặc hình thức khác.

Một lần nữa ta lại phải tham khảo câu nói trong VISUDDHIMAGGA: "Sự Vô thi là bước đi tiên của Cõi Ta Bà, nguồn gốc của những bản thể luân hồi trong Cõi Ta Bà, vì bị Avijja - (vô minh) che dấu đi, nên không thể khám phá ra được." Vũ trụ của không gian, và thời gian sự sáng tạo ra vô minh, là một vòng tròn kín quan niệm, trong đó không có nguyên nhân đầu tiên. Vì vậy không thể dùng phương tiện trí thức mà tìm hiểu vũ trụ đó, bởi chính trí óc con người tác động ngay trong cơ chế phức tạp của nó và bị những điều kiện liên hệ của nó ràng buộc. Vô minh có thể coi là nhược điểm hoặc giới hạn tất yếu của trí thức. Nó dính liền với những diễn tiến của nhân và quả, VÀY NÀ ĐỒNG THỜI CHÍNH NƠ ĐỐI KHÍ CÙNG TẠO RA BƯỚC ĐIỂN TIẾN VÀ NHỮNG ĐIỀU KIỆN. Trí óc đi động như một tù nhân bị giam giữ trong ngục; nó không thể thoát khỏi cái quĩ đạo giới hạn của nó và vì vậy không thể nhìn bao quát tất cả sự diễn tiến hoặc am hiểu bản tính của chính nó.

Mỗi quan niệm tương đối đều không có thật bởi vì chúng tương đối. Chúng không thể có một hiện hữu theo một nghĩa tuyệt đối. Như Bergson cho biết, trong khắp cả vũ trụ không có vật nào có thể cô lập khỏi các vật khác mà lại được coi là một "tự thể" (hay tự thân - cho - se en soi). Nếu ta muốn mô tả hình dáng của vật đó gọi nó là vuông hay tròn, thì ta chỉ làm một so sánh giữa hình dáng của nó với hình dáng của các vật không vuông hoặc không tròn khác. Cũng y hệt như khi ta nghĩ tới màu sắc, trọng lượng hoặc mùi vị của nó; nghĩa là tất cả những dự kiến có liên quan đến giác quan của ta. Kiến thức là biết một cách so sánh; trí óc ta không được trang bị để đối phó với những quan niệm ngoài địa hạt so sánh và

những giá trị tương đối. Bối thế, vật mà ta nhận thức được không có một hiện sinh thực sự, nếu nó có một hiện sinh thật sự thì tada phải có thể nhận ra được nó trong trạng thái cô lập, không cần phải tham chiếu đến vật gì khác. Đó chính là ý nghĩa của câu này trong Phật Giáo: "SABBE DHAMMA (hay là sankhara) anatta" - mọi vật hiện tượng đều không có thực tại hoặc tự thể. Thế giới vật chất không gì hơn là một biểu hiện dựa trên hoạt động ảo ảnh của chính tâm ta.



Nhu vậy thì làm thế nào để tâm giải thoát khỏi cái điều kiện cố hữu trong chính bản chất của nó? Đó là vấn đề mà Đức Phật đặt ra 6 năm trời khổ hạnh để tìm giải đáp. Giải đáp là: diệt mọi quan niệm, và bắt đầu ngay bằng cái ảo ảnh căn bản về cái Ngã mà do đó mọi ảo ảnh khác sinh ra. Để đạt tới điều này phải dùng trực giác để nhận định rằng mọi hiện tượng đều là vô thường, khổ não và vô ngã: cái ANICCA (vô thường), cái DUKKHA (khổ não) và cái ANATTA (vô ngã) của mọi sự vật, kể cả những thuộc tính của cá nhân. Ba quan niệm này, quan trọng nhất trong cả hệ thống tư tưởng Đạo Phật, sự thực chỉ là ba khía cạnh khác nhau của một chân lý. Cái gì ANICCA, vô thường, tất hữu phải chịu khổ não. Sự khổ não này gây ra bởi một tình trạng xáo động, bất quân bình và luôn luôn chuyển biến của những yếu tố cấu thành: như sự sinh, hủy và diệt của những đơn vị nguyên tử và diện năng cấu thành bản chất vật lý. Theo nghĩa Phật Giáo, DUKKHA không những chỉ có nghĩa là sự khổ não đối với vật có ý thức, mà còn có nghĩa cái xáo động và bất quân bình trong mọi vật hiện tượng. Nó phải được hiểu là một định tác vũ trụ, đâu đâu cũng có đâu đâu cũng thấm nhuần tới, có trong cơ cấu hạt nhân của nguyên tử cũng như có trong sự sinh thành, hủy và diệt của thể xác, trong sự hiện và biến của những giây phút nối tiếp nhau trong ý thức. Hết có chuyển biến là có khổ - và điều này có nghĩa là khắp mọi nơi; nó có ở trong vật tri giác cũng như vật vô tri giác. Abhidhamma dạy rằng DUKKHA có khắp Ba Mươi Một của trong Cõi Ta Bà, kể cả trong giới ASANNA-SATTA; nhưng vật này chỉ có một trong Ngũ Uẩn của bản thể: RUPAKHANDA (hình thể, hay

sắc tướng - Chúng chỉ có hình thể vật chất mà thôi, không có ý thức, trong suốt cả khoảng thời gian hiện hữu trong ASANNASATTA BRAHMA LOKA. Trên bình diện triết học, điều này chứng minh rằng đau khổ cũng có cả ở vật vô tri giác.

Hết có hai điều kiện trên, nghĩa là vô thường và khổ não, thì không thể có tự ngã thực sự, bởi vì mọi vật luôn luôn biến động. Đó là một thế "đang trở nên" chứ không phải "thực thể"; lúc nào nó cũng là một thời kỳ chuyển tiếp từ trạng thái nọ sang trạng thái kia. Vì vậy mọi vật phải là ANATTA (Vô ngã): nghĩa là khi có một bản ngã hằng tồn, hay ngay đến 1 tính đồng nhất từ lúc này sang lúc khác. Người ta chỉ thấy có một diễn tiến nhân quả, 1 dòng liên hệ nhân quả mà thôi. Khoa học cho ta biết rằng một hạt nguyên tử giữa lúc này và một lúc sau, không có một tính đồng nhất nào hết (nghĩa là không thể coi nó là "cùng" một hạt nguyên tử); sự hiện hữu của nó chỉ là 1 chuỗi móc nối những tương quan nhân quả, một triều lưu sinh hoạt, một triều lưu năng lực. Cũng 1 lập luận, giữa đứa sơ sinh, rồi thiếu niên, thanh niên, trưởng niên và rồi lão niên, sự thực không có một sự đồng nhất nào cả, mặc dù theo qui ước ta phải có tất cả là một người và gọi tất cả là một tên suốt mọi thời kỳ trong đời hắn. Trong một đời người, mọi tế bào của thể xác chết đi và được thay thế biết bao nhiêu lần, và về bên ngoài của chính thể xác cũng thay đổi do sự tích lũy dần dần của những biến đổi nhỏ đó. Ý thức và nội dung của trí não cũng những phản ứng của nó cũng vậy - không lúc nào giống như lúc nào, tất cả đều diễn biến không ngừng, trong khi đó triều lưu của ý thức như một dòng sông vẫn trôi qua, chỉ mang một ảo tưởng về đồng nhất từ lúc này qua lúc khác, cũng như một dòng sông chỉ là một dòng sông nếu ta nhìn cái hình thể chung của đời bờ nó. Héraclitus nói rằng ta không thể bước xuống cùng một dòng sông hai lần, và Héraclitus đã nói theo Phật Giáo. Không có yếu tố tồn tại nào - không có ATTA, hay là thực thể của bản ngã nào - có thể tìm thấy được trong cấu thành của cá nhân, bất cứ nơi tâm hay vật.

Rất nhiều triết gia tây phương đã tới cùng một kết luận như Phật Giáo khi bàn đến cái điều kiện phổ biến này về hằng chuyển và ảo ảnh; nhưng nhận định được như vậy trên bình diện lý trí, không có nghĩa là có thể giải thoát được Tâm. Tâm chỉ có thể nhận biết được sự kiện này dưới khía cạnh tiêu cực; như ta đã thấy, nó không thể vượt quá thế giới hiện tượng nó không thể trực giác được thế giới thực thể. Muốn được vậy, Tâm phải tự nó khác phục nó; nó phải được cảm hóa và siêu nhiên hóa, và kết quả này chỉ có thể đạt tới bằng

cách thiên định.

Thiên định bắt đầu bằng sự tập trung ý lực; hoạt động của tâm trí phải được kiểm soát và cầm giữ thật yên tĩnh, và sự xáo động của nó phải đem tụ họp vào một định điểm. Khi trí đã tĩnh, phải dồn hết cái năng lực tập trung ấy tới một đối tượng nào đó của cuộc thiên định. Trong Phật Giáo, cả thầy cô bốn mươi kiểu thiên định như thế, mỗi kiểu thích hợp cho 1 loại trí. Một cuộc trầm mặc (hay thiên định) gọi là "thành công" nếu có mang lại cho người trầm mặc một kinh nghiệm mà ý thức bình thường chưa bao giờ đạt tới; nó đưa trí thức ra hẳn ngoài biên giới những ảo ảnh hiện tượng và đi vào một thế giới "thực tại vô điều kiện", mà đôi khi trong tiếng Phạn gọi là ASANKHATA DHAMMA. Một khi có kinh nghiệm ấy, thì mọi cái đen tối trong ý thức sẽ biến đi hết, và cũng biến đi hết cái lòng ham sống, lòng thèm muốn những điều, vật chất, những khoái lạc giác quan và mọi quyền luyến khác nó kiếm tào cho người trong cõi sinh tử luân hồi. Vì thế mới gọi là "Niết Bàn" - sự tiêu diệt mọi dục tình dục, ghen ghét và si mê. Không phải là sự diệt Ngã, bởi vì Ngã không bao giờ có, nhưng là sự chấm dứt cái ẢO TƯỢNG về Ngã. Đã biết và kinh nghiệm được thực tại (hay chân ngã) rồi, thì mọi ảo ảnh (hay giả vọng) đều vô nghĩa, đều không đáng chú ý tới nữa. Một khi đã giải thoát khỏi vòng giam hãm của lục trần (hay là đối tượng của sáu giác quan) khỏi vòng quyền luyến bám víu của cuộc sống vật chất, thì sẽ không còn lòng ham muốn tái sinh: và hết lòng ham muốn tái sinh, là thoát được cảnh Vô Thường, Khổ Nạn và Vô Ngã.

Đức Phật không muốn giải thích thế nào là Niết Bàn. Cái gì không thuộc vào những loại kinh nghiệm hàng ngày thì không thể mô tả được. Không có từ ngữ nào ứng dụng được cho nó bởi nếu muốn cho một từ ngữ nào đó một ý nghĩa có thể hiểu được, thì phải có một kinh nghiệm chung làm căn bản cho từ ngữ đó. Ngôn ngữ chỉ có thể dùng cho những vật tương đối không có sự vật, thì không có ngôn ngữ. Giây nếu Đức Phật đã có mô tả Niết Bàn, thì chắc chắn Ngài đã làm nghĩa nó sai đi bởi đã phải dùng đến những từ ngữ của thế giới hiện tượng. Cũng vì vậy mà Ngài đã từ chối không chịu đáp những câu hỏi về Niết Bàn, đến nỗi có nhiều kẻ tưởng sự làm thinh đó của Ngài có nghĩa hoặc Niết Bàn là hư vô, hoặc chính Đức Phật cũng chưa có kinh nghiệm về nó. Cả hai quan điểm trên đều sai. Niết Bàn không phải là hư vô, bởi vì làm gì còn Ngã để mà hư vô hóa (hay hủy diệt)? Nó chỉ có thể là hư vô trong cái nghĩa hủy diệt tham, sân và si. Niết Bàn có thể gọi là Thực Thể (Chân Ngã), nếu đứng hiểu lầm nó với Thượng Đế, Tinh Thần hay một quan niệm nào khác của nhân loại: nó là

Thực thể duy nhất, phân biệt hẳn với như biến chuyển của thế giới phù du. Nếu lấy từ ngữ nào khác để thay thế từ ngữ "Niết Bàn" thì có thể có nhiều nguy hiểm, bởi người nà rồi cũng sẽ có khuynh hướng giải thích từ ngữ đó theo ý riêng của mình, và rồi, như đã thấy, những ý tưởng riêng đó, vì đã được ta nên và trở buộc bởi những lối phân biệt và so sánh tương đối, nhiều khi rất chủ quan và bị nhân tính hóa, chắc chắn sẽ làm lạc hướng mọi người. Đây là một bằng chứng nữa - nếu quý thực ta cần bằng chứng - về cái Giác Ngộ của Đức Phật: Thà cứ để chúng sinh phạm tu hoả nghĩ về Phật tính của Ngài, còn hơn là Ngài cho họ một ấn tượng sai lầm về sự thành tựu mà Ngài đã đạt tới.

Khi được hỏi là sau khi Nhập Niết Bàn rồi thì một đức Phật còn có nữa hay không, thì Đức Thế Tôn đáp: "Sau khi Nhập Niết Bàn, thì không thể nói là Như Lai CÓ, mà cũng không thể nói là Như Lai KHÔNG CÓ. Cũng chẳng phải vừa có vừa KHÔNG CÓ, vừa KHÔNG KHÔNG CÓ". Nghĩa cả hiện sinh (hiện hữu, hay "sắc") lẫn hư vô (bất hiện hữu, hay "không"), cùng tất cả như cái bầu vịu vào những ý tưởng liên hệ này đều là hiện tượng, và do đó là những quan niệm giả vọng. Ý Đức Phật muốn dạy rằng phải bỏ hết những quan niệm đó đi: Chúng được gọi là "Ditti" - "Quan điểm", hay "Kiến" - là vì thế không có thật. Đức Thế Tôn đã nói "Ta chẳng có lý thuyết nào hết. Ta đã sar tới Bờ Bên Kia".

(Còn tiếp)

THU



ĐẠO

ĐẠO là nguồn cội của muôn loài  
Chung cả đất trời khắp mở khai  
Mở cửa đờ người qua khở ai  
Khai dờng đất chùng khở trần ai  
Người hay đờn ngộ thì siêu thoát  
Kẻ những say mê bị lạc loài  
Vĩ biết có ĐỐI thì có ĐẠO  
Mà sao phạm thánh tế làm hai ?

● CHƠN TÂM Cư Sĩ

# thơ

## Tự thân



Hoài kỷ của người cô phụ

Cuộc hi trường thầy lay cũng lắm,  
 Cối Diêm Phù kẻ dăm người si,  
 Trăm năm gặp gỡ lắm chi,  
 Bảy ba rồi cũng bỏ đi châu trời.  
 Người quân tử thành thời tử thổ,  
 Hồi xuân xanh tưởng nhớ ngày xưa,  
 Đây lòng che chở nắng mưa,  
 Tâm hồn cao quý, tình chửa trọn nguyên.  
 Thời ly loạn nắng xuyên mưa lạnh,  
 Ngoài biên cương hieu quanh u hoài,  
 Niềm riêng biết tỏ cùng ai,  
 Sa chân lỡ bước thêm người ngoại hôn.  
 Gắng giồng cười nên lòng hờn giận,  
 Bối hiên nhân hối hận đành thôi,  
 Nhúm nhen xây lại ban đời,  
 Cho vườn "hồng hạnh" (1) này chồi tươi xinh  
 Nhớ khéo xử nên tình thắm ấm,  
 Bước cùng nhau sương diêm vườn mơ,  
 Âm êm kẻ đợi người chờ,  
 Thơ qua họa lại, nhớ nhớ gia đình.  
 Cầu cho đừng khờng ninh là quý,  
 Bước thăng trầm nghĩ kỷ cũng may,  
 Lòng mừng qua khỏi đắng cay,  
 Đoàn viên con cháu phước may nhớ trời.  
 Nào đâu biết, việc đời ngàn nỗi,  
 Hôn vài năm đã cõi xe tiên,  
 Vô thường lắm chuyện đảo điên,  
 Vừa vui sum hiệp, lại phận chia ly.  
 Nơi ân tĩa sâu bị bỏ viết,  
 Giữ bụi hồng, chẳng biết kêu ai!  
 Kêu ai! ai chẳng nghe ai!  
 Nổi lòng thao thức đêm dài thâu canh.  
 Tiếng nhận kêu, chim oanh lẻ bạn,  
 Anh đèn mờ, đêm vắng lạnh soi,  
 Thoảng như tiếng gió tới nơi,  
 Tưởng người đã hiện, về chơi thăm nhà.  
 Vội vàng đây, trông ra hướng khói,  
 Chẳng thấy ai, mặt đối hình dung,  
 Buông khuông giấc điệp não nùng,  
 Mơ màng bóng quế chạnh lòng nhớ thương!!  
 Nhớ những lúc lên đường chung lối,  
 Nhớ những khi dạo núi chơi sông,  
 Tiếng ai đồng vọng bên lòng,  
 Tiếng Hồ tích tắc, lạnh lùng cầm canh.  
 Mắt vẫn ngó ảnh hình âu yếm,  
 Buổi cùng nhau, chầm diêm vẫn thơ,  
 Giờ đây hết đời hết chỗ,  
 Mỵ lai láng lẽ, tâm ngọc ngàn sâu.,  
 Kia những buổi, tâm đầu nguyện ước,  
 Ráng cùng nhau, lầy phước mà đông,  
 Tuy nghèo tử tại thông dong,  
 Ý tình, chỉ hướng, tương đồng cùng ai.  
 Rày vắng bạn u hoài chi xiết!

Xót xa lòng bị thiết khổ đau!!!  
 Đành rằng số phận nan đạo,  
 Thiên thu vĩnh biệt, biết bao tủi sâu!!!  
 Nhà vắng lạnh, dậm màu tang tóc,  
 Giòng châu rơi, một lúc ước đau,  
 Chìm hôm cất tiếng buồn rầu,  
 Mây bèo cách biệt, tìm nhau chôn nào!!!  
 Buồn ủ rũ ngàn câu tiên biệt,  
 Nên đồng lòng chẳng thiết kêu ca,  
 Hương bay khỏi quyền là đà,  
 Đi, về quyền luyến, nếu tà áo con.  
 Anh bình minh, hãy còn sương lạnh,  
 Soi quầng đòng, hieu quanh xa xuôi,  
 Chân đi tắc dạ bụi ngùi,  
 Biết ai mà tỏ những lời đắng cay.  
 Tạo hóa khéo đặt bày, sinh tử,  
 Vui buồn rồi, khổ chứ biết ly!!!  
 Hào huyền mộng ảo vô vi,  
 Làm cho nhân thế, lắm khi náo lòng!  
 Bối vụng tu vụng vọng duyên nghiệp,  
 Vay trả rồi hết kiếp oan ương,  
 Cầu xin Chư Phật mới phước,  
 Thanh lương an dưỡng, siêu đòng vô biên.  
 Hương lòng nguyện dài sen hoa nở,  
 Nồng thuyền từ chớ đến Tây phương,  
 Tiêu diêu gặp cảnh chốn thương,  
 Lịnh hồn thanh thoát về nương Di Đà!  
 Đứng vụng vọng Ta Bà thêm bức,  
 Chôn Diêm Phù khổ cực tử sinh,  
 Ra vào trong cõi u minh,  
 Tránh sao cho khỏi nghiệp tình đeo duyên.

(1) Ý nói con cái.

● AN LAI THÔN NỮ 1984



## Cày sâu

Tặng TRÍ ÂM

Này đây nhất quốc cày sâu,  
 Đào lên từng mảng SÂN SÂU HẬN SI.  
 Đất si một miếng đen si,  
 Thanh gươm huệ bén, tức thì phá tan.  
 Còn đây ba miếng đất sân,  
 Hận sâu nguyên hết cứu ân xóa nhòa.  
 Lòng tham mấy chút qua loa,  
 Thôi thì tha hết cánh hoa vô thương.  
 Thành thời lòng nhẹ dư hương,  
 Luân hồi mấy kiếp chẳng buông cũng rơi.  
 Mùa xuân, giọt nắng, cây cười,  
 Hoa tươi người cũng mỉm cười cùng hoa.

● LÊ THỊ BẠCH NGÀ  
21.3.85

# DIE LEHRE BUDDHAS



BUKKYO DENDO KYOKAI  
(Gesellschaft der buddhistischen Förderer)  
3-14, 4-chome, Shiba  
Minato-ku, Tokyo, Japan  
Telefon: (03) 455-5851

*Erste Auflage, 1982*

Druck  
Kosaido Printing Co., Ltd.  
Tokyo, Japan

*Buddhas Weisheit ist so unendlich wie der weite Ozean und sein Geist ist von großem Mitleid erfüllt.*

*Buddha hat keine Gestalt, aber er offenbart sich auf erhabene Weise und führt uns mit seinem ganzen mitfühlenden Herzen.*

*Dieses Buch ist kostbar, da es das Wesentliche der Lehren Buddhas enthält, die einst in über fünf-tausend Bänden niedergeschrieben wurden, sich seit mehr als 2500 Jahren bis auf den heutigen Tag erhalten haben und über die Grenzen aller Länder und Rassen der Welt hinaus an uns weitergegeben wurden.*

*Die in diesem Buche enthaltenen Worte Buddhas offenbaren und erläutern auf wunderbare Weise wirkliche Geschehnisse des menschlichen Lebens und Geistes.*



## INHALT

### BUDDHA

- Erstes Kapitel SHAKYAMUNI BUDDHA  
I. Das Leben des Buddha  
II. Die letzte Lehre des Buddha
- Zweites Kapitel DER UNENDLICHE UND VERKLÄRTE BUDDHA  
I. Sein Mitgefühl und Sein Gelübde  
II. Buddhas Hilfe, Seine Mittel und Wege der Erlösung  
III. Der unendliche Buddha
- Drittes Kapitel DIE GESTALT VON BUDDHA UND SEINE TUGENDEN  
I. Drei Wesenszüge von Buddha  
II. Die Erscheinung Buddhas  
III. Buddhas Tugend

### DHARMA

- Erstes Kapitel DIE WIRKUNGEN DER URSACHEN  
I. Die vierfache Edle Wahrheit  
II. Die Wirkungen der Ursache  
III. Die Kette der Verursachungen
- Zweites Kapitel DAS REIN GEISTIGE UND DIE WIRKLICHKEIT ALLER DINGE  
I. Unbeständigkeit und Ichlosigkeit  
II. Die Tatsache des "Rein Geistigen"  
III. Der wirkliche Stand der Dinge  
IV. Der Weg der Mitte
- Drittes Kapitel DAS WESEN BUDDHAS  
I. Der menschliche Geist  
II. Das Wesen Buddhas  
III. Das Buddhawesen und die Selbstlosigkeit
- Viertes Kapitel INDISCHE LEIDENSCHAFTEN  
I. Die menschliche Natur  
II. Das Wesen des Menschen  
III. Das Leben des Menschen  
IV. Die Wirklichkeit des menschlichen Lebens
- Fünftes Kapitel DIE HILFE, DIE VON BUDDHA ANGEHOTEN WIRD  
I. Die Rettung durch Buddha  
II. Amida Buddhas Land der Reinheit

### DER WEG DER ÜBUNG

- Erstes Kapitel DER WEG DER LÄUTERUNG  
I. Die Läuterung des Geistes  
II. Der Weg des richtigen Verhaltens  
III. Die Lehre in alten Fabeln
- Zweites Kapitel DER WEG ZUR PRAKTISCHEN ERKENNTNIS  
I. Die Suche nach Wahrheit  
II. Die Wege der Übung  
III. Der Weg des Vertrauens  
IV. Tugendhafte Grundsätze

### DIE BRÜDERLICHKEIT

- Erstes Kapitel DIE PFLICHTEN DER BRÜDERLICHKEIT  
I. Brüder der Hauslosigkeit  
II. Laienanhänger
- Zweites Kapitel PRAKTISCHER WEGWEISER ZUR WAHREN LEBENSWEISE  
I. Das Familienleben  
II. Das Leben der Frauen  
III. Im Dienst
- Drittes Kapitel DER AUFBAU EINES BUDDHA-LANDES  
I. Die Harmonie der Bruderschaft  
II. Das Buddha-land  
III. Über diejenigen, die im Buddha-land die Herrlichkeit genießen  
Quelle

### ANHANG

- I. Kurze Geschichte des Buddhismus  
II. Die Überlieferung der Lehre Buddhas  
III. Die Geschichte des Buches "Die Lehre Buddhas"  
IV. Index zu "Die Lehre Buddhas"  
V. Sanskrit Glossar  
VI. Dhammapada

Buddhistische Gesellschaft zur Förderung und Verbreitung  
der Schrift "Die Lehre Buddhas".

# Sakyamuni Buddha

## I

### DAS LEBEN DES BUDDHA

1. Das Geschlecht der Shakya wohnte am Fluß Rohini, der das südliche vorgebirge des Himalaya durchläuft. Ihr höchster König, Shuddhodana Gautama, hatte seine Hauptstadt nach Kapila verlegt, ließ dort ein großes Schloß bauen und regierte voller Weisheit, weshalb er von seinem Volk geliebt wurde.

Die Königin hieß Maya. Ihr Vater war ein Onkel Gautamas und König in einem benachbarten Reich desselben Shakya Stammes.

Seit zwanzig Jahren hatten sie keine Kinder. Dann wurde Königin Maya, nach dem sie in einem seltsamen Traum einen weißen Elefanten in sich eindringen gesehen hatte, schwanger. Der König und das Volk freuten sich sehr auf die Geburt des königlichen Kindes. Ihrer Sitte entsprechend, kehrte die Königin für die Zeit der Geburt in das Heim ihrer Eltern zurück, und als sie auf dem Weg dorthin war, ruhte sie sich in der schönen Frühlingssonne in dem Blumengarten Lumbinis aus.

Die Königin war ganz umgeben von Asoka-Blüten. Voll Entzücken streckte sie ihren rechten Arm aus, um einen Zweig zu pflücken. Als sie dies tat, wurde der Prinz geboren. Himmel und Erde waren erfreut und beglückwünschten die Königin zur Geburt des königlichen Kindes. Es war der achte April, ein denkwürdiger Tag.

Die Freude des Königs war sehr groß, und er nannte das Kind Siddhartha, was bedeutet: "Jeder Wunsch wurde erfüllt".

2. Im Palast des Königs folgte der Freude jedoch schnell große Trauer, denn kurze Zeit später starb plötzlich die Königin Maya. Ihre jüngere Schwester, Mahaprajapati, wurde die Pflegermutter des Kindes und zog es mit fürsorglicher Liebe auf.

Ein Einsiedler, Asita genannt, der nicht weit entfernt in den Bergen lebte, bemerkte ein Strahlen um das Schloß herum, und da er es als gutes Vorzeichen deutete, kam er zum Palast herunter, und das Kind wurde ihm gezeigt. Er prophezeite: "Dieser Prinz wird, wenn er nach seiner Jugend im Palast bleiben sollte, ein großer König werden und die ganze Welt regieren. Wenn er aber das Hofleben aufgibt, um ein religiöses Leben zu führen, so wird er ein Buddha werden und der Erlöser der Welt".

Anfangs stimmte die Prophezeiung den König zufrieden, aber später war er besorgt über die Möglichkeit, sein einziger Sohn könne den Palast verlassen, um ein heimatloser Einsiedler zu werden.

Im Alter von sieben Jahren unterzog sich der Prinz dem Unterricht im Literatur und militärischen Fertigkeiten. An einem Frühjahrstag ging er mit seinem Vater aus dem Schloß, und sie beobachteten zusammen einen Bauern beim Pflügen. Der Prinz bemerkte, wie sich ein Vogel auf die Erde stürzte und einen kleinen Wurm ergriff, den der Pflug des Bauern an die Erdoberfläche gebracht hatte. Der Prinz setzte sich in den Schatten eines Baumes, dachte über das Gesehene nach und fragte sich: "Warum müssen sich die Lebewesen untereinander töten?"

Er, der seine Mutter so bald nach seiner Geburt verloren hatte, war tief ergriffen von der traurigen Beobachtung jener beiden kleinen Geschöpfe.

Dieser schmerzliche Eindruck vertiefte sich in ihm von Tag zu Tag mehr, je älter er

wurde. Wie eine kleine Schnittstelle an einem jungen Baum, so wurden die Leiden des menschlichen Lebens immer tiefer in seinen Sinn eingeprägt.

Der König war zunehmend besorgt, da er sich an die Prophezeiung des Einsiedlers erinnerte, und versuchte auf jede nur erdenkliche Weise, den Prinzen aufzumuntern und dessen Gedanken in andere Richtungen zu lenken. Als der Prinz neunzehn Jahre alt war, richtete der König die Hochzeit mit Prinzessin Yashodhara aus. Sie war die Tochter des Königs Suprabuddha, ein Bruder der verstorbenen Königin Maya.

3. Zehn Jahre lang lebte der Prinz in den verschiedenen Pavillons des Frühlings, des Herbstes und des Winters, umringt von Musik, Tanz und anderen Vergnügungen, aber seine Gedanken kehrten immer wieder zu dem Problem des Leidens zurück. Denn er versuchte ernsthaft, die wahre Bedeutung des menschlichen Lebens zu verstehen.

"Der Luxus des Palastes, dieser gesunde Körper, diese fröhliche Jugend. Was bedeuten sie mir? Eines Tages werden wir krank sein, wir werden alt werden, und vor dem Tod gibt es kein Entrinnen. Der Stolz auf die Jugend, Stolz auf die Gesundheit, Stolz auf das Leben; jeder nachdenkliche Mensch muß diese Gedanken verwerfen.

"Ein Mensch, der an seinem Leben hängt, wird sich natürlich an etwas klammern. Dies kann er auf zwei Arten tun; eine richtige und eine falsche. Die Art bedeutet, daß er die Unvermeidbarkeit von Krankheit, Siechtum und Tod erkennt und dennoch Rettung bei Dingen sucht, die doch selbst vergänglich sind.

"In der richtigen Weise zu suchen bedeutet, daß man das wahre Wesen der Krankheit, des Siechtums und des Todes erkennt und Hilfe in solchen Dingen sucht, die über alles menschliche Leiden erhaben sind. In diesem Leben im Palast, voller Vergnügungen scheine ich auf die falsche Art nach Hilfe zu suchen".

4. Mit diesen Gedanken hatte der Prinz innerlich weiter bis zu seinem neunundzwanzigsten Lebensjahr zu kämpfen. Als dann sein einziges Kind, Rahula, geboren wurde, entschloß er sich, sein Zuhause im Palast zu verlassen und die Erlösung von seiner geistigen Unruhe im heimatlosen Leben eines Bettelmönchs zu suchen. Diesen Plan führte er eines Nachts durch. Er verließ das Schloß und nahm nur seinen persönlichen Diener Channa, sowie sein Lieblingspferd, den schneeweißen Kanthaka, mit.

Aber seine geistigen Sorgen nahmen kein Ende, und viele Zweifel bedrängten ihn noch: "Vielleicht wäre es besser für mich, zum Schloß zurückzukehren, um eine andere Lösung zu suchen; dann wird vielleicht die ganze Welt mir gehören". Aber er konnte diese Zweifel mit der Erkenntnis zurückdrängen, daß nichts Weltliches ihn je zufriedenstellen könne. Er schor sein Haupt kahl und lenkte seine Schritte als Bettelmönch, in der Hand seine Almosenschale.

Der Prinz besuchte zuerst den Einsiedler Bhagava und beobachtete dessen asketisches Leben. Dann ging er zu Arada Kalama und Udraka Ramaputra, damit er deren Wege, die Erleuchtung zu erlangen, lerne, aber nachdem er sich hierin eine Zeitlang geübt hatte war er davon überzeugt, daß sie ihn nicht zur Erleuchtung führen würden. Schließlich ging er in das Land der Magadha und lebte als Asket im Wald von Uruvilva an den Ufern des Nairanjana Flusses, der am Gaya Schloß vorbeifließt.

5. Die Regeln seiner Askese waren unglaublich streng. Er spornte sich selbst mit dem Gedanken an, daß "kein Asket in der Vergangenheit, keiner in der Gegenwart und keiner in der Zukunft seine Pflicht je ernsthafter geübt hat oder je üben wird, als ich es tue".

Trotzdem konnte der Prinz sein Ziel nicht erreichen. Nachdem er sechs Jahre im Wald verbracht hatte, gab er das Asketentum auf. Er badete im Fluß, nahm aus der Hand des Mädchens Sujata eine Speise an; so stellte er seine Gesundheit wieder her.

Die fünf Gefährten, die während der sechs Jahre seiner asketischen Übungen mit dem

Prinzen gelebt hatten, waren verwundert, daß er aus der Hand eines Mädchens Speise annahm. Sie hielten ihn deshalb für abtrünnig und verließen ihn.

Der Prinz blieb somit allein zurück. Er war noch schwach, aber unter Aufbietung seiner letzten Lebenskraft versuchte er, zu einer höheren Stufe des Nachsinnens zu gelangen, indem er sich sagte: "Blut kann ausgepumpt werden, Fleisch kann verwesen, Knochen können zerfallen, aber ich werde diesen Ort nie verlassen, bis ich den Weg zur Erleuchtung gefunden habe".

Es war ein starker und unvergleichlicher Kampf! Sein Geist war verzweifelt und voll wirrer Gedanken, dunkle Schatten hingen über seinem Gemüt; er war belagert von all den Verlockungen des Bösen. Aber sorgfältig und geduldig prüfte er sie eine nach der anderen und verwarf sie alle. Es war in der Tat ein harter Kampf, der sein Blut dünn werden, sein Fleisch abfallen und seine Knochen schmerzen ließ.

Als aber der Morgenstern am östlichen Himmel erschien, war der Kampf beendet und der Geist des Prinzen war klar und hell wie der heranbrechende Tag. Er hatte schließlich den Weg zur Erleuchtung gefunden. Am achten Dezember, als er fünfunddreißig Jahre alt war, wurde der Prinz zum Buddha.

6. Von dieser Zeit an war der Prinz unter verschiedenen Namen bekannt: Einige sprechen von ihm als dem Buddha, dem vollkommen Erleuchteten, andere sprachen von ihm als Sakyamuni, dem Weisen aus dem Shakya-Geschlecht, und wieder andere nannten ihn den All-Geehrten. Andere sprachen liebevoll von ihm als dem Gesegneten.

Er ging zuerst nach Mrigadavá in Varanasi, wo sich die fünf Bettelmönche aufhielten, die während der sechs Jahre seines asketischen Lebens mit ihm lebten. Zuerst mieden sie ihn, aber nachdem sie mit ihm gesprochen hatten, vertrauten sie ihm und wurden seine ersten Schüler. Dann ging er zum Rajagriha Schloß und überzeugte König Bimbisara von seiner Lehre. Von dort ging er überall im Land umher, lebte von Almosen und bekehrte die Menschen zu seiner Lebensweise.

Die Menschen waren empfänglich für seine Botschaft, so wie durstige Menschen nach Wasser und hungrige Menschen nach Brot suchen. Zwei große Lehrer, Sariputra und Maudgalyayana, und zweitausend andere Leute kamen zu ihm und wurden seine Schüler. Viele andere wurden seine Verehrer und treuen Anhänger.

Der Vater Buddhas, König Shuddhodana, der wegen der Entscheidung seines Sohnes, den Palast zu verlassen, innerlich noch lange gelitten hatte, wurde sein treuer Schüler. Mahaprajapati, die Pflegemutter Buddhas, und Prinzessin Yashodhara, seine Frau, und alle Mitglieder des Shakya-Stammes vertrauten ihm und folgten ihm.

7. Fünfundvierzig Jahre lang ging Buddha im Land umher, predigte und überzeugte Menschen von seiner Lebensweise; so wurde er achtzig Jahre alt. Schließlich, bei Vaisali, auf seinem Weg von Rajagriha nach Shravasti, wurde er krank und prophezeite, daß er nach drei Monaten ins Nirwana eingehen würde. Er reiste noch immer weiter, bis er Pava erreichte. Durch eine Speise, die ihm dort von Cunda, einem Grobschmied, angeboten wurde, erkrankte er schwer. Er erreichte trotz großer Schmerzen und Schwäche Kusinagara.

Bis zu seinem Ende setzte er dort, zwischen zwei Sala-Bäumen liegend, den Unterricht seiner Lieblingsschüler fort. So ging der größte Lehrer der Welt und der freundlichste Mensch ins Nirwana ein.

8. Die Leute in Kusinagara trauerten um ihn. Unter der Aufsicht Anandas, des Lieblings-schülers von Buddha, wurde der Körper verbrannt.

*(Lesen Sie bitte weiter auf Seite 29)*

# Allgemeine Buddhalehre



Text von Hochehrwürdiger Thích Thiện Hoa  
Deutsche Übersetzung von Rev. Thích Như Điển

## KAPITEL VII

### DER BUDDHA - VEREHRUNGSKULT, DIE VERBEUGUNG VOR BUDDHA, DIE OPFERGABE - DARBRINGUNG AN BUDDHA .

#### A. ZUR EINFÜHRUNG :

Berühmte Persönlichkeiten die große Verdienste für die Menschheit geleistet haben, wurden hochgeachtet. Diese Ehrerbietung bringt die Dankbarkeit und die andenkende Bewunderung zum Ausdruck.

#### B. THEMEN :

##### I. Der Buddha-Verehrungskult.

1. Buddha ist eine verehrungsvolle Persönlichkeit.
2. Wie sollen wir Buddha verehren.
3. Verehrung an welchen Buddha.
4. Die Prinzipien zur Buddha-Verehrung.

##### II. Die Verbeugung vor Buddha.

1. Bedeutung
2. Wie verbeugen wir uns vor Buddha
  - a). Die richtige Art
  - b). Die falsche Art
3. Vier innere Prinzipien der Verbeugung :
  - a). Reinheit der Entfaltung des Geistes
  - b). Verbindung mit allen Dhammas
  - c). Betrachtung der Wahren
  - d). Gleichheit der wahren Natur

##### III. Die Opfergabe-Darbringung an Buddha.

1. Bedeutung
2. (äußere Verrichtungen) Welche Opfergaben werden an Buddha dargebracht.
3. (innere Grundsätze) Fünf Wunder-Düfte(sad-ghanda) als Opfergaben-Darbringungen :
  - a). Der Duft der Sittlichkeitsregeln-Befolgung(siladhara-ghanda)
  - b). Der Duft der inneren Beruhigung(samādhi-ghanda)
  - c). Der Weisheits-Duft (Prajna-ghanda)
  - d). Der Duft der Erlösung (Nirvāna-ghanda)
  - e). Der Duft des Erlösungswissens (Nirvāna-jñāna-ghanda)
4. Opfergaben an Dharma
5. Opfergaben an Sangha

#### C. ZUSAMMENFASSUNG :

Ermunterung zur geistigen Entfaltung des wahren Anvertrauens von Verehrung - Verbeugung - und Opfergabe - Darbringung an Buddha und die davon entstehenden heilsamen Nutzen.

## DIE BUDDHA - VEREHRUNGSKULT, DIE VERBEUGUNG VOR BUDDHA, DIE OPFERGABE - DARBRINGUNG AN BUDDHA .

### A. ZUR EINFÜHRUNG :

Von damals bis heute werden berühmte Persönlichkeiten - die große Verdienste für die Gesellschaft und die Nation geleistet haben - verehrt und mit Ehrfurcht bewundert. Diese Verehrung und Bewunderung hat viele Gründe; die grundsätzlichen Argumente sind jedoch die dafür entstehende Dankbarkeit und die Sehnsucht solcher Persönlichkeiten zu folgen.

In der vietnamesischen volkstümlichen Redensart gibt es folgende Aussage :  
"Die Früchte essend denkt man an den Gärtner, und Wasser trinkend erinnert man sich an den Mann, der den Brunnen bohrt !".

Die Dankbarkeit ist eine ehrenwerte, tugendhafte Eigenschaft, welche an einer rechtsempfindenen Person nicht fehlen darf. Die Existenz einer Gesellschaft mit vollen undankbaren Menschen ist nicht dauerhaft, weil sie gütige Personen entmutigen und die Quelle der Opferbereitschaften zum Trocknen bringen. Derjenige - der Gütige und liebenswürdige Personen nicht bewundert, vor den Schlechten nicht entfernt und an sie keine Kritik ausübt - ist mangelhaft an grundsätzlichen Tugenden und heilsamer Keime, welche für die geistige Schulung Fortschritt schaffen.

Aus dieser Ansicht werden diejenigen - irgendwo auf dieser Erde, in irgendwelcher Epoche, und Volksgruppe - verehrt, wenn sie Verdienste für die Gemeinden, die Nationen oder die Menschheit geleistet haben.

Der aus solchen Gründen entstehende Verehrungskult aller Weltreligionen ist jedoch kontinuierlicher und sehnlischer. Da die Religionsgründer verdienste Persönlichkeit für die Menschheit sind, deshalb nehmen ihre Anhänger. Laien sie als vorbildliche ständige Begleiter des Geistes, um sie nach zweifeln.

Im Buddhismus wird diese Ehrerbietung an Buddha durch den Verehrungskult, die Verbeugung und die Opfergabe - Darbringung charakterisiert.

### I. DER BUDDHA - VEREHRUNGSKULT

#### 1. Buddha ist eine verehrungsvolle Persönlichkeit

Buddhas, die sich in tugendhaften Verdiensten und der Weisheit stählernd geschult haben, haben die vollkommene Einsicht und ehrenswertesten Tugenden erlangt. Mit diesen tugendhaften Verdiensten und vollkommenen Weisheit führen Buddhas alle Lebewesen aus dem Ozean des Leidens (dukkha) und aus dem Kreislauf des Leben und Tod (Samsara); bringen sie zugleich zu dem Stand der friedlichen Glückseligkeit (nirvana). In dieser heiligen Erlösungsmision werden sie nicht entmutigt und deprimiert, vor inneren und äußeren Hindernissen. Sie haben gelobt, alle Wesen zu erlösen und zu bekehren; solange es keinen Erretter gäbe. Dieses entspricht sinngemäß der Vollkommenheiten (paramitas).

"Selbst-Erwachte,  
die Erleuchtung für alle Wesen schaffend,  
und dieser Tugend (Pàramità) vervollkommend".

Die wertvollen Charaktereigenschaften eines Buddhisten sind :

- Mitgefühl, Barmherzigkeit (Karunà).
- Erkennende Weisheit (Prajnà)
- und unerschütterliche Entschlossenheit

Diese drei grundlegenden Tugenden sind Grundsätze auf dem Weg zur Vollkommenheit der Güte, Ästhetik, Aufrichtigkeit. Eine Persönlichkeit mit seiner Übernatürlichkeit, heiligen Belehrung, erhabenen Haltung klardenkenden Handlungen, vorbildlichen Lebensweise wie Buddha sollen wir aufrichtig hochachten.

## 2. Wie sollen wir Buddha verehren

Wie oben beschrieben verehren wir Buddha, um unsere Dankbarkeit an eine Persönlichkeit, der große Verdienste für die Menschheit geleistet hat, zum Ausdruck zu bringen.

Buddha verehrend bedeutet das Nacheifern seiner tugendhaften Charaktereigenschaften, seiner vorbildlichen Lebensweise, damit wir die Aufrichtigkeit, Ästhetik und Güte erreichen wie er.

Man sagt : "In der Nähe von Tinte wird man schwarz,  
und es wird hell in der Nähe des Lichtes".

Wir verehren Buddha, weil wir das Licht seiner Weisheit bei uns haben möchten, sowie die Däfte (ghanda) seines Mitgefühls (Meitri oder Metta) und Barmherzigkeit (karuna). Wir verehren ihn nicht jedoch mit dem Ziel, daß Er uns schützt, Glück bringt, oder seine heiligen Kräften mißbrauchen um Unheilsamen zu begehen.

Wenn wir Buddha mit unrechtem Ziel zugunsten der individuellen Wünsche verehren, haben wir sowohl Buddha verunglimpft, als auch in uns unheilsame Wahrnehmungen verursacht.

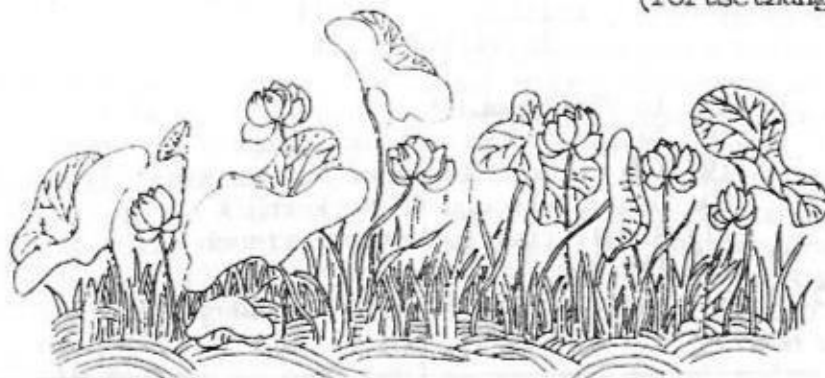
(Fortsetzung folgt)

---

(Fortsetzung von Seite 26)

Sieben benachbarte Herrscher, an der Spitze König Ajatasatru, baten um einen Teil der Asche. Der König von Kusinagara lehnte zunächst ab, und der daraufhin ausbrechende Streit drohte sogar, sich zu einem Krieg auszuweiten. Aber durch den Rat eines weisen Mannes, namens Drona, nahm der Streit ein Ende, und die Asche wurde verteilt und unter acht großen Grabmätern vergraben. Die Asche des Scheiterhaufens und der irdene Krug, der die Überreste enthielt, wurden zwei anderen Herrschern übergeben, damit sie gleichermaßen geehrt würden.

(Fortsetzung folgt)



# GEFANGENER DES VIETCONG

ERLEBNISSE EINES DEUTSCHEN  
IN SÜDVIETNAM

1963-1976

VON  
RUDOLF PETRI

## INHALT

Erster Teil  
Von Indien nach Südvietsnam

1. Von Indien nach Südvietsnam
2. Erster Aufenthalt in Saigon
3. Meine Mission für die Buddhisten Vietnams in Südasiens
4. Kidnapping oder Mordversuch ? (in Colombo)
5. Seefahrt nach Malaysia
6. Von Singapur nach Saigon
7. Besuch in Japan
8. Wieder in Saigon

Zweiter Teil  
Zickzackreisen in Asien

09. Zickzackreisen in Asien
10. Begegnungen mit einem Geist
11. Die Riesenschlange
12. Ein kleines Wunder
13. Der Tiger von Vung Tau
14. Amerikaner wurde Buddhist
15. Der unsichtbare Geist
16. Der Fall Vung Tau's

Dritter Teil  
In Vietcongshaft

17. In Vietcongshaft
18. Selbstmordversuch im Kerker
19. Ich wurde Gefangener "Nummer Eins"
20. Drei Vietcongs in Kerkershaft
21. Simulierter Selbstmordversuch
22. Tag der Freiheit
23. Wiedersehen mit Deutschland

Copyright C 1977  
Dr. R. Petri  
Reinbekerweg 50  
D- 2050 Hamburg 80



(Fortsetzung)

Senor Rigolo Staunte, er hatte garnicht gewußt, daß der Buddhismus nicht wie andere Religionen sei, sondern hatte geglaubt, daß Buddhismus dem Islam ähnlich sein müsse, denn beide wurden auf den Philippinen als Irrlehren gebrandmarkt, dafür sorgte schon die Kirche des Landes, welche das Recht der Rechtsgläubigkeit beanspruchte. Ich erklärte meinem Mitgefangenen das universale Gesetz von Ursache und Wirkung, wonach wir das ernten, was wir gesät haben, ob in diesen oder in einem vergangenen Leben. Aufmerksam hörte der katholisch erzogene Filipino zu und fand alles schön und wohl, gestand aber, daß er nichts begriff. Eine Stunde später schimpfte er wieder gegen "Gott", den er an der Wand zur Zelle 1 vermutete.

Es vergingen einige Tage. Weil in unserer Zelle Tag und Nacht das elektrische Neonlicht sehr grell brannte und mich lange wach hielt, merkte ich plötzlich, daß aus der linken Hand oder dem Unterarm von Senor Rigolo Blut floss; ich wurde sofort hellwach und schlug mit dem Stock gegen die Wellblechtür, um die Wache herbeizurufen, denn der Filipino hatte einen Selbstmordversuch gemacht, ganz offensichtlich. Still lag er auf der Pritsche und atmete schwer. Das Blut sickerte aus dem durchschnittenen Puls. Die Wache kam mit Gewehr auf der Schulter, als sie sah, was geschehen war, rief sie sofort nach den anderen Wachtern, auch diese stürmten mit gezogenen Pistolen hinein. Einer brüllte den Advokaten an und beschuldigte ihn, Senor Rigolo ermordet zu haben. Es war der kleine sechszehnjährige, fast noch kindische Vietcongpolizist, welcher diese Beschuldigung anstieß. Gelassen blieb der Advokat sitzen und verneinte, etwas mit der Tat zu tun zu haben. Ein anderer Polizist fragte nun den Advokaten, ob ich es sein könne, welcher sie gegangen habe; bevor der Advokat etwas antworten konnte, öffnete der Filipino die Augen und sagte: "Niemand ist schuldig, ich allein habe es getan, laßt mich sterben, haut ab!".

Doch nun kamen drei schwarzgekleidete "Krankenschwestern" und verbanden den versuchten Selbstmörder. Senor Rigolo starb nicht, sondern erholte sich rasch, denn er hatte eine robuste Kondition, sein Glück, oder? Er hatte sich die Pulsader mit einer Scherbe seines Wasserglases durchschnitten, wahrscheinlich aber nicht tief genug. Er und ich hatten von dem jungen Vietcongwachter vor wenigen Tagen je ein Wasserglas erhalten

zuvor mußten wir zum Trinken unsere kleine Reisschale benutzen. Nun wurden alle Gläser und andere scharfe und spitze Gegenstände aus den Zellen entfernt, und es türmten sich draußen auf dem Hof die Blechbierdosen, Gabeln, Messer usw. Wieder ein Erleichterung weniger, es dauerte zwei Monate bis man sie wieder einführte.

Ich wurde sehr krank und magerte stark ab; eines Tages brach ich zusammen. Sofort wurde ich wieder ins Krankenhaus gefahren und blieb dort eine volle Woche. Ein in Zivil gekleideter Vietcongarzt verordnete täglich Wasserreissuppe, so wenig, daß ich laut dagegen protestierte, doch er lachte nur höhnisch und ging weg, er hätte gut in Hitlers KZ's gepasst!

Ich wollte raus aus diesem Stall, das war kein Krankenhaus mehr, sondern wie gesagt ein "Stall". Die Bettwäsche bestand nur aus einem total verdreckten und teilweise serrissenen Laken, welches einmal vor der "Befreiung" weiß gewesen war. Ich bekam auf Bitte eine Decke, denn man sah, daß ich fror, auch ein Moskitonetz konnte ich erstehen, dank einer freundlichen Schwester aus der guten alten Zeit. Ich lag auf einer anderen Station als beim ersten Mal, darum war die englischsprechende Krankenschwester nicht auf meiner Abteilung, was ich sehr bedauerte; von Ferne grüßte sie mich manchmal, und als ich wieder aufstehen konnte, traf ich sie auf dem Gang. Wir setzten uns auf einer in der Halle stehenden Bank und unterhielten uns eine Weile, schon bald kam eine Vietcongwache in Zivil, lächelnd zog er eine Pistole, hielt sie hinter seinem Rücken und stellte sich auf drei Meter Abstand breitbeinig vor uns. Die Krankenschwester flüsterte, daß er dies immer tue, sobald sie mit einem Patienten spreche, ob er dazu Befehl hatte oder aus eigener Initiative handelte, wußte sie nicht, aber auf jeden Fall verstand der Vietcong weder Französisch noch Englisch.

Mehrere der noch im Dienst gebliebenen Krankenschwestern hatten ihre Männer, Brüder und andere Verwandte im Kerker. Viele Verhaftungen wurden gemacht, viele verschwanden auf Nimmerwiedersehen. Ich erfuhr, daß viel Inventar, Laken, Decken und Medizin usw. vor dem Zusammenbruch von Patienten und Personal welches floh, aus dem Krankenhaus gestohlen wurde. Die geflohenen Ärzte nahmen alle Instrumente mit, und die Vietcongs waren nicht in der Lage, neue zu beschaffen; alles verkam, und es gab keine Hoffnung auf eine

baldige Besserung. Russland und China taten sehr wenig für dieses kommunistische Land, wenigstens nicht soviel, wie sie hätten tun können, denn sie hatten ihre eigenen Probleme zu lösen. Kein kommunistisches Land hat bisher den Lebensstandard eines "kapitalistischen" Landes im Westen erreichen können, da mußte doch etwas in ihrem Sozialismus nicht ganz stimmen!

Durch die Spalte in der Fensterlade sahen wir mehrere Frauen und Kinder, das jüngste war ein Baby, vielleicht nur ein paar Monate alt. Seine Mutter hatte noch zwei weitere kleine, sehr hübsche Mädchen neben sich. Die Kinder wußten wohl nicht, was hier geschah, sie spielten unbesorgt im Hof. Die Frauen gingen auf und ab, trotz Hitze - besser Hitze als der Gestank der Zelle. Sie waren 45 Frauen und Mädchen, welche mit ihren Männern versucht hatten, aus Vietnam zu fliehen. Auf hoher See wurde sie von rotchinesischen Kriegsschiffen, welche von der Hainan Insel kamen, gezwungen, wieder ins vietnamesische Fahrwasser zurückzufahren, und dort warteten schon die Vietcongboote auf sie. Alle diese Frauen, Kinder und Männer wurde seit dem 1. Mai 1975, Tag des Sieges für die Vietcong, eingesperrt. Senor Rigolo erspähte seine Frau, sie war eine schlanke, grosse Dame mit weißem Haar. Sie war weiß im Kerker geworden, wie mir mein Zellen-genosse versicherte. Zwei katholische Nonnen klein, alt und fett, waren ebenfalls eingesperrt. Wir erfuhren, daß sie am Tage des Ausnahmezustandes, welche die Vietcongs über alle Städte verhängte, als sie den vietnamesischen Piaster entwerteten und das nordvietnamesische Geld einfuhrten, verhaftet worden waren. 500 südvietnamesische Piaster waren nun nur noch 1 nordvietnamesischer Dong. Alle Banken wurden in Vietnam geschlossen, nur die Nationalbank und Bank of America konnten existieren, letztere nur in Saigon und nur für internationalen Verkehr. Die zwei Nonnen zusammen mit der Mutter und ihren drei Kindern fuhren von einem Ort vor Vung Tau ab, um zu dem Kloster der Nonnen zu fahren. Auf dem Wege wurde der Ausnahmezustand verhängt - von dem sie natürlich keine Ahnung hatten. Sie fuhren in einer Lambretta, bei der Ankunft wurden sie und der Lambrettafahrer sofort verhaftet, und nun sassen sie schon zwei Monate oder so in diesen Kerker.

Plötzlich bekam ich eine Plastiktüte voll mit Brot, Zuckerrohrstücke, Süsskartoffeln, welche bereits gekocht waren, und Salat. Ich staunte und staunte noch mehr, als der Vietcongwärter mir auch noch einen Brief in

Esperanto gab - von meinem treuen französischen Freund Professor F. Simonnet! Er hatte es gewagt, von Saigon nach Vung Tau bis zum Tor des Gefängnisses zu kommen, das war Mut! Er schrieb, daß er alles tun würde um meine Freilassung zu erlangen, und er erzählte, daß der Sicherheitsdienst der Vietcong ihm auf schriftliche Anfrage mitteilte, daß ich verhaftet worden sei, weil ich ausländische Valuta im Besitz hatte; kein Wort darüber, daß ich als CIA-Agent verdächtigt sei oder, daß man vermute, ich sei der gewisse amerikanische Oberleutnant Petri. Alle waren nur lügenhafte Ausreden, um meine Verhaftung zu rechtfertigen. Doch mein Freund antwortete dem Sicherheitsdienst, daß ausländische Valuta von der neuen Regierung nicht vor Oktober verboten wurde, darum sei meine Verhaftung wegen Besitz solcher Valuta nicht gerechtfertigt.

Ich habe noch einige Durchschläge der Briefe, welche mein Freund an den deutschen Botschafter in Hanoi schrieb, sowie auch an die neue Regierung in Saigon.

Neue Gefangene wurde in unsere Zelle gebracht, zuerst kam ein fünfzehnjähriger Junge, welcher aber wie siebzehn oder achtzehn Jahre alt aussah. Die Wärter fesselten ihn ebenfalls an die Eisenstange, und ausserdem mußte er die Handschellen tragen. Es dauerte lange, bis der junge Mann zum Sprechen zu bewegen war, denn wir waren sehr neugierig zu wissen, warum er hier sei. Einige Stunden später erzählte er dann im Flüsterton, daß er und sein etwas älterer Freund auf dem Marktplatz von einer Vietcongstreife angehalten wurden, unter den Hemden der zwei jungen Leute fand die Polizei je eine Pistole, daraufhin wurden sie in aller Öffentlichkeit mit den Pistolenkolben zusammengeschlagen und ins Gefängnis gebracht. Sein Kopf und Nacken schmerzten noch, doch eine offene Wunde hatte er nicht. Die beiden konnten sich auf einige Jahre Kerker gefasst machen, dessen waren wir sicher. Der Junge behauptete, daß er und sein Freund (in der Nebenzelle) auf dem Wege zur Polizei gewesen wären, um die Pistolen dort abzuliefern, doch der Vietcong glaubte nicht an Märchen, sondern betrachtete sie als antikommunistische Partisanen. Der junge "Held" sprach ziemlich fließend Englisch und war ein Hochschüler, ich glaube in der letzten Klasse; nun war seine Laufbahn zu Ende. Hier im Kerker würde er noch so manches lernen, was nicht gerade für einen rechten Lebenswandel fördernd sein würde. Etwas später kamen noch einige Revolverhelden, ein Seemann, welcher angeblich Pistolen

# thơ



## Khóc cho quê hương

Thoảng một hôm nắng chiều vừa chợt tắt  
Tôi nghe tin tử hải ngoại vọng về  
Những thuyền nhân đã từ bỏ quê hương  
Bị cướp, hiếp, vùi thây trên biển cả.

Có những người đói dân trong một là  
Họ tranh nhau ăn từng miếng thịt người  
Để giết dành với thân chết tàn hơi  
Cho sống được đến những vùng đất hứa.

Ôi! dẫu phải họ là loài quỉ chúa!  
Hay giống dân man rợ của rừng xanh  
Cũng không là loài ác thú yêu tính  
Họ đã sống văn minh từ thái cổ.

Trong lịch sử dân tôi chưa từng có  
Cả triệu người lìa nước bỏ ra đi  
Cả ngàn người âm thầm chết ai bì  
Cả hàng vạn lưu đầy trong lao ngục.

Ôi! Độc lập, Tự do và Hạnh phúc!  
Chính là đây hay ở tận nơi đâu?  
Mà dân tôi vẫn đói khổ thảm sâu  
Máu lệ đã chan hòa bao tang tóc!

Có những đêm nhìn trời, tôi bật khóc  
Cho quê hương nước tiểu mèn yêu này  
Hỡi loài người trên thế giới hôm nay  
Xin thương đến Việt Nam nhiều bất hạnh.

● HOÀI NHÂN (Tháng 8-81)

## Thương về cố hương

Tôi viết đôi hàng gọi cố hương  
Lòng tôi ray rức vạn niềm thương  
Nhớ nhung tôi gọi về phương ấy  
Gói trọn tất lòng tôi vẫn vương!...

Buồn nào hơn nỗi buồn viễn xứ?  
Nhớ nào hơn nỗi nhớ quê hương?  
Nhớ Mẹ hiền tựa cửa mắt chờ mong  
Con từ xứ lưu vong vì bạo lực!

Mẹ ở lại với tháng ngày cơ cực  
Chưa nắng phơi, mưa gội tân đồng sâu  
Nhớ thương con nên sớm bạc mái đầu  
Đưa biệt xứ, đưa suốt ngày lao động.

Tôi còn nhớ những năm đồng ruộng trồng  
Vì trời khô, nắng hạn cháy làn da  
Cây chết đứng mặc sâu rầy đục khoét  
Dân lâm than, tá thán khắp gần xa!

Nhớ nhung ngày thiếu gạo độn sắn khoai  
Thêm rau mát, lục bình hay chuối ghém...  
Bụng đã rỗng ăn vào càng thêm xót!  
Nhìn lũ con khô, xót dạ mẹ cha...

Chiếc xuồng nhỏ cha chèo đi xứ lạ  
Mẹ tay bồng, còn tay tiếp dầm bơi  
Đến đất Mũi một về từng hạt thóc  
Mặc sông dài, sông cả, kiếm gặt gao...

Nhà Nước ta thì lúa ấp đầy kho  
Dành xuất khẩu mặc dân tình đói khổ  
Các đặc sản xưa dân làm dân hưởng  
Nay cũng làm những hưởng của thừa thối.

Thịt đến dân thì vụn vẩn, hư thối,  
Tôm còn dẫu, cá còn đước bộ xương...  
Lúa, dưa, đường, mía... nhà nước THU  
Nhưng MUA rồi chỉ trả PHIẾU mà thôi

Dân cầm PHIẾU đi châu dăm ba tháng  
Mua một lần nhưng TIỀN TRẢ từng phần  
Miếng hồ hào kêu nhân dân HỘ TẮC  
Nhưng "TẮT" hoài mà cứ vẫn thiếu ăn...

Tôi chỉ biết cầu Trời cho thoát nạn  
Dân VIỆT NAM sớm sống cảnh thanh bình  
Nước VIỆT NAM thôi tang tóc điêu linh  
Toàn dân VIỆT tự do và no ấm...

● TRỊNH QUANG KHÁNH  
(Nguyễn Minh Thiện)

# CÁI TÂM THƯỜNG

## VỐN ĐẶC BIỆT

Sau nhiều năm tìm kiếm một điều gì đó đã đặc biệt, và không tìm ra nó, tôi quay quắt tìm kiếm những cái tâm thường, và ở đó, trong những cái được coi là "tâm thường", tôi đã tìm ra cái đặc biệt!

Chúng ta thường nói "những ngày tâm thường nhạt nhẽo" hoặc "con người tâm thường", nhằm phân biệt ra "những ngày đặc biệt, siêu thoát và "con người đặc biệt", nhưng thực sự có như thế như thế chăng? Ngày hôm nay là ngày hôm nay; nó không giống bất kỳ ngày nào khác đã qua hoặc sẽ đến; nó vốn độc nhất và đặc biệt dù rằng điều này không có nghĩa là nó tốt hoặc xấu hơn; ý nghĩa đúng nhất là nó vốn khác lạ.

Trong chiều hướng đó, mọi người đều đặc biệt chính vì người ấy là người ấy, là chính con người mình, không một tí cố gắng để thành đặc biệt hoặc khác lạ đi. Quả thật, nếu người ấy cố làm cho mình đặc biệt hoặc khác người, người ấy sẽ không trở nên đặc biệt mà là thành tâm thường và xoàng xĩnh, bởi vì cố vô số người cố gắng thành đặc biệt, nhưng có rất ít bằng lòng với con người mình; dục vọng muốn khác công nhận chúng ta như kẻ đặc biệt đã làm chúng ta tâm thường, vì dục vọng ấy vốn là chuyện thế gian thường tình có lắm.

Nếu có người nhận ra, cách rõ ràng, rằng mình vốn đặc biệt, kẻ ấy sẽ không lầy lầm khoai trá hoặc chán chường vì chuyện đó, bởi vì hẳn sẽ thấy rằng tất cả những người khác cũng đặc biệt, cho dù kẻ khác có thể không nhìn ra được vì sao họ lại đặc biệt. Chúng ta đã đặc biệt chẳng phải bởi nghĩ rằng chúng ta vốn đặc biệt, mà là bởi sống với tư thế đặc biệt của riêng ta.

Một người như thế không màng nghĩ tưởng đến chuyện ngang hàng, vì hiểu rằng chẳng có chuyện như thế, rằng nó chẳng phải là sản phẩm của trí óc tưởng tượng, và không có chuyện đó hiện ở thiên nhiên. Chúng ta nào phải là những sản phẩm được sản xuất ra hàng loạt từ hệ thống sản xuất, cũng không phải là những đứa bé sinh ra từ những ống thí nghiệm trong quyển "Tân Thế Giới Hùng Cường" của Aldous Huxley mà là những con người, nên cũng vì như thế, chúng ta vốn khác lạ, đặc biệt và độc nhất, không có cái sánh bằng. Nhưng chúng ta phải khám phá, cho chính mình, trong chiều hướng nào

chúng ta lại khác lạ, đặc biệt và độc nhất; chỗ nên đời kẻ khác bảo chúng ta nghe; chúng ta phải sống như con người đặc biệt, tồn tại trong những quyền hạn và tự do của những người đặc biệt khác - tất cả mọi người.

Chỉ với cái nhìn sáng tỏ và sống với tình thương yêu đời sống, chúng ta mới có thể tạo dựng một thế giới không sợ hãi, nghi kỵ và hận thù, cũng tất cả những xung đột xuất sinh từ những thứ ấy, chứ không phải bằng luật pháp hoặc thông trị bằng sức mạnh. Một thế giới tự do như thế, dĩ nhiên, không tìm thấy đâu được những bạn và tôi, như những cá thể, không nên ngồi đợi chờ những kẻ khác khởi sự trước, mà phải chính mình khởi sự; chúng ta có đời sống của riêng mình để sống, như là những người đặc biệt. Đây chính là tôn giáo, một đạo đức giản, lột bỏ tất cả mọi huyền bí đã bao phủ quanh nó suốt bao thế kỷ. Nó không phải là điều gì dành riêng cho "Thiếu Số Được Lựa Chọn", ngoại trừ trường hợp chúng ta tự mình chọn lấy, và sống như là những con người đặc biệt mà chúng ta đã từng thực sự như thế. Chúng ta chỉ có việc là phải buông bỏ "lỗi tâm thường" trong đời sống mình; chúng ta sẽ không mấy khác đi trên phương diện vật chất thế xác, nhưng chúng ta sẽ khác đi trên chiều hướng nhìn ngắm mọi sự và sống.

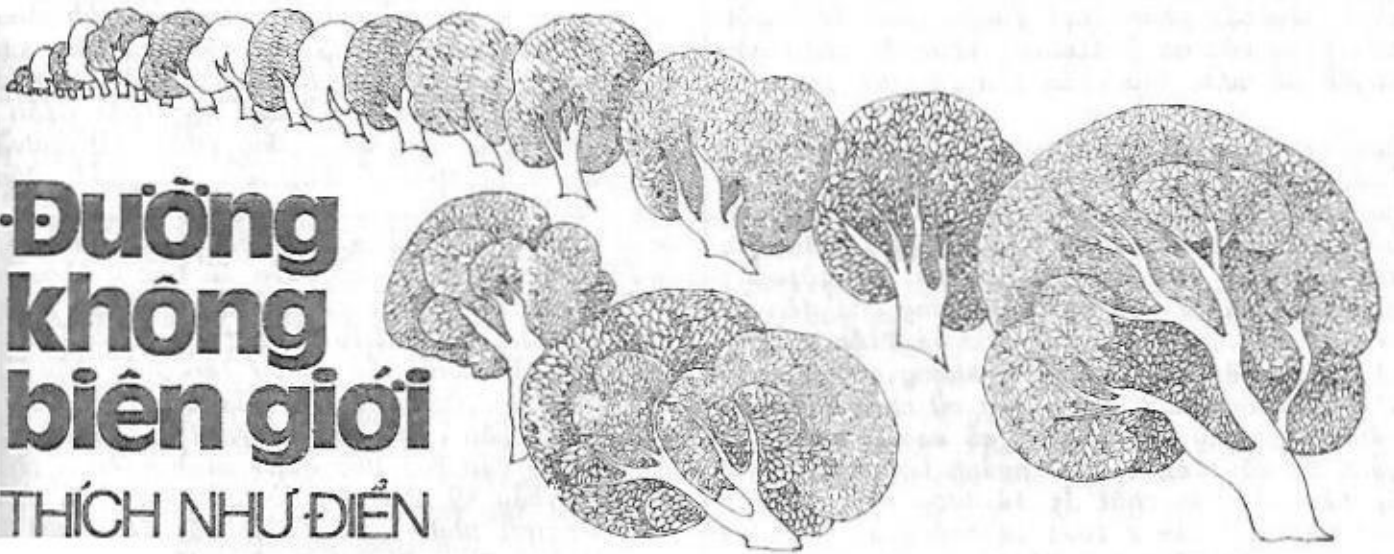
Bạn đã sẵn sàng chưa?

HỘ PHÁP



# Đường không biên giới

## THÍCH NHƯ ĐIỂN



(Kỳ thứ 25)

Đúng ra chúng tôi đã chấm dứt "ĐƯỜNG KHÔNG BIÊN GIỚI" ở kỳ thứ 24 vừa qua; nhưng có một vài Phật Tử đề nghị rằng: nên viết về Phật Giáo Việt Nam tại Đức trong những năm qua 1 cách tận tuớng hơn. Do đó chúng tôi vẫn lấy đề tài này. Nếu sau này có thể, sẽ đóng chung thành tập, xuất bản trong những năm tới.

Phật Giáo Việt Nam tại nước Đức chưa tròn 9 tuổi, nên cũng chưa có đủ thì giờ để nói rằng tốt hay xấu, hay hoặc dở, nhanh hoặc chậm v.v... Nhưng đâu sao đi nữa, những kẻ tiên phướng là những người hiểu rõ ngọn ngành nhất; nếu chúng tôi không viết hoặc không nói thì nhợ thế hệ sau khó mà tìm ra tông tích của Phật Giáo Việt Nam lúc mới du nhập vào đây. Chúng tôi định để vài chục năm sau mới viết, để có đủ thì giờ thẩm định giá trị của nó; nhưng 1 phần sợ quên đi. Phần khác vì ý thức được cuộc đời là vô thường, thế gian hàng như mộng nên đành phải chấp bút ngay từ bây giờ.

Cũng đã có lần chúng tôi viết về nước Đức, giới thiệu sơ qua về những sinh hoạt tại đây trên Viên Giác và quyển "LỊCH SỬ PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI TRƯỚC VÀ SAU NĂM 1975". Tuy không tận tuớng; nhưng phần chính hầu như đã đề cập đến.

Có nhiều người Phật Tử thích lối hành v ả n mà đời nửa đạo nầy; nhưng cũng có người khợ lạ. Vì cho rằng: đó chỉ là một tâm sự dãi đồng của một người tu sĩ. Nhưng cũng có lắm ng. là xem mục nầy để biết năm châu, bốn bể, để hiểu - không phải tâm sự của loài chim biển - mà tâm lòng của một người đã cắt ái ly thân.

Trong thế gian nầy lắm hạng người. Có người thích cái nầy, kẻ ưa món nọ. Dầu là một người thợ khéo đến đâu đi chăng nữa, cũng không thể nào làm cho khách hàng của mình vừa ý trọn vẹn được. Huống là một tu sĩ như chúng tôi, vụng về câu văn, nghèo nàn ý tứ, mà cứ múa tay múa chân hoài như thế nầy, làm sao không có điều sợ hổ. Vậy mong thay, những người có tâm đối với đạo hãy bỏ túc cho những điều khiếm khuyết ấy.

Đầu tiên phải nói lý do tại sao chúng tôi đến Đức để quý vị tận tuớng. Rồi đến đây, phải ở lại đây cho tới bây giờ.

Những tháng năm dài sống ở Nhứt, hết học hành đến thi cử, làm việc, cúng đám, du lịch v.v... tôi thấy như mình bị gò bó trong một hải đảo không hơn không kém; nên muốn thoát ra ngoài cái cương tỏa ấy. Đó cũng là điều dênhiếu thời. Khi người ta nóng, mong có gió mát. Lạnh muốn có hơi ấm, đang sống đời yên ổn cũng mong muốn có cái gì đó hơi khác lạ một chút thì đời sống mới vui tươi, chứ suốt ngày cứ ngồi trơ phòng đóng cửa lại hoài làm sao không khí mới vào bên trong cho được.

Người Nhứt tốt; nhưng tâm hồn họ cũng đóng khung từ cái ngôi, cái ăn, cái nói, cái giao thiệp v.v... nên tôi đã có ý định thay đời bởi chính tôi vậy.

Trong những năm tháng ở Nhứt tôi thường liên lạc thư từ với một người bạn cùng quê, lúc bấy giờ là sinh viên y khoa của Đại Học Kiel ở Đức. Nên một trong những lý do tôi đến thăm

nước Đức là vì những liên hệ đầu tiên đó.

Sau khi thi đỗ vào Cao Học Phật Giáo tại Đại Học Risso (Lập Chánh) tại Tokyo, học được một thời gian, tôi có ý định đi thăm Âu Châu một chuyến mà nước đầu tiên đến là nước Đức.

Đúng ra tôi phải tiếp tục ngành giáo dục học ở cấp bậc cử nhân lên cao học và tiến sĩ; nhưng sau năm 1975 thấy rằng cơ hội về nước không còn nữa; nên qua Cao học phải đổi ngành, biết đâu lại hữu dụng về sau. Và lại tôi cũng quan niệm rằng: Sự học ở trường chỉ đến Cử nhân là hết. Còn lên Cao học và Tiến sĩ thì gọi là nghiên cứu sinh, chứ không còn gọi là sinh viên nữa như ở cấp bậc cử nhân, chọn ngành nào cũng được, không có sao. Miễn sao ngành đó có liên hệ với ngành học của mình ở cấp bậc cử nhân chút ít là được rồi. Ở Nhật chia Đại Học làm 2 loại là "công học bộ" và "văn học bộ". Công học bộ là những ngành liên quan về công nghiệp, xí nghiệp. Văn học bộ là những ngành học liên quan về văn chương, giáo dục, triết học, Phật Giáo v.v... Đương nhiên cũng còn có "y học bộ" hoặc một vài học bộ đặc biệt khác. Nhưng đa phần chỉ có 2 học bộ trên là nhiều hơn cả.



Sở dĩ tôi chọn Đại Học Viện Risso là lúc bấy giờ đang ở chùa Honryuji (Bốn Lập Tự) ở Hachi-oji; chùa này thuộc Tông Nhật Liên; nên học Đại Học này là một điều hữu lý và vì Đại Học này có những bậc đàn anh đã tốt nghiệp tại đó như Thượng Tọa Thích Minh Tâm, Thượng Tọa Thích Trí Quảng, Thượng Tọa Thích Chơn Thành v.v... nên tôi đã thi vào đó. Lúc thi có 37 người tất cả; nhưng khi đậu chỉ có 12 người, tôi đứng hàng thứ 7. Kể như thế cũng là may mắn. Vì tôi đã bạo gan chọn những sinh ngữ khó để thi. Chọn Pháp văn làm sinh ngữ một. Hán văn làm sinh ngữ hai. Còn Nhật ngữ đương nhiên là như quốc ngữ rồi. Đa số là các vị Tăng sĩ, chỉ có vài ba người cử sĩ mà thôi. Sau khi thi đậu xong phải đóng tiền trường. Ở Nhật không như ở Việt Nam mình là các tu sĩ học trường Bồ Đề hoặc trường tứ đều được miễn. Ngược lại, phải sòng phẳng. Vì các vị Tu sĩ Nhật rất giàu có. Còn tôi thì chẳng có tiền.

Sau khi biết được tôi đã đỗ vào cao học, phân khoa Phật Học, Thầy S.Oikawa trụ trì chùa Honryuji có hỏi về học phí. Tôi trả lời là còn chỉ được mấy chục ngàn Yen (tương đương với vài trăm DM). Trong khi đó phải đóng cho niên khóa đầu của Cao học là 320.000 Yen tương đương với 3.200 DM. Đó là Đại Học Phật Giáo, còn những Đại Học khác cũng tương tự như vậy. Nếu mà học y khoa ở Nhật, mỗi năm phải đóng học phí ít nhất là 10.000 DM. Lúc bấy giờ ở Nhật có khoảng 800 sinh viên. Nhưng chỉ có 1 hoặc 2 người gì đó có tiền để học y khoa mà thôi. Có nhiều người có khả năng nhưng không có tiền thì đành chịu. Ở Nhật có 3 loại trường là: Quốc lập, Công lập và Tư lập. Quốc lập là của nhà nước, Công lập là của Huyện hay Tỉnh (loại này bán công bán tư) và loại saucung là Tư lập. Để vào Đại Học công, sinh viên phải thi năm, bảy kỳ như vậy có khi còn chưa đậu. Đó là người Nhật - do đó có rất ít người VN ở Nhật học được Đại Học công lập mà đã số học ở Đại Học tư lập. Trong 950 Đại Học hiện có tại Nhật thì có chừng khoảng 100 Đại Học quốc lập, 200 Đại Học công lập và số còn lại là tư lập. Phật Giáo chiếm gần hết 40 đến 50 Đại Học rồi. Ở Nhật thi vào trường rất khó; nhưng sau khi đậu vào rồi, ra trường rất dễ. Bậc Đại Học ở Nhật có 4 năm; Cao học 2 năm và Tiến sĩ 3 năm. Vị chi là 9 năm. Trung học 12 năm. Gồm có Tiểu học 6 năm và Trung học đệ nhất cấp 3 năm đệ nhị cấp 3 năm. Không giống như ở Việt Nam là Tiểu học 5 năm, Trung học đệ nhất cấp 4 năm và đệ nhị cấp 3 năm. Sau này thay đổi ra sao chúng tôi không biết vì đã xa nước lâu năm; nên có lẽ cũng có một vài đổi mới chẳng? Còn ở Đức từ Tiểu học lên Trung học đến 13 năm. Sau khi xong Trung học đệ nhất cấp có nhiều loại trường chuyên môn nữa. Đại học ở Đức thì vô chúng - từ 8 Semester trở đi có thể tốt nghiệp (nghĩa là 4 năm; nhưng ít ai đoạt được giải này. Thông thường là 12 hoặc 14 Semester. Có người học 20 Semester nhưng vẫn chưa ra trường). Ở Đức không có Cao học như ở Mỹ hoặc ở Nhật. Sau khi tốt nghiệp cử nhân là làm luận án tiến sĩ. Do đó sự học đời từ nước này qua nước kia cũng không phải là đơn giản.

Thầy S.Oikawa thấy tôi không tiền nên cho tron số tiền ấy để đóng tiền trường và tôi chỉ phải làm một điều kiện là sưu tầm các thư mục của Phật Giáo và Văn học của Việt Nam hiện có tại ngoại quốc mà thôi. Công chuyện tuy đơn giản nhưng khó khăn vô cùng. Đây cũng là một lý do để tôi bỏ học ở chúng, đi Đức và Âu Châu để tìm sử liệu vậy.

Mới thi đậu vào Cao học xong, học được mấy tháng tôi lại có ý định sang Âu Châu. Tôi đem ý kiến này lên thưa với Thầy trụ trì, Thầy đồng ý và cho nửa vòng vé máy bay và nửa vòng còn lại thì người bạn ở Đức gửi cho mượn. Vì

đi định về nên phải mua vé khứ hồi và hành trang của tôi cũng chỉ vồn vẹn có một cái va ly cùng y áo của một người tu.

Thầy Chơn Thành và một vài người Phật tử khác tiễn tôi lên phi trường Haneda. Hôm đó là ngày 22 tháng 4 năm 1977. Sở dĩ tôi chọn ngày 22 vì ngày ấy cách đó hơn 5 năm về trước (22.2.72) tôi đã rời Việt Nam để đến xứ Phù Tang - học hành tu niệm. Thầy Chơn Thành trao cho tôi một phong thư và bảo rằng qua bên đó tùy nghi xử dụng. Chuyên máy bay số mấy tôi không nhớ; nhưng thuộc hãng hàng không Lufthansa - của Đức. Có một chuyện hơi buồn cười là kết quả đến nay tôi đi không biết bao nhiêu loại máy bay; nhưng giấy máy bay và thẻ lên tàu từ Tân Sơn Nhất của hàng không Air Vietnam và ngày 22.2.72 là tôi vẫn còn giữ cho đến ngày nay. Có lẽ đó là chuyến tàu cuối đối với tôi mà cũng là chuyến bay dài nhất của Hãng Không Việt Nam lúc bấy giờ. Sài Gòn - Hồng Kông - Taipei - Osaka và Tokyo. Năm 1974 tôi và một vài người bạn Nhật có về lại thăm quê một lần; nhưng giấy lên tàu cũng không còn giữ lại nữa. Hy vọng rằng còn có chuyến về thăm quê mẹ sau khi đất nước không còn sự cai trị của người Cộng Sản nữa. Để "ĐƯỜNG KHÔNG BIÊN GIỚI" của tôi thực hiện được trọn vẹn lời nguyện ước là "không biên giới" trên quả địa cầu này.

Đến quầy cân hàng có một cái điện tín của 1 người bạn của bạn tôi từ Hannover đánh sang bằng tiếng Anh là khi đến Hamburg sẽ không đi đón được. Thoảng buồn hiện lên nét mặt, không biết tại sao lại có chuyện này. Đang băng khuâng nghĩ ngợi thì Thầy Chơn Thành từ giả về đi làm, còn tôi một mình một bóng lang thang đi vào hành lang của con tàu ấy. Người cảnh sát phi trường thâu giấy ngoại kiều và hỏi rằng có trở lại Nhật nữa không? - Tôi mỉm cười đáp. - Ông cứ xem nơi giấy tờ. Rồi lặng lẽ ra đi như vào trong thiên thu vĩnh biệt.

Lúc bấy giờ Thầy Bảo Lạc - anh ruột của tôi và Thầy An Thiên vẫn còn ở Nhật; nhị bản học và đi làm nên không tiễn đưa được và cả Thầy Minh Tuyên cũng thế. Bấy giờ 4 Thầy đã lên Thượng Tọa cả rồi và ai cũng đã tốt nghiệp trường hành Đạo cũng như trường hoằng Đạo. Đó là Thầy Chơn Thành, Thầy Nguyễn Đạt, Thầy Bảo Lạc và Thầy Minh Tuyên. Còn Thầy An Thiên thì sắp vinh quy bái Phật nay mai. Nhưng kệ phải "vống ai đi trước, vống mình theo sau" mà là chuông trống bát nhã đang chờ đón Thầy đó!

Lên máy bay nhìn xuống toàn là mây màu trắng. Ở dưới trời vẫn còn lạnh; nhưng chẳng thấy mặt trời. Bấy giờ lên không trung thấy mặt trời lại chói chang nhức mắt. Lối Đức Phật dạy

từ ngàn xưa cũng đúng. "Mặt trời lúc nào cũng hiển hiện. Nhưng tại vì mây mù nên che khuất đó thôi". Hoặc "không phải vì người đi mà mặt trời không mọc; sở dĩ người đi không thấy được mặt trời. Vì mắt họ bị mù". Cũng như thế ấy đó, giáo lý của Đức Phật, con đường cứu khổ nhân sinh vẫn hiển hiện khắp không gian và thời gian; nhưng vì bụi mờ vô minh nên chúng sanh chưa ngộ được chân lý ấy thôi. Chứ chân lý thì bao giờ cũng vẫn ở đó. Chỉ có con người. Chối từ chân lý, chứ chân lý thì không xa con người. Giáo pháp của Đức Phật giống như ánh sáng của mặt trời. Sở dĩ chúng ta chưa thâm nhập được là vì chúng ta còn mê mờ ấy thôi. Nếu chúng ta cố gắng, chúng ta sẽ đạt đến được sự giác ngộ và giải thoát. Vì "sau cơn "mây" - trời lại sáng". Phải hiểu như thế mới học hỏi được giáo lý của Đức Phật một cách trọn vẹn. Ngược lại, chỉ làm bạn với si mê, dục vọng mà thôi.

Mở thư Thầy Chơn Thành ra - lúc bấy giờ Thầy là Chi Bộ Trưởng Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Nhật - bây giờ Thầy đang hành đạo tại Hoa Kỳ - Thầy ấy giới thiệu với các hội đoàn và các tổ chức ở đây về tôi và về các công việc Phật sự tại Nhật để để bề ngoại giao. Tôi gấp thư lại và đắm chiêu suy nghĩ về tương lai và về một chân trời mình sắp đặt chân đến. Trong trí tôi vẽ vời bao nhiêu chuyện nhưng không biết có thực hiện được chuyện nào không, nên đánh trống lảng bằng cách quay sang những người Nhật để nói chuyện trên trời dưới đất.



Máy bay ghé ở Alaska rồi sau đó hướng về Hamburg. Từ Nhật đi Âu Châu có 2 cách. Từ Tokyo đi Moskou và từ Moskou đến Âu Châu. Cách khác là bay vòng Bắc Mỹ để sang Âu Châu. Cũng còn có cách thứ 3 là qua Thái Lan rồi đi Trung Âu để đến Âu Châu; nhưng cách này dài dòng vất vả lắm, ít có người đi. Chỉ trừ những khách du lịch thôi, chứ những thương gia thương hay đi đường tắt để mau đến đích.

Máy bay đáp xuống phi trường Hamburg mới 6g 40 phút sáng ngày 23 tháng 4 năm 1977 sau 18 tiếng đồng hồ bay. Người cảnh sát tại phi

trường nhìn tôi có vẻ tò mò. Đây là lần đầu tiên tôi bị một người tò mò. Vì ở Nhật và ở Việt Nam, ai mà không biết là một tu sĩ Phật giáo, khi đầu mình cạo tóc ngắn, mặc áo nhàu. Điều tò mò đầu tiên là ông ta nhìn tôi từ đầu đến chân. Điều thứ hai là cái giấy thông hành. Ông ta hỏi tôi bằng tiếng Đức, tôi lắc đầu. Ông xoay sang hỏi tiếng Anh. "Tại sao đến giờ này ông vẫn còn dùng Passport này. Khi chính quyền miền Nam đã mất?". Thế là một màn kể gà, kể vịt lại lôi ra với một mớ tiếng Anh trọ trẹ ấy. Tôi bảo rằng: "Miền Nam Việt Nam đã mất; nhưng Passport tôi vẫn còn hiệu lực cho đến tháng 4 năm 1980 và Sở quán Đức tại Tokyo đã đóng giấy chiếu khán nhập nội lên đây, nghĩa là họ đã công nhận tôi và tôi có quyền vào nước Đức chứ?". Người cảnh sát này hiểu điều đó; nhưng mang cái Passport Việt Nam Cộng Hòa của tôi đi hỏi một hồi, khiến cho 1 hàng người đứng sấp hàng sau tôi phải chờ đợi. Ông ta tiếp - tôi đồng ý cho ông vào; nhưng phải điều chỉnh lại tình trạng hợp lệ. Tôi mừng quá và khệ nệ mang hành lý hộ thân qua chỗ nhận đồ và quan thuế.

Xong mọi thủ tục tôi ra ngoài cổng chính. Không khí ban mai vào một sáng tháng 4 đã lạnh mà buồn hơn nữa là chẳng thấy một người Việt Nam nào đi đón cả. Cái lạnh này lại còn buốt tận xương tủy nhiều hơn và cô đơn chila. Dầu biết rằng đi tu là chấp nhận điều đó. Nhưng đã là con người, đôi khi nó cũng có cái trống vắng lạ thường. Tôi vào ngân hàng đổi tiền lẻ để gọi điện thoại. Tôi cũng chẳng biết là khoảng cách từ Hamburg đến Hannover nó xa là bao nhiêu nên chỉ bỏ 50Pf vào điện thoại. Điện thoại ở đây lại khác ở Nhật - nên phải sau một hồi hồi thăm mới xử dụng được, quả thật là thiên nan vạn nan. Mới gặp người đầu giấy nói được 3 tiếng đã hết tiền. Đầu giấy bên kia bảo: "Anh chờ tôi gọi cho người bạn của anh đi đón. Vì bạn anh đang đi thực tập gần Trappenkamp, chưa đi đón anh được". Nói chưa xong việc đã hết tiền, đi đổi tiền nữa. Nhưng tôi tự nghĩ lại - kể từ khi đi tu đến bây giờ chưa có ai gọi mình bằng anh hết cả. Gọi chú thì có. Đó là chú tiểu. Còn gọi Thầy thì đương nhiên rồi. Nghe tiếng "Anh" nó ngợ ngợ làm sao. Tôi lại tiên đoán lung tung, có thể người này là Thiên Chúa hoặc là một Phật Tử; hay sinh viên xa nước lâu ngày chắc quên đi cách xưng hô chẳng! Nhưng cái gì cũng được miễn sao nói được tiếng Việt Nam là vui rồi. Sau khi đã liên lạc lần thứ 2 và thứ 3 tôi được biết là anh ta đã liên lạc được với bạn tôi và bạn tôi sẽ đến đón. Nhưng tôi quên hỏi là từ đó đến đây phải tốn bao nhiêu giờ lái xe và tôi phải chờ bao lâu. Sau hơn 2 tiếng đồng hồ chờ đợi, tôi đã gặp được bạn tôi, mặc áo xanh, quần đen, có 2 hàng râu mép trông ngộ ngộ - và một người đàn bà. Bạn gái tôi hiểu bằng

tiếng Đức với cô ta và cô ta nói tiếng Anh với tôi, đưa tay ra bắt. Tôi không biết phải làm sao đây. Vì xưa nay có người đàn bà nào mà dám bắt tay một tu sĩ đâu! Bây giờ thì tôi đã chịu trận rồi. Biết tính sau đây. Nhưng khệ lể đưa tay xá lại thì cô ta quẽ chết đi sao. Nên tôi miễn cưỡng bắt tay.



(Còn tiếp)

## thơ



### Đêm dài nhiệt đới

Ánh chớp sáng ngời, một vì sao rơi  
 Những đêm dài nhiệt đới  
 Hãy thấp sáng, vùng hào quang ngũ sắc đêm đen  
 Thiêu đốt ty hiêm, ích kỷ, nhớ nhen  
 Để viết bài thơ nhớ nước, nhớ nhà  
 Em như mây trời, nhẹ như sáo điệu ngân nga  
 Cầu khẩn như : lời kinh  
 Bình minh một ngày trên vùng đất lạ  
 Vũ trụ bao la  
 Trố bông hoa : Tha thứ, đùm bọc, yêu thương  
 Lý tưởng nhân tính tình người thời thượng  
 Hãy chia sẻ, hãy lắng nghe  
 Nhịp đập trái tim cùng chung dòng máu  
 Và nắm tay nhau  
 Ca lên lời kinh cầu, xóa tan đi vãng  
 Tiếng hát trẻ thơ đưa vang  
 Đêm tàn canh, giọng ru hời của mẹ  
 Là giọt nắng sớm  
 Là cánh sương mai  
 Ánh nắng ngàn sao thấp sáng  
 Cầu ca dao trên đồng lúa chín vàng  
 Trong đêm dài nhiệt đới  
 Sao tàu vẫn ra khơi? Khi chưa có mặt trời!  
 Bả con nổi trôi trên vùng biển chết!  
 Ôi! Những người Việt Nam khổ khổ!  
 Liều chết ra đi bao giờ mới hết?  
 Sao mãi nhìn nhau vẫn chưa đoàn kết.

● THUY KIM (Ravensburg)



Hồi ký

# CHUYỆN

## MỘT

## GIÒNG

## SÔNG

PHẠM HỒNG SÁU

*Viết tặng những vị thầy khả kính  
những người anh, người chị,  
những người bạn đã cùng tôi  
đi trên đường đạo và đường đời.*

*Đặc biệt tặng cho NHIÊN người bạn  
đời đã cùng tôi đi trên những trang,  
giọng hồi ký và các em trong gia đình  
Phật Tử ở hải ngoại hôm nay.*

(tiếp theo)

Mùa thu năm đó, khi những chiếc lá vàng bay rơi cùng xác hoa phượng vĩ trước sân trường đã qua một mùa hè, chúng mình bắt đầu nhập học, sân trường ngập bóng dàu xanh, náo nức ngày vui niên học mới, những vắng đi tháng Pháp, anh cả của chúng mình.

Thế là từ đây mở đầu cho những bước chân đi Gia đình Phật Tử Chơn An cũng vắng đi hình bóng nó. Nó già từ Hội An để vào trường Quốc Học Huế tiếp tục hướng tương lai. Dù rằng sự xa cách chỉ mấy tháng, sau đó, chúng mình gặp nhau lại vào mùa hè, những bốn tháng còn lại cảm thấy như đánh mất một cái gì, như cuộc vui vắng đi người tri kỷ.

"Đường phố Hội, chiều đi thiếu bạn,  
Sông Thu buồn, vắng kẻ lội ngang...".  
Vào tuổi xanh ai cũng có bạn, nhưng bạn tâm đầu thì cũng rất hiếm hoi.

Và rồi dưới mái trường, dưới mái chùa, vui trng sinh hoạt, chúng mình cũng mau quên sự thiếu vắng đó. Đời còn xanh theo bạn chung bước, sánh vai. Chúng mình trở thành "Tứ quý"...

Hai đứa mình quen con Tố Nga, học dưới mình một lớp, thường ở nhà ba mẹ nó gọi Mộng Thu,

người Bắc di cư vào Nam sau cuộc chiến, tuổi trăng tròn và có tiếng đẹp gái nhất Hội An, hay nói cách khác, hoa khôi trường Trần Quý, Cấp. Chúng mình quen cũng chỉ để mà quen, chứ chẳng có nghĩa gì khác, để gặp nhau chào và đứng hỏi chuyện dăm câu.

Đầy phố nó ở đối diện nhà mình cách chừng năm mươi thước, đường Chùa Cầu, trước mặt nhà chị Mai. Bạn đến mình, phải đi ngang trước nhà nó, chúng mình rủ nhau đi, rồi nhận lại một cái...

Đêm Noel về trong mùa đông giá lạnh chuông nhà thờ đổ, báo hiệu Chúa giáng sinh, chúng mình tiến chân em đến tận giáo đường rước Thánh lễ, nó có niềm tin, chúng mình cũng có niềm tin; tình Phật-Chúa nghi cũng đồng nhau cả.

Em vào cầu kính, chúng mình ra sân coi phim "Thập Tự Giá", Chúa bị đóng đinh máu chảy ròng ròng. Thánh lễ xong cũng quá nửa đêm, cái lạnh về khuya càng thêm giá buốt, chúng mình đón em và tiến bước song song, em nói về Chúa, chúng mình kể cho em nghe về Phật.

Màu áo em thiên thanh, cổ quàng khăn len trắng dáng yêu kiều thật đúng gái Thăng Long; bạn thi nhân nên hồn thơ lai láng, mình có chút văn nên thấy đẹp tựa lá thu vàng.

Đến trước sân nhà, ba mẹ em cũng vừa về đến, hỏi chúng mình: Các cậu có vui không?...  
- Dạ vâng! Hai Bác à!... Chúng mình nói theo giọng Bắc Kỳ. Rồi tứ gia về nhà, bạn và mình rẽ theo đường đôi ngả.

Nằm trên giường, mình còn nghe chuông giáo đường vắng vắng đổ xa xa...

...

Cây bàng trước sân nhà thằng Pháp trái bắt đầu rụng, mình cũng theo gia đình đi chuyên ra Đà Nẵng làm ăn. Thế là "Ngũ quý" Hội An chỉ còn ba đứa.

Bạn dẫn mình tới nhà con Mộng Thu, thổ 1 ở i giả biệt, nó tặng mình bản nhạc "Người Về", còn bạn nhận bản "Các Anh Đi". Làm sao hiểu nổi tâm tư người con gái đất ngàn năm văn vật chắc phải sâu sắc hơn người con gái Trường Sơn và phố Hội nghèo nàn.

Trong bạn Các Anh Đi, rồi các anh lại về:  
"Nồi cơm nấu dở, bát nước chè xanh  
Ngồi vui ta kể chuyện tâm tình xa xôi...".  
Còn "Người Về" áo nào hôn:  
"Trời làm cơn mưa bao  
Tình người như tờ liếu  
Buồn về ai đó, khóc ai trong chiều...".

Hai bài hát có nội dung hơi giống, chỉ khác nhau về tiết để bài, lại trao ngược cho hai thặng trong ngũ quý. Nhưng chúng mình chẳng có gì suy nghĩ, chỉ thoáng qua như đám mây, rồi tan biến giữa bầu trời.

Hôm mình đi, nó đến tiễn mình hơi sớm, lúc lên xe lại có các bạn mình. Nhìn thặng Sơn mặt mày héo hắt, thặng Thạch (cảng quý) đứng chạy lẩn xăn, còn bạn lúc nào cũng tếu, nói chuyện ra là vỗ tay cười.

- Gió ra chổi, ngồi bên hành lang trường Phan Chu Trinh, thường về phố Hội và nhớ mấy bạn không tả được, chỉ gặp lại cũng phải đợi đến kỳ hè.

Thời gian đi, chúng mình cũng lớn lên trong những ngày chinh chiến, chuyện ước mơ nổi gót dần anh tha thiết với quê hương. Nếu Nguyễn Công Trứ ông còn sống, chắc ông vui và hiên hách có kẻ giữ giàng nói.

Người con gái Trường Sơn thích chồng mình theo cung mã, khi quê hương bùng dậy khói Cam Tuyền, lúc trống Tràng thành lung lay bóng nguyệt. Họ chấp nhận của nầy đành phân thiệp và chớ chồng về qua mái tóc chàng Siêu. Tâm tị họ không khác gì người con gái Nhật, vì mảnh đất Phù Tang, dám hy sinh đời mình phân bạc, tiễn chồng lên phi cơ Thân Phong đi giết giặc.

Chúng mình thân nhau nên hiểu nhau tất cả, 3 đứa mình thích mộng hồ thi, kiêu cung. Còn thặng Sơn, thặng Thạch thích mộng ông đồng ngồi phành phạch vo dẫu lũ trẻ nhỏ. Chỉ ước mong cho trẻ nó nên người, thay cha anh giữ gìn quê cha, đất tổ.

Ngày đó mình nhận được thư thặng Pháp từ Huế gói về, báo cho biết hệ nầy nó không trở lại Hội An, nó bận theo loại hoa biên, vào trường Hải Quân để học khóa sĩ quan. Đọc xong thư nó mình nửa mừng nửa diên, vì mộng nó là mộng của mình, mình khát khao, nhưng phải rán ngồi lại ghé nhà trường.

Hè đến, trước khi về Hội An, mình đi thăm quê ngoại, làng Nam Yên và xóm Cổ Thôn vẫn lặng lẽ như ngày đầu mình trở lại, duy vui mừng thấy ông ngoại mình còn mạnh khỏe như xưa.

...

Chiếc hải vận ham Lam Giang (HQ.402) mang nhẽ thặng con trai cùng lứa tuổi, những thặng con trai mơ ước mộng sông hồ, khởi hành từ quân cảng Đà Nẵng.

Ngày đầu tiên vào cuộc đời thủy thủ, mình mới thấy được cái hùng vĩ của quê hương, mảnh đất

thân yêu nằm ven theo bờ biển Thái Bình, nhẽ tôi nghiệp đã hứng quá nhiều bom đạn. Mình chẳng mình được, những gì mình đã học, khê mù mờ, không đón giặc như những trang địa lý ghi đại khái đất nước thân thương. Mình cảm được cái gian lao của người đi biển, không êm xuôi như những luồn sóng nhỏ vượt nhe thân tàu.



Đến bên Nha Trang giữa khuya, sau hai ngày lênh dênh trên biển, mình xách hành trang cùng những bạn đồng lứa lên bờ. Thặng Pháp đón mình nói quân trường ngoài công, gặp nhau mừng, không biết tả sao hơn. Sóng biển Nha Trang rì rào theo những hàng thông trên bãi vắng, chuyện chúng mình, chuyện của tướng lai; bao nhiêu chuyện ngày đi và quê hương xa cách.

Đêm đã khuya, mình chia tay về ngủ, để ngày mai đảm nhiệm chuyên quân trường. Những ngày thặng quân trường gian lao, buồn vui có chúng bạn, mình thường gặp nhau ở dẫy sau nhẽ giớ chiếu rảnh rồi hay những buổi dạo phố Nha Trang trong những ngày cuối tuần. Đường Độc Lập, Tháp Bà, Hòn Chông hay bãi biển là những nơi quen thuộc, hai đứa mình thường lui tới, chug cái vui của thiên hạ đang hưởng thụ ở ngoài đời; ngắm những tà áo trắng, những mái tóc thề những chiếc gót son... để quên đi những nỗi nhọc nhằn trong suốt một tuần mà những thặng con trai đương lứa tuổi đã kham chịu quá nhiều mệt.

Thời gian cũng thấm thoát qua nhanh, ngày gia tử đã đến, dĩ nhiên có kẻ ở, người đi, đứa quân trường, người ra đón vị, cái viên ảnh tướng lai đó, chúng mình cũng cảm được những cách trở từ đây. Thời chinh chiến, mấy ai mai được gần nhau, kể cả tình chồng vợ hay người yêu dờn cõi bé bỏng. Niềm hy vọng của mình lã gặp nhau trên những chuyến tàu xuôi ngược hoặc trong những chuyến hải hành. Thời gian và thời gian trong cuộc đời sông nước, chúng mình vẫn cách trở xa xôi, xa xôi, rồi một ngày đó, mình gặp lại nhau trên một chuyến hải hành.

Bây giờ nhìn lại nhau, nét phong sương thấy rõ, cái vầng trán bạch diện ngày nào đã điểm cho màu da sạm nắng, cái thứ sinh ngày nào đã

tô lên cho chút ít phong trần, nhẽ dáng điệu  
và nụ cười không mấy thay đổi.

Anh trai sông hồ,  
Em gái hậu phường,  
Gặp và thường anh vì quê hương hoài  
chinh chiến.

Ấy vậy cho nên chúng mình ở tuổi ba mươi mà  
vẫn ngỡ như còn trẻ ấy, hẳn vẫn luôn nói  
chuyện têu như ngày nào.

Kể về Nam, người ra Trung, hai chuyến tàu chỉ  
gặp nhau trong khoảnh khắc, rồi mỗi đứa lại  
giã từ. Mình ra vì tuyến mới bảy, sau 10 ngày  
lệnh dệnh trên vùng cấm phận, mình được về  
bến Đà Nẵng nghỉ ngơi, mình đi về thăm nhà và  
vào lại Hội An thăm các bạn.

Cảnh cũ vẫn còn đây, đường phố Hội chiến di  
vẫn rộn rịp, nhưng những tháng bạn năm n à o  
dấu chẳng thấy?!... Mình nghe nói bạn đã vào  
quân đội trấn đóng ở miền xa, còn thằng Sơn,  
thằng Thạch đã theo mộng ông đồ, đi dạy học  
nói xa thành phố. Mình gặp lại những người  
thiếu nữ ngày xưa trong đám xuân xanh ấy,  
nhưng ngày nay đã tay âm tay bóng; họ kể lại  
thằng Pháp mới tới đây trong mấy tuần về  
trước, nó neo tàu ở chỗ bến sông Thu, người  
phố Hội tỏ mò ra xem chiến hạm, kẻ lên bờ toàn  
màu trắng Hai quân, kẻ đến có một người đi lên  
cũng trong màu trắng, chẳng ai xa, thằng Pháp  
"ngũ quý" ngày xưa.



Mình suy tư nề nó gan lì, bởi giòng sông nước  
không sâu và nguy hiểm, nếu không may tàu làm  
Giang mắc cạn, dôi diện quân thù, chắc chiến  
hạm chẳng mấy được yên thân. Chiếc Hải vân hạm  
Lam Giang mỗi ngày nào đưa bọn mình vào quân  
ngũ, kẻ đàn anh trao lại kẻ đàn em, để hôm nay  
nó trở thành hạm trưởng, giữ con tàu n ô i  
nghiep hùng anh. Họ nói rằng, hẳn về đây thăm  
nhà, rồi cũng ra đi từ dạo ấy, nhẽ người trai  
chẳng còn ai ở lại phố nhỏ thân thương.

Mình lặng lẽ dần bước âm thầm đi qua những  
hàng phường vĩ, ghé vào thăm những nhà cũ quen  
xưa; rồi từ đó dõi mình cứ mãi theo giòng vô  
định, phố Hội An mình chẳng được trở lại bao  
giờ!...

Năm mươi ngày tuần tiêu trên vùng biển vì  
tuyến mới bảy, mình nhận được công diện của  
Bộ Chỉ Huy hạm đội, chỉ thị chiến hạm mình  
đến công tác tại Qui Nhơn, yểm trợ cho một  
chiến dịch kéo dài hơn sáu tháng. Thế là ước  
mỏ của những thằng trai như mình đều tan vỡ  
ai cũng mong sớm về Sài Gòn để gặp lại người  
yêu, nhất là những ngày dài luôn luôn sông  
lặng lẽ.

Trời Qui Nhơn vào đông nên mùa buồn và thêm  
gió mùa đông bắc lạnh, nhìn núi Vọng Phu tườg  
đá đứng trờ vớ, nghĩ thường người chinh phụ  
ôm con buồn, gối lẻ, vì người yêu bé bỏng xa  
xôi của bọn mình.

Chiếc Hộ tổng hạm Kỳ Hòa (HQ.09) con tàu thân  
yêu đã mang bọn mình đi tứ miền đông nước Mỹ  
vượt Đại Tây Dương và vượt cả Thái Bình Dương  
về Việt Nam nó không còn đi đâu xa nữa, chỉ  
tối lui bảo vệ những giòng sông, cùng những  
vùng biển quê hương yêu dấu. Bảy giờ năm tại  
đây theo chiến dịch, nó không buồn vì nó là  
vật vô tri, nhưng bọn mình nỗi buồn ngày càng  
thêm da diết. Xứ Qui Nhơn đất gầy, chưa xong  
tái thiết, bởi chiến chinh mới được tiếp thu.  
Bọn mình chưa hề bước chân lên Bến Đá, c h i  
đứng trên tàu nhìn phong cảnh diu hiu. Ông  
Hạm trưởng Xuân Sơn người chịu chơi đùa ý  
kiến, bày cuộc tiếp tân mới quan khách lên tàu.  
Mục đích cho họ tham quan chiến hạm tân kỳ  
mới nhận lãnh, xem những giàn đại pháo, Head-  
hord (1) bắn tự động bằng viên khiên Radar.  
Ông cũng có một dụng ý mà ông không nói, sau  
này bọn mình mới hiểu, đó là tạo cho thủy thủ  
đoàn có cơ hội làm quen.

Bến Đá Qui Nhơn mới ngày qua yên tĩnh, sáng  
hôm nay tập nập nhiều người. Các pháo đài lần  
liệt xuống thăm, bọn mình chờ trông nhẽ phái  
đoàn của trường Trung học để ngắm nữ sinh  
vởi những tà áo bông hồng.

Vốn ngành hàng hải, nhưng Hạm trưởng giao cho  
mình nhiệm vụ xử dụng Radar, ông cũng giao  
luôn cho mình máy đồ tàu ngầm và bản lược đồ  
sơn giắc. Nhớ qua những lần thao dượt chiến  
hạm ở Đại Tây Dương, rút kinh nghiệm nên mình  
khả nhiều thông thạo. Mình dang thao thao bất  
tuyệt, giảng giải cho đám nữ sinh, không ngờ  
có em Mộng Thu trong đó, chúng lớn quá nhiều  
nên mình nhận chẳng ra. Chúng hỏi mình chắc  
anh còn nhớ Phố Hội? Mình bỗng nhiên ngớ ngác  
quay nhìn, mới biết em trai và em gái của  
Mộng Thu. Vui mừng quá, chúng nắm tay mình thăm  
hỏi, mời mình đến nhà cho biết chỗ ở của các  
em.

- Ba mẹ em đã dọn đến Qui Nhơn lâu rồi, có lẽ  
sau ngày đi anh không hay biết. Chiều hôm đó  
khi quan khách ra về, mình muốn đi bỏ những

bản nhàn phiêu trúc, chuyên ngày nay phải đợi đến hôm sau. Nói tại bên, nhưng bọn mình phải làm việc, đến mười lăm giờ mới được phép đi chơi. Người Hải quân khi rời tàu ngoài công vụ, thường gọi chung hai chữ "đi bờ", có nghĩa là họ đi chơi, đi phố hoặc về nhà. Những người bạn đồng thuyền đứng chờ mình trên Bến Đá, mình còn dưới tàu sửa tóc, rửa tay, mình ngâm lại bộ da phục mùa đông cho tươm tất, xong lên chào Hạm trưởng mình đi.

Ông nhìn mình cười, và bảo mình sao hôm nay diện thế! Mình cười trừ, vội vã xuống cầu thang. Việc đầu tiên cùng chúng bạn đi thăm mộ Hàn Mặc Tử, đã từ lâu mình nghe nói chứ chưa được thấy bao giờ. Bọn mình thả chân ngang qua phố, nhưng cố đến nơi nên phải rút ngắn thời gian.

Trên mộ chàng qu ét màu vôi trắng, năm cô đơn hiu quanh bên Gành Ráng Qui Nhơn. Mình đứng đó ngẫm nghĩ thương người thi sĩ, có thi nhân tài nhưng số lại không may, để mảnh trăng kia khê sáng tỏ vườn chè mà lại treo nghiêng qua a cành liễu rủ. Mộng Cẩm hồi, từ nay đừng thốt tiếng, nếu nhìn trăng chỉ tủi phận bạc mànhôi. Tình yêu lỡ, vì thân người tàn phế, có chonhau xin hen ở kiếp mai sau. Mình lấy một chiếc lá khô đập lên mộ đá, rồi cùng đám bạn ra về.

Phố đã lên đèn, chiếu Qui Nhơn âm đạm các bạn mình đi dạo phố, còn mình lúi thủi tìm địa chỉ viếng thăm. Mình đến nhà Mộng Thu, ba mẹ nàng gặp mình mừng lắm, nắm tay mình nói nhiều chuyện hỏi thăm. Ông kể cho mình nghe ngày ông rời phố Hội, tỏ nỗi buồn khi phải xa cách bà con. Những đứa em nàng coi mình như người anh đi lâu ngày trở lại, chúng vây quanh hỏi chuyện no, chuyện nầy, chúng hỏi các bạn mình ngày xa xưa ấy:

- Các anh đi, anh có gặp lại hay không?

Mình hỏi chúng, chị Mộng Thu đâu không thấy, chúng cho mình hay chị đi phố với tình nhân may áo mới để cuối tháng này làm lễ cưới. Ba mẹ nàng cũng thêm lời cho mình biết, là Mộng Thu ở vậy mãi cũng không yên, gái lớn lên đã lỡ duyên rồi, thì ngày tháng cô đơn và tuổi đời thêm chóng chất. Mình lưu lại đó thời gian dăm bảy phút, nói cho tròn tình cảm thuốc quen sơ rồi mình cũng cáo lui, đi về chiến ham.

Bến Đá Qui Nhơn, đèn vàng ngoài ô hiu hắt chiếc hải đăng trên núi Yên chộp to, chộp mờ Năm nơi tàu, mình nghe sóng vỗ, trong trímình sắp lại những chuyện đi...

Bây giờ vào giữa mùa thu, vùng Âu Châu có nhiều mưa và gió lạnh. Lũ con mình bắt đầu nghỉ học, chúng ở nhà xúm xít với nhau. Hè ở đây trường không đóng cửa dài ba tháng, học sinh được phân chia ra cho nghỉ học nhiều kỳ

có lẽ bởi thời tiết không dung hòa như quê mình vùng ôn đới. Hàng cây trên con đường trước nhà mình, lá vàng hoe và rụng ào ào theo cơn gió, nó không từng chiếc, từng chiếc lê khô vàng úa, rơi thanh thản như bản "nước mắt mùa thu" chúng mình thường ca vào dạo nọ. Cây cỏ ở đây tốt tươi chạy theo người Âu Châu sống vội vã, họ không bao giờ phí bỏ sự thụ hưởng trong những lúc âm ập ngày hè. Bởi cái lạnh như dao cắt da thịt kéo dài, cỏmắt trời lên rất hiếm. Chẳng mấy chốc mùa đông lại đến lúc đó chỉ có ro lui tới trong nhà hoặcngồi cửa sổ nhìn ra đường vắng tanh, vắng ngắt. Cây cỏ trụi lá trở cảnh bảm toàn hoa tuyết trắng. Cái thực thế đó, đối với họ không có gì đáng nói, đâu có sao cũng là mình đất qu ê hương. Tổ tiên họ đã định phần cho họ đó, họ cũng đã quen đi từ lúc chào đời.

Mình, mình ví như thân chum gỏi, dù gặp cây có chất nhựa không ưa, nhưng muốn sinh tồn phải bám vào thân nó, nên tâm tư mình không mấy khi yên ổn: Cha mẹ chúng ta lúc nào cũng muốn cho những đứa con mình tìm về nguồn cội, nghĩ trong một trăm đứa con, không phải đứa nào cũng là con có hiếu, có đứa tánh nầy, có đứa tánh kia, lại có đứa tình nghĩa anh em quen đi mất, sống vinh thân cố gắng răn cái gà nhà.



Những giòng nầy mình viết cho bạn, để gọi là chút tâm tư gói ghém làm quà, mình bỏ vào túi hành trang của bạn, bạn sẽ mang theo trglúc hành trình. Mình đã hứa, mình viết cho bạn về những con người có liên hệ với giòng sông Đê tam ngưng cho những mảnh đời kỳ niệmlên những giòng trang hồi ký nầy, mình cho bạn biết luôn một thể, đồng thời mình cũngkèmở đây, thư của bạn gởi cho mình, sau 20 năm dài mới gặp lại, mặc dù mình chỉ thấy bạn trên nét bút, chứ chưa được thấy hình hài. Bạn khệ quên những chiều đi tắm, lội ngang qua sông Cẩm Phố đến bên Kim Bồng, chúng mình rần mặc ngao trêu những chàng trai cá chai đầu đẹp? ... Bây giờ mình gặp lại một trong nhệchàng trai tí teo thuở ấy, là Văn Công Trâm, bác sĩ tại bệnh viện Borken, cùng sống với mình trên Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức. Chú Điều nhỏ con chùa Phước Lâm ngày đó, là Đại Đức Thích Như

# TRÊN CỎI HỒNG HOANG

Hắn ngỡ lời cảm ơn bác sĩ và các y tá trước khi rời khỏi Bệnh Viện Singapur. Vốn liếng Anh ngữ xưa cũ chỉ đủ cho hắn xử dụng những câu xã giao thông thường. Bà Luise, thuộc Phủ Cao Ủy Tỵ Nạn, đón hắn về trại Sambawang.

Hắn thoáng giật mình khi thấy bà cho xe chạy về bên trái đường. Nhưng khi hắn thấy giòng xe chạy trước mắt, hắn mới chợt hiểu, tại Singapur cũng như tại một vài quốc gia khác có hệ thống lưu thông bên trái. Hắn mỉm cười về sự phát hiện mới mẻ này. Bà Luise thấy sự thay đổi trên mặt hắn, bà hỏi :

- Chắc anh vui mừng khi thấy mình còn sống, và tìm được tự do sau khi lìa bỏ Việt Nam ? Bà nhìn hắn thông cảm về hoàn cảnh bi thiết của một kiếp người. Hắn nhìn bà - người đàn bà da màu, nhiều tình người, chỉ thăm cảm ơn, và không trả lời. Câu hỏi của bà đủ khêu đúng tâm trạng của hắn lúc bấy giờ, nhưng lại gợi nhắc về hoàn cảnh hiện tại của hắn. Hắn xao xuyến, lần đầu tiên đặt chân trên một xứ sở xa lạ. Cái quá vãng đen tối, đóa dày của quê hương hắn đã bỏ lại sau lưng, và tương lai của thân thể tỵ nạn còn mịt mù trước mắt. Những nỗi đớn đau khi phải lìa xa quê hương hắn đã chấp nhận, nhưng lại không đánh giá được những dẫu vô thao thức. Xây dựng lại cuộc đời mới trên miền đất tạm dung - một vài lần trước khi vượt biên hắn đã có nghĩ tới. Hắn sẽ làm gì, thực hiện như thế nào... điều đó còn tùy hoàn cảnh đây đây. Hắn chờ đợi. Cuộc đời, qua mấy năm lao tù dưới chế độ Cộng Sản, đã dạy cho hắn nhiều kiên nhẫn chờ đợi - như khi hắn đợi một ngày được trả lại tự do...

Bà Luise lại hỏi hắn :

- Anh nằm trong Bệnh viện bao lâu ?

- Khoảng 10 ngày !

Thực tình hắn không nhớ rõ thời gian, chỉ nghe các cô y tá đã nói với hắn như vậy. Nhắc đến các cô y tá, hắn lại mỉm cười. Lần đầu tiên khi hắn tỉnh dậy trên giường bệnh, các cô y tá ngỡ hắn là người Hoa, nên hỏi hắn bằng một tràng tiếng Tàu lú lo. Hắn chẳng hiểu trời trăng gì cả, và lấc đầu ra đầu không biết. Hắn nghĩ, chắc mắt mày của mình cũng giống như các chú Ba ở Chợ Lớn lắm! Thế là hàng ngày hắn phải đối thoại bằng tiếng Anh và hắn cảm thấy

cô đơn giữa một tập thể xa lạ.

Giờ được xuất viện, hắn thấy nôn nao được đến trại tỵ nạn, gặp lại những người đồng hương - dù chẳng là bà con hay quen biết, nhưng hắn vẫn cảm thấy gần gũi và thân thương làm sao.

Thủ tục nhập trại thật đơn giản, là khai lý lịch, được cấp thẻ chứng nhận, được phát cho 2 gói mì ăn liền cho buổi tối đầu tiên nhập trại và lãnh một tuần tiền ăn - mỗi ngày 2,5 đô la Singapur. Cuối cùng một anh trong Ban An Ninh dẫn hắn đi tìm chỗ ngủ. Hắn được dẫn đến dãy nhà số 21 dưới chân một ngọn đồi thấp. Hắn tần ngần đứng đợi trước mái hiên trong khi anh An ninh vào dàn xếp một chỗ ở bên cạnh 2 mẹ con - chị Ba tên người đàn bà còn trẻ mà anh An ninh giới thiệu với hắn. Trong ánh nắng của buổi chiều và trong khung cảnh ngồn ngộn của người và đồ đạc, chị Ba nhìn hắn từ đầu đến chân để đánh giá tư cách của hắn thì phải. Cõi bộ cũng tam yên lòng, chị Ba dọn lại một số túi đồ tế nhuyễn, của riêng tây và vợ vào chiếc nệm bên cạnh bảo hắn :

- Cậu em nằm ở đây! Thăng Hai con tôi, tối nay ngủ chung với tôi !

Hắn dạ và cảm ơn chị, ngoan ngoãn như một đứa em. Chị Ba coi bộ bằng lòng lắm, sẵn đón hỏi :

- Hình như cậu đi chung một ghe với tụi tôi. Có phải cậu bị tụi hải tặc Thái Lan đánh 1 báng súng vào bụng và chém một mã tấu ngang hông phải không ?

Hắn gật đầu, lấy tay xoa vào hông. Vết thương đã lành, nhưng vết hằn của nỗi căm thù đã thành sẹo ngàn đời không quên.

Chị Ba kể tiếp :

- Ai cũng tưởng cậu chết rồi, ngay cả tụi cướp biển cũng nghĩ như vậy! Cũng may trong khi tụi hải tặc đang hoành hành, thì có tàu Cap Anamur tới vớt. Cậu được đưa ngay vào phòng cấp cứu và sau đó được trực thăng cho vào Bệnh viện ở Singapur. A, mà cậu với con nhỏ đó như thế nào ?

- Con nhỏ nào ?

- Con nhỏ mà cậu dám can thiệp, chống lại tụi hải tặc ?

Hắn nhủ mày trả lời :

- Không có liên hệ gì cả !

Không cần để ý đến cặp mắt kính ngọc của chị hần chợt nhớ lại sự kinh hoàng tột độ của mọi người trên ghe vượt biển khi 2 tàu đánh cá của Thái Lan bao vây. Những ngày lên đĩnh trên mặt biển, đói khát lã người, nên dù có muốn chống cự cũng chẳng còn sức lực. T u i cướp nhảy qua chiếc ghe mong manh như 1 bầy thú tranh mồi. Cô gái ngồi gần hần bị t u i cướp lôi ra, xé gần hết quần áo. Cô gái thét lên kinh khiếp. Hần cảm thấy bất nhân và bỗng nhiên một sức mạnh trào dâng, hần nhảy xổ ra hất mạnh tên cướp và kéo cô gái trở lại. Đây chỉ là một hành động hào hiệp, một phản ứng tự nhiên trước nghịch cảnh man rợ. Hần đâu có ý thức trước được hiểm họa của một báng súng một nhát mã tấu... khi bị đá vào hông ghe và trước khi ngất xỉu hần còn nghe tiếng thét hãi hùng của cô gái, tiếng khóc của lũ trẻ con và tiếng cười dã man của lũ cướp...



Đêm đầu tiên ở trại Sambawang, hần chấp chớn với những kỷ niệm buồn vui trên quê hương, những nổi kinh hoàng trên biển cả. Hần nghe chị Ba nói chuyện về hần với những người ở chung trong dãy nhà 21. Chị nhận hần là "đứa em bà con". Hần mỉm cười, tự nhiên hần có một "bà chị họ" bá vợ. Thế mà hần lại hải lòng, có một bà chị trên xứ hồng hoang còn hơn lã cõi cút.

Sáng hôm sau, hần theo số người quen xuống chợ Chả Và - đúng ra không hần là một khu chợ, chỉ có vài ba cái quán bán thực phẩm và có một cái tên địa phương gì đó, nhưng dân Việt tỵ nạn quen gọi là chợ Chả Và, có lẽ vì có người da đen bán hàng. Hần uống một ly cà phê mua một túi kẹo cho đứa cháu "họ" và một chục cam cho "bà chị họ" gọi là chút quà ra mắt. Chị Ba có vẻ bằng lòng về thái độ biết điều của hần và để nghị hần góp tiền để chị nấu cơm cho hần ăn trong suốt thời gian còn sống chung ở trại. Hần vui vẻ ngổ lời cảm ơn và giao tiền ăn cho chị - đúng là khuôn mẫu của một "bà chị nuôi" rồi.

Mấy ngày đầu hần quanh quẩn trong trại và cảm thấy rằng, với "Lối Sống" này ai cũng muốn thành

dân tỵ nạn cả. Ở nhà lâu, có nước máy, được cấp phát tiền ăn... để tự do đi lại trên xứ Singapore.

Nếp sinh hoạt ở đây cũng đặc biệt. Buổi sáng nhiều người - cả đàn ông lẫn đàn bà, tưng toán ngồi đợi ở lề đường trước trại. Những xe thầu chạy đến, thuê một số người đi làm "thợ đung" - đung dầu làm dầy, đủ thứ việc linh tinh, nào phụ xây cất, xếp quần áo, trồng cỏ, quét dọn... Mỗi ngày được trả từ 10 đến 14 đô la Singapore tùy theo "thợ đung" được cai thầu cung cấp ăn trưa hay phải tự túc. Hần cũng theo đám người này đi "lao động" hơn một tuần lễ, khi với cai thầu này, khi với kẻ khác. Trong thời gian này, hần được nghe nhiều mẩu chuyện buồn vui xảy ra trong trại. Kể bỏ vợ con lại ở Việt Nam dẫn người tình đi vượt biển. Người có chồng đang ở trong cái tào tập trung, qua đây cặp bồ với kẻ khác. Dân khoa bảng cũng có, mà kẻ vô học chỉ cậy vào đồng tiền cũng có. Nhiều vụ lộn xộn xảy ra. Nào ca sĩ dựa vào nhan sắc, hứa hẹn sẽ "sống đời", ở kiếp "với một" "xi thầu" bỏ tiền cho người đẹp vượt biển. Khi đến miền đất tự do thì nằng trở mồi cho chàng "leo cây". Một vài vụ thanh toán đẫm máu cũng đã xảy ra. Hoặc "khách" qua đây không chịu "chung" đủ số tiền còn thiếu cho người tổ chức; hoặc "chủ tàu" bị thanh toán hay bị "bê hội đồng" vì bỏ rơi "khách" đã đóng đủ tiền giữ chỗ vượt biển. Những mẩu chuyện này trở thành truyện kiếp...

Nhưng những sự kiện này hầu như không ảnh hưởng gì đến đời sống của hần. Cho đến ngày trại ra lệnh cấm người tỵ nạn đi làm "thợ đung", vì dân bản xứ đã kiện với Cao Ủy Tỵ Nạn về vấn đề dân Việt đi làm "lậu" tạo nên tình trạng thất nghiệp cho dân chúng địa phương, và nhà thầu vừa có dịp bóc lột sức lao động của dân Việt tỵ nạn, vừa có cơ hội trốn thuế. Vả lại, trong khi đi làm "thợ đung" dân Việt thương bị thợ bản xứ ức hiếp, hăm dọa. Là thuyền nhân, biển cả và hải tặc Thái Lan còn chưa sợ thì sá gì đám thợ địa phương; nên đã xảy ra nhiều vụ xung đột và lúc nào cảnh sát Singapore cũng điện thoại cho Ban Quản Trại đến lãnh người tỵ nạn trở về...

Thế nhưng điều xúc động của hần bây giờ là lúc tình cờ gặp lại người con gái cùng ghe vượt biển vào một buổi chiều hần lang thang xuống đồi. Người con gái, trong một thoáng cứ nhìn thấy hần. Một niềm vui mừng chợt hiện trên đôi mắt - một phút thoáng qua rồi chợt tắt. Nàng lại nhìn vào khung trời trống không trước mắt. Nhưng nỗi buồn phiền như triêu sống về đêm cuộn cao niềm đau của nàng đi vào vô tận. Câu hỏi đến từ trong nội tâm: - "Hần còn sống để trở về đó à! Thế mà cứ tưởng hần đã chết rồi, vì máu chảy ra nhiều quá. Nhát chém

của mã tấu tưởng đã cắt đôi thân xác hân!".

Người con gái vội quên niềm tủi nhục của mình mà lại bắt đầu quan tâm đến gã thanh niên. Nàng muốn liếc nhìn hân, nhưng lại ngại bắt gặp đôi mắt chế' riếu hay nụ cười khinh bỉ như một số người đồng thuyền đã dành cho nàng sau cơn thảm họa trên biển. Với hân, nàng tránh cái nhìn trực diện để vẫn nuôi dưỡng được niềm hoài vọng thiết tha, tìm được một người - một người chưa hề quen biết đã dám một lần xả thân bảo vệ cho nàng. Nàng tránh đối thoại vì sợ phải nghe những lời thị phi về thảm cảnh của mình. Nàng tự dối thoại với lòng mình để tự an ủi về số phận không may. Nàng sống âm thầm, cảm nín, cô đơn từ hồi được chuyển về trại này. Nàng chẳng có ai để tâm sự. Giờ có sự hiện diện của gã - gã đã trở về từ cõi chết. Liệu gã bây giờ có thể che chở cho cuộc đời nàng trong cơn bão loạn của nội tâm không?

Riêng hân, trước cái nhìn xa lạ của người con gái - dù chỉ thoáng qua, cũng đủ làm cho hân trở nên ngẩn ngai. Hân đứng trong tâm nhĩ của nàng, tại sao nàng vẫn thờ ơ với hân? Hân tự hỏi và cũng chẳng trả lời được. Đôi mắt nàng hân nghĩ còn buồn thảm hơn biển đen về đêm - những đêm lên đèn vô định trên đại dương mịt mù. Hân muốn hỏi thăm nàng, nhưng hân không đủ can đảm. Tại sao? Hân chẳng còn nghị lực, hay hân sợ sự lạnh nhạt? Hân trở xuống chân đống và người con gái vẫn ngồi bất động nhìn vào vùng hư không.

Buổi tối hân đi ngủ sớm, dù trại có tổ chức chiếu phim cho người tỵ nạn giải trí. Hân chấp chôn rồi ngủ quên đi trong nỗi dầy vò dầy nghiền. Trời đã vào khuya, âm thanh hỗn tạp từ nhiều loại Radio cassette của người tỵ nạn đã tắt. Hân cảm thấy ngọt ngào và trở mình muốn vùng dậy, nhưng có một sức nặng đè hân xuống và tiếng thở dồn dập của một người - tiếng chị Ba. Hai tay chị quăn chặt vào hân như một con bạch tuột vô mồi. Trong ánh sáng mờ mờ, hân thấy cặp mắt chị đục ngầu đục vọng. Hân sợ hãi, ghé tai khi nhớ lại nhữ hành động dã thú hiếp dâm của lũ hải tặc Thái Lan...

Những ngày hôm sau, để tránh gặp gỡ chị Ba, hân thường rời trại, hoặc lên chợ Messeling ngồi dưới chân cầu biên giới Mã Lai-Singapur, nhìn giông nước đục ngầu như cuộc đời trước mắt. Hoặc hân xuống chợ Sambawang, rúc vào các rạp ciné để quên thời gian. Hoặc hân đạp xe Bus về thủ đô Tân Gia Ba, lang thang trên các đường phố hay ngồi cạnh bên tàu để tưởng nhớ đến cảng Bạch Đằng Sài Gòn... Rồi mỗi chiều trở về, hân xuống ngọn đồi quen thuộc tìm cô gái. Nàng vẫn ngồi tựa ở gốc cây cũ hâu như đã hoá đá. Hân cũng tìm một góc cây

bên cạnh ngồi xuống và thử nhìn theo tâm nhĩ của cô gái. Ở đó chẳng có gì đặc sắc ngoài những dãy nhà lầu cao vút. Hân tự hỏi: - "Tại sao nhìn mãi như vậy mà cô ta không chán nhỉ? Rồi những lần sau hân cố tập nhìn về lương quên cả thức tại, quên cả chính mình, quên bản ngã. Hân mơ hồ nghe những xao xuyên, đổi thay trong tâm thức. Bỗng trong hư vô hân nghe có tiếng quan tâm của cô gái hỏi hân:

- Vết thương còn đau đớn không?

Rồi chính hân cũng nghe đúng giọng nói của mình. Tiếng nói từ trong tiềm thức:

- Vết thương nào?

Lại tiếng cô gái trách móc dịu dàng:

- Vết chém của tui hải tặc đó!

- À, à... đã lành hân rồi!

Hầu như hân nghe có tiếng thở dài thật nhẹ, nhưng ngậm ngùi và đầy nước mắt...

Chiều hôm sau vào lúc hoàng hôn, hân lại ra ngồi tựa vào gốc cây, cố trấn định tinh thần hồi tưởng đến một vùng trống không - nơi giao hòa của những người cùng tâm ý. Lại có tiếng hội thoại của người con gái:

- Lại đến trễ nữa phải không? Có gì bận rộn ở trong trại không?

- Không, chỉ vì ăn cơm trễ. Phải đi tìm thằng cháu con chị Ba.

- Có thân nhân đi chung sao? Liên hệ thế nào? Giọng của nàng có chút hờn mát. Rồi hân nghe giọng mình vội vàng:

- Không bà con gì cả, đó là một bà chị... nhân họ!



Im lặng thật lâu tưởng như mọi vật đều tan loãng vào vô minh, vô định. Rồi có tiếng cô gái ngập ngừng hỏi:

- Bao giờ rời khỏi trại này và đến định cư ở một quốc gia nào?

- Nếu không có thân nhân bảo lãnh, thì trong vòng 3 tháng kể từ ngày nhập trại - theo qui ước của Cao Ủy Liên Hiệp Quốc và Singapur thì chúng ta sẽ đến định cư ở Tây Đức và được Cấp Anamur vượt. Nhưng...

- Nhưng sao?

- Cô có bà con thân nhân nào ở các quốc gia

khác không ?

- Có gia đình ông chú ở Mỹ - đi tản tù 1975 nhưng không liên lạc... vì sợ mang tiếng sẽ bám vào người khác như một cây chùm gửi !

- Còn thân nhân ở Việt Nam hay không ?

- Máy anh chị đã có gia đình. Mẹ còn ở lại để lo thăm nuôi ba đang ở trong trại tù cải tạo Me dẫn... ra đi lo giữ gìn và cố tự lập thân ....

Hắn nghe có tiếng nấc nghẹn ngào. Màu đen của cuộc đời không để gì bồi xóa trong tâm trí của kiếp người ty nạn tưởng mỗi khi đã rời khỏi được hỏa ngục Cộng Sản. Tình cảm con người vẫn còn phủ giăng, níu kéo với người ở lại bằng tình gia đình, quyến thuộc, bằng tình tự dân tộc. Một mảnh nhỏ của khung trời quê hương một lần ngoảnh lại mịt mù trong đêm tối khi chiếc ghe âm thầm vượt giòng sông ra biển là lần cuối cùng vĩnh biệt quê cha đất tổ. Mùi đất nồng ái, giòng nước ngọt, tiếng mẹ à ơi... đã ủ ấp, nuôi dưỡng ta thành người; bây giờ biển biệt ngút ngàn ngoài tầm tay với. Trên những phương trời lưu lạc, có ai vội tìm vui nơi miền tự do để cố tình lãng quên niềm day vở xót xa của những tháng ngày cũ? Có niềm vui nào tìm được miên viễn trong cuộc đời còn lại để chối bỏ những kỷ niệm ghidấu ngàn đời ?

Trong hư không, trong vô minh tâm nhìn của cô gái, của hắn không còn bị hạn chế. Họ thấy những hoạt cảnh của dĩ vãng, thân phận của kiếp người trên quê hương đọa đày và nỗi cảm thông của những tâm hồn lưu lạc.

Họ hội thoại với nhau trong thân giao cách cảm, họ an ủi nhau qua tâm tưởng giao hòa.

Một buổi chiều, thay vì đến ngồi dưới gốc cây quen thuộc như thường lệ, hắn lại đến ngồi cạnh cô gái, trao cho nàng một cành hồng đỏ thắm. Vẫn không nói một lời, cô gái nhận cành hoa, nhìn hắn thật lâu. Bốn mắt giao hòa. Bông hồng đỏ thắm rực rỡ trong mắt nhau. Hắn dịu dàng nắm lấy bàn tay nhỏ nhắn của nàng. Những ngón tay đan vào nhau. Cô gái tựa đầu vào vai hắn. Hắn quàng lấy vai nàng bằng tất cả thương yêu, ấp ủ, che chở, bao bọc. Im vắng, cả hai vẫn cùng nhìn về một phương trời - một nơi nào đó trong tâm tưởng của họ, có một cuộc đời mới của những kẻ tha hương không còn cảm thấy lạc lõng nữa.

Hắn mỉm cười và tưởng như nghe giọng của chính hắn báo tin với chị Ba :

- Em đã tìm được một thân nhân - cô gái chug thuyên !

Hắn cũng mừng tượng được ánh mắt của chị vừa

ngạc nhiên vừa hờn dỗi :

- Ai? Cô gái đó à! Sao trước bảo không có liên hệ gì !

Tuy vậy chi cũng không lạ gì, nơi cõi hồng hoang có người đã buông tha cuộc sống, thì cũng có người may mắn tìm được hạnh phúc...

PHÙ VÂN

Tháng 11/85



tiếp theo trang 42

Diễn, Thấy trụ trì chùa Viên Giác cũng ở tại đây. Ông ta có cơ duyên tròn đời theo đường Phật dạy, nên cấp bậc ông cứ mãi vinh thăng và mãi mãi được làm Thấy.

Còn bạn ngày xưa là Đại úy, thăng Pháp là Trung tá chứ chẳng phải chơi, nhẽ thương cho nó giờ đây còn trong cải tạo, sông hăm hui với phận bạc tôi đời. Thăng Sơn, thăng Thạch bị giải nghiệp ông Đò, về nhà làm tổ hợp hoặc đi xe thô để kiếm gạo, kiếm cơm.

Mình cùng bạn làm thân lưu vong trên xứ nọ, đất lạ, nhưng nghĩ cho cùng, chúng mình vẫn còn được may mắn hơn. Ước mơ của chúng mình là được về lại quê hương, lúc đó không chỉ có chúng mình, những thăng trong "ngũ quý" mà còn có thêm một đàn con, một đàn cháu; đàn con, đàn cháu đó sẽ kế tiếp chúng mình nối lại giòng sông, giòng sông Thu Bồn...

(1) Giàn phóng đạn bắn tàu ngầm.

LINGEN/FMS Cuối Thu 84

## Nhắn tin

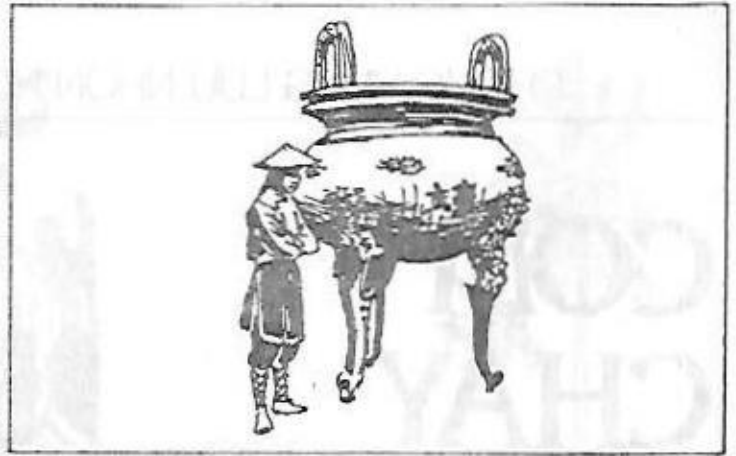
Em Nguyễn Hữu Lộc, Hòa Lan, gia đình đang lo lắng nhiều về em. Em hãy bỏ qua những điều buồn phiền với gia đình và mọi người kể cả anh chị, không còn ai phiền giận em nữa. Vậy em hãy trở về gấp để mọi người được an lòng. Tất cả mọi khó khăn của em anh chị sẽ giải quyết hết cho.

Nếu em chưa muốn về ngay cũng nên liên lạc bằng thơ về anh chị để biết tin em hiện ở tại đâu và cũng xin bà con cô bác nếu ai biết được tin của em, xin liên lạc về địa chỉ dưới đây, chúng tôi vô cùng biết ơn.

Tạ Thanh Cảnh, Andalusiestraat 1, Alkmaar .  
Hòa Lan . Tel. 072-618 889



# GIỜ CAO SU



Trước kia, có một hôm tôi và các bạn đồng nghiệp được mời tham dự một buổi lễ đất viên đá đầu tiên xây cất trường Tiểu học tại một Quận no. Trong giây phút ghi buổi lễ sẽ được khai mạc đúng 9 giờ 15 ngày... Chúng tôi đến nơi đúng 9 giờ 10 không thấy ai cả, ngoài anh Trưởng ban Tổ chức và vài cộng sự viên. Anh Trưởng ban Tổ chức mặt mày méo xeo, chạy tới chạy lui, trông xuôi, dòm ngược vẫn không thấy quan khách đến. Mãi đến 10 giờ 15 buổi lễ mới khai mạc, trẻ hết một tiếng đồng hồ vì phải chờ đợi quan khách nhất là vị Chủ tọa buổi lễ. Một tiếng đồng hồ chờ đợi trong sự bức mình, khó chịu của những người đã đến đúng giờ.

- Người được mời Chủ tọa một buổi lễ, hoặc 1 buổi họp thì nghĩ rằng mình đến trước hay đến đúng giờ thì người khác không cho mình là quan trọng, phải đến trễ để người khác chờ đợi như vậy mới oai!

- Người chủ nhà mời khách 19 giờ dự tiệc, nhưng mãi đến 20 giờ mới bắt đầu nhập tiệc, anh lý luận là mời như vậy để trừ hao vì khách có bao giờ đến đúng giờ đâu! Còn khách thì cho rằng chủ nhà mời 19 giờ nhưng có bao giờ bắt đầu đúng giờ đâu! Hơn nữa nếu mình đến sớm người ta cho mình là ham ăn, chủ nhà phải đợi khách chờ!

- Người chủ gánh hát trong giây phút 20 giờ mở màn, mãi đến 20 giờ 40 mới bắt đầu, anh lý luận là người đi xem hát không bao giờ đến đúng giờ. Mà thật vậy, người đi xem hát thường hay đến trễ vì họ lý luận rằng: Chủ gánh hát phải chờ đợi mình chờ! Không có khán giả thì mở màn cho ai xem!!!

Riết rồi ai cũng giữ miệng, chỉ tội chon người đến đúng giờ phải ngồi chờ đợi!

Những chuyện như vậy đã xảy ra hầu như thường xuyên và gần thành thói quen ở Việt Nam - trước năm 1975. Có lẽ chúng ta đã được sanh ra và lớn lên trong một quốc gia có tiếng là sản xuất nhiều cao su nên bị ảnh hưởng một phần nào về chất cơ bản của cao su chăng?

Sau ngày 30.4.1975, vì không sống nổi dưới chế độ dã man, bạo tàn của quân Cộng Sản, hơn một triệu người Việt Nam bỏ nước ra đi tỵ nạn, hiện đang sống rải rác khắp năm châu mà nhiều nhất là Châu Âu, Châu Mỹ và Châu Úc. Khi đi có lẽ vì quá vội vã nên chúng ta quên không chốt giờ giấc của chúng ta, nên hiện tại dù đang sống trong những nước kỹ nghệ tân tiến, máy móc chạy theo thời gian, mà hàng ngày chúng ta vẫn tà tà, giữa cá nhân với cá nhân thường hay sai hẹn, giữa hội đoàn với cá nhân thường không tôn trọng giờ giấc.

Trong giây phút 19 giờ bắt đầu, mãi đến 20 giờ chưa thấy nhúc nhích. Người Âu Châu họ rất quý trọng thời giờ của họ. Đối với họ thời giờ là tiền bạc mà! Họ quan niệm "Giờ là Giờ" trước giờ không phải là giờ - sau giờ không còn là giờ nữa. Tại nơi xứ lạ quê người chúng ta nên giữ đúng giờ nếu có tổ chức một buổi lễ, một cuộc họp mặt hoặc hẹn với ai v.v... đừng để người khác phải chờ đợi, nhất là người ngoại quốc. Giờ X bắt đầu là giờ X bắt đầu chờ không phải giờ Y hay Z. Người tham dự cũng nên đi đúng giờ đừng để người tổ chức phải ngóng trông. Nếu có trở ngại điều gì không thể đến đúng giờ được, nên thông báo kịp thời để khỏi phiền lòng cho cả đôi bên.

Có một lần, một em kể lại cho tôi nghe là em đi xin một việc làm tại một hãng nợ của Mỹ. Đức. Phòng nhân viên hẹn em đúng 10g.13 ngày... đến gặp ông Trưởng phòng nhân viên, em đến lúc 10g.18 trễ có 5 phút mà ông Trưởng phòng không tiếp em. Rất tiếc! nhưng đó là 1 bài học quý giá cho em và cho người khác cùng suy gẫm.

Hàng ngày nếu tất cả chúng ta đều cùng tôn trọng giờ giấc khi đã hứa, hẹn v.v... để khỏi làm phiền lòng nhau khi phải chờ đợi, có lẽ cuộc sống tha hương của chúng ta một phần nào được thoải mái hơn chăng!!

NGƯỜI QUAN SÁT

# CỒM CHÁY



Trưa cuối năm, Cù Ưống kéo chiếc xe nước ọcạch từ Chún Num về chợ Xả Lớn. Gần Tết, trưa nắng chang chang, con đường đất đã nóng bỏng xe chao đi khó điều khiển lắm sao! Hai bên ruộng khô cằn trở lại những gốc rạ xơ xác, Cù Ưống bỏ lại sau lưng ngọn đồi đá cằn cỗi trên sườn đồi và dưới chân đồi rải rác mõ mã, núi Chún Num là nghĩa địa chung của dân làng, sang giầu hay đói rách cuối cùng ai cũng về đây nghỉ. Trên núi có ngôi chùa Miên mài cong, thấp thoáng trong đám những cây đầu lộn hột và cụm mai rừng, mấy người đi chặt mai về cúng Tết gió tay chảo, Cù Ưống chiếc xe đạp đồm, võng kéo thùng nước cũ kỹ màu xám, thùng nước là phi xăng cũ, trên thùng có nắp vuông đầy nước. Sau xe, treo hai thùng nhỏ đầy bằng nhanh lá, cho nước đỏ hao hụt, cái gấu thiếc lủng lảng đập vào thùng lên-xen thành thủ âm thanh đều đặn đều đặn tai.

Người Cù Ưống vốn dĩ đã nhỏ, chiếc nón chóp bằng tre đan, phết chai dầy, che mùa nắng, tưởng chừng nặng hơn sức chịu đựng của đầu cổ người, nên Cù luôn luôn cúi mặt lấm lũi đi. Xe nước không tương xứng với người. Cù Ưống chửi thầm, khổ ai tưởng tưởng Cù có thể kéo nổi chiếc xe nặng nề như vậy, vậy mà xe vẫn ngoan ngoãn đi, chuyển ngả nghiêng theo bước chân lếch thếch. Tay chân và người Cù Ưống ló trắng vì nước ần từ năm nầy sang năm khác, hai chân gần quắc màu đất xám những 2 khúc tre già phải chịu đựng đất đá khô cháy hay lấy lợi bốn mùa, hơn 30 năm rồi.

Ngày 30 Tết, chợ đã tan từ trưa, ai cũng lo về sớm để cúng kiến ông bà. Dân chợ nài nỉ Cù rành rẽ vài đôi nước, uống, họ yên tâm với lu, nước đầy cuối năm để nấu nướng, nên Cù Ưống nề tính cố lần lượt thêm chuyến xe nước cuối cùng nầy, ở nhà Cù đã có vợ con, quán xuyến. Cù Ưống không lười, nhưng, mùa nắng khô hạn nầy cụ phải chở cả buổi mỗi lúc được 1 xe, mỗi nước rí rả dần dần mọi vết được mặt gàu, ngày được bốn xe, là phước rồi. Cù nỡ nống kéo xe để về sớm có mặt lúc cúng kiến nghỉ ngơi sớm, còn dịp nào nghỉ ngoài 3 ngày Tết đầu.

Mùa nắng, đất đã bóng chân. Chuyến về núi, Cù thông thả đạp xe, thùng nước rỗng những nhay sau lưng.

Vùng chợ Xả Lớn có mấy cái giếng, những nước phen chỉ dùng để tắm giặt. Nước Chún Num trắng đục, uống chua chua có vị mang cầu xiêm. Dân làng cho rằng nước ngon nhờ xuống cốt trên đồi chảy xuống từ lại mọi nước, nói saocung được, nhưng ai cũng uống nước giếng Chún Num mà không bị chạnh nước.

Gần 30 năm nay, Cù Ưống quen thuộc với con

đường đá xanh nầy, khoảng 3 cây số từ núi về chợ. Múc đầy thùng nước, cuộn lại giấy gói u treo bên xe, Cù đi vòng qua cây Năm Vỡ, (cây Năm Vỡ là, mặt bên bờ giếng che mát cho ngựa lấy nước) xuống con đường mòn dốc rạt rạt cỏ. Xa xa những bụi tre tầm vĩng xơ xác (Cù thường nói: "Xưa, tre tầm vĩng nhiều lắm, măng mọc ần không hết, nhưng từ ngày Pháp tới, tre bị đốt sạch...") mấy cây, cây thốt nốt cao với vợ giữa đồng chông trời. Bên trái là núi Năm Vỡ, bên phải cách cánh đồng, núi CĐT Cao sừng sững huyền bí. Hai bên đường rộng cao thay đổi từng mùa. Lâu quá không thấy, bóng người phu lực lờ sửa đường cho Cù nhỏ, mà con đường nầy đều có gì quan trọng, hình như con đường dành riêng cho Cù đi lấy nước Chún Num với ba tiếng trống điem cho những người đi sau kẻ lẽ than khóc, và ba tiếng phen la cáo biệt: "bà con ơi, tôi nghỉ chớ rồi, nghe!". Mỗi lần gặp xe đốn, Cù Ưống phải ngừng khắ lâu cho đám người đưa đám theo sau, những cây bản dựa trống, cung bao nhiêu con: "Vinh du tiên cónh". "Nhứt lạc tây thiên... Con đường chạy thẳng đùng vào chân núi và mặt trời cung lặn sau núi, người xuàkhèo phóng đường nầy hẳn nguy!" "Nhứt lạc tây thiên" và chọn đùng ngọn núi nầy làm nơi nghỉ, nghỉ cuối cùng. Một chiều, mặt trời đỏ ối trước khi lặn, nắng bàng lạng nhuộm hồng đỉnh núi linh thiêng, một vùng trời tây vàng như lửa chín, người già chỉ cho con cháu, "kia, ma phòng lửa dôi".

Mỗi buổi sáng, dân Miên từ các sóc quanh núi đội trái cây, gà vịt, lúa gạo ra chợ bán, Cù Ưống đạp xe ngược chiều lại nên biết mặt từng người. Những bà Miên đội những om đống thốt nốt, thùng thưng trở chuyến với mấy ống gánh những ống tre đựng nước thốt nốt, những bà già gánh kéo kẹp những thùng gừng, gừng ra chợ bán. Lâu rồi Cù không thấy họ gánh khi, lọ nôi, chôn và thú rừng như xưa, người ta đến khi bỏ núi đi rồi, thối sập tới. Không cần vô sóc, Cù Ưống cũng biết mùa nào có loại trái cây nào, người nào đi ăn dư mục, hay tưng thiếu. Cù thường nói: "ngò cái xã-rông là biết rồi".

Chuyến xe nước trưa kéo về, vừa đúng lúc Cù chào những người chợ tan trở về Sóc. Họ thành thật nhẹ gánh trở về với quả bánh chộ ngược lại Cù Ưống nống nề đầy xe ngược chiều, ai cũng lên tiếng chào "Xóc xê bai" (mạnh giỏi!). Chưa bao giờ, Cù Ưống ngừng xe nói chuyện phiếm với ai cả, vì ngừng xe phải lấy cây chống cho xe khỏi nghiêng, mất cộng và mất thời giờ, nên mạnh ai đi đường nầy. Cù không buồn nghỉ ngơi vì thân thể mệt rã rồi từ năm nầy sang năm khác. Vừa đây xe, đến

tung cùm cỏ hai bên đường, mỗi khóm cây dại là mỗi mẩu chột chỉ đường, cây cỏ nhích nhích Cù khoảng cách từ núi tới chợ, nó cũng nhắc nhở cơn bao lâu mới được nghỉ ngơi. Đambông mắc cỡ gai góc, bông tím đỏ ghê tởm chọc, "còn xa lắm mới tới chợ!". Rạng tre tầm vĩng sau nhà thấy giáo Chạp lăm lăm ướt nhọc, là tre mát, ve vầy chào đón an ủi, gần tới rồi. Tiệm nước, ở ngã tư chợ, Cù ghé đổ vài đôi xe nhẹ hẳn đi, túi tiền không nặng hơn dù những tờ giấy bạc thấm nước và mồ hôi, ghé đổ thêm vài nhà là xong. Hai đôi nước, cuối cùng dành riêng cho nhà Cù Hòa, lu nước dài, những người Miên ra chợ. Dù mưa hay nắng Cù Hòa cũng đổ đầy nước. Cù Ưống xem lu nước làm phước nầy như của mình, lâu lâu Cù tay súc lu cho sạch, xong đầu đầy mới về nghỉ- ần cơm.

Chuyến xe nước chiều, đường thật vắng, chỉ dành riêng cho Cù, trong núi, thối nào cũng vậy, sau 4 giờ chiều ít ai dám bên măng tới gần. Mấy ông không thù oán gì Cù đâu. Ly cà-phê đen tiệm Chết Nghèn đủ cầm hịsuốt buổi xế trưa oi nóng. Nắng trời cao phủ xuống, hơi nóng đất đã dưới chân bốc lên, Cù như sống trong lò lửa không lối thoát. Chuyến xe chiều về, sức hồi kiệt, tưởng chừng Cù có thể xum bắt cự lúc nào, vậy mà Cù vẫn cầm cúi đi một tay kẹp chắc xe đạp, một tay đẩy xe nước. Lắm khi cực quá, Cù Ưống cầu nhau, "chết cho rồi cho khỏe thân!".

Mùa nắng, nhiều người bắt mần kêu rêu thiếu nước, trạch Cù đỡ không đủ, làm cách nào hơn sức người có hạn, nước giếng, có chừng, Thỉnh thoảng Cù Ưống đỡ quạt trước những lới gay gát của khách hàng. "Trời mưa anh có thể hành kêu tôi đỡ không?" Trời nắng cực nước, trời mưa nước nhiều lắm người đỡ nước cực khổ hơn, ít người kêu nước, vì hầu hết dân chợ có lu hứng nước mưa dù dùng hàng ngày, chỉ một ít nhà nghèo không đủ phước tiện mới kêu nước. Mùa mưa dầm, gió từ núi thổi như thét gào, lạnh từ sáng đến chiều, ruộng úng nước ngập đường Cù Ưống nhọc nhằn kéo xe đi lom bôm, chiếc nón tre dù che đầu, sợ quần loang lổ và nước thấm vào người, Cù Ưống run cầm cập may sao trôi thường, Cù chưa bị bệnh hạn hạnh hả, gia đình cần cơm, dân chợ cần nước.

Năm năm qua, sức khỏe càng suy lụn, cần nhà muốn gần 30 năm trước không thấy thay đổi, chỉ thêm người, con cái lớn dần, ăn nhiều mà chưa giúp đỡ gì được cho gia đình.

Chiều cuối năm, mần cơm cúng ông bà, nhang đỏ tàn, chêm thêm ít trà rượu, Cù cầm xấp giấy vàng mã khấn vài lăm thắm, rồi quét lửa đốt khói bay mặt mù quyên với khói nhà, bên cạnh. Mấy đứa con cháu bị ốm Tết, vui với bộ áo quần mới may. Suốt năm, hôm nay nhenhàng nhứt thành thoi ngồi nghỉ, quanh đây nhiều người khổ khổ hơn, họ gọi nhau đi ỏi, cái cơ nớ nần cuối năm.

Màn cơm dọn lên, Cù ngồi chồm hóm trên ghế ần một mình. Cù về oai gập díu mí xựa xỏ, nuốt cơm như nuốt nhọc nhằn. Số phận, trời cho, mình lãnh, biết trách ai bây giờ. Các tiệm buôn bán tỉnh số cuối năm, Cù, không cần lo nghĩ gì cả, mình không biết chú, tính toán cũng không trời. Cù uống chằm chằm ly trà chất chắt, nằm gát tay trên trán. Trong đầu hiện ló mó hình ảnh hơn 30 năm trước, Cù bỏ xứ ra đi, theo những người cùng xu cùng quê xuôi Nam. Trước khi lên tàu, Cù mở úc làm ăn khá, giống lúc mở cửa những người đi chung tàu, dự da về thắm thắm xóm, cu. Người đồng hướng cùng lửa tuổi tới xứ, nầy cũng nhiều. Ông Càng xưa đây, xe bản nước đã bấp, bầy giờ có tiếng cả phê lớn, ông Chiệp Xe đây xe bản bánh nướng bầy giờ ở phố lâu tiệm bánh, tề nhứt như từng Lão, cũng có tiệm nhỏ góc chợ để đêm mua đại nằng. Cửa biển Xa Tháo (Sơn Dầu) xa quá, mắt hết liên lạc với bà con họ đợ lý xưa, người lớn tuổi chắc quý tiền hết đời. Thấy thiên hạ có năm gói mớ heo về chợ bà con qua ngã Hồng Kông, bà con mỗi người húp

một muỗng mỡ heo, thiếu ăn vậy sao? Củ muốn gói về một thùng cho bà con ăn lấy thảo những ngày qua ngày, không tiện nên giá vô quên mất. Hơn 10 năm nay, giếng nước Chún Num không còn là nguồn lợi, đủ nuôi gia đình càng ngày càng, đồng, nước càng ngày càng cạn. Xưa mỗi đời nước nắm cục, bây giờ mỗi đời bay chực đồng mà không đủ sống. Hàng năm, Củ lên giá vài đồng vào dịp Tết, Củ quên hàng hoá, thực phẩm, giá cả càng ngày càng cao. Chính xe, ông Pênh và mấy người chủ tiệm tốt bụng muốn người về giếng nước sâu chonước nhiều hơn, nhưng những người hào tâm này thời khổ nhờ Củ, Uống nửa, họ dùng máy bơm và xe hàng chở nước về.

Giấc mơ về thăm hưởng lý, thăm bà con thân thích, Củ không buồn mơ ước, hy vọng đảm con cháu khả hôn, ở hiền gặp lành, Cầu chăm ngôn này chứa đủ chứng minh ít nhất trong thế hệ hiện tại. Cuối năm nay không dư dả mua sắm thêm gì, trên bán, thối tệ tiền, một nải chuối xanh, trái dưa hấu nhỏ hẻo, một đĩa quýt dẻo Củ nắm cô đôn, đảm con cái bắt đầu ra khỏi nhà, lìa lìa với bạn bè.

Củ muốn kể cho bạn nó nghe chuyện xưa vào dịp rảnh rang cuối năm. Để tao kể cho nghe- Tao với thằng Côn, Thằng Xua, ai nửa kia, lâu quá quên. Bọn tao tối tối rủ nhau đi bẻ cà na, trôm. Mấy đứa con gái đứng cạnh chúng chủ vườn cà na. Bấy giờ chắc tụi nó giá hết rồi! Có khi chú vườn gặp, tụi tao chạy mất, hồi nhớ tao mạnh làm kia, không phải lời, thối như bấy giờ đâu! Cà na đen muối mặn, ếch cháo trắng ngon lắm bấy đó! Củ Uống lén dím, mấy mươi năm trước, Củ thấy thằng bè chạy vụng vụt qua vườn cà na, lão chủ vườn tru trèo; "con ai không cõ chạ mẹ sao, bắt được taobe cõ hết!" Củ phì cười một mình, tiếp tục để tao kể nửa nghe bấy. Thằng Xối, con Củ thối ở "Thối, cõ bao nhiêu Chết nội cả trăm lần - chuyện năm xưa!". Nghe con nói, Củ Uống vẫn điệu thuốc, nhập ly trà nguội từ lâu, c u t húp, than thâm: "Ôi, con cái thối nay, mà!... Nước trên mái nhà chảy xuống, chỗ nước có chảy ngược lên bao giờ đâu! Thường nó mản cõ thối mình đâu, cũng may là chưa nhờ nó gì à!".

Sát tủy lên trán, lằn lằn, bực bực, Củ âm thầm chịu đựng. Năm nay, Đoàn lãn Ban Khế Lũmình bọn vô sĩ tập thuận thực, chưa, còn đứng với xử khắc chõ. Ông Lão, trưởng Đoàn lãn, vốn chạo mỡ tăn cánh cào lãn ếch, bộ cước ông không tề đều nghe. Muốn kể cho con cái nghe chúng nó lại chê mình lủ lãn chuyện năm xưa. Thêm cà na muối quả, búi búi và mặn, Củ chép miêng, lẩm bẩm "Mẹ họ, mấy gành hát Tiểu tời đây, ông Bang Năm không dẫn tới hát nhằm mình chõ mình nghèo hỏ, trối cõ mắt mã, để rồi coi lãn bầm chân, Củ Uống than thối như ng, bịnh rên rĩ, "Mình sỏ phân, cục tú nhỏ tới lớn, trối không thối". Củ gõ nhịp, ngón tay gầy guộc như mấy cây lạp xướng khô, nhái lại điệu Huỳnh Mai, quanh đi quẩn, lại cũng bao nhiêu, cõ nhỏ mã không nhớ nổi thêm câu nào. Hay nhất là Đoàn Chúc Anh Đài đội cha phải sập xe tâng vào ngày đưa dâu để tron, tính với Lương Sơn Bá, hay quả, hay quả, Củ Uống la lớn, điệu Huỳnh Mai Củ Uống nghe cách đây mấy mươi năm, trên bó hai khẩu Xua Tháo, Củ đang ôm gói quần áo chõ xuống tàu, một mối, lo âu nghe tiếng cõn tiếng mắt, một cõ bè chúng 10 tuổi hát theo tiếng đồn gào của ông già ăn xin gầy còm. Tiếng hát vào, von theo tiếng đồn gào búng bứt bị át bởi tiếng chân người qua lại- 1 1 1... Điệu Huỳnh Mai Củ hát chưa dứt, đứa con đi ngang nói, "ông già khùng!". Củ Uống căng bức, đọc, không giải tỏa, được, "Sỏ phận cục cho tới chết vậy hề! biết chúng nào cõ tiện về Tàu thăm bà con nè trời!".

Bà vô tình cõ đang, quét dọn, phì cười gộp ý "Tại ông ăn CỒM, CHAY làm sao về Tàu được?" Củ Uống giật nảy mình nạt như hét: "Chõ cõ chiều nào mẹ con đây chõ cho tao được chõ cõm trắng không?".

Phong Hưng LỮ NHƠN NGHĨA

# thơ

## Tiếng vọng Quê xưa

Ta mơ về lối cũ  
Cho thương nhớ đây với  
Ôi quê hương nước Việt  
Trong ánh mắt xa với  
Mòn mỏi theo mây trôi  
Hình hài quê hương đó  
Mà sao xa vắng rồi.

Bốn ngàn lẻ Việt Nam ơi!  
Vùi thân trong khói lửa  
Mặc tiền nhân máu đổ  
Mặc chiến sĩ hy sinh  
Quê hương này nhuộm đỏ  
Phai màu cở vong linh.

Người đi hãy ngừng lại đã tan tành  
Cho quê mẹ thăm lại mái tóc xanh

Trả lại ta con đường về lối cũ  
Dưới nắng chan hòa dưới ánh trăng,  
Dưới hàng dừa, xanh mắt người thiếu nữ  
Bên mái nhà tranh thơm ngát tình thương.

Trả lại ta những nẻo đường đất nước  
Muốn người cha trong ngục tối lưu đầy  
Cho con thơ sớm được sum vầy  
Cho cô phụ không biến thành tượng đá  
Om con thơ nhỏ lệ khộc thương chông.

Trả lại ta đàn con bé bỏng  
Để mẹ già khỏi mở mắt ngóng trông.

Hãy quên đi những diên cuồng giết chóc  
Cớ nghe chằng lòng dân đang thốn thức  
Gạt lệ mở khi vận nước điều linh.

Trả lại ta...  
Ôi hồn thiên đất nước Việt  
Vang trong đêm tiếng vọng nhớ quê xưa.

● TÔN NỮ CỎ DẠI



# Đạo Phật đi vào Cuộc Đời



Nếu ai bảo TÂM NHƯ định nghĩa ĐẠO là gì, Tâm Như có thể định nghĩa một cách dễ dàng theo sự hiểu biết của mình, hoặc theo trong tư điển Phật học. Đạo là con đường, đạo là bốn phần. Đạo là lý tánh tuyệt đối v.v... Nhưng bảo định nghĩa ĐỜI là gì - thì Tâm Như sẽ chịu thua. Vì đời nó có nhiều nghĩa quá. Nếu bạn nào hiểu rộng, định nghĩa đúng, xin chỉ bày cho Tâm Như với. Nhưng Tâm Như chỉ biết được như thế này thôi.

*Đời không Đạo như thuyền không lái  
Đạo không đời Đạo phải về đâu?  
Vì đời còn lắm bề đâu  
Đời xa bên Đạo để sầu triền miên.*

Như vậy chúng ta có thể thấy rằng: đời với Đạo "tuy hai mà một"; nhưng "tuy một mà hai"! Cái hay và cái then chốt nó nằm ở chỗ ấy. Mục ĐẠO PHẬT ĐI VÀO CUỘC ĐỜI do Tâm Như phụ trách đã làm cho nhiều người vui mà cũng lắm kẻ buồn. Vì có nhiều người bảo, sao Tâm Như cái gì cũng lái vào Đạo hết là sao? - Xin thưa là tại vì Đạo Phật phải vào đời để hóa giải cùng đời, rồi phải làm cho đời hiểu Đạo. Đó là mục đích chính của quý Thầy đã giao cho Tâm Như phải làm vậy, chứ biết tính sao. Chắc quý bạn đồng ý với Tâm Như đó chứ?

*Hỏi 26 : Tại sao người đi tu lại mang họ "Thích" và đi tu bao nhiêu năm thì được dùng họ này vậy? Mong Tâm Như giải thích dùm cho.  
Một PHẬT TỬ miền Nam nước Đức*

**Đáp :**  
Nhận được câu hỏi này của bạn, Tâm Như phải

đi thỉnh ý kiến của quý Thầy ngay và đây là câu trả lời vậy.

- Chữ Thích đây tức là "Thích Ca" vậy. Tiếng Sanscrit viết là Sakya. Chữ Tàu dịch ra là "Thích". Dòng họ Sakya là dòng họ của Đức Phật Thích Ca. Dòng họ này ngày nay vẫn còn tồn tại ở phía Bắc Ấn Độ. Sơ dĩ người đi tu phải lấy họ "Thích", vì cổ ý rằng: khi còn ở gia đình với cha mẹ ông bà, mình có họ Lê, họ Nguyễn, họ Phạm v.v... Nhưng khi vào chùa rồi - sau khi đã xuất gia học đạo và thọ giới Sa Di, thì người đi tu được đổi họ và tên thành ra họ Thích và gọi bằng "pháp danh" chứ không gọi "thê danh" nữa. Nếu người nào giới, chừng 3 năm có thể thọ Sa Di; sau khi thọ Sa Di - (tức giữ 10 giới) sẽ được mang thêm chữ Thích trước pháp danh hoặc pháp tự của mình. Một người đi tu thường có 3 tên khác nhau ngoài thê danh của mình. Đó là pháp danh khi thọ ngũ giới, Thầy Bốn Sư đặt cho. Pháp Tự, khi thọ 10 giới và pháp hiệu khi thọ 250 giới bên Tỷ kheo và 348 giới bên Tỷ kheo Ni.

Ném một cái nhìn về lịch sử Phật Giáo Việt Nam ta thấy các vị Thiên Sư ngày xưa ít dùng họ Thích mà chỉ dùng pháp danh hoặc pháp tự như Khuông Việt, Vạn Hạnh v.v... đôi khi còn dùng cả thê danh để gọi nữa như Sư Cụ Khánh Hòa tức Lê Khánh Hòa. Sa Môn Lê Phước Bình tức Hòa Thượng Thích Hành Trụ v.v... không biết chữ Thích bắt đầu dùng từ lúc nào trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam. Nhưng điều chắc chắn là sau năm 1963 tất cả những người đi tu, kể từ khi thọ giới Sa Di trở đi đều được mang dòng họ Thích.

Trong kinh điển chữ Hán hoặc giới luật ta thường thấy chữ Thích xuất hiện rất nhiều nơi như "Thích Tử Như Lai" (tức con của Đức Như Lai). "Thích Tử xứng bản, tích tài hể dụng" (người đi tu gọi là nghèo, tại sao chứa của cải để làm gì) v.v... Chắc phen này Tâm Như phải đi tìm sư học đạo nữa mới tìm ra cội nguồn. Mong bạn thông cảm cho.

*Hỏi 27 : Ở đời ai sinh ra cũng phải chết cả. Khi ở quê hương mình cái gì cũng đã có sẵn. Nhưng ở Tây Đức, khi có một người thân qua đời thì phải làm sao? Phải cần những gì và xin cho biết thủ tục.*

*Một số PHẬT TỬ tại Aachen*

**Đáp :**  
Câu hỏi này là câu hỏi của Phật Tử hỏi quý Thầy, quý Cô; nhưng quý Thầy quý Cô lại giao cho Tâm Như. Tâm Như không biết, nên đi cầu cứu quý Thầy. Thế là huê cả làng. Đây là câu trả lời vậy.

Ở Đức khi một người lâm chung có 2 cách tang. Cách thứ nhất là chôn - Nghĩa là giống như ở

Việt Nam mình. Sau khi người thân qua đời tại nhà hay tại bệnh viện đều được một nhà quàng lo liệu. Tang chủ sẽ đề nghị với nhà quàng chôn ngày nào, giờ nào sau khi đã tham khảo ý kiến với quý Thầy tại chùa (nếu đám táng muốn mời Thầy). Ngoài ra phải chịu một số phí tổn tiền đất 10 năm, 20 năm hoặc 30 năm để chôn và tiền hòm cũng như vòng hoa tang và đèn cây lễ v.v... Nếu người mất lãnh tiền xã hội thì xã hội sẽ lo hết mọi phí tổn cho gia đình. Nếu đi làm, có số lợi tức trung bình thì phải chịu tất cả những phí tổn trên. Thông thường từ 4.000 DM đến 5.000 DM cho mọi thủ tục; nhưng tùy theo sự đòi hỏi của Tang chủ mà số tiền cũng tùy đó gia tăng lên, như hòm tốt hơn, bông đẹp hơn v.v...

Cách thứ hai là thiêu - Sau khi thiêu có hai cách. Sau khi thiêu phải chôn tại một nghĩa trang chứ không được mang về nhà như ở Việt Nam mình. Mỗi một huyệt chôn hai cốt thiêu như vậy từ 700 đến 900 DM. Đó là chưa kể tiền thiêu và tiền hòm cũng như hoa và nến. Tổng số tiền cũng lên đến 4.000 hoặc 5.000 DM như cách chôn. Ngoài ra có một số người muốn sau này về nước hay đi nước khác có thể mang cốt của thân nhân mình theo nhưng không cho đem về nhà thì không biết tính làm sao. Nếu quý vị muốn như vậy thì hãy gọi điện thoại hoặc biên thư về chùa Viên Giác thưa với Thầy trụ trì là Tang chủ muốn gởi cốt ấy ở chùa và nhờ cho nhà chùa biết những chi tiết như sau: Tên họ, ngày và nơi sanh của người mất - ngày mất và hiện ở đâu. Người liên hệ trợ gia đình là ai v.v... và điều quan trọng hơn cả là gởi tên cũng như địa chỉ và số điện thoại của nhà quàng tại địa phương mình về chùa, để chùa sẽ gởi một văn thư xuống nhà quàng ấy - và một bản phụ cho Tang chủ - để sau khi thiêu, nhà quàng sẽ gởi cốt kia trực tiếp về chùa. Phí tổn để cốt tại chùa không định giá; việc cúng dường và hộ trì Tam Bảo cũng như hương khói cho vong linh là tùy tâm và tùy hoàn cảnh của Tang chủ. Tất cả Phật tử VN hiện cư ngụ tại nước Đức đều có thể thực hiện được điều này, nếu Tang chủ muốn thiêu cho thân nhân mình.

Ngoài ra còn một số hình thức cúng bái khác về tuần thất, tang chế v.v... nhưng cũng khá rườm rà. Hẹn lại quý vị ở một kỳ khác Tâm Như sẽ trả lời rõ hơn. Nhưng muốn chắc chắn hơn nữa thì mỗi khi gia đình hữu sự nên gọi điện thoại cho chùa Viên Giác ở Hannover, Tịnh Thất Bảo Quang ở Hamburg, Niệm Phật Đường Khánh Hòa ở Rottershausen và ở Barntrup, thì quý vị sẽ được hướng dẫn đầy đủ hơn.

Hỏi 28 : Nhà tôi đã có thờ Phật Thích Ca đời nhưng vợ tôi và con tôi lại muốn thờ thêm Phật Di Đà và Phật Di Lặc nữa, cũng như Bồ Tát

Quán Thế Âm, không biết như vậy có được không? Mong Tâm Như cho biết thêm về cách thờ Phật cũng như cúng Phật nữa để gia đình tôi biết mà cúng bái.

QUANG NHUẬN  
(Berlin)

Đáp :  
Hừ vía Tâm Như là câu hỏi này có thể tham khảo bằng sách vở được. Chứ cái gì cũng cứ đi hỏi Thầy hoài thì có ngày cũng bị... quỳ hương. Vì làm phiền Thầy thì ít mà chúng tôi cái trí... đạo chẳng có chút nào lại nhiều như rửa, tội nặng lắm đa.

Tâm Như có đọc kỹ bài thứ 7 trong Phật Học Phổ Thông khóa thứ nhất của Hòa Thượng Thích Thiện Hoa về cách thờ Phật, lễ Phật và cúng Phật cũng như đã đi chùa nhiều năm vẫn cảm chùa không biết bao nhiêu ký gao rồi. Nên có thể tạm trả lời cho bạn vậy :

Nếu chỉ thờ một Đức Phật gọi là thờ độc tôn. Như thờ Đức Phật Thích Ca, hoặc Di Đà chẳng hạn. Nhưng nếu thờ Đức Phật Thích Ca, Di Đà và Di Lặc chung thì gọi là thờ Tam Thế Phật. Tức là Phật 3 đời. Quá khứ có Đức Phật A Di Đà. Hiện tại là Đức Phật Thích Ca và vị lai là Đức Phật Di Lặc. Ba vị Phật này thông nhau và Bồ Tát Quán Thế Âm thờ thấp xuống một bậc. Nên thờ Phật ở ngoài phòng khách hoặc nơi nào quang đảng nhất, mọi người đều có thể nhìn thấy mà phát tín tâm, chứ không nên thờ Phật trong phòng ngủ hoặc che Phật ở một nơi kín mít, bịt bùng. Vì trong phòng ngủ không có thanh tịnh trang nghiêm và nơi tối tăm mờ mịt làm sao chú Phật và chư Bồ Tát giảng dạy được. Bàn Phật lúc nào cũng phải sạch sẽ. Cúng Phật chỉ cần nhang thật thơm, hoa thật tốt, quả thật tươi và đèn đỏ, nước lạnh là đủ rồi. Nhiều lắm là cúng chén cơm hoặc chè xôi mỗi lần có sóc vọng - không cúng đĩa, muỗng, nước trà hoặc đồ ăn bày la liệt lên đó mất trang nghiêm. Có nhiều người thờ Phật nhưng chẳng chịu đốt nhang, thay bông trái, để Phật ngồi đây bụi bặm, năm khi mười họa, có việc gì trợ gia đình mới đến vài van lạy lục. Còn bình thường thì không lo sửa soạn gì cả. Hoặc ăn thì mua quả thật tốt, còn cúng Phật thì mua trái cây bán đại hạ giá để cúng, thì cái tâm thành của mình nó đi đâu mất chẳng nghĩ đến Phật chút nào cả. Chắc Phật cũng "buồn" cho cái chúng sanh này lắm. Mỗi tối trước khi đi ngủ hoặc mỗi sáng trước khi đi làm nên thính 3 tiếng chuông, đốt một cây nhang để cúng Phật. Ngày rằm, mồng một nên có hoa tươi, quả đẹp để dâng cúng Ngài.

Tóm lại cứ thờ từng vị một cũng được chứ cứ là 3 hay 4 hoặc nhiều hơn nữa. Nếu nhiều quá rườm rà, không giống bàn Phật mà

# TRANG THIẾU NHI

Trong ánh nắng Xuân về có muôn chim ca hát. Tiếng nói tiếng cười của những mùa Xuân trước, có phải là tiếng nói tiếng cười chiều sáng Xuân nay. Chúng ta hãy cùng nắm lấy tay nhau, ca vang lên những bài ca Xuân, kể cho nhau nghe những chuyện vui buồn của những mùa Xuân lịch sử....

Xuân đã về rồi đó các em! Xuân chắc chắn sẽ vui, và nhất là Xuân trên quê hương mình. Pháo đã bắt đầu tạch đùng cả tháng trước ngày Tết; nồi chè thơm phức do cha mẹ nấu cúng đưa Ông Táo về Trời; để Ông tâu trình với Ngọc Hoàng về chuyện làm ăn dưới trần thế trong một năm:

Chí chèo chí chèo  
Chạy Tết lên dây  
Đập đầu quỉ lay  
Tấu với Thánh Hoàng  
.....

Rồi đến ngày 30 Tết, chợ Tết, đêm Giao Thừa pháp phông, hồi hộp, niềm vui lâng lâng tràn ngập cả tâm hồn khi nghĩ đến bộ đồ mới đẹp sẽ được mặc trong ngày đầu năm. Sẽ được cha mẹ, chú bác lì xì; sẽ được dịp ăn quà bánh phỉ phê; đi đó đây trong mấy ngày Tết.

Nhưng hôm nay, vào giờ phút này, chúng ta đang vui Xuân ở đây chắc hẳn chúng ta không thể không thấy buồn ngùi khi tâm tư chợt quay về nơi cố quốc, nơi quê hương Việt Nam ngàn d ớ i yêu dấu! Nơi mà các em bé cùng trang lứa, đồng tuổi các em sẽ không hưởng được trọn vẹn một mùa Xuân; sẽ không còn được quần áo mới; sẽ không có tiền lì xì để ăn quà vật; sẽ không còn vẻ mặt hớn hờ như Nàng Xuân....

Trong ý nghĩ đó, chúng ta vui Xuân tại đây, nhưng đừng bao giờ quên bạn bè, thân nhân, đồng bào ruột thịt tại quê nhà. Họ đang sống trong nỗi vui mừng Xuân không trọn vẹn !

Chúc các em hưởng một mùa Xuân vui vẻ. Hãy tiền lì xì, quần áo mới, đồ chơi mới, và một năm mới mọi điều tốt đẹp được thăng tiến.

## thơ

### XUÂN VỀ

Xuân đã về chim vui hát hoan ca !  
Xuân đã về mang nắng ấm chan hòa  
Xuân đã về môi hồng em bé nở  
Xuân đã về dệt lại mây vần thơ.

NGUYỄN TỬ VĂN



Thân ái  
TRANG THIẾU NHI



## TỤC NGŨ CA DAO

"Không Thầy đồ mây làm nên."  
"Có công mài sắt có ngày nên kim."

# Các Em có biết ?

## DANH NHÂN NƯỚC VIỆT : CỤ TRƯỞNG VINH KÝ

Cụ Trưởng Vinh Ký sinh năm 1837 mất năm 1898. Tự là Sĩ Tải, tục danh Pêtrus Ký, vốn là một đại văn hào có công rất lớn trong việc đặt nền móng đầu tiên để xây dựng nền quốc văn mới Việt Nam vào cuối thế kỷ thứ 19, trong lúc chủ quốc ngữ đang ở trong thời kỳ phôi thai. Ông người tỉnh Vĩnh Long. Thân sinh mất sớm, ông được tư mẫu hết lòng dưỡng dục, dạy bảo. Tư thủ đầu thơ ông học chữ Hán, rồi sang học chữ Quốc Ngữ. Được một vị Linh Mục Thiên Chúa Giáo người Pháp, tục gọi là Cô Long nâng đỡ, năm 11 tuổi ông theo học trường Pinhalu ở Cao Miên rồi qua học trường Pinang. Vốn là người có tư chất thông minh, ông thông thạo nhiều ngoại ngữ như : Pháp, Hán, Xiêm, Lào, Miên, Hy Lạp, La Tinh, Anh, Nhật, Ấn Độ.

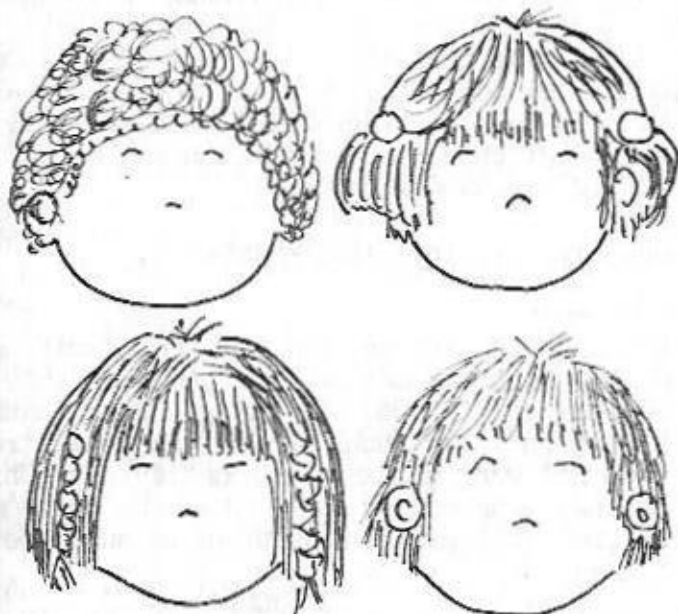
Theo tài liệu GS TRỊNH VĂN THANH

# Các Cháu có biết ?

- 1/. Con người bình thường, trong một phút trái tim đập 91 lần khi đứng, 71 lần khi ngồi và 66 lần khi nằm.
- 2/. Rất là khô khản và đôi khi không thể nuốt nếu người ta nuốt một vật gì cùng lúc mở miệng ra (các cháu thử thí nghiệm xem).
- 3/. Những loài chim làm tổ ở dưới đất thì đẻ trứng trắng, còn những loài chim làm tổ ở trên cây hay trong các bụi rậm, bụi cỏ thì đẻ trứng có màu.
- 4/. Con cá sấu thân hình nó to như thế nhưng cái óc của nó nhỏ bằng một hạt đậu hòa lan - (Erbse).
- 5/. Trước thế kỷ thứ 19, ở Âu Châu giày không có chiếc phải, chiếc trái, cả hai chiếc đều giống nhau.
- 6/. Con voi trắng (có người còn gọi vân hoa là con bạch tượng) nhưng thật ra nó không trắng cũng không xám mà là vàng lợt (gelblich).
- 7/. Móng tay mọc nhanh là dấu hiệu sự khỏe mạnh của con người; nhưng khi người ta chết rồi móng tay vẫn còn tiếp tục mọc đến một thời gian nào đó mới ngưng. Vì vậy các cháu có nghe nói con cáo Hồ Chí Minh đã chết, được dân em ướp xác để tại Công viên Ba Đình (Hà Nội) mà móng tay vẫn mọc dài ra, nên có nhiều người thấy và nói ông ta thành yêu !

BÁC NĂM

Em tập vẽ! Hãy vẽ 4 em bé:  
Khóc, cười, nói, im lặng!



Em làm toán

$$\begin{array}{r} 25 \\ + 36 \\ \hline \dots \end{array} \quad \begin{array}{r} 14 \\ + 3\dots \\ \hline 52 \end{array} \quad \begin{array}{r} 4\dots \\ + 37 \\ \hline 77 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 85 \\ - 23 \\ \hline \dots \end{array} \quad \begin{array}{r} \dots 4 \\ - 18 \\ \hline 56 \end{array} \quad \begin{array}{r} 65 \\ - \dots \\ \hline 65 \end{array}$$

# MÙA XUÂN - THƯ CHO THẦY

Đã lâu rồi không nhận được thư Thầy, không biết độ rày tóc thầy bạc ra sao!? Hình dáng thầy đã tiêu tụy đến độ nào!? Nhưng có một điều con nghĩ có lẽ không bao giờ sai là mặc dù tóc thầy có bạc ra nhiều, thân thầy có tiêu tụy thêm hơn, nhưng tinh thần thầy vững chãi như ngày nào, thì nay càng vững chãi hơn, để sống, làm việc - như mọi người còn lại trên quê hương.

Thần thoát gần năm năm rồi! Nói nhớ thương tăng dần theo ngày tháng. Lâu không gặp thầy, không được nói chuyện với thầy, là tự lòng con thầy có một cái gì mất mát sâu xa, một nỗi buồn trống vắng, như con thuyền chèo thầy bên bờ để vươn tới. Nhớ ngày sắp chia tay thầy có nói: "Con muốn đi thì cứ đi! Thầy cũng mong con đi được an lành, làm được nhiều điều tốt đẹp lợi trên xứ người, và không quên mục đích chung của dân tộc... Còn riêng thầy, thầy sẽ ở lại, thầy không muốn đi, vì ở đâu người ta cũng phải có bốn phận. Ở ngoài nước thì có bốn phận ở ngoài, ở trong nước thì có bốn phận ở trong. Thầy cũng sẽ làm bốn phận trong nước như bao người đã và đang làm. Hạn thù là hạn thù chung của dân tộc, lãnh vực nào, bình diện nào ta cũng phải vững chãi đi lên."

Nhưng khổ một nỗi thầy ơi! Nói những xứ xa hoa lỏng lẻo này lắm nhiều cam bẫy chông gai, viết cho thầy con cố viết bằng sự trung thực của lòng mình. Những tân kỳ và văn minh của thế giới vật chất, nó dễ làm cho người Việt chạnh lòng nhớ đến cố hương, nhớ mảnh đất nghèo nhớ cảnh lầm than đói rách của người dân, nhưng nó cũng làm cho lòng người dễ quên đi quê hương nòi giống, dễ làm cho con người không biết đến cội nguồn, và chỉ mau câu theo bả lợi danh, theo những thú vui ích kỷ.

Cuộc sống ở đây, nếu đại đa số dân Việt mình không được dứt nguồn tư trong gian khổ để gây dựng, không có lịch sử kiêu hùng chói lọi đến ngày nay, không có lòng tự hào của dân tộc, thì chỉ sớm chiều như cánh bèo trôi trên dòng nước, mặc cho cơn xoáy trong dòng lèo lái đi xa, đến tận biên khơi, rồi một ngày nào đó sẽ tan tác như những loài vô tri vô giác, rong rêu trôi chảy mãi không biết néo về nguồn.

A! Thầy còn nhớ Thanh không thầy? Hôm qua con đã nhận được thơ của nó. Trong thơ Thanh đã viết hai câu thơ để ví kẻ ở lại, và người ra đi. Theo Thanh thì khí phách của kẻ ra đi như Cá Kinh, Cá Ngạc ở biển Đông, còn phần kẻ ở lại thì:

"Quần tử lúc cùng thêm thẹn mặt  
Anh hùng khi gặp cũng khoanh tay".

Nguyễn công Trứ

Đọc xong 2 câu thơ này, con thấy buồn và thương Thanh vô cùng!

Ngày mai đây con ra bưu điện gói về cho thầy hai cái quần, vì chỉ là hai mét tư. Vì vải ở đây đang mùa hạ giá. Của ít lòng nhiều, thầy nhận được con vui. Rồi thay khi hàng về không có tiền trả thuê thì thầy cứ bán đi một quần, còn một quần, cũng phải ráng để mặc nghe thầy! Ngày nào còn ở nhà, thầy thầy có ba cái quần mặc đi mặc lại hoài. Một cái còn mới, một cái sờn mông và một cái được mượn và đủ nói. Nhưng bây giờ đối với con chẳng có gì lạ, bởi vì: thầy với con tuy hai mà một, con với thầy tuy một mà hai; con cũng đói rách thiếu thốn như thầy. Con cũng mong Tết năm nay thầy có một cái quần mới để đi chúc mừng bà con, anh em, bè bạn; và hạnh diện nói: "Đây là quần của người học trò cũ từ xa vừa mới gói về".

Còn nói về những nhu cầu vật chất thì ở đây không thiếu gì: thịt thà, bơ, rượu....

Chỉ tiếc là: "Rượu ngon không có bạn hiền,

Không mua không phải không tiền không mua".

Với hai câu thơ bất hủ này, con muốn dùng nó để kết thúc bức thơ này. Kết thúc một tâm trạng dang dang trào tuởng tim của người học trò mà thầy hằng yêu mến và luôn yêu kính thầy. Dầu sao thì cũng luôn nhớ lời thầy để làm được một cái gì, tìm được một cái gì để khâm danh mất niềm tin những người còn ở lại, và cũng không rong ruổi như những kẻ vô tình để làm trò cười, làm con thiếu thân, trong xa hoa, trong men rượu nơi vùng đất xa hoa lỏng lẻo này. Ghi nhớ mãi lời thầy: "Lãnh vực nào, bình diện nào cũng phải vững chãi đi lên!". Hãy cho con thêm nghị lực bằng những lời thơ của thầy. Xuân về, kính chúc thầy, gia đình bình an và sức khỏe. Vạn lần kính yêu thương mến thầy.

Con,  
VŨ NAM





Các em hãy cho con dê nhớ 1 đường về nhà không gặp nguy hiểm bởi 3 địch thủ đang rình rập. Bằng màu: xanh cho ô số 1; vàng ô số 2; đen ô số 3 và đỏ ô số 4.

## Bữa cơm ngon nhất của nhà Vua

Viết tặng các em thiếu nhi hải ngoại  
Riêng tặng các con: Khanh Diễm, Bé Tư

Ngày xưa có một ông vua ở một nước giàu có, hằng ngày ông thường ăn đủ các món ngon vật lạ nhưng ông vẫn không thấy ngon. Một hôm ông gọi vị quan cận thân hỏi:

- Khanh à, hằng bữa trăm đều ăn những món sơn hào hải vị sao trăm vẫn không thấy ngon, Khanh có biết nấu món chi thật ngon cho trăm ăn không?

Vị quan cận thân suy nghĩ một lát rồi tâu.

- Thưa Bệ hạ cô, nhưng Bệ hạ phải chờ hạ thần nấu một món ăn đặc biệt cho Bệ hạ.

Nhà vua mừng rỡ nói:

- Nếu là một món ăn ngon thì trăm chờ đến bao lâu cũng được.

Quan cận thân về nhà và bắt đầu nấu đồ ăn cho nhà vua, ông bỏ cục đá to vào nồi nấu từ sáng đến chiều. Nhà vua hỏi:

- Khanh nấu đồ ăn xong chưa? Trăm đói rồi.

Ông quan trả lời:

- Thưa Bệ hạ chưa!

Quan cận thân nấu thức ăn cho nhà vua ngày thứ nhất, qua ngày thứ nhì đến ngày thứ ba. Nhà vua vẫn chờ và chờ mãi. Ngài quá đói và mệt. Ngài nói với quan cận thân:

- Xong chưa Khanh, trăm chịu đói hết rồi.

Lúc bấy giờ quan cận thân dọn cơm lên cho nhà vua ăn, thức ăn gồm có một nồi cơm nguội và đĩa muối mè.

Nhà vua vừa ăn vừa nói:

- Khanh nấu món chi mà trăm ăn ngon quá. Thoảng chốc nồi cơm cạn và đĩa muối mè cũng không còn. Ăn xong nhà vua thở ra khoan khoái rồi nói với quan cận thân:

- Đây mới đúng là bữa cơm ngon nhất trong đời trăm vậy.

NHIÊN (Lینگen/Ems)

# HOA SEN CHÙA VIÊN GIÁC

(Kỳ 3)

Đạo Phật thường hay lấy hoa sen để làm thí dụ cho mọi việc, mọi vấn đề. Ví dụ như khi Thái Tử Tất Đạt Đa sinh ra đi trên 7 cánh hoa sen đến khi thành đạo; ngồi Thiền; nhập Niết Bàn v. v... chúng ta đều thấy hình ảnh hoa sen luôn luôn gần bên Đức Phật.

Hình các vị Phật A Di Đà, Bồ Tát Quán Thế Âm hoặc các vị Tổ Sư, các vị Thánh Tăng v.v... chúng ta đều thấy các Ngài ngồi hoặc đứng trên các hoa sen đỏ; có khi nâng hoa sen lên trên tay của mình. Trong kinh Di Đà cũng có nói về chén phẩm hoa sen ở thế giới Tây Phương Cực Lạc... Hôm nay chúng ta thử tìm hiểu, vì sao Đạo Phật hay dùng hoa sen để thí dụ và đây là những điều cần biết :

## ĐIỀU THỨ NHẤT :

Hoa sen gần bùn nhưng không bị mùi bùn làm mất đi sự thanh khiết của sen. Nếu người đời gọi hoa súng là hoa Thiên Tử thì phải gọi hoa sen là hoa quân tử. Sen là một loài hoa thoát tục, mọc lên từ chốn bùn nhơ tục l u y trong cõi đời; nhưng vẫn vươn lên khỏi sự nhơ nhớp ấy để tỏa ra một mùi hương rất ngọt ngào hiền dịu, khiến thế nhân phải cung kính lễ bái. Cũng dường thế ấy; như chúng ta sinh ra trong cõi Ta Bà uế trước này; nhưng nếu chúng ta biết tu hành chơn chánh, cũng có thể thoát tục thành được bậc vô thượng y vương, không nhiễm thế trần. Vì Đức Phật đã dạy: "Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật". Nếu chúng ta cố gắng vươn lên - sẽ giống như hoa sen kia - gần bùn nhưng không nhiễm mùi bùn vậy.

## ĐIỀU THỨ HAI :

Nhân quả đồng thời. Không có bất cứ một loài hoa nào vừa ra hoa lại vừa sinh quả. Chỉ có hoa sen mới có được điều ấy. Trong khứa hoa gượng sen và hạt sen đã hiển lộ ra rồi. Các

loài hoa khác, thường là sau khi ra hoa mới có quả. Điều này cho chúng ta thấy việc nhân quả đồng thời của Đạo Phật là hợp cơ và hợp lý.

## ĐIỀU THỨ BA :

Hoa và lá lìa nhau. Không có bất cứ một loài hoa nào khi trở bông mà không cần có cành để nương tựa. Chỉ có hoa sen mới tượng trưng để điều đó. Khi trở bông, lá và hoa sen cùng một gốc sinh ra; nhưng không chung đưng trong một cành. Điều này nói lên được việc "tùy duyên nhi bất biến" - nghĩa là tùy theo hoàn cảnh mà thay đổi; nhưng điều căn bản vẫn nguyên như vậy.

## ĐIỀU THỨ TƯ :

Hoa sen không phải là loài hoa để trang sức. Có những loài hoa dùng làm thú vui của loài người như hoa hồng, hoa cúc, hoa cẩm chướng v. v... Nhưng sen thì không. Người ta ưa hoa sen nhưng cung kính hoa sen hơn là đồng hóa sen với những loài hoa khác.

## ĐIỀU THỨ NĂM :

Hoa sen là một loài hoa mà ong bướm thường không hút nhụy như những loài hoa khác, ong bướm thường hay ghé thăm, hút nhụy, mang về xây tổ ấm cho gia đình mình. Tôi nói rằng - những loài hoa khác là những loài hoa tâm thương của thế gian. Còn hoa sen vượt lên trên tất cả các loài hoa, nên thế gian ít có người sánh kịp. Chỉ trừ những người nào có tinh thần thoát tục mới dám so sánh với sen thôi.

Trên đây là 5 đặc tính căn bản của hoa sen mà Đạo Phật vẫn thường hay dùng để tượng trưng cho giáo lý giải thoát của Đạo mình.

Trong tinh thần thoát tục đó, vào ngày 3 tháng 11 năm 1985 vừa qua có 2 Phật Tử Thiên Thành Phan Thanh Tâm và Thiện Phước Trần Thế Hiệp đã phát nguyện trước ngôi Tam Bảo là nguyện cắt bỏ mái tóc phủ trần triền phước và giây ái ân sanh tử luân hồi, để sống đời tinh hạnh của một bậc xuất gia, không gia đình, không thân tộc. Trên đên 4 ớn nặng, dưới cứu khổ muôn loài.

Những hoa sen này đã nở rộ. Hy vọng rằng nhiều chồi sen, và búp sen khác cũng sẽ vươn lên và nở rộ trong vườn chùa Viên Giác, để hương thơm được tỏa ngát muôn phương.

## NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính bạch Đại Đức Bổn Sư; kính bạch chư Đại Đức Tăng, Ni.  
Con Phật Tử Phan Thanh Tâm pháp danh Thiện

Thành có duyên sự, xin đầu thành đánh lễ tác bạch.

Sau một thời gian làm quen với giáo lý của Đạo Phật, con đã phát nguyện đi tu và được sự chấp nhận của Thầy Bốn Sư. Hôm nay con đến đây để cầu chư Tăng cho con thế phác, xuất gia học đạo.

Con rất hãnh diện có được ngày hôm nay, vì con thấy rằng Đạo Phật là một Đạo rất thích hợp với khoa học và đời sống tâm linh của con; nên con mới đem lòng thích thú và phát tâm tu học để hiểu rõ hơn về giáo lý của Phật Đà. Con nhận thấy cuộc đời là vô thường, thế gian là sống mê, bể khổ. Nên con đã chọn đường tu Phật, mong ngày thoát ly sanh tử luân hồi. Con xin phép nói tóm lại, mục đích của sự xuất gia tu học của con là: "trên cầu sự giải thoát, dưới giúp đỡ chúng sanh" và con nguyện suốt đời xuất gia tu học, hướng về Tam Bảo, Phật, Pháp, Tăng. Kính mong Đức Thế Tôn từ bi gia hộ cho lời phát nguyện của con được trường tồn vĩnh cửu trên con đường tu hành giải thoát ấy và kính mong Đại Đức Bốn Sư cũng như Chư Đại Đức Tăng, Ni chứng minh và hứa khả cho lòng thành của con.

Thiện Thành PHAN THANH TÂM

Sau lời phát biểu chân thành ấy, hơn 150 Phật Tử hiện diện đều cúi đầu; không phải vì tội nghiệp cho một mái đầu xanh, xa bỏ mọi thú vui tam bợ của cuộc đời, để vui mình vào kinh vào kệ, vào mõ, vào chuông, với nâu sòng, áo vải, tương chao đạm bạc qua ngày. Mà buồn vui lẫn lộn. Buồn vì lễ xuất gia này rất quan trọng, đánh dấu một đoạn đường dài, có những người ở lứa tuổi đôi mươi mà có thể hy sinh trọn vẹn được cả cuộc đời; còn những người lớn tuổi khác đã mong có được như ngày hôm nay nhưng chưa thực hiện được. Vui vì kẻ từ đây dưới mái chùa Viên Giác có những Chú Tiểu để thế sống đời tịnh hạnh, theo dấu chân của bậc Thượng Sĩ xuất trần.

Tiếp theo là lời phát nguyện của Phật Tử Trần Thế Hiệp pháp danh Thiện Phước đến từ Phần Lan. Một xứ thuộc về cực bắc Âu Châu, nơi lạnh lẽo quanh năm, đông thiên giá buốt, đã bao phủ một tâm hồn; nhưng nhờ cơ duyên của Phật Pháp nên mới về đây, quỳ dưới chân Phật Tổ để hâm nóng lòng mình sau những năm dài sống cô đơn nơi xứ lạnh.

Bài tác bạch của Thiện Phước đã làm cho mọi người hiện diện xúc động, khóc sụt sùi. Vì cùng tâm trạng của kẻ tha hương, sống gò thân nơi xứ người; nhưng tâm hồn vẫn đặt ở nơi cố

quốc. Lời nguyện lại cao hơn, dâng tràn lên mọi tâm tư người hiện diện, tâm thức lại triển khai. Ánh hào quang nơi Đức Phật đã sáng lại càng tỏa sáng hơn lên như thế nữa để đi thẳng vào lòng người.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

Kính bạch Thầy cùng Chư Đại Đức Tăng Ni; Từ ngày thơ dại sống cạnh cha mẹ được nuông chiều bông bế; nên chuyện đời của thế gian con chưa hiểu được gì cả. Nhưng rồi một ngày - Cộng Sản vào chiếm miền Nam làm cho bao nhiêu người khốn khổ, phải cất bước ra đi, trong đó cũng có con nữa. Trong chuyến ra đi này con không biết bao giờ sẽ trở về. Con còn trẻ tuổi hồn nhiên, nên lúc ra đi chỉ biết nương theo những người anh rầy đây mai đó trú ẩn phong trần, để rồi bị dập dùi sóng nước, ngàn dặm gió sương...

Khi tới một nước thứ ba xa xôi ngàn nẻo lạnh lẽo vô cùng và trời thanh cảnh vắng con mới tự suy xét lòng mình và nhân loại, con thấy ngày tháng trôi qua, một năm lại đến mà loài người vẫn còn lăn lộn trong vòng sanh tử, luân sanh. Cho nên trong tâm mắt của con tự suy xét cuộc đời này quả như một giấc mơ và vũ trụ này như một cơn đại mộng mà thôi. Con nhớ câu "Vật đổi sao dời, ngàn thu vẫn một" - nên đã một lòng quyết chí xuất gia, tìm nơi giải thoát.

Kính bạch Thầy, Vì cuộc đời là một cảnh sống vô thường, nhân sinh mộng ảo nên con muốn tìm một con đường có tỏa ánh quang minh để bước ra khỏi luân hồi sanh tử. Nên sau một thời gian suy xét kỹ con thấy không có con đường nào chân chính bằng con đường của Đức Phật đã đi và đã đạt được sự giác ngộ. Nên con mang thân tâm này đến đây để cầu Thầy và Chư Đại Đức Tăng, Ni từ bi hứa khả chứng minh cho con được thế phác xuất gia để làm tròn hạnh nguyện ấy.

Thiện Phước TRẦN THẾ HIỆP

Cả một không gian rộng nơi chánh điện chùa Viên Giác, mùi trầm hương phảng phất cao xa, những bông hoa trái mùa đã nở rõ khoe sắc thắm trên bàn thờ Đức Phật và Chư vị Bồ Tát như điểm tô thêm cuộc đời tu niệm của 2 nầy. Vừa phát nguyện, một sức sống mãnh liệt như thanh thoát nhiễm màu. Mọi người đều yên lặng như vào trong cơn Đại Định của đang chỉ tồn. Rồi một cảnh dương, một bình tịnh thủy, Thầy Bốn Sư đã làm lễ sai tịnh và cắt tóc cho 2

Chú, đọc lên những lời nguyện như sau :

"Này gã thiên nam! Người tử vô lương kiếp đã sẵn trong căn lành, nên nay được theo Phật xuất gia mà tu hạnh Bồ Đề, song hạnh ấy quyết do nhờ giới mà sanh. Giới đức huân tu, nước định lỏng lẻo, bất nhĩ Thánh Trĩ như dây mà phát. Do trĩ dây chiểu phá chúng tử vô minh, sinh tử vì lai tử dây mà đứt. Tôi nay cắt tóc này để cho ông được thanh tịnh và tiêu trừ phiền não".

Rồi chú Tăng Ni tụng 3 lần bài kệ sau đây nghe như ai, như oản, như nãi, như nùng của ngựa vưa ly gia cắt ái.

"Thiên Tai Thiên Nam tử!  
Năng liễu thế vô thường  
Khỉ tục thủ nê hoàn  
Công đức nan tư nghị

Nam Mô Thanh Lương Địa Bồ Tát Ma Ha Tát".

Tam dịch :

Này gã thiên nam kia  
Hãy biết đời vô thường  
Bỏ tục vui Niết Bàn  
Công đức khó nghĩ lường.

Tiếp đến Thầy Bồn Sư đọc :

Này gã Thiên Nam, tóc trên đầu của người, từ kiếp vô thỉ đến nay do sanh tử phiền não kết tập mà thành, không thể từ đứt trừ, chỉ n h ở Tăng mới có thể trừ được, nay tôi vì người mà cao bỏ cho.

Rồi chú Tăng Ni cùng tụng bài :

"Hủy hình thụ chỉ tiết,  
Cắt ái từ sơ thân  
Xuất gia hoằng thánh đạo  
Thệ đồ như thế nhân.

Nam Mô Lý Cầu Địa Bồ Tát Ma Ha Tát".

Tam dịch :

Bỏ phạm nuôi chi lớn  
Cắt ái, xa gia đình  
Xuất gia làm việc Thánh  
Nguyện độ tất cả người.

Thầy Bồn Sư tiếp :

Này gã Thiên Nam tử! Người nay đã cao t ó c rồi, bởi vì có nhân lành đời trước mà được tướng đầu tròn, dần dần ra khỏi trần lao vượt khỏi lưới ái ân, nương Phật mà ở, thường cúng dường Tam Bảo, siêng tu 3 nghiệp thân, miệng, ý, làm các việc phúc đức. Thấy bạn cô dạy bảo không được chống trái; đối với trên dưới tâm thường cung kính, chớ bần nói việc xấu dở của người; nam, nữ có phân biệt, Tăng tục có phân, bực Thánh chớ tôn. Như thế là đồng ba đường ác, mở muôn cửa lành, dụng tâm như vậy mới là đệ tử của Phật.

Sau đó chú Tăng và Phật Tử tụng chú "Tiêu - tại". Tóc trên đầu của 2 Phật Tử đã rụng xuống hết qua những nhát cạo từ mấy phút qua. Bây giờ 2 người đã trở thành 2 Chú Tiêu nhà Chùa Thầy Bồn Sư trao cho 2 Chú 2 chiếc áo Nhứt Bình - cởi bỏ áo thế tục, mặc chiếc áo màu giải thoát từ đây.

Chánh điện chùa Viên Giác hôm ấy trang nghiêm thanh tịnh lạ thường. Mùi trầm hương, quỳn lãn với tiếng kinh cầu. Niềm thao thức của mọi người, xen vào câu niệm Phật - nghe như trầm, như bông, như nhớ, như thương - như thúc dục, như nhiệm màu. Như chân như và bất diệt. Cả một tướng lai chổi loi, đao pháp huyhoàng trong vòm trời Tây Đức bao la của người con Phật.

Giờ Hoàng Đạo đã điếm, 2 chú đã lên đường dẫn thân làm người tu sĩ. Và mong rằng những bông hoa giác ngộ khác cũng sẽ vươn lên thật cao để điếm tở cho vườn sen chùa Viên Giác càng ngày càng tỏa nhiều hương thơm hơn nữa vào chôn Ta Bà đây khổ đau và tục lụy này.



# TÔI HỌC

## GIÁO LÝ PHẬT ĐÀ

Khóa giáo lý căn bản tổ chức tại chùa Viên Giác Hannover, đã được thông báo trong Viên Giác số 27; tôi háng hái ghi tên ngay, thật là "được lời như cỡi tam lừng". Đã từ lâu tôi háng háng mong ước học được một chút xiu giáo lý căn bản của Đức Phật, nhưng không biết học hỏi ở đâu và bắt đầu từ chỗ nào! thì đây là một cơ hội may mắn lớn cho tôi.

Kể từ ngày ghi tên, tôi luôn vui mừng mong cho đến ngày khai giảng, mặt khác tôi cũng có hơi phân vân chi sợ không học nổi; nghỉ đi nghỉ lại tôi tự nhủ rằng: "Aller Anfang ist schwer", bất cứ một sự bắt đầu nào cũng đều khó khăn cả, nếu thấy khó mà trốn tránh hay thụt lùi thì chẳng bao giờ biết được gì cả, cũng chẳng thế nào cầu tiến được. Nghĩ như thế cái tánh ham tìm hiểu và cầu tiến của tôi đã thắng được sự SỢ HÁI luôn luôn chế ngự trong tôi.

Thời thì khó đến đâu cũng nên cố gắng, quý Thầy thực hiện đạo TỬ BỊ chẳng lẽ quý Thầy lassen mich im stiche hay sao? Người thông minh học một biết mười, còn tôi học mười nhưng biết chỉ có một, mà cũng bởi vì J..ĐT mới mong cầu học hỏi, nghĩ thế nên tôi háng hái và lòng không còn nghỉ ngơi.

Thấm thoát rồi cũng đến ngày khai giảng, chiều chủ nhật 21.7.85 học viên gồm Già, Trẻ, Lớn, Nhỏ đã có mặt đông đủ tại chùa. Sau bữa cơm chiều vì trời mùa hè nên còn sớm lắm, mọi người dum năm, dum ba hàn huyên tâm sự với nhau, các ông thanh niên thì đem tài sức của mình ra để đóng cái giá treo tâm bảng viết, tiếng nói cười vang lên rộn cả góc vườn.

Sau đó để làm tăng thêm tình thân mật và để học viên đỡ nhớ nhà, Thầy Trụ trì đã cho phép chúng tôi xem cuốn phim "MÀU NHUỘM SÂN CHÙA" chiếu bằng máy Video. Ngoài ra còn có sự hiện diện của Đại Đức Th. Minh Thân, đã không quản ngại đường xa và thì giờ quý báu, về chùa Viên Giác từ mấy hôm trước để phụ với Thầy Trụ trì cùng soạn thảo chương trình để dạy chúng tôi. Quý Thầy đã cùng chúng tôi xem phim và đã đem lại cho chúng tôi một bầu không khí thân mật vui vẻ.



Sáng thứ hai ngày 22.7.85, buổi lễ Phật khai giảng khóa học Giáo lý đã được cử hành tại chánh điện của chùa Viên Giác, dưới sự chủ tọa của chư Đại Đức Thích Như Điển và Đại Đức Th. Minh Thân vào lúc 9.00 giờ sáng.

Đây là thời khóa biểu trong một ngày của học viên, tôi xin chép lại để quý vị tiên bề theo dõi, sự thay đổi các môn học và giờ giấc trong những ngày khác thì tùy theo nhu cầu cần thiết.

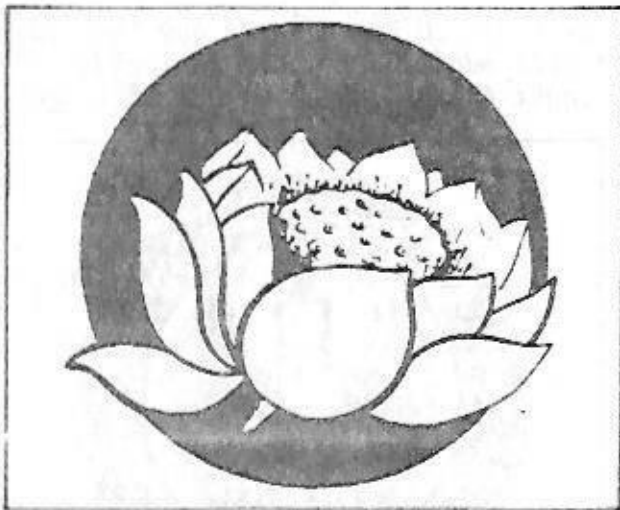
|               |   |
|---------------|---|
| 5.00 giờ      | Thức dậy  |
| 5.30          | Tọa thiền, công phu khuya, tụng kinh Thủ Lăng Nghiêm, kính hành nhiều Phật. |
| 7.00 - 8.00   | Chấp túc  |
| 8.00          | Ăn sáng   |
| 9.00 - 11.00  | Học giáo lý   |
| 11.30 - 12.30 | Quả đường, ngo trái, kính hành nhiều Phật.                                  |
| 12.30 - 14.30 | Chí tịnh  |
| 14.30 - 16.30 | Học giáo lý   |

|       |         |                               |
|-------|---------|-------------------------------|
| 16.30 | - 19.00 | Thuộc quyền học viên, tự học. |
| 19.00 |         | Cơm chiều                     |
| 20.00 | - 22.00 | Học nghỉ lễ chuông, mõ.       |
| 22.00 | - 22.30 | Toạ thiền                     |
| 22.30 | - 5.00  | Chí tịnh                      |

Thọ đúng thời khóa biểu chúng tôi thức dậy lúc 5.00 giờ sáng, dù muốn dù không cũng không thể nào nằm nán lại được, vì đúng giờ là đèn bật sáng trưng, rồi 3 tiếng chuông cảnh tỉnh vang lên thánh thót, mang một dư âm huyền diệu trang nghiêm. Mọi người đều thức dậy không ai bảo ai, tất cả đều giữ sự yên lặng tuyệt đối để bảo tồn sự thanh tịnh trang nghiêm của chùa.

Chỉ một lúc sau ai nấy đều chỉnh tề trong chiếc áo lễ màu lam, cái màu dịu dàng dễ thương ấy tôi đặt tên là màu "giải thoát", đứng nghiêm trang trong chánh điện chờ Thầy lên toạ thiền, công phu khuya và kính hành nhiều Phật.

Giờ chấp tác chúng tôi chia nhau mỗi người một việc, làm vệ sinh trong nhà ngoài sân, trên chánh điện v.v... Đúng 8.00 giờ thì phải có mặt và phải áo mao chỉnh tề tại phòng ăn. Tóm lại từ việc làm, việc học cho đến ăn, ngủ nhất nhất đều phải đúng giờ không được trễ nãi.



Trước khi vào chương trình học, vì học viên quá đông chúng tôi phải chia ra từng nhóm, dưới sự hướng dẫn của chư vị Đại Đức Thích Như Điển và Thích Minh Thân, để dễ bề học và thảo luận chung với nhau cũng như chia phiên nhau phụ trách vấn đề ẩm thực.

Thí dụ: Chúng tôi chia nhau mỗi nhóm một ngày phụ trách với Ban Hộ Trì trong nhà bếp.

Thời khóa biểu trong một ngày chia ra coi giảng như thế mà chúng tôi làm việc không kịp thời, cho nên đến giờ chí tịnh, nằm xuống là thì nhau ngáy như "kéo gỗ làm đình" vậy. Ban ngày có giờ chí tịnh nhưng chúng tôi không ai ngủ nghỉ được. Ai cũng lo học bài và soạn bài cho kịp, vì Thầy Trụ trì giảng bài nhanh như gió, khiến chúng tôi ai nấy đều chới

với như người hụt chân rơi xuống nước. Nghe chúng tôi than dài, Thầy cười và nói: - vậy mà Thầy giảng nhanh hơn để còn kịp qua bài khác. Khiến chúng tôi ai nấy đều lắc đầu le lưỡi thừa rằng:

- Kính thưa Thầy, chúng con không có cái "may mắn" có bồ tát "Điên Tử" như Thầy... !

Sau khi nghe giảng chúng tôi đều có thêm đề tài riêng để thảo luận chung từng nhóm. Mỗi học viên đều phải phát biểu ý kiến của mình để đúc kết lại chung thành một bài bình luận thời hạn tối đa là 30 phút, xong một người đại diện cho nhóm của mình đứng lên trình bày cho tất cả mọi người nghe, trước khi đem nộp cho Thầy giảng sư phụ trách về đề tài đó. Nhờ có mục thảo luận này lớp học luôn luôn hào hứng và sôi nổi, nhờ vậy mà chúng tôi càng vui say đua nhau học tập.

Giờ dành riêng cho học viên là giờ vui nhất, không phải vui vì chúng tôi được tự do nói chuyện, mà vui vì ai nấy đều chăm học. Tôi đi tới đâu, ngõ chỗ nào cũng đều thấy học, nằm học, ngồi học, đi cũng học, đứng cũng học, xuống bếp cũng thấy học, ra sân cũng thấy học, vô nhà tắm cũng thấy học, làm vệ sinh cũng thấy học, lên chánh điện cũng thấy học. Nghĩ là đi đâu làm gì cũng thấy học, người này hỏi người kia - anh học xong chưa? chị học thuộc chưa? v.v... ai cũng lo âu chỉ sợ đến lúc thì không làm bài được.

Hết học Giáo lý đến học THIÊN, từ thuở cha mẹ sanh ra chưa hề nghe nói đến chữ này, nói đến học Giáo lý còn đoán mò đó là lời di giáo của Đức Phật, chữ THIÊN thì ui-chu-choa..! không biết cái đường mờ mà rờ. Nhưng rồi việc phải đến đã đến, Đại Đức Thích Minh Thân ôm 1chông giáoy cao ngất đã in sẵn những bài học về THIÊN để trên bàn, Thầy nhìn khắp lớp học chúng tôi một lượt, không nói gì chỉ chum chum cười, khiến cho cái bí mật của THIÊN lại càng bí

mật thêm lên.

Sau khi niệm Phật; bài đã được phát ra cho từng người. Chúng tôi bắt đầu học từng chữ để đi vào THIÊN. Chúng tôi thay phiên nhau đọc từng chữ, không được quên hay vấp một chữ nào, rồi Thầy giảng cho chúng tôi nghe cũng thật chậm rãi để cho chúng tôi từ từ và từ từ thấm nhuần vào cái mạch nước THIÊN ấy.

Chỉ có mỗi chữ THIÊN huyền THIÊN ấy mà để ra 5, 6 chữ "THIÊN con" khác, cũng không kém phần bí mật nặng nề như chữ "THIÊN mẹ", quý vị xem thí dụ: THIÊN là Thiên-na, là Đỉnh-lu, là Thiên-đỉnh, là Tư-duy v.v... càng đọc thì như càng đi sâu vào cái rừng U Minh không lối thoát.

Còn Thầy, vốn tu THIÊN nên có tâm thân gầy như LIỄU (không phải tâm thân liễu yếu... đầu dây nhẹ). Liễu đây là Thầy uốn cong, uốn tròn, uốn ngược, uốn xuôi, bẻ chân, bẻ tay gì cũng không gãy dây chửi quý vị đừng hiểu nhầm nhé. Tiếng nói của Thầy thì nhẹ như hơi gió buổi sớm mai. Mỗi khi Thầy cất tiếng thờ thể giảng bài chúng tôi phải chú tâm hết sức mới nghe hết được. Sau khi giảng xong Thầy hỏi chúng tôi :

- Có ai còn thắc mắc điều gì nữa không ?

Tất cả chúng tôi đều im thin thít, chẳng ai dám nhúc nhích một cử động nào. Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau, cảm tưởng như tất cả đều THIÊN đến cứng ngắc hết chân tay khiến chobất động. Lát sau một anh bạn cùng nhóm ôm đầu nói với tôi : -Tôi chịu... chỉ đi, nghe Thầy giảng mới một chập mà chửi cái đầu tui hấn to ra rì rì, mà hấn còn giứt búng búng thêm nữa...!

Tuy vậy, nhưng khi ngồi THIÊN thì ai nấy đều thích thú, tiếp nhận một cách thoải mái và vui vẻ.

Trong khi học Thầy có hỏi chúng tôi một câu : - Quý vị đã biết ăn cơm chưa ?

Nghe câu hỏi có vẻ kỳ cục và tầm thường quá, ai không biết ăn cơm mà Thầy hỏi gì kỳ, quá đây... ? Nhưng nếu quý vị cố học một chút (tôi chỉ dám nói một chút thôi) lý thuyết sơ đẳng về THIÊN, thì quý vị sẽ thấy câu hỏi mang một ý nghĩa rất sâu và rất rộng lớn.

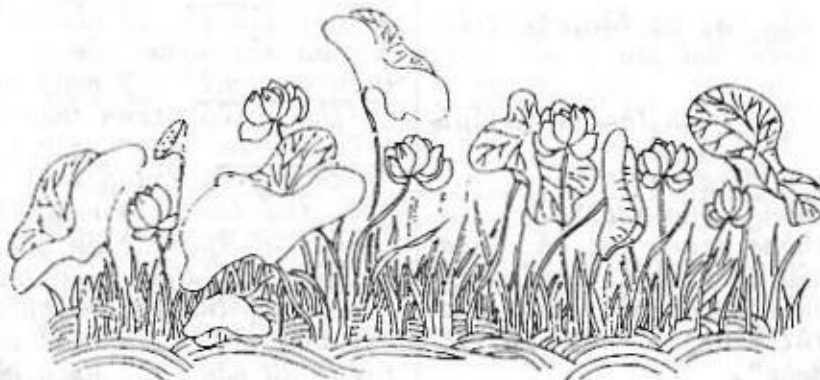
Về phần trả lời câu hỏi trên, người học trò kém thông minh như tôi đã tìm được giải đáp, nhưng xin giữ lại, để dành phần ngạc nhiên thích thú cho quý vị nào có Interesse và muốn tìm hiểu về THIÊN thì ghi tên học khóa Giáo lý năm tới tại chùa Viên Giác. Bởi vì quý vị phải tự mình tìm ra cái bí mật ấy, thì quý vị mới nhận chân được giá trị của bài học quý báu và hữu ích đến chừng nào.

- Và cũng nhờ Thầy đã phát tâm bố thí cho cái Giáo lý huyền diệu ấy của Đức Phật mà ngày nay tôi đã biết ăn cơm v.v...

(Còn tiếp)

Kỳ sau sẽ giới thiệu đến quý vị Đại Đức Thích Như Chân (quên Thích Như Chơn (mà quý vị đã có dịp làm quen trong Tây Du Ký... Viên Giác số 28) với nhiều đề tài hấp dẫn.

TÂM VIÊN



# TỔ CHỨC MỘT "KUR" YÊU ĐỜI

(? nghi" của một Phật Tử theo học Khóa Giáo Lý Phật Pháp  
căn bản tại Chùa Viên Giác, hè 1985)

Trong ngày thơ Bát Quan Trai, để giữ trang nghiêm và thanh tịnh trong chùa, cấm ngặt không được nói chuyện trong 24 tiếng đồng hồ.

Dưới mái chùa tự nhiên có một sự yên lặng khác thường nhắc nhở đến các ngôi chùa ở Việt Nam, nơi hẻo lánh, trong rừng, trên núi, giữa cảnh thiên nhiên bao la, trong một môi trường thật là thanh tịnh, không có các tiếng động của đô thị, chơ búa, xe cộ, và chùa chằm đã ở trong một bầu không khí trong lành, không mấy may ở nơi đây.

Nhưng yên lặng và thanh tịnh là một chuyện, còn bị cấm không được nói chuyện trong 24 tiếng đồng hồ lại là chuyện khác. Vì ngược lại với nhu cầu tự nhiên của con người: nhu cầu giao dịch, trao đổi tư tưởng, cảm xúc. Pháp có câu: "L'homme est un animal sociable Tam dịch: Con người là một động vật sống trong xã hội"). Thành thử trong những giờ giới nghiêm cấm nói chuyện thì chỉ có vài ba người xuống thức yên tịnh, còn đa số đã thấy gờ bó đến lúc lại được phép nói chuyện bình thường ai nấy thấy thiệt là hả hê.

Bắt đầu buổi lễ "Thơ Bát Quan Trai, Giới sư truyền bát quan trai giới đã dạy rằng:

"Các Giới tử! Các vị hãy lắng nghe đây:  
1/ Giới thứ nhất, các Đức Phật suốt đời không sát hai chúng sanh; vậy các vị có thể 1 ngày 1 đêm, giữ giới "không sát hai chúng sanh", được không?"  
Giới tử đáp: "Đa giữ được".

Mấy câu trên lặp đi lặp lại ba lần, rồi tiếp tục cho các giới kế tiếp như sau:

- 2/ Giới thứ hai, "không gian tham trộm cắp".
- 3/ Giới thứ ba, "không dâm dục".
- 4/ Giới thứ tư, "không nói dối".
- 5/ Giới thứ năm, "không uống rượu".
- 6/ Giới thứ sáu, "không trang sức và thoa dầu thơm, phân sáp vào mình".
- 7/ Giới thứ bảy, "không nằm ngồi giường cao tốt, không ca hát và xem nghe".
- 8/ Giới thứ tám, "không ăn phi thời".

Cho tám giới, Giới sư đều nhắc Đức Phật suốt đời giữ giới, vậy Giới tử có thể một ngày một đêm giữ giới được không.

Nhớ lại các điếm đó, Phật Tử trở lại vẫn để 24 tiếng đồng hồ không được nói chuyện.

Bị cấm nói chuyện mới có 24 tiếng đồng hồ mà đã thấy khó thở, gờ bó, mặc dầu biết trước chỉ có 24 giờ thôi, và mặc dầu đồng chịu giới cấm cùng với mọi người xung quanh. Nếu đem so sánh với hoàn cảnh những người xa xôi ở trên trời, và vẫn sống chung với mọi người không tất nguyện, hằng ngày thấy họ nói, họ cười còn mình thì chỉ ấp úng. Có so sánh mới thấy chúng ta không cảm thiệt là một hạnh phúc.

Hiện nay là mùa hè "Urlaub", nhiều người đi du ngoạn, đi gió, hoặc đi các nơi tổ chức "Kur" để chữa bệnh. Tại sao không tổ chức một "Kur yêu đời" dành cho những người thường chán ngán về đời sống hiện tại?

"Kur yêu đời" tổ chức như sau:

"Kur" kéo dài 15 ngày, với điều kiện người đi phải nộp một chứng chỉ bác sĩ về sức khỏe và phải ký một tờ cam kết theo dự "Kur" để cũng và thực hành các chỉ dẫn đã ấn định.

Nơi "Kur" là một nơi nghỉ hè thông thường, đầy đủ tiện nghi, và các người đi dự "Kur" sống hòa trộn với các du khách khác.

Tờ cam kết gồm sáu điều như sau:

Điều thứ nhất: 3 ngày ngâm miêng, không được nói, dấu là một chú, để dấu hiệu trạng thái của một người câm.

Điều thứ nhì: 3 ngày bịt mắt hoàn toàn, để dấu hiệu trạng thái của một người mù.

Điều thứ ba: 3 ngày bịt hai lỗ tai, để dấu hiệu trạng thái của một người điếc.

Điều thứ tư: 3 ngày chích thuốc tê vào mũi và lưỡi, để ăn uống không biết mùi vị gì cả, để dấu hiệu trạng thái của người bị ung thư nơi cổ, không ăn, không uống để sống nhờ chích nước biển.

Điều thứ năm: 3 ngày hai chân bị cột lại, đi chuyển phải sử dụng chiếc xe lăn tay,



đề đầu hiệu trạng thái của những người bị tê liệt cả hai chân.

Điều thứ sáu :

Trong suốt 15 ngày, phải đi lại, hoạt động, như mọi người, không được trốn một nơi để rầu rĩ một mình, và luôn luôn giữ một thái độ bình tĩnh tương đối (nghĩa là cũng như trong xã hội thường nhật, nếu có mất, bình tĩnh thì cũng giữ một giới hạn), đề đầu hiệu trạng thái của những người tàn tật nói chung, chúng ta thường gặp, mà không bao giờ thấy họ than phiền.

Sau 15 ngày "Kur", lúc lại được xử dụng tại, mắt, mũi, miệng, lúc lại được ăn, uống, đi lại bình thường, chắc chắn ai nấy đều thấy là cuộc đời hiện tại của mình là hạnh phúc.

THIỆN NGHĨA



(Fortsetzung von Seite 32)

nach Singapur schmeicheln wollte, um der kommunistischen Untergrundbewegung zu helfen; weder wir noch die Vietcong glaubten diese Geschichte. Danach kamen drei katholische Partisanen, Holzschnitzer von Beruf, wie es schien. Komisch genug erlaubten die Wärter, daß sie ihre Werkzeuge in einem Sack in der Zelle behalten durften. Schon bald fing sie an, sich bei der Wache beliebt zu machen, in dem sie deren Namen in Holzplatten schnitzten, wochen- und monatelang schnitzten sie in Holz, meist Reliefbilder von Christus, Girls und Sprüche. Bald wurden ihnen die Fesseln abgenommen. Der längste von ihnen war der Anführer und bester Schnitzer, wahrscheinlich war er der Lehrmeister der beiden anderen, einer davon schien recht viel französisches Blut in sich zu haben, er war der ruhigste und auch anständigste von den dreien, welche Homosexuelle waren und alle hassten, welche es nicht waren. Überhaupt gab es recht viele Homosexuelle in der Zelle 1. Nach Weihnachten 1975 wurde ich aus Zelle 2 in Zelle 1 verlegt, weil ich schon am 27. Dezember hätte freikommen sollen, an diesem Tage wurde ich nochmal verhört, doch der neue Verhörer, ein Fanatiker, arrangierte es so, daß ich nicht frei kam.

(Fortsetzung folgt)

băng nhạc, video

## THÚY MAI

DOMSTR. 26  
8735 ROTTERSHAUSEN

- \* ĐẠI LÝ PHỔ BIẾN BĂNG NHẠC THÚY MAI & PHƯỢNG HOÀNG, HAI TRUNG TÂM SẢN XUẤT & PHÁT HÀNH BĂNG NHẠC UY TÍN TẠI ẬU CHẤU.
- \* BĂNG NHẠC CHÍNH GỐC CỦA CÁC TRUNG TÂM SẢN XUẤT & PHÁT HÀNH BĂNG NHẠC VIỆT NAM TẠI HOA KỲ.
- \* GIÁ MỖI BĂNG NHẠC & TÂN CỖ GIAO DUYỄN TRƯỚC 1975 MỖI BĂNG 9 DM, GIÁ MỖI BĂNG CẢI LƯỢNG TRƯỚC 75 LÀ 10 DM.
- \* MUA NHIỀU BĂNG NHẠC TRONG NĂM, ĐẾN DỊP GIẢNG SINH VÀ TẾT NGUYÊN ĐÁN SẼ NHẬN ĐƯỢC PHIẾU HOA XUÂN DO THÚY MAI GỎI TẶNG (DÙNG PHIẾU NÀY GỎI LẠI THÚY MAI KÈM THEO 2 DM CƯỚC PHÍ BÙ ĐIỆN SẼ NHẬN ĐƯỢC QUÀ XUÂN).
- \* BĂNG VIDEO, CA NHẠC KỊCH GIÁ MỖI CUỐN LÀ 99 DM CỘNG THÊM 3 DM CƯỚC PHÍ (TÚY THEO LOẠI). QUÝ VỊ ĐẶT MUA VÀO DỊP GIẢNG SINH CŨNG NHƯ TẾT NGUYÊN ĐÁN SẼ ĐƯỢC CHÚNG TÔI GỎI TẶNG 1 BĂNG TÂN CỖ GIAO DUYỄN HAY TÂN NHẠC TRƯỚC 1975.
- \* MUỐN NHẬN ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ THỦ MỤC NHẠC 1986, XIN GỎI KÈM TEM THỦ 1 DM VỀ THÚY MAI. LƯU Ý: MỖI ĐẦU THÁNG ĐỀU CÓ BĂNG MỖI VẼ.
- \* ĐẶT MUA SÁCH, BÁO, BĂNG NHẠC NƠI THÚY MAI LÀ QUÝ VỊ TIẾP TAY NUÔI DƯỠNG VĂN NGHỆ VÀ BẢO TRÌ VĂN HÓA VIỆT NAM.

# Em đi Lễ Chùa

Chuyến xe điện đường ngừng lại. Tiếng người lái xe vang lên trên loa: "Stegener Weg". Tôi lật dật bước vội xuống xe, theo sau lưng, nhỏ bạn người Pháp quen cùng ký túc xá, cũng vội vàng ngó ngác bước xuống theo. Trời dẫu thu, gió thổi nhẹ và hơi lành lạnh. Trên đường tiến vào IGA tập nập bóng người. Dân chúng Đức vào thăm viếng khu vườn triển lãm các sắc hoa trên toàn thế giới. Tôi và Françoise, hai đứa bước vội theo đoàn người lũ lượt đi vào.

Lễ tiếp nhận ngôi chùa Népal do chính quyền München giao lại cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất - Chi Hội Bayern, sẽ cử hành vào lúc 14 giờ.

Chợt nhìn vào đồng hồ, tôi vội bước nhanh và sang khe nói với nhỏ F.:

- Đã 2 giờ rồi mi à, không khéo mình lại đến trễ thì ổng làm!

Hai đứa bước nhanh vội vã, nhắm hướng IGA tiến vào, nó nhìn tôi mỉm cười nhẹ:

- Sao mà nôn nóng thế nhỏ, mình sẽ đến kịp lúc mà!

Trên đường đi hai đứa cứ ngó ngác nhìn quanh tìm kiếm. Vẫn chưa thấy bóng dáng ngôi chùa dẫu hết, tôi bắt đầu lo và lại nhìn đồng hồ. F. nhìn tôi cười trấn an.

Từ xa có vài bóng người Việt Nam tiến đến. Tôi mừng rỡ bước nhanh đến và ngó lối dò hỏi. Thì ra hai đứa tôi cũng đã sắp đến nơi. Cách đó khoảng vài trăm thước, bóng dáng ngôi chùa hiện ra trên cao, trên một khu đồi nhỏ.

F. trầm trồ bên tai tôi:

- Đẹp quá mi à!

Không cùng hẹn, hai đứa đều bước nhanh hơn 1 tú, nôn nóng.

Từ xa tôi bắt đầu nhận ra bóng dáng nhiều đồng bào Việt Nam đang tụ tập chung quanh ngôi chùa. Tôi sánh vai F. đi đến, trong lòng có nỗi vui và niềm hào hứng nhẹ nhàng dâng lên.

Cũng từ 7 năm nay, tôi không có dịp đi lễ chùa hoặc thăm viếng một ngôi chùa cổ kính nào hết. Có một cảm giác bùi ngùi dâng nhẹ xâm chiếm, tôi bỗng cảm thấy rộn rã vui và hạnh phúc lâng lâng.

Hai đứa tiến gần đến ngôi chùa. Tiếng loa phồng thanh vang dội. Lễ tiếp nhận ngôi chùa đã bắt đầu. Đoàn xe cung thỉnh Phật đã đến IGA và chánh Lễ An Vị Phật đang diễn ra. Đồng bào Việt Nam tới lui tấp nập. Có cả một số đồng dân chúng Đức cũng đứng cùng xen lẫn nhìn vào trầm trồ.

Bên trong ngôi chùa, các nhà Sư và 1 số Phật Tử đang làm lễ Phật. Mùi hương trầm xông lên ngào ngạt thơm dịu. Tôi nắm tay nhỏ F. chen vào đám đông. Một vài anh chị xoay ramim cười và nhường chỗ cho hai đứa tiến gần vào nơi làm lễ.

Buổi lễ tiến hành tốt đẹp. Đại Đức Thích Như Điển đọc diễn văn và sau đó là lời phát biểu của Chính quyền Địa phương.

Nhỏ Françoise lại thì thầm bên tai tôi:

- Không khí nghiêm trang và cổ kính quá, mi à!

Nó bảo tôi, đây là lần đầu tiên nó tham dự 1 buổi lễ Phật và rất là khâm phục sự trang nghiêm cổ kính này.

Tôi bảo nó:

- Mỗi tôn giáo có cái hay riêng của nó, mi à. Con nhỏ ngó ngác nhìn quanh và lại bảo khe tôi rằng, nó đang có cảm giác như đang sống tại Việt Nam vậy.

Chung quanh bà con Việt Nam quây quần trò chuyện, một số chị mặc áo dài Việt Nam tha thướt qua lại. Nó cứ mãi nhìn ngắm không chán mắt. Tôi mỉm cười với nó và cảm thấy vui lây. Tôi gặp lại một nhỏ bạn quen dưới lớp cùng trường ngày còn ở Việt Nam. Hai đứa mừng tíu tít trò chuyện. Đồng bào Việt Nam người ngồi người đứng, trên gương mặt ai cũng có vẻ hân hoan.

Sau đó là phần phụ diễn văn nghệ. Vài anh chị lên đàn hát những bản Dân Ca Việt Nam. Có tiếng vỗ tay tán thưởng.

Tôi đứng cạnh bên hông chùa, nhìn đồng bào VN tiến vào vái lạy, dâng hương và làm lễ Phật. Một chút bùi ngùi dâng lên, tôi cảm thấy cay cay ở mắt. Hình ảnh này gợi lại cho tôi nhớ đến bên nhà nhiều quá. Tôi nhớ đến lúc x ư a thường đi với mẹ tôi đến chùa làm lễ dâng hương. Bây giờ mẹ tôi vẫn thường đi chùa vái lạy cầu xin cho tôi bên này được bình yên.

Trời về chiều bắt đầu có gió lạnh.

Nhỏ F. đứng cạnh tôi xuýt xoa xoa má. Tôi cũng

bắt đầu cảm thấy hơi lạnh lạnh và kéo n h e cái Mantel lên che cổ. Mọi người bây giờ bắt đầu tản mát đi phần nào. Vài người chụm lại trò chuyện. Vài em bé chạy nô đùa vô tư quanh ngôi chùa. Người mừng, kẻ nói. Không khí thật bình yên.

Lẽ bẽ' mạc. Tôi chia tay với nhỏ bạn, hẹn có ngày sẽ gặp lại.



Tôi và F., hai đứa sánh vai nhau ra khỏi IGA và đón xe điện về lại ký túc xá.

Nó hỏi tôi :

- Mi lạnh không, T.?

Tôi mỉm cười nhẹ và thì thầm, như nói v ở i chính mình :

- Khi người ta vui và hạnh phúc thì cái lạnh bên ngoài nào có nghĩa lý gì !

Con nhỏ ngờ ngác không hiểu gì.

Tôi bảo khẽ nó :

- Hôm nay ta vui và hạnh phúc quá !

Nó mỉm cười, như thông cảm và im lặng đi bên tôi.

.... Buổi trưa hôm sau, sau giờ Vorlesung ở Uni, tôi về phòng. Có tiếng gõ cửa, Françoise đến, trên tay cầm tờ báo SDZ, con bé ríu rít rất bảo :

- Có bài bút ký đăng về buổi lễ ngày hôm qua đây, mi ạ! Bài báo ca ngợi buổi lễ và viết rất hay.

Tôi cười cảm ơn nó, cầm lấy tờ báo và bắt đầu đọc.

Trước khi bước ra khỏi phòng tôi, nó xoay lại lắc vai tôi và bảo :

- Khi nào mi có dịp đi chùa, nhớ bảo ta cùng đi với nhé !

Tôi cười với nó và cảm thấy một niềm vui nhỏ xâm chiếm....

TUYẾT NGUYỄN

tiếp theo trang 51

giống chỗ bày biện hàng hóa, không có trang nghiêm. Điều cốt yếu là tâm thật là thành, ý thật là đẹp thì việc thờ Phật, lễ Phật và cúng dường Phật mới có kết quả. Nếu làm một cách hối hốt cho xong chuyện thì chắc chứ Phật và chư vị Bồ Tát không ứng hiện được. Vì một bên cảm, một bên mới ứng. Nếu chỉ có 1 bên thôi thì kết quả sẽ không bao giờ đến như mình muốn được.

Trên đây là một vài ý nghĩa căn bản, mong bạn cảm thông cho sự trả lời vụng về của Tâm Như vậy.

(Còn tiếp)



## Giới thiệu

Đại Học Passau, Innstraße 53, 8390 Passau - Tel. 0851/509-474 hiện có mở phân khoa thông Nam Á học do Giáo sư Tiến Sĩ Bernhard Dahm làm phân khoa trưởng. Trong phân khoa này có ban Việt ngữ do Giáo Sư Tiến Sĩ Dân Tộc Học Nguyễn Tiến Hữu phụ trách. Vậy các bạn Sinh Viên Việt Nam hoặc các bạn Đức nào muốn học ngành trên, xin liên lạc về Đại Học để được hướng dẫn.

Giáo sư Tiến Sĩ Nguyễn Tiến Hữu cũng mới vừa cho xuất bản một tập thơ của Hồ Xuân Hương cả hai thứ tiếng Việt và Đức nhandê là "Augen lachen Lippen blühen". Sách dày 68 trang, in rất đẹp, gồm những họa bản của họa sĩ Nguyễn Đông và Nguyễn Thị Hợp cũng như của chính Tác Giả. Lời giới thiệu của Giáo Sư Tiến Sĩ Herbert Franke - Giám Đốc Viện Hán Học Đại Học München cũng như Giáo Sư Otto Karow giám Đốc viện Hán Học Đại Học Frankfurt đã nói lên được giá trị của Tác Phẩm và cách diễn tả nghệ thuật văn chương bằng lời dịch rất tài tình của tác giả. Thơ của Hồ Xuân Hương rất nổi tiếng về cách dùng chữ trong khi tả tình cũng như tả cảnh; nhưng cũng đã được Tác Giả dùng những điệp ngữ bằng tiếng Đức rất hay để lột trần được những thanh vận và âm vận của những bài thơ này, quả là một điều hy hữu vô cùng của văn chương Việt Nam trên tiến trình văn chương thế giới. Viện Giác xin hân hạnh giới thiệu đến các độc giả xa gần và quý vị nào muốn có sách trên xin liên lạc về Giáo Sư Nguyễn Tiến Hữu Friedenstr. 29; D-8031 Puchheim Bhf. Tel. 089/206155. Giá phát hành mỗi cuốn 19,80 DM

## bản dịch của Quảng Độ

# THOÁT VÒNG TỤC LỤY

## Chương 9

Sáng sớm hôm sau, Ngọc Lâm trở dậy tuy cũng làm việc theo thời khóa biểu như thường lệ, song lòng thấy không khỏi bồn chồn, thắc thớm.

Hình tượng của Vi Đà Bồ Tát mặc áo nhung, cầm bảo châu, cử lộc vờn hiện ra trong đầu óc thấy, lúc nào thấy cũng nhớ lời của sư huynh Ngọc Lâm nói là hôm nay thầy sẽ được gặp Vi Đà Bồ Tát, song hình thù thật của Vi Đà Bồ Tát không biết có giống như pho tượng mình lẽ háng ngày?

Trên Phật điện, đèn nền sáng trưng, khói hương nghi ngút, tiếng tụng kinh của các sư hòa theo nhịp mõ trầm hùng, thỉnh thoảng lại điểm lần tiếng chuông, ngân nga, văng vẳng và du dương như một điệu nhạc; mọi ngày thường, khung cảnh và thanh âm ấy đã làm cho Ngọc Lâm say sưa, ngây ngất và cảm động. Nhưng hôm nay, trái lại, Ngọc Lâm chỉ mong cho chóng hết khóa lễ sáng, vì tâm trí của thầy đã dồn cả vào việc đi gặp chân thân của Vi Đà Bồ Tát.

Sau khi khóa lễ chấm dứt, Ngọc Lâm từ Đạp Hông Bảo Điện đi ra, đến trước tượng Vi Đà Bồ Tát lạy mấy lạy, lúc đó trời cũng đã mờ mờ sáng.

Ngọc Lâm quỳ trước tượng Vi Đà Bồ Tát và lâm râm khẩn khứa, chúc tụng :

- Lạy Bồ Tát, ai cũng nói Ngài thường cảm ứng khắp ba châu để hộ trì Phật pháp, ai cũng nguyện lễ bái Ngài. Đã mấy lần Ngài đưa thức ăn và cả áo rét đến cho con, con cảm kích vô cùng! Ngọc Lâm này tuổi còn ít, lại không có đức, đâu có xứng đáng với lòng thương xót của Ngài! Sư huynh Ngọc Lâm bảo con gần trưa hôm nay ra đứng giữa đường phía ngoài chùa sẽ được thấy chân thân của Ngài, lúc ấy kính xin

Ngài rủ lòng thương chỉ cho những chỗ ngụ muối của con !

Đang lúc Ngọc Lâm khẩn thâm như thế thì bỗng sau lưng có tiếng hét lên :

- Không! Không được! Hôm qua tôi bảo chú sáng nay đi gặp vị Hộ Pháp Vi Đà đã mang thức ăn và áo đến cho chú, chứ không phải vị Vi Đà bằng gỗ chạm khắc này !

Ngọc Lâm chưa hiểu vỡ lẽ, vội ngoảnh đầu nhìn lại thì đó là sư huynh Ngọc Lâm !

Ngọc Lâm đứng dậy, đi đến trước sư huynh Ngọc Lâm, cất tiếng: Chào sư huynh !

- Sao chú lẩn thẩn vậy! Ngọc Lâm lắc đầu hỏi

Một luồng gió lạnh hất vào mặt Ngọc Lâm, thấy ngơ ngác nhìn sư huynh Ngọc Lâm bằng ánh mắt hoài nghi.

- Chú cầu vị Bồ Tát bằng gỗ này chỉ chú nhẽ đi tìm ngụ muối để làm gì ?

- Rất mong sư huynh chỉ giáo cho! Ngọc Lâm đã hiểu lời nói của sư huynh.

- Tất cả Phật đều nói hết rồi, chỉ giáo, còn gì nữa mà chỉ giáo? Ngọc Lâm lắc đầu.

- Song - Ngọc Lâm nói - Chân lý của Phật khê phải ai cũng có thể hiểu được, vậy nhờ thiện tri thức chỉ bảo, dắt dẫn há không cần thiết lắm sao ?

- Thế tôi là thiện tri thức? Ha, ha...! Tiếng cười ha há của Ngọc Lâm làm cho mấy con chim đang đậu trên cây ngọc lan phía trước chùa cũng phải giật mình và cất cánh bay.

- Sư huynh - Ngọc Lâm nói một cách cung kính - Trước kia Ngọc Lâm này không biết, có điếm vô lễ đối với sư huynh; gần đây tôi cứ mong có dịp để sám hối sư huynh, nhưng lúc nào cũng thấy sư huynh vội vội vàng vàng, mà đến phòng riêng cũng không gặp sư huynh, sư huynh là người đạo cao, đức trọng, chắc sư huynh chẳng để ý đến những việc đã qua.

- Không nói quá khứ và vị lai, ngay việc hiện tại cũng chưa xong.

Ngọc Lâm nhìn thẳng vào mắt Ngọc Lâm; nói tiếp :

- Tôi hỏi chú việc hiện tại mà người xuất gia phải làm là việc gì ?

- Hoảng dương Phật pháp, cứu giúp chúng sinh

- Thế chú đã hoảng dương Phật pháp chưa ?

- Tôi vẫn chưa hiểu gì.

- Thế chú đã cứu giúp chúng sinh chưa ?

- Nếu có cơ hội tôi sẽ làm! Ngọc Lâm lại nhớ đến việc cứu Vương tiêu thụ.

- Này chú! Chưa đến giờ điếm tâm, không khí buổi sớm trong sạch thế kia, chú với tôi hãy ra cửa Tam Quan đi dạo một lúc.  
Ngọc Lâm gật đầu, theo sau Ngọc Lam.

Lần đầu tiên hai anh em họ đi chung với nhau và cũng là lần đầu tiên Ngọc Lam tỏ thái độ của một vị sư đường bệ, siêu việt.

Họ dừng lại trên bờ hồ phía ngoài cửa Tam Quan.

- Sư đệ! Ngọc Lam thân mật gọi Ngọc Lâm.  
- Chú bao giờ hiểu được Phật pháp mới đi hoằng dương, nếu thế không bao giờ chú hiểu được Phật pháp, vì chính lúc hoằng dương Phật pháp mới có thể hiểu Phật pháp. Ngày ngày cứ đóng khung trong cảnh chùa và nhai đi nhai lại mấy cuốn sách cổ, như thế đâu có thể hiểu được Phật pháp?

- Đúng thế, đó mới chỉ hiểu được bề ngoài của Phật pháp, mà chưa hiểu được phần thực dụng của Phật pháp. Ngọc Lâm đồng ý với Ngọc Lam.

- Phật pháp chân chính không phải xa lìa chúng sinh, tu học Phật pháp là phải tìm Phật pháp ngay giữa chúng sinh; chú có thấy hiện nay phần nhiều người học Phật muốn ly khai chúng sinh?

Ngọc Lâm gật đầu.

- Chú có nói cơ hội chú sẽ cứu chúng sinh, kỳ thực cho đến nay chú vẫn chưa cứu được người nào. Thí dụ có người té xuống hồ - Ngọc Lam chỉ xuống hồ nước - chú muốn cứu họ, chú phải nhảy xuống vớt họ lên bờ, cứu họ khỏi chết đuối, thế mới là cứu người; song hiện giờ chú chưa cứu người theo cách ấy, chú thấy chệch sinh đâm đuối trong bể ái dục, chú muốn cứu, song chỉ đưa họ lên khỏi mặt nước để thở trên giấy lát, rồi lại quăng họ xuống và tung dụng rú áo ra đi, như thế mà chú tưởng là cứu người?

Câu nói của Ngọc Lam đánh trúng tâm bệnh của Ngọc Lâm, Ngọc Lâm xấu hổ, cúi đầu, yên lặng, không đáp.

- Từ nay về sau, chú cứu ai phải cứu đến nơi đến chốn, đừng đem con bỏ chợ!  
Giọng Ngọc Lam như ra lệnh.

Ngọc Lâm biết sư huynh muốn ám chỉ việc mình vào làm rể trong Vương tướng phủ, thấy nghĩ cũng đúng: thấy vào tướng phủ tuy đã thuyết phục được Vương tiểu thư, nàng đã khỏi bệnh, song thấy vẫn chưa cứu nàng ra khỏi bể sinh tử, ái dục.

Ái tình của con người vốn là chúng tử tử kiếp trước, không phải năm, ba câu nói mà đoạn

tử ngay được. Trong đêm tân hôn, tuy Ngọc Lâm đã dùng câu nói cảm hóa được Vương tiểu thư và vẫn giữ được tâm hồn trong trắng để trở về với sự nghiệp tu hành, song tình yêu của Vương tiểu thư đối với Ngọc Lâm vẫn chưa hoàn toàn chết hẳn, chính Ngọc Lâm cũng hiểu rõ điều đó.

Dĩ nhiên Ngọc Lâm cũng không thể quên hẳn được vẻ đẹp yêu kiều và tình tứ của Vương tiểu thư, song thầy cố quên, vì thầy hiểu rằng ái tình có sức mạnh ghê gớm, nếu không cẩn thận sẽ bị lôi cuốn theo. Bồ Tát sợ nhân chúng sinh sợ quả, Ngọc Lâm luôn luôn ghi nhớ câu nói ấy.

Giờ đây nghe sư huynh nói, biết rằng sư huynh cho mình chỉ mới đưa Vương tiểu thư lên khỏi mặt nước, rồi lại buông nàng ra, chứ chưa thật cứu nàng ra khỏi bể khổ, song làm thế nào để cứu nàng? Lúc ấy Ngọc Lâm lại bắt đầu cảm thấy buồn phiền!



Từ trên cây ngô đồng bên bờ hồ mấy chiếc lá vàng rơi xuống vai Ngọc Lâm, thầy đưa tay phủ chiếc áo bông mới để gạt những lá xuống đất.

- Chú mặc chiếc áo mới ấy có thấy ấm không? Ngọc Lâm nhìn Ngọc Lâm từ đầu đến chân.

- Đây cũng là nhờ ơn Vi Đà Bồ Tát.

- Ua, lại cũng Vi Đà Bồ Tát! Ha... ha.

- Sư huynh nói là hôm nay tôi sẽ được thấy ngài hộ pháp Vi Đà Bồ Tát mà?

Ngọc Lâm nhìn sư huynh Ngọc Lam chăm chăm bằng ánh mắt dò hỏi:

- Phải rồi, hôm nay chú sẽ được thấy ngài Hộ Pháp đã đưa thức ăn và áo đến cho chú. Ngọc Lam không nói bốn chữ "Vi Đà Bồ Tát" nên dù có thông minh, Ngọc Lâm cũng không hiểu ngụ ý câu nói của sư huynh.

Ngọc Lâm biết thế nên cũng không hoài nghi nữa.

Boong! Boong! Boong!... Tiếng chuông báo hiệu điếm tâm trong chùa vọng ra. Trời đã sáng hẳn.

- Sư huynh, đến giờ ăn điếm tâm rồi!

- Ăn! Suốt ngày chỉ có ăn, ngoài việc ăn ra, hình như con người không còn việc gì khác. Ngọc Lâm nghe sư huynh nói thế, biết là mình đã nói vớ, thấy thấy đó mắt!

- Chú về ăn đi, tôi còn đi đàng này có chút việc.  
Không đợi Ngọc Lâm trả lời, nói xong, Ngọc Lâm củ tay vào áo đi thẳng.

Ngọc Lâm nhìn theo Ngọc Lâm, một cảm gì á c mang mang thoáng hiện trong óc thấy. Gần đây sao sư huynh lại tỏ thái độ kỳ lạ và bí ẩn, ông không có một chức vụ gì ở trong chùa, hơn nữa, không ai chơi bời với ông, ai cũng cho ông là người điên điên, khùng khùng không thêm lai vãng, và chính ông cũng vậy, ngoài việc ăn xong lại ngủ ra, ông coi nhữ cớ đời này không có liên quan gì đến ông. Trước kia Ngọc Lâm không những chẳng thêm đem xĩa đến ông, mà còn ghét ông vô hời kỳ tận. Từ sau hôm chép lại bộ kinh Pháp Hoa, Ngọc Lâm mới biết ông là một người phi phạm; rồi hòa thượng trụ trì lại bảo là ông tuật thanh của một vị Đại Thừa Bồ Tát, nên từ đây Ngọc Lâm không dám khinh thường. Song từ khi Ngọc Lâm hỏi cái, thay đổi thái độ đối với ông, thì ông lại càng tỏ ra thần bí, ông đi, về bất định; lúc muốn tìm ông thì đâu cũng không thấy lúc không tìm kiếm ông thì tự nhiên ông xuất hiện. Khi Ngọc Lâm thấy ông, ông chỉ nói câu được, câu chẳng rồi lại bỏ đi, nếu Ngọc Lâm muốn nói gì với ông cũng khó.

Ngọc Lâm nhìn hình ảnh sư huynh đã khuất sau rặng cây ngoài đầu đường mới quay gót trở về. Vừa đi thấy vừa nhìn tứ phía, đâu đâu cũng vắng lặng. Ngọc Lâm tư nghĩ tình cảm con nê. xưa nay cũng vắng lặng như thế, không có mừng giận, thương, vui, lo sầu, khổ não, song chỉ vì để ngoài cánh chi phối mà lòng người trôn xao trộn, cũng như một trận gió thổi qua, làm cho cây rung động, hay một viên đá rớt xuống khiến mặt hồ gợn sóng.

Khi còn tấm bé, tâm hồn Ngọc Lâm trong sạch vắng lặng không một điểm nhơ, khi lớn lên, những nỗi bất bình ở đời, những lo âu cuộc kiếp người, sự suy vong của Phật giáo và một đoàn thể tăng đồ phức tạp, đã khiến cho tâm hồn thấy xao xuyến, bất an. Thêm vào đây, hiện giờ Vương tiêu thư và sư huynh Ngọc Lâm việc họ làm, lời họ nói đều đã gây nên tiếng vang trong lòng thấy, do đó, Ngọc Lâm thấy tình cảm bị kích động.

- Chú có thấy thấy Ngọc Lâm và sư ông Ngọc Lâm đi ra không?  
Lúc Ngọc Lâm sắp bước vào cửa Tam quan thì nghe thấy tiếng sư bác trực nhật hỏi sư chú gác của ngõ.

- Không! Quái nhỉ, hai người có thể cùng đi với nhau kia à? Sư chú gác cửa hỏi lại bác trực nhật, vì theo họ, ai mà cùng đi với Ngọc Lâm thì người ấy là cái móc cho họ cười, huống chi đây lại là Ngọc Lâm vốn ghét cay ghét đắng sư huynh.

- Không biết họ đi làm cái ma gì?  
- Đã hai ba lần tôi thấy Ngọc Lâm đứng, nói chuyện với một người con gái trẻ măng ở phía ngoài Tam quan, không biết họ nói chuyện gì!  
- Ừ, tôi cũng bắt gặp một lần, không ngờ cái ông điên điên, khùng khùng ấy mà vẫn còn động lòng trần!

Ngọc Lâm vốn không thích nghe những lời nói xấu sau lưng, nên tảng lờ như không nghe, song vừa đi được mấy bước thì những tiếng "Ngọc Lâm... con gái... lòng trần..." rớt vào tai thấy, bất giác thấy dừng bước một cách tò mò.  
- Lần nào cô á cũng đứng xa xa ngoài Tam quan nói chuyện với Ngọc Lâm, trông diện mạo cô ta không phải con nhà tầm thường, và tôi nhớ mang máng như đã thấy cô ở đâu, rất tiếc chỉ nhìn được có một bên, chứ nếu nhìn thẳng mặt tôi có thể nhận ra ngay.

Sư chú gác cửa cao hứng nói và tỏ ra ta có một nhãn lực phi thường.

- Cô á coi bộ chưa lập gia đình, trong chùa ta có sư ông Ngọc Lâm xinh trai đáo để, sao cô á không đến mà ve vãn lại đi dăm dờ với ông tổ nội nửa rờ nửa đại ấy không biết?...  
Ngọc Lâm không muốn nghe, cúi đầu bước mau về phòng riêng sau điện Phật.

Lúc này Ngọc Lâm thấy bất mãn với người đời thấy tư nghĩ tuy cũng có lúc sư huynh tỏ ra điên khùng, song đó là người cố ý giả tạo, nếu không, sao lời nói của sư huynh hàm súc một ý nghĩa sâu xa như thế? Một vị thánh tăng có lẽ nào lại bị người đời khinh rẻ, chê bai và trào lộng như vậy?  
Ngọc Lâm bực tức đến nỗi quên cả ăn cơm sáng. Ngọc Lâm tư nghĩ nếu lời nói của chú gác cửa và bác trực nhật đúng sự thật, thì nhất định sư huynh phải có một việc gì bí ẩn lắm. Nhưng người con gái ấy là ai? Nàng ở đâu đến? Ngọc Lâm chịu không thể nghĩ ra.

Ngọc Lâm quét dọn trên Phật điện tươm tươm rồi, tuy vẫn còn sớm, song thấy sợ nhờ giờ nên sẽ không được gặp Vi Đà Bồ Tát, bởi thế thấy thành khẩn ra đứng giữa đường phía ngoài chùa chờ đợi thật sớm. Con đường này trừ những ngày đình đám tập nập, ngày thường rất ít người qua lại.

Ngọc Lâm luôn luôn đưa mắt nhìn tứ phía càng gần trưa, lòng thấy lại càng bồn chồn hồi hộp. Xa xa, một hình bóng thiếu nữ đang đi đến.

- Mình không nên nhìn nàng, nhớ ra Vi Đà Bồ

Hồi ký

# TÔI ĐI HỌC TẬP CẢI TẠO

TÍCH CỐC

(tiếp theo)

Ngày 9.11.1975 sau giờ lao động đập đá lót đường vất vả, đang ngồi nghỉ thì thấy anh Quân giao đến cho biết là anh nào có trồng khoai, sắn hay rau cải gì thì ngày mai thụ hoạch để cải thiện. Chúng tôi biết ngay là sắp có di chuyển trại nhưng không biết lúc nào và sẽ đi đâu. Một số anh em thì thăm nhau và lạc quan cho rằng sẽ được đưa về trại Sóng Thần ở Thủ Đức làm thủ tục để về sum họp với gia đình.

Ngày 10.11.1975 sáng, dậy như thường lệ, đến 7 giờ 45 anh bộ đội đến thông báo :  
- Tất cả các anh chuẩn bị đồ đạc để hành quân. Nói các anh sắp đến sẽ tốt và thoải mái hơn ở đây nhiều, có đèn điện nữa. Do đó đồ đạc phải sắp xếp gọn gàng, những thứ gì xét ra không cần thiết thì nên bỏ lại.

Thật ra với người tù cải tạo như chúng tôi thì cái gì cũng cần thiết cả ngay đến miếng giẻ rách hay cái lon sữa bò vì từ khi đi học cải tạo đến giờ có liên lạc gì được với gia đình để nhận những vật dụng cần thiết nhất cho đời sống hàng ngày đâu. Hơn nữa với Cộng Sản chúng tôi đã học được nhiều kinh nghiệm nội họ là - Đừng nghe những gì chúng nó nói cả. Vì vậy anh em cố gắng sắp xếp, nhồi nhét tất cả những gì có thể đem được trong túi đeo lưng. Xong đâu đó, anh em trong B phân công người thì đi nhặt khoai, sắn luộc, người thì đi lãnh thức ăn về để nấu ăn trong ngày (hôm nay nhà bếp đẹp không có nấu ăn). Vì các anh người (Việt Cộng gọi người nấu bếp là anh nười) cũng lo chuẩn bị di chuyển. Trong thức ăn lãnh về có bí rợ (người Bắc gọi là bí ngô). Anh Trung tá P. lãnh phần nấu chè bí rợ để đãi anh em trước khi tư giả trại Long Giao. Chè nấu rất đơn giản. Bí gọt vỏ, xắt miếng bỏ vào nồi

đổ một ít nước, đun sôi, bỏ một ít đường vào, lấy dĩa xới cơm tán hoài đến khi nào nhuyễn như vữa đặc xết lại đem xuống để nguội chia mỗi người được nửa chén. Trong cảnh tù tội mà được nửa chén chè bí ẩn nó ngon làm sao!

Khoảng 19 giờ, có đoàn xe đến đậu trong trại tất cả được lệnh sẵn sàng để ra xe. Người nào cũng vừa mừng vừa lo, mừng là hy vọng được đưa đến trại Sóng Thần làm thủ tục trả tự do. Còn lo là không biết chúng nó còn đưa đi đâu nữa đây. Học tập tốt, lao động tốt rồi kia mà. Mỗi B lên một xe, xe bị che phủ bít bùng, người ngồi bó gối, chật như nêm, muốn ngộp thở.

Khoảng 21 giờ thì đoàn xe di chuyển, gần nửa tiếng đồng hồ sau có anh lên ghế tầm che nhìn ra ngoài và cho biết là đoàn xe đang hướng về Biên Hòa. Mỗi lần di chuyển chú tôi Việt Cộng luôn luôn đi ban đêm, khô hiểu chú nó sợ cái gì? Sợ đồng bào miền Nam nhìn thấy chúng tôi rồi bắt mẫn với chế độ Cộng - Sản chăng? hay sợ đồng bào nhìn thấy chúng tôi rồi áp vào đánh (theo như Cộng Sản nói) chuyê này còn lâu, Cộng Sản hỏi lại đồng bào miền Nam chúng tôi thì biết rõ.

Khoảng 22 giờ 40 xe đến Hồ Nai và chậm dần lại lên nhìn ra ngoài thấy đèn nhà, đèn đường còn thấp sáng, dân chúng tối lui; nghỉ lại thân phận của người lính chiến trở thành tù cải tạo, mất tất cả tự do, ăn không đủ no, mặc không đủ ấm, ngày ngày lao động vất vả tưởng ngại mồ mịt mà lòng buồn vô hạn.

Đến 23 giờ 20, đoàn xe dừng hẳn lại, bộ đội cho giờ tắm che lên, nhìn ra ngoài có anh than nhỏ :  
Trời ơi! SUỐI MÁU! đây là trại tạm giam tù binh Cộng Sản được đưa từ trại Phú Quốc về để trao trả lại cho Việt Cộng theo hiệp định Paris. Bây giờ tụi nó đem giam mình ở đây để trả thù !

Tất cả xuống xe, người bộ đội dẫn vào trong trại và chỉ chỗ nghỉ. Vì mệt mỏi sau 15 tiếng đồng hồ di chuyển. Ai cũng tìm một chỗ để ngủ tạm qua đêm.

Ngày 11.11.1975, lúc 9 giờ bộ đội gọi tất cả tập họp tại hội trường để nghe chỉ thị. Một toán 5-6 người bộ đội đến, trong đó có một người nói :

- Kể từ hôm nay chúng tôi có trách nhiệm giam giữ các anh tại đây, yêu cầu tất cả các anh phải giữ đúng nội qui của trại, ai vi phạm sẽ bị xử lý. Ở chức đơn vị của các anh vẫn giữ như cũ và y giới thiệu một người bộ đội khác làm trưởng trại của chúng tôi. Người này cấp bậc Thiếu Úy có tham dự mặt trận Long Khánh (sau này tôi sẽ viết lại những lời anh kể khi

tham dự trận đánh với (ĐVNCH) và sau đó họ phát bản nội qui cho các B Trưởng và bắt chúng tôi phải học thuộc lòng.

Trại giam Suối Máu nằm cuối đường sạt bay Biên Hòa và gần đường xe lửa. Trên mỗi nhà đều có viết 3 chữ lớn P.O.W. (Prisoner of War là tù binh chiến tranh), chữ này, do Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa trước kia viết khi giam giữ tù binh Cộng Sản. Trại này cũng khá rộng có thể chứa khoảng vài ngàn người. Chung quanh bao bọc bởi 2 lớp rào kẽm gai cao trên 2 thước, giữa 2 lớp rào có một đường đất xe hơi chạy được, để bộ đội đi tới lui canh gác. Trại chia làm 5 khu vực, mỗi khu vực được gọi là K, đánh số từ K.1 đến K.5. Mỗi K chứa trên dưới 1000 người. B tôi được đưa vào K.5. Nhà lợp tôn nền đất, mỗi dãy dài khoảng 30 thước chứa khoảng 100 người. Cái tạo viên nằm dưới đất thành 2 hàng dọc, đầu hướng vào vách.



K.5 tôi có 2 giếng nước, 1 cái gần nhà bếp, nước chỉ được dùng nấu ăn mà thôi, 1 cái khác gần ngoài cổng ra vào dùng để tắm giặt. Cầu tiêu thì nằm ở ngoài gần cách bởi một hàng rào kẽm gai có cổng ra vào và do một bộ đội ngày đêm ở trên chòi cao canh gác. Về ăn uống vì số người đông nên chia ra làm 4 toán nấu ăn riêng. Mỗi toán nấu ăn cho khoảng 250 người. Mỗi B thay phiên nhau nấu ăn cho mỗi toán trong một ngày. Hàng ngày toán phụ trách nấu ăn để cử người đi lãnh thức ăn tại kho ở ngoài trại do một anh trưởng K. hầu cận (cũng cái tạo viên) hướng dẫn. Khi ra gần khoảng 6 thước tới cổng phải dừng lại tất cả, giở nón và báo cáo với người bộ đội gác trên chòi.

- Báo cáo anh bộ đội, toán tôi gồm có X.. người. xin xuất trại lãnh thức ăn.  
Đội khi nào người bộ đội nói "U ĐƯỢC" thì mới được đi ra. Khi trở vào cũng phải báo cáo như vậy. Không hiểu tại sao mà hầu hết mấy người bộ đội đều ghét cái tạo viên nào mang mắt kiếng, dù là kiếng mát hay kiếng cận. Có 1 hôm anh Trung Tá D. tùy viên của ông Dương V. Minh trước kia dẫn chúng tôi đi lãnh thức ăn khi báo cáo anh không có lật kiếng cận xuống. Người bộ đội bèn hét to :

- Anh kia! Tại sao không bỏ kiếng xuống?  
Anh D. trả lời :

- Thưa anh tôi mang kiếng cận, bỏ xuống làm sao tôi thấy đường, đi té vào hàng rào kẽm gai. Người bộ đội - Nặng anh, bỏ kiếng xuống và đừng nghiêm đó 15 phút.

Anh D. cũng phải bỏ kiếng xuống và đứng đó, trong khi chúng tôi vừa đi vào trại vừa tủi nhục và hờn căm.

Cầu tiêu thì ở ngoài cổng, chỉ được mở từ 6 giờ sáng đến 6 giờ chiều. Ngoài ra ai có muốn xả bầu tâm sự khẩn trương (nói theo kiểu VC) thì phải ráng nhịn vậy hay trút đại trơ quẩn. Do đó mới 5 giờ 25 sáng đã có người đứng sắp hàng dài để chờ đứng 6 giờ bộ đội mở cửa cho đi cầu. Khổ nỗi ăn thì chẳng có gì no bụng cả toàn là rau cải, sắn khoai mà sao cứ mắc "ì" hoài!

Anh A vừa đi vừa chạy khẩn trương ra cổng, tay bùm dít đứng nghiêm báo cáo :

- Thưa anh bộ đội cho tôi đi cầu.

Người bộ đội làm ngơ không trả lời, anh bèn lặp lại một lần nữa. Người bộ đội chưa nói : "U ĐƯỢC" thì anh đã ị đầy trong quần, đến khi người bộ đội cho phép thì anh nói :

- Tôi đã ị trong quần rồi và cúi thủi quay trở về lo tắm giặt.

Tình trạng này xảy ra hàng ngày. Mất, nước mắt tất cả tự do, ngay đến đi ị cũng phải theo lệnh của Bác và Đảng.

Về củi đun bếp thì có xe nhà thầu chở củi cao su được cắt ra từng khúc lớn cỡ đồng ngoài trại, mỗi B phải cử người ra vác đem về trại để bữa. Phụng tiện không có, bữa được 1 khúc củi cũng trấn ai, tay chảy máu.

Còn 2 cái giếng nước ác nghiệt nữa! Trời mưa còn đỡ, trời nắng vài ngày nước cạn sâu, nhìn xuống thấy chóng mặt. Mỗi lần xách nước phải có 3 người, một người giữ cái nạng kê ở miệng giếng, để sợi giây giữa nạng, thông thùng xuống mức nước, xong 2 người kia kéo sợi giây chạy chừng 10 thước lôi thùng nước lên. Nếu ngày mai B nào đến phiên nấu ăn, thì chiều hôm nay phải lo kéo nước và bữa củi trước thật e chề và tủi nhục.

Tuần đầu khi mới đến trại, anh em được ăng gạo Mỹ lấy từ các kho ở Thượng Cảng Sài Gòn đem về. Mặc dù mỗi bữa ăn chỉ có một chén cơm, nhưng cũng đỡ vì gạo còn tốt. Thức ăn thì toàn rau cải nấu với muối, thỉnh thoảng mới có một ít cá hay thịt, nhưng mỗi người chỉ được bằng một ngón tay. Có khi gần hai tuần lễ ăn toàn trái xu xu (trái tròn bằng nắm tay, vỏ có gai ăn riết rồi khi ngửi tới mùi trái xu xu là muốn ói! Lãnh về có anh đem đồ ngoài hồ rác, chịu nhin đói vậy! Bữa nào có ăn bí đao, bí đỏ



mấy anh nhà bếp gọt bỏ vỏ, mấy anh khác luộc vỏ đem về nấu lại ăn cho đỡ đói. Vài tuần sau thì hết gạo Mỹ, anh em phải ăn gạo mọc, mọc của Việt Cộng đem từ rừng ra, hết chất bột khi đó mới thể thắm. Bệnh phù thũng bắt đầu xuất hiện. Nhất là những anh em trẻ, cơ thể đang phát triển, cần nhiều dinh dưỡng, ăn uống như vậy làm sao chịu nổi. Hằng ngày phải xuống nhà bếp xin nước cơm vo lần thứ nhất, đem đun sôi để uống hầu kiếm chút ít Vitamin. Nhưng không biết Vitamin có còn không? Vì nước cơm của gạo cũ, mọc, mọc khi đun sôi lên rồi, uống đắng nghét.

Ở Suối Máu ít được đi ra ngoài trại lao động chỉ làm lật vạt trong trại như đào cầu tiêu sửa lại hàng rào kẽm gai, sửa lại nhà, gò thùg thiếc xách nước cho bộ đội v.v... B nào được đi lao động ở ngoài là mừng lắm, vì hy vọng may ra gặp được người thân hoặc nhìn sự sinh hoạt của đồng bào mà đỡ buồn.

Thời khóa biểu đại khái như sau :

- 6g. Tập thể dục
- 6.30-7g. Vệ sinh cá nhân
- 7.30 Lánh nước uống (nước chỉ nấu sôi, lánh đem về uống trừ đói)
- 9.30-11g. Tập hát
- 12g. Ăn cơm
- 14.30-16g. Tập hát
- 18g. Ăn cơm
- 21g. Ngủ

Vì cái tạo viên bị giam tập trung tại đây quá nhiều, nên mỗi ngày chỉ có một vài B đi lao động thôi, số còn lại ở nhà áp dụng theo thời khóa biểu nêu trên, ngoài giờ này ra ai làm gì thì làm nhưng phải nằm trong khuôn khổ nội qui của trại. Có nhiều anh bạn còn trẻ, dễ quên đi cái đói đang hoành hành bao tử, các anh lấy gỗ cắt gọt thành bộ bài mà chơi thật đẹp, không khác gì ở trong Chợ Lớn, các bạn khác gọt khác bộ cờ tướng, có anh không biết luộc được nhôm cứng (dura) ở đâu mà đem cửa mài dũa thành một cái lược chải tóc, nhờ anh họa sĩ vẽ hình thật đẹp, anh ngồi khắc từng nét một, ngày này qua ngày kia, hy vọng ngày về sẽ tặng cho vợ, nhưng không biết anh có thực hiện được ước mơ tươi đẹp đó không? hay anh đã âm thầm bỏ xác ngoài miền Bắc xa xôi ôm theo cái lược mà không bao giờ gặp vợ. Có anh trồng rau cải dọc theo hàng rào kẽm gai để cải thiện v.v... Riêng tôi và anh bạn Trung Tá P. ở Sư Đoàn Không Quân Cận Thở hợp tác nhau đào một miếng đất khoảng 1,50th.v. trồng rau muống, kết quả cũng khả quan, sau 3 tuần lễ trồng, ngày nào chúng tôi cũng thu hoạch được trên dưới 10 cọng để bồi dưỡng.

Thưa quý vị độc giả, quý vị có bao giờ thấy chim én bắt ruồi ăn chưa? Chim én bắt ruồi

ăn rất tài quý vị a! Ở nước Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tiến nhanh, tiến mạnh nên ai cũng đói cả, ngay đến con chim én cũng cùng chung chịu đói nên phải bắt ruồi ăn tạm vậy. Số là đang trước công ra vào trại có một dây cầu tiêu, ruồi đi là ruồi, ngày nào chim én cũng đến đậu nhiều vô số kể nó bay thật nhanh và xốt ngay con ruồi đang bay hay đang đậu để ăn. Nhờ vậy mà đỡ bớt một phần nào ruồi, mà cũng nhờ vậy có một số anh vì quá đói nên cũng nghĩ ra cách bắt chim én ăn. Anh làm một cây cần câu ngắn, có sợi chỉ cột lưỡi, cần nhỏ làm bộ xin đi câu, khi ra cầu tiêu, bắt 1 con ruồi móc vào lưỡi câu, ngồi trong cầu đợi cần câu ra ngoài. Con chim én thấy con ruồi treo lơ lửng bay ngang, qua xốt con ruồi là dính ngay lưỡi câu. Thế là anh có một con chim én thêm một ít chất đạm cho cơ thể đang cần nhiều chất bồi dưỡng.



Lúc mới đến trại, có những con kỳ nhông sống ở dưới hàng đất cát, chạy tới chạy lui trong hàng rào kẽm gai, lần lượt anh em cũng tìm cách bắt ăn hết. Có một anh lên gỡ kẽm gai ở hàng rào, lui cui làm cái lồng chuột, mới đầu ai thấy cũng cười, nhưng sau có người muốn đổi thức ăn lấy cái lồng mà anh không đổi. Chuột cống con nào con nấy to trên 2 hay 3 kilô, đêm nào anh cũng gài được một con, sáng hôm sau anh để gần nhà bếp, anh nào có thức ăn muốn đổi chuột thì anh đổi, còn không thì anh đưa cho một anh bác sĩ chuyên môn làm thịt chuột, anh mổ như mổ người vậy, lấy từ miếng mỡ ở bụng, lấy từ cục xạ ở nách ở cổ thật tại xong đầu đuôi anh đem rớt chia nhau bồi dưỡng. Chúng tôi thường hay nói đùa "Người ta đi học tập cái tạo quên mất hết nghề nghiệp, ngược lại nghề anh không bị lụi mà mỗi ngày mỗi tiến bộ. Anh cười và trả lời :  
- Gặp thời thế, thế thời phải thế !

Trại nằm cuối đường sân bay, thỉnh thoảng có máy bay phản lực F.5 đáp xuống, tội nghiệp các Sĩ quan phi công (Cộng Sản gọi là giặc lái) khi nghe tiếng máy bay quen thuộc chạy vội ra nhìn mà tiếc nhớ cho một thời tung mây lướt gió. Sau ngày miền Nam bị Cộng Sản cướp đoạt, các anh phi công ở lại, nghe 1 ở i

# GENÈVE - PARIS HAI THÀNH PHỐ MỘT NIỀM ĐAU

Tôi tới thành phố này vào một buổi chiều, mặt trời đã ngã bóng, chạy dài trên mặt hồ, soi hính bóng nước lung linh. Cái nóng vẫn còn gay gắt, làm những giọt mồ hôi đã quện ướt những sợi tóc dài, lù xù của chiếc đầu hơn 2 tháng lười đi cắt của tôi.

Ấm thanh, màu sắc và nỗi lòng buồn vui, đã làm tôi băng khuônng ngó ngán - Genève - cái tên quen thuộc và có lẽ rất nhiều người Việt nam đều nghe đến. Chính nơi đây 31 năm về trước đã là nơi chia cắt 2 miền Nam Bắc Việt nam. Tôi tới đây trong một tình cờ, như tất cả những tình cờ đã đi qua trong đời tôi.

T. đã đến với tôi trong một sự bất ngờ, để rồi hai đứa đã có quyết định gặp gỡ nhau ở Paris, để cùng đi nghỉ hè tại Genève. Mãng từ Mỹ qua, tôi từ Đức tới, cuộc hội ngộ đầy lý thú, chúng tôi đã quấn quít bên nhau như nhữg cặp tình nhân mới biết yêu lần đầu. Nhữg buổi chiều lang thang trên đường phố Genève, từ những hẻm nhỏ đến những con đường rộng bóng mát của những hàng thông ở bờ hồ, chúng tôi đều mòn gót đi qua.

T. rời Việt nam đã mười năm, nàng đã trở thành người Mỹ da vàng, tuy nhiên không vì thế mà T. đánh mất những gì của người phụ nữ Việt nam. Có lẽ đó là lý do để hai đứa chúng tôi tâm đầu ý hợp, và thêm vào đó tuổi thơ của 2 đứa với nhiều đắng cay, bất hạnh. Chúng tôi như 1 đôi uyên ương say đắm bên nhau, và kể c h o nhau nghe chuỗi ngày dài ly xú. Nhữg buồn vui của kiếp sống lưu đày, cùng chuỗi ngày ấu thơ nơi quê nhà, và niềm bồn khoăn u ần nhớ về quê hương Việt nam đang ngập chìm trong khổ đau

áp bức. Có những đêm chúng tôi đã lang thang trên những con đường chạy quanh bờ hồ, nhìn bóng nước long lanh phản chiếu ánh đèn xanh đỏ đủ màu - T. đã khẽ nói bên tôi, anh a: đời ly xú của chúng ta như những ánh nước lung linh trên mặt hồ kia - chớp rồi lại tắt, mà thời gian là những cơn sóng nước đã cuốn hút tất cả đi vào một bóng tối xa xăm nào. Vài cơn gió nhẹ thoảng qua làm lay động hàng liễu bên hồ đã làm tôi nhớ lại những hàng dừa rừ ngon bên giồng sông Hậu êm đềm ngày nào. Giồng sông này đã nuôi T. khôn lớn, giồng nước thấm đẫm màu phù sa của Hậu Giang. Quê hương T. nằm bên giồng sông hiền hòa muôn thuở này, T. đã sinh ra và lớn lên giữa cảnh trời nước mênh mông với lũy tre làng bao bọc và hàng dừa trĩu trái ngả dài trên bóng nước Hậu Giang. Quê hương tôi ở tận miền Bắc xa xôi, cũng có giồng sông uốn khúc, nước trong đục hai mùa, nhưng tôi đã phải sớm xa lìa giồng sông yêu dấu, và tất cả những kỷ niệm thân thương nồng ấm nơi chôn nhau cắt rún; khi làn sóng đó tràn về - tôi đã phải ra đi những rồi tôi đã tìm lại được cái êm đềm của tuổi thơ, bên giồng sông Hậu, quê hương T. Có những buổi trưa hè ngồi thả câu bên bờ sông nhìn những con cá đớp bóng và những cánh lục bình bèo trôi theo con nước. Tôi đã mơ ước được như những cánh bèo kia, để được nước đưa đẩy đi khắp đó đây. Gần 30 năm rồi, thời gian đã qua đi thật mau, giờ lưu lạc xứ người tôi cũng như T. đã bỏ lại sau lưng tất cả những kỷ niệm của những giồng sông. Đêm nay bên bờ hồ này, trong cái thành phố đã mang tên một văn kiện chia cắt đất nước tôi và đã xô đẩy tôi phải xa lìa giồng sông nơi chôn nhau cắt rún của tôi. Ngồi đây bên T. những lòng tôi vẫn với với một nỗi buồn khổ tã. Tôi đã bỏ mất giồng sông nơi quê hương cũng như T. đã bỏ mất giồng Hậu Giang êm đềm. Chỉ tôi là những kẻ đã bị mất những giồng sông ngày thơ ấu, hay những kỷ niệm của tuổi ấu thơ. Dĩ vãng vui buồn của tuổi thơ, thường là những vết hằn sâu trong ký ức. Dù cho thời gian có đổi dời, cũng những đớn đau, dần vớt của đời, cũng khó làm ta quên bỏ được nhữg dĩ vãng của tuổi thơ. Đêm nay trong thành phố này, bên bờ hồ nọ, T. đã gục đầu trên vai tôi, có những giọt nước mắt đã long lanh trên khóe mắt u buồn muôn thuở của T. T. đã khóc khi tôi gợi lại những kỷ niệm nơi quê nhà; cũng như tôi đã cảm thấy một nỗi buồn mênh mang tràn ngập, khi nhớ lại những tháng ngày xa xưa của dĩ vãng nơi quê hương, và cái hiện tại bế bãng, chua xót của kẻ mất quê hương. Tôi lại nhớ đến những câu hỏi của những tên ban ngoại quốc làm cùng hãng, hôm cuối tuần trước khi hăng nghỉ hè.

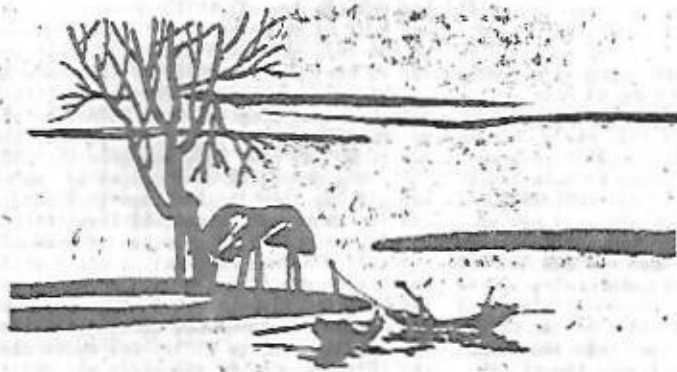
- Sao mày không về Việt nam thăm cha mẹ và anh chị em mày? Hè này tụi tao về quê tụi tao

hết. Câu hỏi vô tình đã làm tôi rơm rớm nước mắt - bỗng tôi cảm thấy nghẹn ngào.

Tao còn cha, còn mẹ, còn anh chị em và rất nhiều bằng hữu - và cả quê hương Việt Nam của tao đẹp đẽ và hiền hòa. Nhưng kể như tao đã mất cả.

Câu trả lời của tôi đã làm lũ bạn ngoại quốc này ngạc nhiên. Chúng tôi trở những con mắt lạ lùng để chờ những lời giải thích tiếp của tôi. Tôi đã nghẹn lời vì xúc động, mỗi khi nhắc tới mẹ, tới cha tôi...

... Vì quê tao bây giờ là Cộng Sản... dù nếu tao có trở về được nhưng tao cũng chẳng bao giờ thấy mẹ cha tao, cùng anh chị và bằng hữu tao... tao sẽ chết mòn mỏi trong 1 trại mệnh danh cái tao nào. Tao đã mất quê hương và mất tất cả những gì thân thương nồng ấm nhất của một kiếp người. Tao sẽ cuộn mền ngủ vùi trong suốt mùa hè, để giết thời gian, để quên đi vắng như con ong cái kiến cơ mình trong tổ khi đông về. Nhưng tình cờ, những lá thư và điện tín liên tiếp của T. đã kéo tôi ra khỏi cơn ngủ dài của mùa hè. Tôi và T. đã quyết định chọn thành phố mang dấu vết đau đớn của quê hương dân tộc tôi, làm nơi hò hẹn của 2 đứa. Cùng một thân phận lạc loài, và niềm nhung nhớ quê hương, tôi và T. đã sống lại để thật nhiều những chuỗi ngày của đi vắng - dù T. đã nhiều lần khóc bên tôi, cũng như nỗi xót xa cho thân phận hiên tại của mình, tôi nhiều lúc cũng nghẹn ngào. Nhưng đã làm cho chúng tôi với bớt những băng khuâng u uẩn đã chất chứa từ ngày ly xứ tới nay.



Bốn ngày ở Genève, 4 ngày trong vui buồn lẫn lộn, mặc dù 2 đứa tôi đã cho nhau những tình cảm nồng nàn, cùng những chia sẻ đón đầu của kiếp dân ly xứ. Chúng tôi đã rời Genève để trở lại Paris trên chuyến tàu chiều... Vào mùa hè nên hành khách trên tàu thật đông, và đủ mọi quốc tịch - những tiếng cười nói vui đùa của đám du khách vẫn không làm tôi vật. quên đi thân phận của mình - kẻ mất quê hương. Con tàu lao vun vút, trong nắng chiếu vàng nhạt, băng qua những cánh đồng, những đồi núi

sông rạch cùng những làng mạc xa xa. Nhìn tựa như những bức tranh - hai chúng tôi ngồi tựa bên nhau, thỉnh thoảng T. khẽ nói bên tôi - Quê hương người đẹp quá anh nhỉ, nhưng sao em vẫn không thích bằng cảnh quê mình anh a. Tôi lặng lẽ trầm ngâm - Chúng tôi trở lại Paris, thành phố này cũng là nơi ghi dấu những đón đầu cho dân tộc tôi - 12 năm về trước cũng 1 văn kiện được ký kết tại đây, đã đưa đây sự phải tay bản bạn cho thù của ng. ban đồng minh một thời tay trong tay lòng cùng lòng với dân tộc tôi.

Đến rồi 30.4.75 đến, 60 triệu dân Việt tôi đã trở thành nạn nhân của 1 chế độ vô thần khát máu, và cũng đây tôi và T. cũng như hàng triệu người Việt khác lang thang tìm đất sống trên toàn cầu.

Genève - Paris hai thành phố, hai nơi đã ghi dấu những đón đầu của dân tộc tôi. Cho tới nay niềm đau thương thống khổ này vẫn còn găm nhâm trong từng ngấn tim là phổi của những người dân nước tiểu đón đầu mất mát Việt Nam chúng tôi.

Đêm Paris thật ồn ào náo nhiệt, lại làm tôi và T. sống lại những đêm Sài Gòn. Chúng tôi bước nhẹ bên nhau, dưới những ngọn đèn đường đỏ nhạt, chiếu dọi, trên những tàn lú của những hàng thông xanh lá. Dĩ vãng nơi quê nhà vẫn ẩn hiện trong đầu óc chúng tôi, thỉnh thoảng T. buông tiếng thở dài, tôi nắm chặt tay T. và nhẹ hôn lên mái tóc óng mượt của nàng. T. ngược mắt nhìn tôi, bốn mắt nhìn nhau, trong sự cảm lặng, như hai đứa đã thấy rõ nỗi lòng u uẩn của nhau... Bỗng T. khẽ nói, trưa mai em phải đáp tàu về Mỹ, còn anh về Đức, có lẽ cả năm sau mình mới gặp lại nhau - nhưng em vẫn ao ước có một ngày mình gặp gỡ nhau trên quê hương Việt Nam yêu dấu... Tôi lặng lẽ khẽ cắn môi và nhẹ bước...

Tây Đức 26.8.1985  
HA LONG

## THƠ

### XUÂN BẤT DIỆT



Liên Hoa xinh đẹp có đi lung,  
Đất rộng hồ sâu ý thả dong.  
Hương ngát Tử Bi lòng thăm dùm,  
Giương đóm Thiện Quả tâm khai vùng.  
Mâm non mới nở xin nâng đỡ,  
Giọt nước tử hòa khéo dưỡng dung.  
Chân phâm sen vàng xuân bất diệt,  
Mong cầu Tịnh Tấn, phải dày công.

■ AN LAI Thôn nữ. Huế

# CÔ GÁI ĐÔNG ĐỨC



Tôi đã cô díp gặp Andrea vào một ngày khi khi trời Tây Âu bước vào những ngày hè oi ả. Qua điện thoại nàng hẹn gặp tôi nói trâm của xe điện ngầm, rồi nàng sẽ đón tôi về nhà để nàng có dịp mà trút cạn nỗi tâm tình.

Tôi đứng đợi nàng mà lòng thấy trống trải vu vơ bối thần phẫn mẫn. Những tình cảm ẩn sâu trong tiềm thức như của ngày nào đồn đưa người tình bé nhỏ hồi còn ở quê nhà, nay trở dậy như cơn lốc quay cuồng trong nỗi buồn mênh mông khó tả.

Tôi không ngạc nhiên lắm khi nàng đến. Vì tư ảnh mắt đã bắt gặp sự thân quen, sự hen hồ mà cả hai đều đang chờ đợi. Đây là lần đầu tiên tôi gặp nàng, người con gái Đông Đức, vừa nhập cảnh vào Tây Đức cũng 60 ngày mà mấy tháng trước đây ta đã bắt gặp họ qua báo chí truyền hình, khi họ lao vào tòa án, sự Tây Đức tại Praha (Thủ đô Tiệp Khắc) rồi tuyệt thực, rồi xin bằng mọi giá phải được tỵ nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Việc tôi gặp Andrea cũng là do một sự tình cờ. Qua một người bạn Tây Đức, anh ta ở gần nhà nàng, lại làm chung hãng với tôi. Anh biết tôi là người tỵ nạn Việt Nam sau năm 1975 và đem chuyện này kể cho nàng nghe. Thế là nàng khẩn thiết muốn gặp tôi như điều kiện tiên quyết, giúp nàng giải quyết những ưu tư khắc khoải trong lòng.

Thật ra đó không phải là chuyện gì đáng gọi là du tử và khước khoải cả, mà chỉ là một sự tìm hiểu để biết sự chân giá về một câu chuyện. Câu chuyện xảy ra cách đây đã lâu rồi, khi nàng còn là một sinh viên của phân khoa báo chí tại Đại học Leipzig (Đông Đức). Hồi ấy nàng cô quen một nữ sinh viên tên Trần Cẩm Thu. Như nàng kể đời bạn rất là thân tình. Cẩm Thu thường hay kể cho nàng nghe những cuộc đời, cảnh sống, con người ở quê hương nàng - Hà Nội, về cuộc sống XHCN ở miền Bắc và về cuộc chiến tranh "Chống Mỹ cứu nước" của nhân dân miền Nam mà miền Bắc của Cẩm Thu là một hậu phương lớn cho chiến tuyến chống Mỹ ấy. Cảnh đời rạch ròi thì nàng không thể nào tưởng tượng nổi khi Thu kể về đời sống của mình. Sự hy sinh của thế hệ thanh niên miền Bắc cho cuộc chiến ở miền Nam nàng cũng không thể nào nghĩ tới được. Nàng thấy như nó sống lại cái thời kỳ mà Hitler đã xô đẩy hàng loạt thế hệ trẻ Đức vào cuộc chiến tưởng tàn vô nghĩa. Nàng vẫn giữ cái yên lặng kín đáo ấy, và nàng thì vẫn thường cho cái hoàn cảnh chịu đựng của Cẩm Thu. Vì như Cẩm Thu kể, nàng cũng có người cha đã hy sinh cho cuộc chiến ở miền Nam, còn mẹ nàng đã chết trong trận dịch lan tràn miền Bắc. Vì thế, với cái lý-

lich này nàng mới đến được Đông Đức mà học ngành báo chí, để sau này trở về phục vụ cơ quan thông tin của Đảng và Nhà Nước. Cẩm Thu đã kể cho Andrea nghe là nàng rất căm thù Đế Quốc Mỹ vì đã xâm lược miền Nam. Đã biến miền Nam thành một quốc gia tư bản đối trụy, đã đưa người dân vào sự chết chóc lầm than. Vì cái bản tính đặc biệt của Andrea, khi muốn tìm hiểu gì thì nàng phải tìm hiểu và khi biết đó là sự thật rồi thì nàng mới tin. Nên một lần nàng đã hỏi Cẩm Thu.

- Thu đã thấy cảnh đời khổ, xấu xa của xã hội miền Nam chưa? Thì Cẩm Thu trả lời ngay.  
- Đây trên báo chí và đài phát thanh HAMBURG, giờ Thu chưa thấy, nhưng mai một Thu sẽ thấy!

- Khi nào?  
- Khi giải phóng được miền Nam, khi Mỹ rút chạy. Rồi Andrea cũng ăm ắp lá cho qua chuyện. Vì nàng không muốn gọi cho Cẩm Thu những giây phút luôn luôn hân thù, tuổi trẻ sẽ vì đó mà giả dối trước cuộc đời. Cái hiện tại không phải là cái cần phải chiếm diện. Mà cái hiện tại đang nói là cái tìm hiểu sự hận thù qua lăng kính khách quan để tìm biết nguyên nhân và sao ta có những hận thù đó. Thu học ngành báo chí thì phải biết cái điều ấy! Với Andrea, nàng sống trong xã hội Đông Đức từ trước bà đến giờ, nàng đã nhận ra được cái điều đó qua cái nhìn mọi phía, khách quan và suy xét. Nàng đã thấy những chính quyền C.S. là những chính quyền tuyên truyền lọc lừa. Nếu không nhớ những cơ quan truyền thông tự do phát xuất từ các nước Tây Âu thì chưa chắc nàng biết được mặt trái của nó. Và có lẽ giờ này nàng cũng còn nằm trong cái trở lẩn quân bệnh hoạn như Cẩm Thu không biết chúng! Tuy biết vậy, nhưng nàng vẫn không nói điều đó ra với Cẩm Thu. Nàng thấy đó là việc nguy hiểm, khó nói, khó diễn tả. Chỉ có thời gian và sự thông minh nhận thức, mới đưa con người ta ra khỏi vùng tăm tối ấy.

Một buổi sáng chủ nhật. Trong một công viên đi dạo gần bờ hồ, Cẩm Thu đã kể về một vài cảnh sống ở miền Nam do tờ Nhân Dân Quận Đới Hà Nội loan tải: "Cảnh sống trong gia đình không còn bát chén để mà ăn cơm, không còn quần áo lành lặn để mà mặc. Sau ba mươi năm xâm lược miền Nam, đế quốc Mỹ đã bóc lột nữ dân miền Nam hết sức tàn nhẫn. Nhiều đồng bào ta ở không nổi với vùng Mỹ Ngụy phải trốn ra vùng giải phóng ở với mặt trận giải phóng hoặc bỏ đời ta để được sống tự do no ấm..." Nàng nghe cái giọng điệu tâm thường này nó giống y giọng điệu của mấy chục năm trước sau khi Nga Xô chiếm toàn cõi Đông Âu, mà nàng cô díp nghiên cứu ở những tờ báo cũ trong phân khoa của nàng. Rồi cô một lần Cẩm Thu đưa thư 1 buổi đang

sống ở Hải Phòng cho nàng xem. Nhà bà Diêu thẳng con - Thăng Dung - vuả hy sinh ở chiến trường miền Nam. Mà người chồng của Di, ba của Thăng Dung, nghe nói làm tới Đại tá cho cái chính quyền Mỹ Ngụy ở trong đó. Hai người đó thất lạc nhau trong mùa di cư ly loạn năm 54. Khi ấy Di vuả cô mang thăng Dung chúng 3 tháng dự định cùng xuống tàu vào Nam nhưng cô bầu mệt nhọc chường trẻ. Thế là từ ngày ấy bắt luôn tin chồng. Còn thăng Dung thì chào đời cũng chẳng thấy mặt cha và khi lớn lên thì chỉ còn cho đi bộ đội, vì cái lý lịch cha là tướng giặc thì học hành làm gì.

Rồi một lần, trong thư một người bạn quen Cẩm Thu kể lại: "Ở Hà Nội mấy ngày nay xôn xao là bà đang ở phố hàng Đào vuả nhận để mặt thẳng con trai lớn qua một tờ báo của nhà nước đăng tải. Nó là Đại úy toàn biệt kích dù của quân đội miền Nam. Bà nhớ xuồng trong đêm khi dự định đánh phá kho vũ khí lớn ở miền Thanh Hóa, và đã bị bắt. Bà đang đã mất con mắt chồng cùng trong mùa ly loạn năm 54. Khi ấy bà cũng đang dự định xuống cảng Hải Phòng cùng chồng và các con ra đi nhưng vì kẹt chồng con nhớ đang bị bệnh, bà nản lại lo thuốc thang, thế là trẻ tâu. Khi ấy thẳng con lớn bà 10 tuổi. Nay trở thành thẳng Đại úy ác ôn của chế độ miền Nam. Bà bỏ thúng bỏ gánh mấy tháng trời, mà lại lộn đi thăm con mặc cho máy thăng công An khu vực, phướng khám hãm họ dọa nạt tình mẹ cha lúc nào cũng sánh bằng non cao biển cả là như thế.

Còn nhiều câu chuyện lắm. Nàng nghe quan như cảm thấy cảnh sống VN, con người VN, cư' mỗi người, mỗi cuộc đời là một câu chuyện lòng bi thảm. Và Cẩm Thu trước mặt nàng đây cũng là một nhân vật sống trong một bi kịch đời sống.

Cứ mỗi 3 tháng Cẩm Thu hay gửi một thùng quà về cho những người bà con thân yêu của nàng ở Hà Nội. Những ngày này thì Cẩm Thu rất là bận bịu, lo sợ và cân nhắc. Vì việc gửi quà cấp không phải là điều dễ dàng nếu khi tòa Đại sứ Hà Nội ở Đông Bá Linh biết được. Và phẩm loại giá cả hàng thì còn phải hợp với cuộc sống ở miền Bắc Việt Nam. Nàng thấy nhiều lúc Cẩm Thu mua cả hàng ki giấy rửa hình để gửi về nhà. Thu than phiền ở Hà Nội giấy rửa hình khan hiếm lắm. Tiền bạc thì Cẩm Thu rất thiếu thốn. Tiêu chuẩn nhà nước mà. Nhưng nàng biết cảnh sống của bà con thân nhân miền Bắc còn khổ gấp vạn lần xứ Đông Đức này nhiều. Bởi vì còn phải lo cục muối cần hai cho đồng bào ruột thịt miền Nam! Nên nàng vẫn luôn luôn tận tiền để có tiền gửi quà cấp về. Andrea thấy thế nên nhiều lần nàng cũng mua giúp cho Cẩm Thu những món đồ để nàng gửi về mà không bao giờ lấy tiền lại. Tình bạn giữa nàng và Cẩm Thu sau 5 năm học rất là thân thiết. Họ sống như đôi tình nhân, san sẻ những nỗi vui buồn. Ở Andrea, nàng chỉ có một thú tiêu khiển nhân đạo là an ủi giúp đỡ những kẻ không cùng bị bệnh tật, chiến tranh, hay vì một chủ nghĩa nào đó. Chế độ Đông Đức là chế độ hạn chế tự do sự đi lại của người dân, chế độ không nể đỡ đi đến những nơi đói - nghèo trên thế giới để làm việc thiện nguyện. Nàng đỡ học khoa báo chí cũng vì mục đích đó. Miền sao thoát ra khỏi cái thiên đường C.S. nàng đang sống. Bị khắp nơi. Đến khắp chỗ. Thấy nhân, việc lên sự thật rồi mà c tính ra sao thì ra. Nếu cô bị nhà nước Đông Đức cho ngồi tù nàng cũng vui chịu.

Cẩm Thu trở về nước sau khi tốt nghiệp xong khoa Báo chí. Tình bạn thân thiết khi chia tay cũng bịn rịn lắm. Andrea tự lái xe đưa Cẩm Thu lên tận phi trường Đông Bá Linh - vào một buổi sáng mùa thu năm 1974 và chia tay tại đó.

Andrea kể tiếp. Đến ngày 30.4.75, khi nghe tin Chính quyền Sài Gòn thất thủ. Mỹ chạy, chế độ sụp đổ, Hà Nội thắng. Nàng lại nhớ đến

Cầm Thu và hy vọng Cầm Thu sẽ được vào Nam để nhìn tận cái tủ bàn đối truy đối nghèo mà nâng hay nguyên rủa. Năm một lần nâng đã viết thơ hỏi việc này với Cầm Thu, bây giờ Cầm Thu đang làm chủ bút cho một tờ báo nhỏ tại Hà Nội. Trong thơ hỏi ấy, Cầm Thu đã thất vọng và nói lên sự thật là: nâng đã bị lừa, nhân dân miền Bắc đã bị lừa 30 năm nay, và toàn nhân dân thế giới cũng đã bị lừa vì cái loa phát đi từ Hà Nội. Nâng viết, kính tế miền Nam rất phồn thịnh, cuộc sống sung túc, làm cho dân miền Bắc đều ngơ ngàng sau ngày 30.4.75 và đều ước mơ có cuộc sống sung túc và tự do như thế. Họ lại còn có nỗi ước mơ vô cùng phấn động là tại sao miền Bắc lại giải phóng miền Nam, mà không ngược lại là miền Nam giải phóng miền Bắc. Ông đã trẻ hết rồi trong cơn lốc thời đại!

Cái nguyên nhân chính của lý do mà Andrea muốn gặp tôi là vì sau khi được định cư tại Tây Đức gần 2 tháng, vào một buổi sáng nâng nhận được thơ Cầm Thu do một thân nhân cọt kẹt lại ở Đông Đức gửi qua. Nâng đã nghe Cầm Thu than thở. Nâng ngạc nhiên hết sức về cảnh sống hiện nay ở Hà Nội. Nâng muốn tìm hiểu xem cuộc sống ở VN hiện tại có thật sự như Cầm Thu viết không? và sau cùng lúc cũng muốn giới giúp Cầm Thu ít quà mà nâng chưa biết làm sao. Đây là thơ của Cầm Thu.

những phải ở tạm trong tòa soạn luôn, vì không có nhà ở ngoài để mà ở. Mỗi ông "xếp" viên lộ do về công mình có một cái n h à cách Hà Nội 15 cây số. Cứ thế mà sáng đặp đi, chiều đặp về. Cái gì bây giờ cũng phải lại khắc phục hết như thời chiến tranh. Có xe đạp đi làm, có nhà ở là qui rồi, còn đòi hỏi gì nữa!

Bà con nhân dân miền Bắc có con cháu tu học và học tập đi tạo ngoài Bắc này khá nhiều. Đó là những sĩ quan và những vị cao cấp trước ở miền Nam. Cảnh đảo lộn, nỗi đau xót thật vui ít mà buồn thì nhiều. Cha đày làm thư trưởng, đang viên thì con là Sĩ quan miền Nam bị cái tạo. Anh ở đây làm tướng thì em cũng làm tướng ở miền Nam giờ đang bị ngồi tù. Sau mấy năm độc lập rồi mà nhân dân còn khổ và có cơ bất mãn nổi loạn rất nhiều với chế độ.

Andrea! mình rất ngại ngại khi phải nói ra điều này. Nhưng khổ quá rồi, và lại cũng biết tâm ý của Andrea từ hồi mình còn ở bên độ Andrea mua cho mình một mớ áo thun ngắn tay, một ít sữa bột cho con nít bú và giấy xâu hình. Hy vọng nhớ những món này mình giải quyết được những khổ khăn trong gia đình ở thời gian hiện tại. Chờ con nhớ đòi bú củi hoặc hoai mình chịu không nổi. Còn mớ áo và

Sao cô cũng mạnh? Ra trường và đã công tác chưa? Công tác ở đâu? Tôi thì vẫn công tác ở trường Đại học Hà Nội như cô đã biết. Nhưng cái khác là mặc dù nước nhà đã độc lập lâu rồi mà sao đời sống vẫn còn khác h h ở hoài!

Tôi, nhà tôi và 2 cô con gái ở trong một căn nhà 12 m<sup>2</sup> tại Hà Nội. Chất cuộc không thể tả được. Nhà nước không thể giải quyết một cái nhà khác cho tôi được thành ra 2 cô gái củi la ở tôi ngày về nóng nực và chật chội. Lại còn một điều khác khác thật khổ sở vô cùng từ 2 cô con gái của tôi. Từ sau ngày độc lập rồi, những cái loại áo quần màu sắc sặc sỡ ở miền Nam bỗng dưng tràn ngập thị trường chợ đen, đường phố miền Bắc. Đi thôi thì có cầu lâu nay không có, thiếu thốn cũng bắt đầu dần dần biến. Hai cô con gái nhà tôi cũng bị lừa vào làn sóng đỏ. Nó đòi hỏi ở tôi và mẹ nó đủ thứ, từ tiền bạc đến vải vóc. Nó n à o biết cho tôi khổ sở lắm bẻ. Làm chonhà nước đủ để ăn để mặc cho nó đi ăn đi mặc mà lo tiền nghĩ vật chất cho chúng. Nhà nước vẫn luôn than nghèo than đói mà bọn chúng như không nghe không biết. Đại khái cảnh sống gia đình là như vậy đó, còn về ngoài xã hội thì chắc Cầm Thu cũng đã kể cho Andrea nghe rồi. Tôi cũng không muốn kể về nó nữa. Thời cháu cô và gia đình vui mạnh.

Thân mến,  
TRẦN HUY LẠC



Hà Nội, ngày 2.6.....

Andrea yêu mến!  
Lâu rồi không có viết thơ cho Andrea! Vì sao? Chắc Andrea cũng biết! Cuộc sống này nghèo đói quá, rồi loạn quá, bắt buộc người ta chỉ còn nghĩ đến việc tìm ăn chứ không còn nghĩ đến những hoạt động nào khác, dẫu chỉ là tình thân bạn bè. Mong Andrea hiểu cho mình!

Thơ trước mình đã kể cho Andrea nghe rồi. Ở nước nhà vừa độc lập xong, nhưng những xã hội và nghèo đói vẫn còn đeo đuổi không biết đến bao giờ. Nhất là ở miền Bắc này chắc nỡ dân sẽ còn phải chịu khổ lâu dài.

Mình đã có chồng. Chồng mình cũng làm chung trong một tờ báo. Một tháng nay mình được nghỉ làm vì đẻ sanh đứa con gái đầu lòng. Con mình đói mà mình thì không đủ sữa cho nó bú nên nó cứ la khóc tối ngày. Ở đây bây giờ không còn sữa cho trẻ con, mình chỉ cho nó nước cháo khi nó đói. Thậm chí không có đủ cái đường để thêm chút vị ngọt khi muốn cho con bú. Mình lớn rồi mình nhìn ăn nhìn mặc cũng được. Con nít nó còn nhớ quá cứ đòi ăn là la khóc tối ngày. Mình cũng không biết đường sữa đã biến đi đâu hết rồi. Còn nói đòi sữa đường quân áo ngoài chợ đen thì chả bao giờ mình dám nghĩ tới vì giá cao lắm!

Vợ chồng mình làm cho tờ báo tại Hà Nội.

giấy sẽ bán cho đến để kiểm tiền ăn trong những ngày tháng năm đường vì sanh sản. An uống thuốc thốn mình có cơ bệnh lam trong này mai.

Cuộc sống ở Đông Đức bây giờ chắc như lúc mình ở. Cuộc sống ở đây mà được như ở Đông Đức thì dân cũng đủ quá rồi. Cũng là xã C.S mà sao nước mình kém cỏi quá! Hết thì hết tranh rồi mà người ta cứ đổ thừa Mỹ Ngụy hoài. Họ càng nói chỉ càng lời cái giờ của họ thôi.

Gia đình Andrea cũng mạnh hả? Cho mình gửi lời thăm hết trong gia đình. Bao giờ lập gia đình Andrea cho mình biết để mình vui lây. Cuối thơ chúc Andrea mạnh khỏe!

Thân ái  
TRẦN CẦM THU

TE. Viết thơ cho mình bằng tiếng Đức thì tốt nhất. Còn đây là thơ ông chú mình. Ông giáo sư trường Đại học Hà Nội mà hồi trước khi còn học bên đó mình có giới thiệu với Andrea, trong một lần ông đi tham quan các Đại học ở Đông Đức.

Hà Nội, ngày 2.6.....

Andrea mến!  
Nhân dịp ghé thăm nhà Cầm Thu, thì gặp Cầm Thu đang viết thư cho Andrea. Tôi cũng vội viết vài hàng để thăm cô.

Đọc xong? là thư rồi mà tôi biết chử rằng Andrea vẫn chưa hiểu nổi những điều công sâu kín nhất của dân tộc tôi hôm nay. Còn từ tôi còn thanh trung, còn cái tạo, còn xam lãng. Những điều trong thơ chỉ gây ngạc nhiên nâng có một, thì những điều thật sự hiện nay tại quê nhà sẽ làm nâng ngạc nhiên đến vạn ngàn lần. Cầm Thu và ông giáo sư Lạc có dám nói tất cả nỗi lòng mình ra đâu. Tức giận là thì họ cũng chỉ có dám nói lên ngón ấy thôi. Vì cái tủ, cái thanh trung, rồi hạt cơm miếng muối là những điều họ phải luôn luôn canh giã, bận tâm suy nghĩ trong xã hội này.

Andrea cho tôi biết nâng không thể tưởng tượng như vậy được. Một ông giáo sư Đại học Hà Nội cùng gia đình mà chỗ ở trong cái nhà có 12 m<sup>2</sup>. Rồi cầu tiêu đâu? Bếp núc đâu?... Xã hội không có sữa, không đủ đường, nhà cửa không có! Tôi trả lời cho nâng biết đó là sự thật ở miền Bắc hiện nay, và vì thế mà các ông đảng viên cán bộ cao cấp đang tranh giành từng miếng đường miếng sữa và nhấc nhà sang trong của miền Nam bằng chiêu bài cho dân đi Vũng Kinh Tế mới. Tất cả đó là sự thật mà hiện nay người đến Âu Châu còn mơ mộng tưởng tượng như đi giữa cơn mộng du. Rồi tôi làm nhảm tự nói một mình, có Cầm Thu đi Ông Lạc đi! Chúng ta tất cả chỉ là nannhân cho một số người bịp bợm. Giỏi có trách có than thì cũng chỉ phải bắt đầu lại từ con số 0 mà thôi. Với hy vọng ở giống lịch sử hào hùng của dân tộc mình, chúng ta sẽ phải lại cũng nắm chặt lấy tay nhau để gây nên một lần giống bão lớn, quét trôi sạch hết lũ nợ bịp bợm ấy, thì Việt Nam tự đây sẽ mới có cơ mang bắt đầu và mãi mãi sống trong những ngày an lạc.

Sau khi trả lời cách thức thủ tục gửi hàng về VN cho Andrea xong, tôi tự gia nâng rave. Đến cửa, nâng nói với tôi lời sau cùng mà tôi thấy thấm thía vô cùng: "Khi đã biết C.S. thì đã muộn rồi". Có lẽ đó cũng là lý do mà nâng đã cũng 60 người dân Đông Đức đã can đ ả m lao vào tòa Đại sứ Tây Đức tại Praha, để bằng mọi cách thoát ra khỏi ách C.S. mà tìm đến những vùng đất có tự do có tình người thật sự.

VUU NAM

Vào ngày 12.11.1985, một phái đoàn Việt Nam do Ông Vũ Ngọc Yên, (Trung tâm Độc Lập) hướng dẫn đã chính thức tham Quốc Hội Âu Châu trụ sở tại Strasbourg (Pháp) để tường trình về những vấn đề Nhân Quyền, tự do tôn giáo ở Việt Nam cũng như tình trạng hồi nhập xã hội của người tị nạn trong các quốc gia hội viên của Cộng Đồng Âu Châu (EG).

Thành phần phái đoàn gồm có Đại Đức Thích Như Biện, Chi Bộ Trưởng của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (Đức), Ông Ngô Ngọc Diệp Hội Trưởng Hội Phật Tử Việt Nam Tị Nạn tại Đức, luật sư Trần Thanh Hiệp, Chủ tịch Trung Tâm Văn Bản Việt Nam Hải Ngoại (Pháp), tiến sĩ Nguyễn Quốc Khánh, Chủ tịch Hội Công Giáo Việt Nam tại Đức, bác sĩ Nguyễn Văn Thế (người Việt tị nạn tại Hoa Lan), Ông Dương Hồng - Trạch, Đại diện bộ biên tập Nguyệt San Độc Lập, Ông Phan Phúc Vinh Trung Tâm Trưởng Trung tâm Tường Trờ Nhà Việt Nam (Bà Linh), Ông Nguyễn Tiến Hội (Trung Tâm Độc Lập), Tại Quốc Hội, phái đoàn đã được Ông S. Alber, Phó chủ tịch Quốc Hội và dân biểu H.-J. Zahorka chào mừng và tiếp chuyện. Ông Phó chủ tịch Quốc Hội Alber tuyên bố rất lấy làm vinh hạnh lần đầu tiên được đón tiếp một phái đoàn người Việt tị nạn tham Quốc Hội để nghe tường thuật về những vấn đề nóng bỏng. Ông nhấn mạnh là các chính phủ trong khối Cộng Đồng Âu Châu đã không làm ngơ trước thảm cảnh của thuyền nhân Việt Nam cũng như không im lặng trước những chính sách chặ đặ quyền làm người và quyền tự do tín ngưỡng của chính quyền Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Ông đã dẫn chứng là chính phủ các nước Tây Âu hiện vẫn tiếp tục chương trình thu nhận người tị nạn và ủng hộ các chiến dịch cứu nguy người vượt biển cũng như Quốc Hội đã ra một nghị quyết kết án hành động bắt nhân của Cộng Sản trong vụ x'5 chiến sĩ không chiến ở Sài Gòn vào cuối năm 1984.

Dân biểu Zahorka thuộc khối Dân Chủ Thiên Chúa Giáo đã giải thích thêm về mục tiêu của chính sách Đông Nam Á của Cộng Đồng Âu Châu là nhằm thúc đẩy tiến trình hòa bình và tự do cho các quốc gia Đông Dương, chính vì vậy khối Cộng Đồng Âu Châu đã luôn luôn ủng hộ những nghị quyết của Liên Hiệp Quốc và của Hiệp Hội Các Quốc Gia Đông Nam Á (ASEAN) đòi hỏi Cộng Sản Việt Nam phải rút quân khỏi Cam Bốt và tôn trọng quyền tự quyết và tự do của nhân dân trong bán đảo Đông Dương. Dân biểu Zahorka cho biết Tây Âu mong muốn - Đông Dương tương lai phải là một khu vực hòa bình trong tự do. Riêng đối với tập thể người Việt tại Âu Châu, dân biểu Zahorka mong muốn nhận được một sự hợp tác mật thiết và cho biết một số dân biểu Quốc Hội Âu Châu đã có ý định: thành lập một phái đoàn đến thăm các cơ sở văn hóa, xã hội và chính trị của người Việt - tại Âu Châu; tổ chức một cuộc hội thảo bán toàn quốc về vấn đề Đông Dương; đề nghị Quốc Hội Âu Châu triệu tập một phiên họp khẩn thảo luận về chính sách tôn giáo của nhà cầm quyền CSVN; kêu gọi các chính phủ trong khối Cộng-Đông Âu Châu gia tăng các biện pháp giúp đỡ người Việt tị nạn ở các quốc gia Đông Nam Á và Âu Châu.

Sau phần phát biểu của dân biểu Zahorka, phái đoàn Việt Nam đã lần lượt trình bày về những dự kiện, liên hệ đến nhân quyền, tôn giáo và tị nạn, đồng thời tuyên bố sẵn sàng ủng hộ những đề nghị cụ thể của dân biểu Zahorka. Luật sư Trần Thanh Hiệp với tư cách Chủ tịch Trung Tâm Văn Bản Việt Nam (Hải Ngoại) kêu gọi Quốc Hội Âu Châu nên có thái độ tích cực hơn nữa trong việc đòi hỏi CSVN - phải phóng thích các vị lãnh đạo tôn giáo, giới văn nghệ sĩ và tù nhân chính trị hiện đang bị giam giữ trong các trại học tập cải tạo. Bà ban danh sách các tu sĩ Phật giáo, tu sĩ Công giáo và giới cầm bút do Hội Phật Tử Tị Nạn, Hội Công Giáo Việt Nam tại Âu Châu thực hiện được Đại Đức Thích Như Biện và tiến sĩ Nguyễn Quốc Khánh trực tiếp trao cho quý vị dân biểu với lời yêu cầu xin được phổ biến rộng rãi trong Quốc Hội. Ngoài ra một tập tài liệu liên hệ đến những vi phạm nhân quyền, hiện tình Giáo Hội Công Giáo VN và tình trạng người Việt tị nạn trong các quốc gia của khối Cộng Đồng Âu Châu do Trung Tâm Độc Lập soạn thảo cũng đã được phân phối trong buổi thảo luận.

Trước khi kết thúc buổi thảo luận, Ông Phan Phúc Vinh đã thay mặt phái đoàn cảm ơn sự tiếp đón nhiệt tình của các vị dân biểu và tuyên bố buổi tường trình này là bước đầu cho một giai đoạn liên hệ mới giữa cộng đồng người Việt tị nạn tại Âu Châu và Quốc Hội.

Quốc Hội Âu Châu hiện có 434 dân biểu của 10 nước Cộng Đồng Âu Châu trong 8 khối với 7 ngôn ngữ khác nhau. Trong tương lai, Quốc Hội sẽ có thêm dân biểu của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha là 2 nước sẽ chính thức gia nhập Cộng Đồng Âu Châu từ 1.01.1986.

Một buổi lễ chung giữa các tín đồ Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo đã được diễn ra một cách trang nghiêm thanh tịnh tại nhà thờ giáo xứ St. Leonhard Frankfurt vào ngày 23 tháng 11 vừa qua dưới sự hướng dẫn tinh thần của Đại Đức Thích Như Biện và Linh Mục Tiến Sĩ Huỳnh Văn Lộ. Đồng bào khắp nơi từ Frankfurt, Wiesbaden, Hanau, Saarbrücken và vùng phụ cận kéo về tham dự lễ, chất ních hóa giáo đường. Có khoảng hơn 300 người về tham dự lễ. Đầu tiên cả đoàn đã hát những bài ca tụng Chúa; những bài Thánh ca và những bài về quê hương và giáo hội lần trong tiếng kính cầu, nghe cảm động làm sao. Sau đó cả đoàn cùng đã hát bài Phật Giáo Việt Nam và Trăm Năm Đồi trong nghi lễ cầu siêu của Phật Giáo. Gần 2 tiếng

Vào lúc 11 giờ ngày 2 tháng 11 năm 1985 vừa qua, Đại Đức Thích Minh Phú đã tổ chức một buổi lễ Phật cho đồng bào Phật tử tại Düssel - dorff và vùng phụ cận. Phái chủ Tăng có Thượng Tọa Abhinyana, Đại Đức Thích Như Biện, Đại Đức Thích Minh Phú, Ni Cô Diệu Ân, Ni Cô Diệu Hạnh và Ni Cô Minh Loan đến chứng minh và có trên 100 Phật tử về tham dự buổi lễ.

Sau phần nghi lễ cầu an cùng vía, Đại Đức Thích Như Biện đã thuyết giảng về "Hạnh nguyện độ sanh của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát" và hướng Tọa Abhinyana cũng đã có vài lời với đồng bào Phật tử hiện diện. Sau buổi cơm trưa, tất cả mọi người tập trung tại Hội Trường Döngge Đại Đức Thích Minh Phú và Cô Diệu Ân trình bày về nhu cầu thành lập một Phật Đường tại Düsseldorf cho Tiểu Bang Nordrhein - Westfalen. Sau một hồi thảo luận, mọi người đã hăng hái đồng góp 1 số tiền tài bất thường và một số cúng dường định kỳ để thuê mướn một nơi để làm Niệm Phật Đường. Đại Đức Thích Minh Phú đang trăn trở vận động để thành lập. Sau đó là phần văn nghệ giúp vui của Gĩa Đình Phật Tử Khánh Hòa.

Sau khi dự lễ tại Düsseldorf, Thượng Tọa Abhinyana và Ni Cô Diệu Ân đã cùng Đại Đức Trụ trì chùa Viên Giác và quý Phật tử về lại Hannover để ngày hôm sau chứng minh lễ thể phác xuất gia cho hai Phật tử Thiên Thành Phan Thanh Tâm và Thiên Phước Trân Thế Hiệp. Thượng Tọa là người Anh. Sinh quán tại tỉnh Liverpool. 15 năm trước đã xuất gia tại Miền Bắc, sau đó chu du đồ dầy các nước Á Châu để học đạo. 5 năm gần đây nhất, Thượng Tọa đã đến tạm cư tại Palawan và Palanan ở Phi Luật Tân để giúp người tị nạn Việt Nam về lãnh vực tinh thần. Trên đường đi thăm các trại tị nạn Việt Nam tại Hồng Kông, Thái Lan và các nước Đông Nam Á Châu, Thượng Tọa có về Mỹ 01 thời gian tại Phật Học Viện Quốc Tế của Thượng Tọa Thích Đức Niệm và có đi hoàng pháp một số cơ sở chùa Việt Nam khắp các tiểu bang trên nước Hoa Kỳ. Kể đến, Thượng Tọa sang thăm các nước Á Châu. Tọa đó có Tây Đức, Anh, Pháp, Hòa Lan, Đan Mạch và Na Uy v.v... đi đến đâu Thượng Tọa cũng được các Phật tử nhiệt liệt chào mừng, nhất là những người đã quen biết Thượng Tọa từ Phi Luật Tân.

Ngày 3 tháng 11 năm 1985 chánh điện chùa Viên Giác đồng nghेत cả người. Có người bảo gần giống lễ Vu Lan hồi tháng 8 vừa qua; nhưng không; đây là buổi lễ xuất gia thôi. Có một số quý Đạo Hữu và quý Phật tử trong Ban Chấp Hành Hội Phật Tử Việt Nam Tị Nạn tại Tây Đức về chùa dự phiên họp ngày hôm trước, bàn về lễ Phật Đản cho năm 1986 cũng như kiểm điểm những thành quả đã gặt hái được trong thời gian qua, cũng ở lại dự lễ xuất gia. Có người đến từ Berlin, từ Saarbrücken - chen, từ Hamburg và từ nhiều nơi khác nhau trên nước Đức. Về phía chủ Tăng có Thượng Tọa Abhinyana, Đại Đức Thích Như Biện, Đại Đức Thích Minh Phú, Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm, Ni Cô Diệu Ân, Ni Cô Diệu Hạnh và Ni Cô Trí Đạo. Muốn biết thêm về buổi lễ diễn tiến như thế nào, xin xem phần HOA SEN CHUA VIEN GIAC trong số này để rõ.

Vào ngày 8 tháng 11 có khoảng hơn 40 đồng bào lớn tuổi, Phật tử cũng như không Phật tử, nhân việc nghỉ dưỡng sức tại Münden do tổ chức VIPI và Hồng Tháp Tự Donemus qua anh Đỗ Đăng Đạo hướng dẫn về chùa. Sau buổi lễ Phật cầu nguyện, mọi người đã dùng bữa cơm chay thân mật và đàm đạo với nhau trong bầu không khí cởi mở, vui vẻ.

Hội người Việt tị nạn tại Wiesbaden lâu nay có tiếng là hoạt động thể thao rất sôi nổi; nhưng về lãnh vực tinh thần thì chưa có tổ chức được một buổi lễ Phật nào cho đồng bào tham dự cả. Nên Hội đã quyết định mời đồng bào Phật tử quanh vùng về tham dự buổi lễ Phật Đản tiên tại địa phương vào ngày 9.11.85 vừa qua. Đại Đức Thích Như Biện và Anh Thị Chấn Ngạc Diệp, hội trưởng Hội Phật tử VN Tị Nạn tại Tây Đức cũng một số quý Phật tử từ Hannover cũng hiện diện trong buổi lễ hôm đó. Sau phần nghi lễ là phần thuyết giảng về giáo lý. Sau đó đồng bào đã dùng cơm chay thân mật tại phòng hội. Có hơn 80 Phật tử về tham dự lễ này. Hội cũng đã lấy một "Texmin" cho tháng 4 và tháng 10 năm 1986 để đồng bào quanh vùng có cơ hội gặp gỡ lại.

Ngày 12 tháng 11 vừa qua Đại Đức Chi Bộ Trưởng và Anh Hội Trưởng Hội Phật Tử Việt Nam Tị Nạn tại Tây Đức đã có một tại trụ sở của Quốc Hội Âu Châu Strasbourg cùng với Anh Vũ Ngọc Yên Trung Tâm Trưởng Trung Tâm Độc Lập và một số quý vị Đại Diện các tổ chức, các phái đoàn Việt Nam tại Âu Châu để tham dự một cuộc họp mật bàn về vấn đề Nhân Quyền cũng như Tôn Giáo tại Việt Nam. Sau đây là bản tin đặc biệt của Nguyệt San Độc Lập viết về vấn đề ấy.

đồng hồ dự lễ; những cơ giáo đường không một tiếng đồng minh điện ra. Ai này cũng chú tâm lắng lòng dâng trọn lời cầu nguyện của mình về quê hương, tình người và Tổ Quốc. Đặc biệt câu siêu chơngh người đã ra đi vĩnh viễn sau 10 năm quê hương chúng ta không còn tự do, hạnh phúc nữa. Đại diện Hội Phật Tử Việt Nam tự nạn tại Tây Đức và Đại Diện các tổ chức của người Việt tự nạn đều hiện diện trong buổi lễ hôm ấy.

Sau phần lễ, là buổi cơm chay, mãn thân mật do Caritas Frankfurt khoản đãi đồng bào dưới sự lo lắng giúp đỡ của Bà Bùi và theo như lời đề nghị của đồng bào, mỗi năm tại địa phương này sẽ có 1 buổi lễ tương tự như vậy.

Vào lúc 10 giờ sáng ngày 30 tháng 11 năm 1985 tại Freiburg có một buổi lễ Phật Đản kỷ. Mặc dầu thời tiết xấu; nhưng cũng đã có nhiều Phật Tử quanh vùng về tham dự lễ. Đại Đức Thích Như Điển chủ Thiện Phước đã về đây tham dự lễ này.

Ngày 8 tháng 12 năm 1985 vừa qua, Đại Đức Thích Như Điển, chủ Thiện Sơn, chủ Thiện Thành và chủ Thiện Phước cũng như Đại Diện của Hội Phật Tử Việt Nam tự nạn tại Tây Đức: cô anh Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp và một vài Phật Tử khác đã từ Hannover về Bâ Linh để dự buổi lễ Phật Đản kỷ và họp với Chi Hội Phật Tử Việt Nam tự nạn tại Bâ Linh.

Hôm đó có rất đông đồng bào Phật Tử về tham dự lễ. Điều ấy đã nói lên được sự nhất thống giáo lý Phật Đà của đồng bào Phật Tử tại địa phương này.

Tại trại tỵ nạn cư Norddeich cứ 3 tháng một lần có một buổi lễ Phật Đản kỷ cho đồng bào ở đây do ông Roman và anh Ngô Vĩnh Phúc tổ chức. Buổi lễ đã quy tụ một số đồng Phật Tử trong trại. Sau phần nghi lễ cầu an là phần thuyết giảng giáo lý của Đại Đức Thích Như Điển.

### CHƯƠNG TRÌNH SINH HOẠT THÁNG 1 VÀ THÁNG 2 NĂM 1986 CỦA CHÙA VIÊN GIÁC TẠI HANNOVER

- Ngày 5 tháng 1 năm 1986 có buổi lễ Phật Đản kỷ tại chùa Viên Giác lúc 11 giờ.
- Ngày 19 tháng 1 năm 1986 có buổi lễ Phật Đản kỷ tại chùa VG
- Ngày 25 tháng 1 năm 1986 có buổi họp với Chi Hội Phật Tử Việt Nam tự nạn tại Hamburg.
- Ngày 26 tháng 1 năm 1986 có buổi lễ Phật tại Tịnh Thất Bảo An của Sư Thích Nữ Diệu Tâm tại Hamburg, Đại Đức Thích Như Điển sẽ về tham dự buổi lễ này.
- Ngày 1 tháng 2 năm 1986 sẽ có buổi nói chuyện tại Münster với đồng bào Phật Tử cũng như không Phật Tử nhân dịp Hội ở đây tổ chức mừng Tết Nguyên Đán năm Bính Dần.
- Vào lúc 8 giờ tối ngày 8 tháng 2 năm 1986 (tối thứ bảy) có buổi lễ Sám Hối tất niên tại chùa Viên Giác Hannover. 12 giờ khuya sáng ngày sẽ có buổi lễ đón giao thừa, chúc Tết, phát lộc và lễ xê nôm mới. Tết Bính Dần sang năm nhâm vào ngày cuối tuần nên kính mong quý vị về chùa tham gia đồng dự lễ chúc Tết cho nhau và thưởng thức những hương vị quê hương nhân ngày Tết.
- Ngày 9.2.86 tức mồng 1 Tết có lễ cầu quốc thái dân an vào buổi sáng. Ngày mồng 2 có lễ cầu an vào ngày mồng 3 tức 11 tháng 2 năm 1986 có lễ tụng kinh Pháp Hoa suốt ngày để cầu nguyện việc xây dựng ngôi chùa Viên Giác tại Tây Đức chóng được thành tựu.
- Ngày 16 tháng 2 năm 86 có buổi lễ Phật Đản kỷ tại chùa.
- Ngày 23 tháng 2 năm 86 (nhằm ngày chủ nhật) chùa sẽ cúng rằm tháng Giêng và dâng sớ cầu an, những sao giải hạn cho các Phật Tử xa gần.

# Thông báo

Sau khi dự buổi lễ đặt tên cho ngôi chùa mới tại München vào ngày 26 tháng 10 vừa qua, Đại Đức Trụ Trì chùa Viên Giác và Đại Diện của Hội Phật Tử Việt Nam tự nạn tại Tây Đức đã về lại Sindelfingen để dự một buổi lễ Phật và bầu thành phần Ban Chấp Hành của Chi Hội Phật Tử Việt Nam tự nạn tại Stuttgart và vùng phụ cận vào ngày 27.10.1985. Thành phần Ban Chấp Hành gồm có:

Chủ Hội Trưởng : Đạo Hữu Viên Kim Huy (Sindelfingen)  
 Phó Chủ Hội Trưởng : Đạo Hữu Huỳnh Trạnh Toàn (Sindelfingen)  
 Thủ tịch : Phật Tử Thiện Nguyễn Nguyễn Hùng Sơn (Stuttgart)  
 Thủ quỹ : PT Nguyễn Hữu Diệu (Stuttgart)  
 Ủy viên sinh hoạt Phật tử: DH Nguyễn Hữu Diệu (Sindelfingen)

- và các Ủy viên thông tin Liên Lạc vùng như sau:
- Tại Stuttgart : PT Nguyễn Hữu Diệu
  - " Reutlingen : DH Trần Văn Huyền
  - " Landstuhl : DH Lý Duy Bản
  - " Plattenhardt : DH Nguyễn Minh Trị
  - " Pehnhausen : DH Nguyễn Hữu Đức
  - " Filderstadt : DH Lâm Minh Đức

Ngoài ra còn có các ban do các Đạo Hữu Phật Tử sau đây đảm trách

- Ban Tường Tế : DH Nguyễn Hữu Kiêm
- Ban Văn Nghệ : PT Viên Giang Hà
- Ban Thể Thao : PT Huỳnh Trạnh Việt

Mọi sự liên lạc xin quý vị Phật Tử địa phương thư về Đạo Hữu Viên Kim Huy - Sommerhofenstr. 238, 7032 Sindelfingen.

Trung Tâm Phật lập tại Reinsburgstr. 56, 7000 Stuttgart 1 vừa ra một ấn phẩm mới. Đó là tập "Dân Ca Việt Nam" (Vietnameseische - Volkslieder) bằng 2 thứ tiếng Việt và Đức. Giá phát hành là 5 Đức Mã kể cả cước phí bưu điện. Quý vị nào muốn có sách, xin thư về địa chỉ trên.

Trong thời gian vừa qua chùa cổ phát hành về số để sung vào ngân quỹ xây chùa Viên Giác, đã được quý Phật Tử tại các địa phương ủng hộ và mong rằng quý vị ủng hộ mạnh mẽ hơn nữa để ngôi chùa Viên Giác tại Tây Đức sẽ có đủ tiền mua đất vào sau mùa Phật Đản 2.530 năm tới. Ngày xê số là ngày 10 tháng 5 năm 1986 tại chùa Viên Giác Hannover.

Quý Phật Tử đại diện cho chùa, đi phát hành về số tại địa phương mình, sau khi đã phát hành xong, xin gửi công về số lại chùa và số tiền phát hành được xin chuyển vào 1 trong 2 sốkonto sau đây. Xin thành thật cảm ơn quý vị trước. Deutsche Bank Hannover Chùa Viên Giác Konto Nr. 8650228. Hoce Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche Konto Nr. 8657470 - Blz. 250 700 70. Hạn chót để hoàn lại các về số là ngày 15 tháng 4 năm 1986. Nếu quý vị nào không phát hành được nhiều, cũng xin cho chùa biết trước, để tính liệu.

Có một số quý Đạo Hữu và quý Phật Tử trong thời gian qua đã hiến cúng xây chùa Viên Giác; đã ký tên vào số vàng những chùa chuyển tiền về chùa. Kính mong quý vị hoàn kỳ phát tâm chuyển vào 2 sốkonto trên, để sau mùa Phật Đản năm 1986 là chùa có đủ tiền để mua đất. Xin thành thật tri ân quý vị.

Đại lễ Phật Đản năm 2530 (1986) sẽ được tổ chức tại Hannover vào những ngày 9, 10 và 11 tháng 5 năm 1986 (thứ sáu, thứ bảy và chủ nhật) và Đại lễ Vu Lan sẽ được tổ chức vào những ngày 22, 23 và 24 tháng 8 năm 1986.

Ngày nhập hạ mùa An Cư năm 1986 là ngày 24 tháng 5 (tức 16.4 Bính Dần) và ngày ra hạ nhằm ngày 20 tháng 8 (tức 15.7 âm lịch). Trong mùa An Cư Kiết Hạ năm 1986 sẽ có 2 khóa giáo lý 2 và 1. Khóa 2 dành cho những người đã học và thi đủ điểm trung bình năm 1985. Khóa 1 dành cho những người mới bắt đầu. Khóa 2 được phép học vào ngày 26 tháng 7 và chấm dứt vào ngày 3 tháng 8 năm 1986. Khóa 1 được bắt đầu vào ngày 4 tháng 8 và chấm dứt vào 10 tháng 8 năm 1986. Cả 2 khóa giáo lý trên đây sẽ được quý Đại Đức Thích Như Điển, Đại Đức Thích Như Chơn, Đại Đức Thích Thiện Huệ, Đại Đức Thích Minh Thân và Đại Đức Thích Minh Phú hướng dẫn. Quý vị nào muốn tham gia những khóa học trên, công đức thật vô lượng vô biên.

Mỗi năm chùa Viên Giác tại Hannover và chùa Khánh An tại Paris có phát hành 2 loại lịch treo tường gỗ tùng ngày và lịch tư vì coi tuổi trọn năm, có đủ cả ngày âm dương, tốt xấu v.v... và các thiệp chúc Giáng Sinh, chúc Tết v.v... Quý vị nào muốn thỉnh, xin liên lạc về chùa. Thiệp chúc Tết đã có tại chùa; nhưng 2 loại lịch trên sẽ bắt đầu phát hành từ cuối tháng 12 năm 1985 trở đi. Tuy nhiên cho quý vị nên biên thư về chùa trước để đặt lịch, sau đó chúng tôi sẽ gửi đến quý vị. Vì giá giấy thay đổi; nên năm nay giá biểu cũng thay đổi như sau:

|                 |                                     |            |
|-----------------|-------------------------------------|------------|
| Lịch treo tường | : 17 DM và tiền gửi 3 DM            | = 20,00 DM |
| Lịch tư vì      | : 17 DM và tiền gửi 1,80 DM         | = 18,80 DM |
| Thiệp chúc Tết  | : loại 6 cái 10 DM chùa kể tiền gửi |            |
| " " "           | : loại 2 cái 3 DM " " " "           |            |

Việc đi Mỹ để hành hương và thăm thân nhân sẽ được thực hiện vào ngày 1.3.86 và về lại Đức vào ngày 22.3.86. Địa điểm đi, về là phi trường Amsterdam Hòa Lan. Việc đi chuyển đến địa điểm trên do chính người đi tự lo. Giá vé khứ hồi Amsterdam-Los Angeles 1.460 DM của hãng KLM chỉ là tiền về. Tiền ăn ở trong 3 tuần lễ chính người đi phải tự túc. Vì chùa bên Mỹ không có đầy đủ phương tiện để giúp cho quý vị ở lại suốt 3 tuần trong thời gian trên; nên quý vị có thể ở lại khách sạn. Thủ tục này hàng du lịch tại Đức sẽ lo đầy đủ cho quý vị. Chùa sẽ gửi đến quý vị trong tháng 12 này những giấy tờ liên hệ. Chùa chỉ lo phương tiện đi hành hương hai ngày gồm 10 chùa tại Los Angeles. Ngoài ra là giới tự do của quý vị. Nếu quý vị nào muốn đi, điều đầu tiên xin gửi thư hoặc gọi điện thoại về chùa để ghi tên, địa chỉ và số điện thoại của quý vị là

đủ. Sau đó chùa gửi hồ sơ đến quý vị điền vào, ký tên, gửi trả lại chùa cùng Passport và bản phụ đã chuyển tiền mua vé máy bay vào những Konto của chùa ở trên. Sau đó chùa sẽ lo Visa nhập nội cho quý vị. Hạn chót nộp đơn là 15 tháng 1 năm 1986. Passport chỉ được trả lại khi nào đã xin được chiếu khân. Nếu muốn hiểu rõ ràng hơn xin liên lạc về chùa bằng điện thoại. Xin cảm ơn quý vị.

Thư Viện Trung Tâm Văn Hóa thuộc chùa Viên Giác tại Hannover có hơn 1.000 sách tiếng Việt về các bộ môn Tôn Giáo, Văn Học, ngôn ngữ, triết học, kinh điển, xã hội, giáo dục v.v.. quý vị nào muốn mượn những sách trên, xin gửi về chùa một con tem 1,70DM, chùa sẽ gửi toàn bộ thủ tục và điều kiện mượn sách đến quý vị.

Khi gửi trả sách, quý vị nhớ gói kỹ cho, không nên dùng giấy báo để gói sách, khiến bưu điện dễ làm hư.

Quý vị nào thay đổi chỗ ở, xin ghi rõ tên họ và địa chỉ cũ lẫn địa chỉ mới để văn phòng điều chỉnh hồ sơ của quý vị.

Chùa Phổ Quang tại 2 Albert St. North Perth WA 6000 Australia. Tel 09-328 8331 dưới sự lãnh đạo tinh thần của Đại Đức Thích Phước Nhơn cũng đang vận động xây dựng một ngôi chùa Việt Nam thực thụ tại Tây Úc. Vội mọi sự hy vọng vào vấn đề này. Xin quý vị liên lạc về địa chỉ trên.

## Nhắn tin

- Năm 1979 Cô Hai ở đảo Buton Indonesia có 3 người con gái. Có nhận đờ đầu cho một đứa bé sinh thiếu tháng tên là Thiên Dung. Nghe nói cô đã sang Tây Đức. Hiện ở đâu, xin thư về: QUỐC VINH BANH Oxxogaatan 17D 3tr, 64200 Flen, SWEDEN để biết tin.

- Chị Ngô Thị Hạnh và 2 cháu Trưởng Thị Mỹ Hương và Trèo, vượt biển năm 1980 được tàu Hòa Lan vớt rồi đưa vào Manila. Sau đó được chuyển xuống Palawan. Nghe tin chị định cư tại Hòa Lan năm 1981. Chị đang ở vùng nào, xin liên lạc về em để biết tin. TRẦN THANH - SANG - Herzbrockerstr. 136, 4830 Gütersloh 1. Tây Đức. Tel. 05241 - 29071.

- Quý vị nào ở Đức muốn tìm hiểu về Thiên của Pháp Lý Vô Vi khoa Học Huyền Bí, xin liên lạc về Ông Đoàn Văn Thuận tại Thiên Đường Gießen theo địa chỉ sau đây: Kropbacher Weg 29B, 6300 Gießen.

- Bạn Nguyễn Tử Văn phụ trách mục Thiếu Nhi vì làm thất lạc địa chỉ của em Cao Hùng Cường tại Niedelbach, nên không thể hồi âm thư riêng cho em được. Mong em viết thư liên lạc trực tiếp ở địa chỉ: Brühlstr. 13, 7413 Gomaringen, để được hồi âm.

## Cảm tạ

Trong thời gian qua chùa Viên Giác đã nhận được các tạp chí và kính sách của các chùa và các Hội Đoàn gửi tặng. Chúng tôi xin thành thật cảm ơn nhiều và xin trân trọng giới thiệu đến các độc giả xa gần:

Tại Đức: Hằng Non số 15; Việt Nam Điện Báo số 2, 3; Dialog 2 Ba Vì số 1 của Đ. Nguyễn Tiến Hối; Vietnamesische Volkslieder - Dân Ca VN Trung Tâm Đức Lập; Rắc Cảnh Hoa Thờ của Đ. Tôn Nữ Chung Anh; Dân Chúa Âu Châu số 43; Fluchtlinge; Đức Lập số 10 và 11/85; E+Z; Hồn Việt số tháng 10+11/85; Chư Kính Nhứt Tạng - Thư Xã Tứ Bi Âm; Nấu ăn chay; Luân Hồi du ký; Viên Đông số 6.

Tại Pháp: Lối Chùa số 62, 63; Ái Hữu số 52; Thiên qua tranh chân trâu Nguồn Thiên; Kinh Kim Cang; Kinh Dược Sư, Sám Đức Sư - Chùa Khánh Anh; Chiến Hữu số 27; Quê Mẹ số 68; Trâu Giỏi Tiếng Việt Cụ Đào Trọng Đứ.

Tại Bỉ: Vượt Sông số 36

Tại Hoa Kỳ: Bản tin Hội Phật Giáo Mỹ Châu; Mặt Tồng Phật Giáo Tỉnh Hòa; Bồ Đề số 14, 15, 16; Chân Hùng số 8; Pháp Luân Tịnh Xá; Sen Trắng Kinh Lương Hoàng Sám; Kinh Thiên Địa Bất Động - Chùa Đức Viên; Tập San Phật Học số 3; Chơn Lý - Tịnh Xá Minh Đăng Quang.

Tại Canada: Tập san Tứ Ân số 27; Liên Hoa; Dân Quyền số 91.

Tại Úc: Phổ Quang số Vu Lan. Tại Đài Loan: Hiện Đại Phật Giáo; Trung Ngoại số 355. Tại Hồng Kông: Trung Ngoại số 351 và 352.

## tiếp theo trang 68

Tất xuất hiện đằng phía sau, thấy thế Ngài sẽ quở trách mình. Trong lòng Ngọc Lâm tư nghĩ như thế nên thấy ngoảnh nhìn sang hướng khác

Không bao lâu, Ngọc Lâm nghe sau lưng có tiếng chân bước dồn và tiếng người vang lên:

- Tê lang, à quên, Vạn Kim hòa thượng, ấy chết thấy Ngọc Lâm! Thấy... thấy ở đây hả?

Ngọc Lâm quay lại, buột mồm kinh ngạc:

- A! Thúy Hồng! Vẫn lại là cô!

(Còn tiếp)

## HÒA NHI BẤT ĐỒNG

Cô mây ông di cư, tí nạn,  
Sang được đây là mần nguyện rồi,  
Đưa dôi, nhẩy nhót, ăn chơi,  
Việt Nam là chuyện lỗi thời, bỏ đi!  
Con cháu ông cần gì Việt Ngữ?  
Mặc cội nguồn, chẳng giữ nếp xưa!  
Chẳng còn vàng, dạ, trình, thùa,  
"Vết, Nô, Nông, Uầy" sớm trưa ào ào...  
Chúng chạy theo phong trào vật chất,  
Bắt chước bừa cho thật giống Tây,  
Nhưng than ôi! Có diêm này:  
"Da vàng, mũi tẹt, giờ đây vẫn còn!"  
Sao ông chẳng khuyên con, bảo cháu  
Rằng: chúng ta ở đây, sống nhớ,  
Nhập gia tùy tục, tùy cơ,  
Nhưng đừng mất gốc, quên lơ Tổ Tiên.  
Trung Hoa với Triều Tiên, Nhật Bản  
Cũng biết bao người bạn Á Đông,  
Sang đây họ cũng làm công,  
Mà sao vẫn lập cộng đồng riêng tư?  
Văn hội họp, thư từ, liên lạc,  
Giúp đỡ nhau, bàn bạc cùng nhau,  
Giữ gìn tiếng nói dài lâu,  
Đề cho con, cháu ngày sau nhớ nguồn...

Vùng Bắc Mỹ luôn luôn cố vớ  
Mọi sắc dân hãy cố giữ gìn  
Già tài Văn hóa cổ truyền  
Đề thành đa dạng ở miền Mỹ Châu.  
Xem như thế thì đâu đến nỗi  
Vì Anh văn mà chối Việt văn?  
Một đảng đề, kiêu cơm ăn,  
Một đảng đề, giữ tinh thần Việt Nam...  
Biết nhiều tiếng lại càng hay chữ!  
TIẾNG MẸ TA, ta cứ duy trì,  
Đừng vì VONG NGOẠI bỏ đi,  
Sao cho đừng nghĩa HÒA NHI BẤT ĐỒNG!

● BẢO VẤN



# VŨ NGỌC LONG

# THỜI SỰ THẾ GIỚI

## Việt nam

TOÀN ĐẢNG, TOÀN DÂN CA BÀI "CON CÁ"

"Cửa đã mở tại sao các Ngải không bước vào", điệp khúc ăn xin của nam ca sĩ cuối thời Phạm Văn Đồng (80 tuổi), đại diện tập đoàn lãnh đạo Hà Nội, mới đây "ca" lại với phái đoàn của một tuần báo Anh ngữ ghê Việt Nam.

Trước tình trạng kinh tế ngày một sa sút không thuốc chữa, kế hoạch ngũ niên (1981-1985) đã hoàn toàn thất bại, mọi chỉ tiêu về sản xuất đều không đạt được. Trong khi đó nước viện trợ, có hoàn trả của Liên Xô ngày một giảm và với điều kiện khó khăn hơn. Mất khác với 3 tỷ 5 dollar thiếu, nó ngày một sinh sôi nảy nở tiến tới Các quốc gia Âu Tây và các xứ quanh vùng đều bắt liên hệ. Chế độ của CSVN ngày càng bị vây bủa trùng điệp những khó khăn.

Hơn 10 năm thống nhất 2 miền Nam Bắc, chế độ công sản đã xô đẩy gần 60 triệu dân Việt tới sự sống cùng khổ nhất hơn những lúc còn chiến tranh. Nhìn thấy nguy cơ đó, tập đoàn lãnh đạo Hà Nội, trong hơn năm qua đã tung ra kế hoạch xin ăn-toàn diện-người người xin ăn, nhà nhà xin ăn-hay toàn đảng, toàn dân lúc xin ăn, ở bất cứ đâu. Tất cả Bắc bộ phủ Hà Nội, tới các toà Đại sứ công sản ở hai ngoại các đại diện phái đoàn văn hoá, xã hội gọi ra nước ngoài, các cơ quan du lịch ở trong nước: Thủ Tướng cho đến một tên cán bộ quèn, gặp bất cứ một khách ngoại quốc nào-cùng ca bài ca con cá. Tuy nhiên cho tới nay Hà Nội vẫn chưa được quốc gia nào đáp lại. Vấn đề buôn xướng lính Mỹ lại được đem ra xáo lại, để mong kiếm được ít viện trợ của Mỹ. Tuy nhiên Hà Nội cũng gặp trăm bẽkhókhăn vì Mỹ đã thấu rõ sự cùng quẫn của CSVN trong lúc này.

Trong bối cảnh một quốc gia nghèo nhất trong 6 quốc gia nghèo nhất thế giới - giới lãnh đạo Hà Nội còn nuôi tham vọng bành trướng lãnh thổ, chiếm Lào, Miên, mọi nhân vật lực thay vì để kiện thiết xây dựng quốc gia xứ sở, nâng cao mức sống người dân thì giới lãnh đạo CSVN lại dồn vào chiến tranh bành trướng. Sau đây chúng tôi xin ghi lại một câu hỏi của một kỹ giả Mỹ với Phạm Văn Đồng trong tháng 11/85 vừa qua tại Hà Nội.

Hỏi: Quốc Gia ngài đang bị lệ thuộc nặng về Xô Viết, các quốc gia quanh vùng không theo xã hội chủ nghĩa kinh tế của họ tiến bộ rõ rệt và vượt rất xa Việt Nam. Các ngài có nghĩ tới một sự thay đổi đường lối xã hội không?

Đáp: Chúng tôi đã lựa chọn con đường để đi, đó là con đường tốt đi tới tiên bộ, tôi có thể dành cả với các ông rằng vào năm 2000 các ông sẽ nhìn quê hương tôi. Nó sẽ vượt bực mọi mặt vào năm 2200. Chúng tôi có sức người, năng lượng và những bộ óc. Tôi muốn kể các ông nghe một câu chuyện "môt em bé 10 tuổi, một táng trao tới một giỏ hoa. Tôi hỏi em, mai một khi lớn cháu muốn làm gì - em trả lời: cháu muốn làm phi hành gia". Đó trẻ em nước tôi, bây giờ thế đó. Nhưng trẻ em Việt Nam có lý, đồng to lớn trước tôi chúng nó. Các em chắc chắn sẽ làm được những việc tốt hơn chúng tôi đã làm và rồi khi chúng trưởng thành-chúng sẽ có sự liên lạc tốt đẹp với trẻ em Hoa Kỳ hơn chúng tôi đã có (mọi người cười)

Qua câu trả lời trên của Phạm Văn Đồng chắc tất cả chúng ta, đều không thể nào nhìn cuộc - một chiếc bánh vẽ lại được công sản về thêm nhiều tấn nữa. Chắc chúng ta cũng chưa quên lời hứa hẹn của Hồ Chí Minh với nhân dân miền Bắc trước đây: "Khi đất nước hết

chiến tranh, thống nhất, chúng ta sẽ phát triển gấp năm, gấp mười lần tại". Mười năm sau thống nhất xã hội Việt Nam hiện tại được giới quan sát quốc tế mô tả hồn kỳ nguyên đồ đã một chút.

Mất khác số phận những tù nhân ở Việt Nam vẫn trong tình trạng bị dặt ví công sản đã trắng trợn nuốt lời hứa. Như tin tức chúng ta được biết Hà Nội hứa thả tất cả những tù nhân Mỹ nhận. Ngay sau đó Hoa Kỳ chấp thuận nhận đợt đầu 10.000 người, lời tuyên bố này làm Hà Nội luống cuống: Phạm Văn Đồng và Nguyễn Cơ Thạch từng rêu rao với báo chí nếu Mỹ nhận tù, Hà Nội sẵn sàng thả ngay ngày mai. Nay trước lời chấp thuận của Mỹ, Đồng, Thạch đã tìm cách né tránh. Mới đây Lê Đức Thọ tuyên bố xa gần Hà Nội không thể nào cho đi 6 át như vậy được. Tuy nhiên vấn đề thả tù của chế độ công sản Hà Nội chắc rồi sẽ diễn ra; nhưng Hà Nội sẽ cứ cửa để đòi hỏi Hoa Kỳ một số tiền tương ứng. Xác lính Mỹ và tù cải tạo Việt Nam là 2 mặt hàng cuối cùng của tập đoàn CS Hà Nội còn có được trong tay để xin đổi chác với Hoa Kỳ.

Sau đây chúng tôi xin tóm lược lại bản tin của một đoàn thể chống các hoạt động của công sản tại Tây Đức trong những tháng qua.

Trước, tình trạng kinh tế suy sụp không lối thoát, cùng sự quay mặt của các quốc gia kỹ nghệ Âu Mỹ và các xứ quanh vùng. Chế độ Hà Nội đang trải qua những ngày cùng khốn nhất của chúng. Lối thoát cuối cùng của tập đoàn CSVN là hạ mình van xin, lay lư các quốc gia Âu Mỹ hầu mong được tại viện trợ cho. Hơn 2 năm qua giới lãnh đạo Hà Nội đã dùng mọi thủ thuật, từ trở buồn xác lính Mỹ, tới những màn van xin trở trên, với bất cứ ai, và bất cứ quốc gia nào. Từ những lời van xin thông thiết của Phạm Văn Đồng với báo chí Mỹ hơn 2 năm trước đây "chúng tôi không có đủ ăn, chúng tôi nghèo, quốc gia chúng tôi kém mỗ mang, chúng tôi đang bị vây bủa bởi những khó khăn trùng điệp... và vào đầu tháng 10 năm 85 vừa qua trong cuộc phỏng vấn của một tuần báo Anh ngữ phát hành ở Hoa Kỳ, Đồng lại tiếp tục ca bài ca con cá sống vì nước... Tuy nhiên dù có rất cố bồng bong van xin, nhưng vẫn không được quốc gia nào doái tưởng bỏ thí cho. Thấy không kết quả tập đoàn CSVN bắt đầu thay đổi chiến lược xin xỏ. Trong mấy tháng qua chúng tôi nhiều phải đoàn duối nhân hiệu van xin, hoạt động ở các quốc gia Tây Âu, Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức được chúng chọn làm thí điểm cho kế hoạch này. Trong mấy tháng qua nhiều nói trong xứ Đức chúng tôi tổ chức các buổi diễn thuyết, triển lãm với đề tài "Vấn đề môi sinh tại Việt Nam". Qua đề tài này chúng cố trình bày cho dân chúng Đức thấy cảnh nghèo đói, khổ sở, Nguyên do, bởi bom đạn của Mỹ trước đây. Hầu tạo sự thủng tâm của dân Đức, để xin chính phủ Đức tài viện trợ cho chúng (gió chúng gió trở van động quần chúng, thay vì xin chánh phủ).

Biết trước những trở ngại của Tây lang sồi Hà Nội, nên đồng bào ty nạn tại Tây Đức đã quyết tâm đập tan những trở ngại bíp của chúng. Bất cứ nơi nào trên xứ Đức, lu công lộ đầu, đều bị đồng bào ta giăng cho những đồn chỉ tu.

Mở đầu cho cao trào chống công của đồng bào tại Tây Đức vào ngày 16 tháng 5, năm 1985 hàng trăm đồng bào ty nạn tại München đã phá tan buổi lễ kỷ niệm ngày sinh của giả Hồ và 10 năm sau chiến thắng, do lũ công con ở Đức và đám công Đức phối hợp tổ chức. Nhiều tên đã bị đồng bào cho ăn đòn nên thân, thuộc loại quyết thua keo này chúng bày keo khác. Vào ngày 7 tháng 9 năm 1985 tại thành phố Hamburg vùng Bắc Đức, một Đại Hội Phật Giáo Tây Đức được tổ chức với sự tham dự của các phái đoàn Phật Giáo người Đức, Tây Lang, Miên Điện, Việt Nam. Với trở bíp bóm bôn công sản trước đó cho ra đời một tổ chức lấy tên Hội Phật Tử Việt Nam, chúng cũng cử đại diện tới tham dự, với mục đích để được Đại Hội chấp thuận cho làm hội viên, hầu chúng có chỗ đứng, để có trở phá hoại công đồng Phật Tử ty nạn tại Tây Đức và vận động xin, xúi mồi điếu. Nhưng ngay khi đại hội vừa khai mạc, gần trăm Phật Tử đã tổ tụ ngay trước hội trường và trình thỉnh nguyện thư lên Ban Tổ Chức, vạch trần, đá tâm chia rẽ công đồng Phật Giáo ty nạn tại Tây Đức của công sản VN cũng vẫn để chà đạp nhân quyền tại Việt Nam hiện nay. Cuối cùng phái đoàn Việt công do Thái Thị Kim Lan và đồng bọn đã bị Đại Hội bác bỏ xin làm hội viên. Hai công con cục bộ đoàn của chúng đã ra về trong nhục nhã trước sự nguyên rủa của đồng bào. Đặc biệt Thái Thị Kim Lan còn giở trò "gài đi giả mồm" chối bai bải "em không là công sản" những đã bị đồng bào vạch mặt chỉ tên, hết đứng chối cãi.

Tiếp theo cao trào đã công của đồng bào ty nạn tại Tây Đức vào ngày 3.11.1985 lũ công lại bị thêm một số thất bại nặng nề và bay hồn tàn vĩa. Vào ngày trên được tin một phái đoàn tòa đại sứ CSVN từ thủ đô Bonn do tên Trần Huỳnh Nghĩa cầm đầu đến làm lễ khai mạc cuộc triển lãm "môi sinh tại Việt Nam sau chiến tranh"

Được tổ chức tại thành phố Schwäbisch Hall (tỉnh gần phi Đông Nam Tây Đức). Ngay từ mở sáng, đồ trời sũng mù, trong cái lạnh cắt thịt dưới 0°C của xứ Đức đồng bào ta gồm đủ thành phần nam phụ lão ấu tứ khắp nơi đổ về, nhiều người ở cách xa cả 300, 400

cây số, cũng đã lủi lút kéo đến. Dưới ngọn cờ vàng phất phới cũng các biểu ngữ bằng tiếng Việt và Đức, đồng bào đã vây quanh điểm tổ chức của chúng. Khoảng 11 giờ trưa tên Nghĩa và tên Tụy từng được xe cảnh sát Đức chở tới địa điểm hành lễ. Đồng bào ta lật tức ra tay, nhào tới mở bung cửa xe toan kéo hai tên cộng con này ra khỏi xe, để tay cho chúng bải học như dơi. Nhưng cũng may cho chúng là cảnh sát Đức đã áo tới giải thoát và vội vàng lui xe mở đường tháo lui, ngay sau đó hai tên này được cảnh sát Đức áp giải, rồi khởi hành phố Schwäbisch Hall lập tức.

Trong khi đó bên trong cơn hai tên cộng con Phạm Nhữ Phúc và Tô Đình Hải từ thành phố Stuttgart tới chúng trả trốn trong số đồng bào và lên được vào bên trong khu triển lãm từ trước. Thấy tình thế nguy cơ cho tịch mạng của chúng cảnh sát Đức đã, tới tăng cường và 1 xe Microbus của cảnh sát ứ đít vào sát gần cửa để hai tên này chui vào. Nhưng khôn nan thay cho chúng, đồng bào đã bắt kê hàng rào cảnh sát úa, vào tầm lấy hai tên cộng con và tặng cho chúng những trái dấm "nhỏ lửa" và những trái trứng thối vạo mặt mũi và thân xác thối tha của hai tên Phúc, Hải. Phúc cả mà đây, hai tên đã chạy thục mạng chui lọt vào được trong xe và cảnh sát Đức vây kín. Nhưng đồng bào đã nằm xuống đường cản không cho xe chạy, dù trời rất lạnh và đường ướt. Cảnh sát Đức lại lần nữa tăng cường thêm và khiêng các đồng bào nằm dưới xe để mở đường cho xe chở 2 tên này tháo chạy. Liên khi đó một số đồng bào đã lấy xe riêng chạy radau phố chặn đường về Stuttgart của chúng, xe cảnh sát Đức phải quay đầu hướng quay. Buổi lễ khai mạc của chúng đã thất bại hoàn toàn, sau khi đánh đuổi những tên cộng sản ra khỏi thành phố đồng bào đã hô nhiều khẩu hiệu đã đảo cộng sản và hát bài Việt Nam VN trước khi giải tán trong vòng trật tự vào lúc 13 giờ. Được biết theo dự tính của cộng Việt Nam ở Tây Đức sẽ kéo dài chương trình trong 1 tuần lễ, gồm triển lãm, diễn thuyết, chiếu phim và ca bài con cá, hầu kích động dân Đức, để thúc chính phủ viện trợ cho chúng.

Mặt khác vào trung tuần tháng 11/85 tại vùng ngoại ô thủ đô Bonn (Tây Đức) một cơ quan mang tên Trung Tâm Văn Hóa Việt Nam do một phu nữ làm giám đốc, dưới sự chỉ đạo của một số người Đức: trung tâm này đã tổ chức một buổi hội thảo, kéo dài 3 ngày (với tất cả đại thọ cho hội thảo viên) nội dung của buổi hội thảo mang nhiều ý nghĩa, mà đa số các hội thảo viên có tính thần quốc gia chống cộng đều hiểu trước được mục đích của những người tổ chức buổi hội thảo với chủ đề "Menschen in Vietnam" "người dân ở Việt Nam". Sau khi nghe một vài nhân vật gồm cả Đức Việt, những người ít nhiều biết về tình hình Việt Nam hiện nay, nói về chế độ CSVN, đối với dân chúng qua cái nhìn của các chuyên viên chính trị, xã hội và sử học... Nhưng có lẽ chủ ý chính của Ban Tổ Chức được diễn tả qua bài tâm tình cõi mở của chỉ giám đốc trung tâm. Họ đã được tóm thâu với giọng điệu phang phất, làm cho những người nghe liên tưởng tới những bài ca con cá sông vì nước... dân tôi sống nhờ viện trợ của các ngài...

Buổi hội thảo đã chấm dứt sau một ngày rưỡi thuyết trình và thảo luận. Có lẽ ban tổ chức nghĩ rằng đã thành công khi qui tụ được trên 70 người gồm cả Đức Việt tới tham dự. Tuy nhiên qua ý kiến của một số hội thảo viên thì người ta cho rằng qua buổi hội thảo này để cho người ta hiểu rõ hơn về lập trường và quan điểm chính trị của một trung tâm mang tên Văn Hóa Việt Nam mà lâu nay nhiều người đã đặt câu hỏi. (Hoàng Vũ Âu Châu + N.N.V. ghi)

Trong khi đó theo tin tức các đồng bào mỗi từ Việt Nam qua sau vụ đổi tiền lần thứ 3 hồi tháng 9 vừa qua, đã giúp cho một số đảng viên, cán bộ công an công sản một số hội, tham nhưng một số đảng viên buồn bực giữ tiền mất nhiều, kết không đổi mua đồ kịp, nên đã phải nhờ các đảng viên, cán bộ, đối dùm, theo tiêu chuẩn từ, lúc - người có tiền nhận 4 phần, kẻ đối dùm được nhận 6 phần - dù bị ăn cướp trắng trợn, nhưng đồng bào cũng cần rằng, còn hơn nạp cho nhà nước để lấy tấm giấy biên nhận - có cả đối mà lấy lại được. Mặt khác các giấy bạc từ 10 đồng trở xuống, trở nên khan hiếm, muốn ăn một tổ phở già 10 đồng, chủ tiệm không có tiền trả lại giấy bạc 50 ¢ nên khách hàng phải ăn sao cho hết 5 tờ chủ tiệm mới bán.

Một tình trạng bị thảm khác mà dân Sài Gòn phải chịu là sau mỗi trận mưa "phổ biến" là giống sông uốn quanh vì hệ thống cống rãnh bị hư hỏng và ứ đọng. Do tình trạng cần bộ, đảng viên thì nhau nuôi heo trong nhà-phần đem đi ra các ống cống làm cho cống đều kết cứng phân heo. Sau mỗi trận mưa đường phố nước ngập tràn lan, phân heo trôi nổi, bênh bồng - có nhiều đồng bào vì von đúng làm một bức tranh lập thể do các hoa sử cộng sản sáng tác. Mặt khác hệ thống nước uống cũng hư hỏng, nước chảy yếu, không thể lên lầu 2, thậm chí ngày có, ngày không. Cảnh vô chộn con cái đem thay phiên nhau tưới hứng nước là chuyện rất thường tình hiên nay ở Sài Gòn. Cho tới nay mức dân của thành phố đã lên tới 3 triệu 5 trong số đó qua nửa thất nghiệp. Người ta có thể dùng mọi phương cách, từ ăn cắp, ăn trộm, lừa gạt, bán thân v.v... để sống cho qua ngày lễ nghĩa, liêm sỉ trở thành phủ phàm và lối thói. Phương châm của

người Sài Gòn bây giờ là "hãy cố quên đói mà sống, lâu dần rồi cũng quen đi..."

## Hoa Kỳ

### GẶP GỖ THƯỜNG ĐÌNH MỸ-SO

"Tôi hy vọng rằng cuộc thảo luận giữa tôi và ông Gorbachev tại Genève sẽ đạt kết quả tốt và sẽ đưa tới những cuộc gặp gỡ trong tương lai. Chúng tôi tìm kiếm hòa bình không những chỉ cho riêng chúng tôi mà cho tất cả mọi người đang sống trên hành tinh nhỏ bé này". Trên đây là lời tuyên bố của Tổng Thống Hoa Kỳ Reagan - trên đài tiếng nói Hoa Kỳ được chuyển ra 42 ngôn ngữ gồm cả tiếng Nga, Ukrainian và một số ngôn ngữ khác hiện đang được sử dụng tại Sở Việt.

Sau 6 năm băng lạnh trong tinh hủ nghị giữa hai siêu cường đầu sỏ tư bản và cộng sản vào 2 ngày 18-19/11/85, 2 lãnh tụ Mỹ-Sô sẽ gặp nhau tại Genève (Thụy Sĩ) để thảo luận về tất cả những vấn đề liên quan tới mọi sinh hoạt của thế giới - từ biên giới hải phận, tới vấn đề nhân quyền cũng những vấn đề quan trọng hàng đầu - là tài chính - cắt giảm, chương trình sản xuất các vũ khí nguyên tử. Ronald Reagan 74 tuổi Tổng Thống già nhất của Hoa Kỳ sẽ đối đầu với Mikhail Gorbachev 54 tuổi Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Sô Việt trong 2 ngày để thảo luận về 26 đề tài được gom lại dưới 4 lãnh vực chính-vấn đề an ninh-vấn đề xung đột từng vùng-vấn đề chung của cả 2 nước-vấn đề nhân quyền. Tuy nhiên cho tới những tuần lễ cuối trước khi hai lãnh tụ siêu cường vào bàn hội nghị, còn có những đi biệt trong những đề nghị của cả 2 bên như vấn đề vũ khí chiến lược - các hoà tiền mang đầu đạn nguyên tử tầm trung - vũ khí không gian - vấn đề ngừng gia tăng sản xuất vũ khí nguyên tử ngoài ra còn những vấn đề chắc chắn gặp nhau khó khăn khi hai phe thảo luận đó là sự đòi hỏi của Hoa Kỳ, yêu cầu Sô Việt ngừng yểm trợ cho các lực lượng cộng sản địa phương như ở El Salvador, Nicaragua và ở Sô Việt xâm lăng A Phú Hãn, vấn đề CSVN chống nhậm Kambodja cũng những vấn đề ở Phi Châu. Ngoài ra Hoa Kỳ cũng nhấn mạnh vấn đề chà đạp nhân quyền tại Sô Việt và các quốc gia đồng Âu - cũng sự thiếu tích cực của Sô Việt trong vấn đề thực thi hiệp ước Helsinki về vấn đề tôn trọng quyền tự do của con người.

Được biết từ hơn 2 tháng nay để chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ thường đình - cả 2 phái Mỹ-Sô, đã có những sự chuẩn bị ráo riết. Các cuộc gặp gỡ giữa ngoại trưởng Mỹ với các yếu nhân Sô Việt, cũng như người lại giữa ngoại trưởng Nga với các yếu nhân Mỹ. Ngoài ra Tổng Thống Mỹ Reagan cũng có những cuộc gặp gỡ các lãnh tụ Tây Âu cũng như Tổng Bí Thư Gorbachev gặp gỡ các lãnh tụ Đông Âu và ngoài ra cuộc gặp gỡ giữa Gorbachev và Tổng Thống Pháp Mitter - ands tại Paris. Đặc biệt, Tổng Thống Pháp đã từ chối gặp Tổng Thống Mỹ Reagan trong cuộc gặp gỡ bàn chính thức khi các phái đoàn tới tham dự kỷ niệm 40 năm ra đời tổ chức Liên Hiệp Quốc tại New York. Người ta tiên đoán rằng kết quả của cuộc gặp gỡ thường đình Mỹ Sô sẽ thành công trong 10 ngày. Nghĩa là mọi kết quả cụ thể sẽ được thể hiện dưới mắt của mọi người trên thế giới qua những cấp lông mi của 2 lãnh tụ Mỹ Sô nặng lên hoặc hạ xuống. Và có lẽ câu tuyên bố mang nhiều ý nghĩa của ngoại trưởng Mỹ Schultz mới đây "sự sống sẽ không chấm dứt trong tháng 11 hoặc qua lối tuyên bố 2 tuần trước, ngày họp của một yếu nhân Mỹ" sự quan trọng thực của cuộc gặp gỡ sẽ là những cái gì xảy ra sau đó".

Mặt khác trong những tháng cuối năm 1985-trước khi hai đầu sỏ tư bản, cộng sản đối mặt nhau-một trận chiến gián điệp đã bùng nổ làm tất cả mọi người trên thế giới đều hoang mang lo sợ về sự kinh khủng và găm giữ nhau giữa 2 phe tư bản và cộng sản, xảy ra hàng ngày và ở khắp mọi nơi. Sự kiện này cho thấy sự an ổn, bình thản bên ngoài của mọi sinh hoạt của thế giới, đều ẩn chứa một trận chiến sinh tử giữa hai phe tư bản-cộng sản sẽ xảy ra bất cứ lúc nào. Khi hai bên thấy được sự yếu kém và thiếu chuẩn bị của đối phương.

Mở đầu cho trận chiến gián điệp giữa Mỹ-Sô là nhà vật lý người Nga Vladimir Alexandrov biến mất tại thủ đô Madrid của Tây Ban Nha, rồi kế đó Sergei Bokhan phu tá giám đốc tỉnh bảo quân đội Sô Việt ở Hy Lạp trốn qua Tây Phương; những sự kiện quan trọng nhất là vào ngày 28.7.1985 Vitaly Yurchenko nhân vật đứng hàng thứ 5 trong hệ thống tình báo KGB trốn ở La Mã và ngay sau đó được đưa về Hoa Kỳ.

Vào tháng 8-Sonja Lüneburg thứ ký Tổng Trưởng Kinh Tế Tây Đức và Ursula Richter nhân viên giữ hồ sơ các người tỵ nạn từ khối cộng sản tại Tây Đức cùng Lorenz Betzing nhân viên tại phòng hành chính quân đội Tây Đức tất cả 4 đã gián điệp Đông Đức gài và tẩu thoát về Đông Đức sau khi hành tung bị bại lộ.

Sau đó 19 tháng 8 Hans Joachim Tiedge trưởng ngành phân gián Tây Đức lại là điệp viên Đông Đức gửi, trốn về Đông Đức.  
Qua ngày 25 tháng 8 Martin Winkler nhà ngoại giao Đông Đức ở Buenos Aires thủ đô A Căn Đỉnh trốn qua Tây Đức.  
08/10 tháng 9 Oleg Gordievsky trưởng ngành tình báo Xô Viết ở London bỏ trốn.  
Tại Tây Đức Margarete Høke 21 năm thủ ký tại phủ Tổng Thống Liên Bang là điệp viên Đông Đức bị bắt. Tiếp đó Herbert Willner và vợ Herta Astrid là Đảng viên thế lực của Đảng FDP và thủ ký văn phòng Thủ Tướng Kołb cả 2 đều là điệp viên Đông Đức và đào thoát khi hành tung bị bại lộ.

Trở lại chuyên Yurchenko nhân vật thứ 5 của tình báo KGB Xô Viết bỏ trốn tại Rome. Đây là đầu mối cho tất cả sự đảo lộn của các điệp viên Đông Đức hoạt động tại Tây Đức bỏ trốn về Đông Đức. Yurchenko 50 tuổi được CIA tình báo Mỹ lương giá như là bậc Thầy của ngành gián điệp-trước là sĩ quan lái tàu ngầm và từ 1960 là nhân viên KGB hoạt động trong ngành tình báo hải quân và 1972 trở thành phụ tá cho nhân vật thứ 3 của KGB, 1975 Yurchenko qua Washington nắm tổ chức tình báo hải ngoại thuộc toà Đại sứ Xô Viết tại Mỹ, 1980 Yurchenko trở lại Nga-4/1980 hoạt động ở Mỹ và Canada.

Vào 28.7.1985 từ Moskva tới Roma trên đường tới tòa Đại sứ Xô Viết hẳn nói dối lĩnh hộ về hẳn muốn đi một mình tới thăm bảo tàng viện ở Vatican, và từ đó hẳn bỏ trốn-tin tức được tạp chí Pháptên Actual loan ra.

Yurchenko đã cho CIA biết tất cả những tin tức về hoạt động của KGB tại Âu Châu và Mỹ-cùng nêu danh tánh 6 cựu nhân viên CIACung cấp tin tức cho KGB. Sự việc không chấm dứt ở đây. Sau nhiều tuần lễ trong tay của CIA, Yurchenko đã quyết định xin trở về Xô Viết. Trước khi trở lại Nga, Yurchenko được đưa ra trình diện trước báo chí Mỹ tại vùng Tây Bắc Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn. Trước 50 kỳ giả hẳn nói CIA muốn mua hẳn 1 triệu đô la và mỗi năm trả 62.500 US cùng tặng một biệt thự trị giá 48.000 US; nhưng hẳn từ chối. Sự xin trở lại Xô Viết của Yurchenko đã gây ra sự chấn động trong chính giới Hoa Kỳ và Tây Âu. Liệu hành động trốn của Yurchenko rồi lại xin trở về có phải là một kế hoạch của KGB nhằm tấn công CIA không? Rất nhiều bí mật còn bao trùm về hành tung của nhân vật hàng thứ 5 của KGB này.

Được biết ngay sau khi Yurchenko trốn được tiết lộ các gián điệp Đông Đức gửi ở Tây Đức bỏ nhiệm sở chạy trốn cùng 25 điệp viên Nga bí trực xuất tại Anh. Trận chiến gián điệp sẽ còn tiếp diễn trong những tháng kế tiếp mà chỉ thời gian mới trả lời được phe nào thắng.

AIDS căn bệnh của thế kỷ, xuất hiện ở Hoa Kỳ từ 1981; nhưng đã trở thành vấn đề lo ngại cho mọi người trong mấy tháng qua - khi con số tử vong ngày một tăng cao - mà giới y khoa thế giới vẫn bỡ ngỡ chưa tìm ra phương thuốc chữa, cho tới nay riêng tại Mỹ đã có 14.000 trường hợp bệnh - các quốc gia có con số nạn nhân ít hơn Ba Tây 483; Pháp 392; Haiti 377; Canada 323; Tây Đức 300 và Anh Quốc 225 ngoài ra tại một số quốc gia cộng sản và A Châu đã từ chối không cho cơ quan y tế thế giới biết về con số nạn nhân mắc bệnh. Riêng Xô Viết giới chức y tế tại xứ này tuyên bố AIDS là căn bệnh của các quốc gia Tây Phương, vì đời sống và xã hội của các quốc gia này đã không tự nhiên, trong sự suy đồi về tinh đục.  
Cho tới nay tại Mỹ đã có 7157 người chết, lúc có 52 người chết. Một khác một sự kiện giới y khoa thế giới ngạc nhiên là đa số các nạn nhân của AIDS phần lớn là mắc bệnh động tính lưỡng ái; nhưng ngược lại ở Nhật chỉ có 10 trường hợp mắc bệnh trong số 300.000 người mắc bệnh đồng tính lưỡng ái.

Con số bệnh nhân mắc AIDS ngày một gia tăng khắp nơi trên thế giới làm người ta liên tưởng đến những bệnh dịch trong thế kỷ 19 và bệnh giang mai trong những năm của thập niên 30, 40. Ở các quốc gia Âu Mỹ báo chí, film ảnh, truyền thanh, truyền hình thì nhau khai thác AIDS đã trở thành đề tài thời sự ăn khách - giũa lúc mọi người đang mong đợi các chuyên viên y khoa tìm ra được loại thuốc chữa trị bệnh này, thì vào đầu tháng 11/85 vừa qua 3 Bác Sĩ Pháp làm việc tại bệnh viện Laennec ở Paris tổ chức cuộc họp báo tuyên bố họ đã tìm ra được một loại thuốc mang tên thương mại Sandimmun, để trị bệnh AIDS. Đứng đầu toán nghiên cứu này là Bác Sĩ Phillippe Even cùng 2 Bác Sĩ Jean Marie Andrien và Alain Venet. Tuy nhiên thuốc chỉ mới được thí nghiệm cho 2 bệnh nhân và chưa được lưu (tới ngày họ hợp báo). Trong khi giới y khoa tại Hoa Kỳ tỏ rành nghề về sự hiệu nghiệm của thuốc Sandimmun-họ tuyên bố rằng phải cần một thời gian lâu hơn và thí nghiệm cho nhiều trường hợp bệnh hơn thì mới biết giá trị của loại thuốc này. Một khác tại Hoa Kỳ sau cái chết của tài tử nổi tiếng Rock Hudson bởi bệnh AIDS - nữ tài tử Linda Evans đang lo ngại rằng bị AIDS vì Evans và Hudson đã có nhiều "fa" hôn hít trong nhiều chứng trình truyền hình.

Được biết hẳn là một trong nhiều căn truyền bệnh tư nạn nhân AIDS qua người khác. Cho tới nay trong các film truyền ở Mỹ các tài tử có quyền từ chối không hôn với những đồng nghiệp nữ trong giao kèo họ không ký kết trước. Dean Santora giám đốc điều hành của cơ quan film ảnh SAG nói: "Chúng tôi thì không nói rằng vấn đề hẳn không nguy hiểm. Tuy nhiên ở đây không là bản tin y khoa, nó là

vấn đề nghề nghiệp" nghĩa là sanh nghề phải tử nghiệp...

Cũng tại Hoa Kỳ vào trung tuần tháng 10, 159 hội viên của tổ chức Liên Hiệp Quốc đã họp mặt tại trụ sở trung ương đất ở New York. Để kỷ niệm 40 năm ra đời của tổ chức quốc tế này, hơn 80 nguyên thủ các quốc gia đã có mặt trong buổi đại hội, và được coi là sự có mặt đông nhất từ trước tới nay của các yếu nhân thế giới. Được biết 40 năm trước đây 50 đại diện các quốc gia đã tới San-Francisco thảo luận và cho ra đời tổ chức quốc tế này, để thay thế hội quốc liên trước đó, đã tỏ ra bất lực trong vấn đề duy trì hòa bình thế giới. Tuy nhiên trong 40 năm qua dù sự có mặt của Liên Hiệp Quốc, nhưng thế giới đã có 16 triệu người chết và 130 triệu chiến giũa các quốc gia xảy ra. Sự bất lực trong vấn đề duy trì hòa bình của Liên Hiệp Quốc đã gia tăng ở mức độ cao, thậm chí nhiều nơi đội lính mũ xanh của Liên Hiệp Quốc tới thì chiến tranh lại bực phát mạnh hơn. Tuy nhiên không ai phủ nhận sự thành công trên các lãnh vực giáo dục, y tế, xã hội - nhất là sự giúp đỡ 25 triệu người tỵ nạn trên toàn thế giới. Cho tới nay tổ chức này có 159 hội viên, trong vấn đề biểu quyết ở đại hội đồng mỗi quốc gia đều có một phiếu như nhau - từ xứ nhỏ nhất như Seychelles (65000 dân) đến xứ đông dân nhất như Trung Quốc (1 tỷ 2). Tuy nhiên hội đồng Bảo an giữ phần quyết định các hoạt động của tổ chức này lại chỉ do 5 quốc gia gồm Mỹ, Nga, Anh, Pháp, Trung Cộng (trước 1971 Trung Hoa quốc gia ở trong ghế này, sau bị Trung Quốc đánh mất).

Cho tới nay theo như một số chính khách thế giới thì tổ chức Liên Hiệp Quốc chỉ còn sự giả trá đích thực là nơi gặp gỡ giũa đại diện các quốc gia trong những vấn đề riêng tư của họ. Thay vì nơi hội họp để giải quyết những vấn đề chung của thế giới, vì chẳng bao giờ các phe nhóm ở đây lại đồng quan điểm với nhau về 1 vấn đề gì - nhất là vấn đề giải quyết những tranh chấp xảy ra giũa các quốc gia trên thế giới. Có lẽ câu nói điển tả đây ý nghĩa cho tổ chức Liên Hiệp Quốc hiện nay của một nhà ngoại giao Ấn "Câu lạc bộ của những xứ nghèo, tới để nhìn thấy những ngày tốt đẹp hơn

## Phi luật Tân

### BẦU CỬ TỔNG THỐNG

Quốc gia 54 triệu dân gồm 7100 đảo liên kết, sau 358 năm bị Tây Ban Nha đô hộ và 30 năm Hoa Kỳ chiếm đóng với hơn 70% dân chúng sống trong nghèo nàn. Trong hơn 2 năm qua Phi đã rơi vào tình trạng chính trị bất ổn; sau cái chết của lãnh tụ đối lập Aquino-lưu vong ở Hoa Kỳ về.

Một khắc với số nợ 27 tỷ dollar của các ngân hàng thế giới, cùng sự quấy phá của 16.500 du kích quân Cộng Sản mang tên quân đội nhân dân mới. Trong khi đó Ferdinand Marcos sau 19 năm cầm quyền trong chức vụ Tổng Thống đã cùng vợ là Imelda và họ hàng vây cánh xô đẩy quốc gia Phi rơi vào tình trạng tẻ hai về mọi mặt như ngày nay... Hơn 2 năm qua không ngày nào ở thủ đô Manila và 1 số tỉnh lớn không có những vụ biểu tình chống chính phủ của phe đối lập, khuynh tả và Cộng Sản. Trước tình trạng nguy cơ có thể xảy đến cho quốc gia này, làm Hoa Kỳ quốc gia đồng minh thăm thiết của Phi cùng như vấn đề 2 căn cứ không quân Clark và hải quân Subic Bay của Mỹ ở đây bị lung lay. Trong tháng mười vừa qua nghị sĩ công hòa Paul Laxalt bạn thân của Tổng Thống Mỹ Reagan đã qua thăm Phi để chuyển đạt 1 thư dài 3 trang của Tổng Thống Mỹ tới Tổng Thống Marcos.

Trong thượng tuần tháng 11/85 vừa qua, Tổng Thống Marcos đã tuyên bố, ngày 17.1.1986 tổ chức tổng tuyển cử trên toàn quốc để chọn Tổng Thống và phó Tổng Thống. Tuy nhiên một số lãnh tụ đối lập thì muốn kéo dài thời gian tới tháng 6/86. Trong khi đó các quan sát viên chính trị thế giới thì cho rằng đây chỉ là một thủ đoạn chính trị của Marcos và bè cánh của ông ta. Một vài nguồn tin xuất phát từ dân chúng rằng người đứng chung liên danh trợ chức vụ phó Tổng Thống sẽ là vợ ông ta Imelda 56 tuổi, và rồi đây - Imelda người đàn bà nhũn tham vọng và tai tiếng sẽ thay chồng trong chức vụ Tổng Thống Phi, khi sức khoẻ của Marcos 68 tuổi suy đồi không thể đảm đương việc nước được nữa.

Chưa tiên đoán được gì sẽ xảy ra cho quốc gia Phi vào những tháng tới. Tuy nhiên một vài lãnh tụ đối lập thì cho rằng: "Đây thực sự là một trận chiến quyết định sự sống còn của 54 triệu dân Phi".

## Tây đức

## LIÊN MINH SPD VÀ GRÜNEN RA ĐỜI

Vào tháng 12-1984 hơn 700 đại biểu 11 tiểu bang trong nước Đức của Đảng Grünen đã đại hội đảng ở Hamburg. Trong 3 ngày đại hội với nhiều vấn đề được thảo luận trong đó có vấn đề lập thể liên minh với đảng SPD trong kỳ tổng tuyển cử 1987. Sự kiện trên đã được thể hiện vào gần một năm sau - vào cuối tháng 10-1985 trước 3000 đại biểu tại vùng ngoại ô của thành phố Frankfurt. Chủ tịch đảng SPD tiểu bang Hesse là Holger Börner và Karl Kerschgens của đảng Grünen đã ký kết sự liên minh giữa 2 đảng - và trong nhiệm kỳ 3 năm của chính phủ tiểu bang Hesse, 6 đảng viên Grünen sẽ cùng tham gia chính phủ trong 3 bộ. Mỗi sinh, năng lượng và phụ nữ. Đây được coi như lần đầu tiên đảng viên Grünen ra nắm quyền chính phủ của tiểu bang. Được biết đảng Grünen thành lập 1980, mới đầu chỉ là một phong trào phản chiến và chống ô nhiễm môi sinh. Qua thời gian phong trào đã cuốn hút được một số giáo sư trẻ sinh viên và phụ nữ. Từ 1982 đảng chiếm được ghế trong 6 tiểu bang, kể đến 3/1983 trong tuyển cử toàn quốc đảng chiếm 5,6% số phiếu được 28 ghế trong quốc hội Liên Bang. Giờ đây với sự liên minh của SPD và Grünen sẽ là mối lo ngại lớn cho liên minh dân chủ Thiên Chúa giáo của Thủ Tướng Kohl.

Cho tới nay theo sự thăm dò của các cơ quan ngôn luận và chính trị tại Đức thì Grünen chiếm 7% số cử tri và SPD chiếm 47% - điều này quả đủ để liên minh nắm chính quyền vào 1997. Tuy nhiên về phía liên minh của Thủ Tướng Kohl thì cho rằng bảy giờ vẫn còn quá sớm đưa ra lời tiên đoán đó. Một số người cũng đồng ý lập luận này, vì dân chúng Đức cũng sáng suốt trong vấn đề e ngại giao cả quyền lập pháp và hành pháp cho một phe đảng nắm giữ, sẽ rất dễ làm tan vỡ thể chế dân chủ đang nảy nở. Sau kinh nghiệm đảng cay của dân Đức qua chế độ độc tài Hitler trong thập niên 30 và 40 vừa qua.

Được biết đảng SPD sẽ đưa Johannes Rau chủ tịch tiểu bang Nordrhein-Westfalen ra tranh chức Thủ Tướng liên bang trong kỳ tổng tuyển cử 1987 tới đây. Rau đã thắng một số phiếu rất cao box đảng năm quyền CDU - CSU trong kỳ bầu cử vừa qua tại Nordrhein West - fallen-tiểu bang này đồng dân nhất trong 11 tiểu bang ở Đức ( có 17 triệu dân)

## Mỹ Tây Cơ

### TÍN THIỆM VỀ ĐỘNG ĐẤT Ở MEXICO CITY

Trong tuần tháng 9 vừa qua một trận động đất dữ dội được ghi nhận ở 7,8 độ chấn kế Richter tại thủ đô Mexico City của xứ Mexico trung Mỹ Châu. Số nạn nhân chết được ghi nhận là cao, vì chưa có con số chính xác, được loan ra bởi cả thành phố còn chìm ngập trong đổ nát-người ta ước chừng có 4700 người chết, trên 30.000 người bị thương và 15.000 người ghi nhận mất tích. Khoảng 40.000 người mất nơi ẩn chốn ở. Theo tin mới của cơ quan nghiên cứu địa chấn Hoa Kỳ, thì trận động đất vừa qua ở Mexico City đồng chấn động là 8,1 độ chấn kế Richter. Cho tới nay 18 triệu dân ở Mexico City đã bắt đầu trở lại cuộc sống bình thường. Trong thành phố với diện tích 890 dặm vuông người ta ghi nhận có 2.500 cao ốc bị sụp đổ hoặc trong tình trạng không an toàn. Trước tình trạng thương tâm này nhiều quốc gia trên thế giới đã gửi thuốc men thực phẩm tới cứu trợ để giúp Mexico. Hoa Kỳ gửi 500 tấn đồ và 250 nhân viên, Pháp 280 người, gồm 60 bác sĩ, cùng 30 chỗ sân. Tây Đức 56 người và 12 chỗ sân. Anh quốc cũng gửi một số nhân viên và thực phẩm tới cứu trợ. Theo sự dự tính để kiểm tìm và chôn cất những nạn nhân của trận động đất này cần phải một số tiền từ 2 tới 3 tỷ đô la. Có một điều sự may mắn cho Mexico là khu kỹ nghệ của Thủ Đô chỉ bị thiệt hại nhẹ.

## Đông Âu

### GẶP GỠ THƯỢNG ĐÌNH ĐÔNG ÂU SỞ VIỆT

Tổng Bí Thư Đảng cộng sản Sở Việt và 6 tổng bí thư của 6 quốc gia Đông Âu đã gặp nhau tại Sofia thủ đô của Bulgarian. Lễ racuộc hội kiến này diễn ra vào tháng 1 năm 1985 nhưng Tổng Bí Thư Sở Việt lúc đó là Chernenko bệnh không thể tới dự, nên hội nghị giữa Sở Việt và các quốc gia chủ hầu phải đình lại. Sau hai ngày đồng của bản thảo ở Boyana dưới chân vùng núi Vitosha 5 dặm phía nam Sofia với số tuổi 54 Gorbachev là người trẻ nhất trong đám lãnh đạo CS gồm Sở Việt, Bulgaria, Tiệp Khắc, Đông Đức, Hung Gia Lợi, Ba Lan, Ru - mania, chủ tịch Todor Zhivkov 74 tuổi của Bulgaria được coi là người già nhất. Sau buổi họp một bản thông cáo chung được ký kết

giữa Sở Việt cùng 6 nước cộng sản Đông Âu dài 15 trang. Đại ý đều nhằm vào Hoa Kỳ trong vấn đề tài giảm binh bị. Sau buổi họp phụ tá ngoại trưởng Bulgarian Viktor Ganev đã mở cuộc họp báo trước 50 ký giả, đồng tuyên bố không có vấn đề gì quan trọng xảy ra. Về tin đồn Thông Chế Viktor Kulikov tổng tư lệnh lực lượng Warsaw, sẽ bị thay thế (6 triệu binh lính) phụ tá ngoại trưởng Bulgaria, đã nề tránh câu trả lời này. Cho tới nay có 535.000 quân Sở Việt đang có mặt tại 6 quốc gia này. Theo tinh báo Tây Phương thì Đám Hồng quân này nghiên rượu và thuốc năng. Mới đây một tạp chí xuất bản ở Tây Đức cho biết 4 lính Sở Việt ở Tiệp Khắc đã đem bom một xe tank của chúng để đổi lấy 2 két rượu Vodka. Có lẽ nhiều vấn đề quan trọng khác đã được các lãnh tụ cộng sản bàn thảo, chắc chắn vấn đề gia tăng, thiết bị các hỏa tiễn mang đầu đạn nguyên tử tầm trung tại Đông Âu, để giữ ưu thế quân sự trước khối NATO một khi trận chiến Đông Tây bùng nổ.

## Tanzania

### TRAO QUYỀN TRONG ỀM DỊU

Lần đầu tiên trong lịch sử chính trị ở các quốc gia Phi Châu da Đen Tổng Thống Julius Kambarege Nyerre 63 tuổi, sau 24 năm cầm quyền, đã tự ý rút lui-nhường quyền cho người khác. Nyerre là người khai sáng ra quốc gia Tanzania sau khi được Anh trao trả độc lập. Từng theo học ở Anh, và là một trong những người đầu tiên của Phi Châu Đen xuất dương du học.

Năm 1961 Tanzania được Anh trao trả độc lập và tân quốc gia theo đuổi một chủ nghĩa xã hội, 13 triệu dân trong số 20 triệu hoạt động trong nông nghiệp đã được chính phủ tập trung trong 8000 làng sản xuất. Kết quả sau 24 năm cầm quyền mọi chính sách kinh tế của chính phủ đều thất bại, 13 triệu nông dân sản xuất mà cũng không đủ thực phẩm nuôi 20 triệu người, lương thực phải nhập cảng. Tuy nhiên về mặt giáo dục và xã hội đã có những cải thiện, 63% dân biết đọc biết viết, được coi là tỷ lệ cao nhất Phi Châu. Một vài quyền tự do căn bản cũng được tôn trọng. Tổng Thống Nyerre, đã tỏ ra là một người lãnh đạo gương mẫu với cuộc sống liêm - khiết. Lương của ông thấp hơn các Bộ Trưởng. Các phe nhóm đối lập chính trị đều phải công nhận ông là người của nhân dân Tanzania.

Người kế vị Nyerre là Hassan Mwingi 60 tuổi, nguyên Tổng Thống Đảo Zanzibar (Zanzibar có 500.000 dân và sát nhập vào Tanganyika năm 1964 trở thành cộng hòa Tanzania).

Tanzania diện tích 945.087 km<sup>2</sup> ở cực Đông Phi Châu. Bắc giáp Kenya, nam giáp Mozambique, Đông Ấn Độ Dương, Tây giáp Zaire. Cho tới nay người ta chưa biết rõ tân chính phủ còn theo đuổi chính sách kinh tế xã hội nữa không. Hành động tự ý nhường quyền lãnh đạo cho một người khác trong một quốc gia chậm tiến là 1 việc làm y hời. Sự kiện này đã được giới chính trị thế giới cho rằng một kỷ nguyên mới sẽ được mở ra cho Phi Châu. Được biết hầu hết các quốc gia ở Phi Châu từ ngày được trao trả độc lập, các cuộc đảo chánh bằng quân sự liên tiếp xảy ra, các phe nhóm tranh giành quyền lực đều phải hao tổn xương máu.

## Tin văn linh tinh

• Inés guadalupe Duarte Duran con gái của Tổng Thống dân cử Duarte của xứ El Salvador bị du kích quân của phong trào giải phóng quốc gia Fara Bundo Marti cầm giữ trong 44 ngày-với điều kiện chính phủ phải phóng thích 22 tù chính trị và cung cấp thuốc men cho 101 du kích bị thương cần để điều trị. Cuộc mặc cả đã diễn ra trong gay go-phe loạn quân đã phóng thích 41 nữ của Tổng Thống Duarte cùng 22 viên chức chính phủ bị cầm giữ từ 6 tháng qua. Sau khi chính phủ chấp thuận những đòi hỏi của họ.

• Sau Nhật tới Đại Hàn, Đài Loan và Malaysia kỹ nghệ làm xe hơi đã phát triển-năm qua Nam Hàn sản xuất 210.000 xe-tới năm 1990 sẽ tăng 1 triệu 3 xe trong 1 năm. Đài Loan năm qua 150.000 chiếc Mả lai 40.000 xe, dự trữ 1994 120.000 xe. Đặc tính các xe của các xứ này rẻ và đẹp. Hiện tại Hoa Kỳ và Canada là 2 thị trường chính

• Tại Trung Quốc hãng Volkswagen của Tây Đức lập cơ sở ở Thượng Hải dự trữ 30.000 xe cho năm 1987.

• Sau khi già đầu trên thị trường quốc tế sụt giá, các quốc gia đầu

hỏa Á Rập đã bắt đầu gặp khó khăn, các ngân hàng bị thua lỗ và đóng cửa... Mọi chương trình phát triển quốc gia của xứ này đang rơi vào tình trạng bí đết.  
Được biết trong những năm của thập niên 70 khí giá dầu tăng cao, các xứ OPEC đã khuynh loát chính trị thế giới với đơn tăng giá dầu, làm các quốc gia kỹ nghệ điêu đứng.

- Tiểu Bang Punjab của sắc tộc Sikh ở Bắc Ấn Độ đã có một chính quyền mới do người Sikh lãnh đạo. Tình trạng này được coi như chấm dứt sự cai trị trực tiếp của chính phủ trung ương từ 2 năm qua. Thủ Tướng Rajiv Gandhi hy vọng rằng với những bộ này tình hình an ninh sẽ van hồi ở tiểu bang giàu có nhưng bạo tàn nhất Ấn Độ này.
- Vụ đánh đắm chiếc tàu của phong trào "hỏa bình xanh" do gián điệp Pháp chủ mưu tại hải cảng Tân Tây Lan là do lệnh trên: sự việc này đã tạo căng thẳng trên chính trường Pháp-khiến Bộ Trưởng Quốc Phòng và trùm tình báo Pháp phải ra đi.
- Tại vịnh Ba Tư, Iraq tiếp tục tấn công phi pháo vào các cơ sở lọc dầu và những tàu tới Iran mua dầu, khiến giáo chủ Khomeini của Iran dọa sẽ phong tỏa vịnh Ba Tư, con đường dầu hỏa thế giới.
- Mới đây viên thám dò Gallup ở Hoa Kỳ đã mở cuộc thăm dò các thanh niên nam nữ Mỹ tới tuổi trưởng thành. Vấn đề "sex" có phải là nguyên nhân đi tới sự chung sống vợ chồng không? Trong 1973 48% trả lời không, 43% phải - 9% không có ý kiến. Tới 1975 39% trả lời không, 52% phải - 9% không có ý kiến.
- Trước tình trạng kinh tế ngày khó khăn, tuổi lấy vợ, lấy chồng của thanh niên nam nữ trên thế giới ngày một tăng cao.  
Tại Anh 10 năm trước cứ 3 cô thì có 1 cô lấy chồng trước 20 tuổi. Năm 1984 cứ 5 cô có một cô lấy chồng trước 20 tuổi.  
Tại Hoa Lan năm 1978 đa số thanh niên lấy vợ vào tuổi 25 nay đa số lấy vợ 26 tuổi.  
Tại Nam Phi 1973 cứ 10.000 cô thì 9.296 cô lấy chồng dưới 20 tuổi tới 1982 cứ 10.000 cô thì 7.797 cô lấy chồng dưới 20 tuổi.  
Về thanh niên lấy vợ cũng thay đổi:  
1973 cứ 10.000 cậu thì 2.237 cậu lấy vợ dưới 20 tuổi.  
1982 cứ 10.000 cậu thì 975 cậu lấy vợ dưới 20 tuổi.  
Trong khi đó vấn đề ly dị thì tăng gấp đôi; làm các nhà xã hội học và tôn giáo phải chống mặt về những vụ thay vợ, đổi chồng của thanh niên nam nữ trên thế giới hiện nay.
- Nửa dân chúng Pháp theo dõi trong 75 phút trên đài truyền hình Pháp về cuộc tranh luận giữa Thủ Tướng Fabius với Jacques Chirac Thị Trưởng Ba Lê thuộc đảng đối lập Neo-Gaullist, về vụ đắm tàu: "Rain bow Warrior" của phong trào xanh tại Tân Tây Lan. Hai điệp viên của Pháp bị tòa án Tân Tây Lan xử 10 năm tù, trong một phiên tòa tại Thủ Đô Wellington mới đây.
- Trên 10.000 phụ nữ ở Băng Đảo (Iceland) đã đình công trong 24 giờ, để phản đối "đàn ông độc quyền"-mọi liên lạc viện thông đã bị tê liệt vì do các bà nắm giữ. Tại Iceland số lợi tức phụ nữ kiếm được thấp hơn 40% so với đàn ông. Trong khi đó các bà lại thích đi làm hơn ở nhà lo bếp núc. Sự kiện này khiến đa số đàn ông Iceland đã phản nản là vợ đã không lo lắng ăn uống cho, nên các nhà hàng trên toàn quốc đều chật cứng.
- Các giải Nobel 85 được trao cho các nhân vật cổ tện sau đây:  
Về kinh tế: Giáo sư Francis Modigliani 67 tuổi người Mỹ gốc Ý. Trị giá 225.000\$ US.  
Về Y Khoa: được trao cho 2 người B.S. Michael Brown của viện Đại Học Texas Mỹ và đồng nghiệp G.S. Joseph Goldstein-Brown 44 tuổi, Goldstein 45 tuổi hai người là bạn thân của nhau.  
Về Hóa Học: Cũng được trao cho hai nhà khoa học của viện nghiên cứu Hải Quân ở Washington (Hoa Kỳ) là 2 ông Herbert Hauptman và Jerome Karle.  
Về Vật Lý: Giáo sư Klaus von Klitzing 42 tuổi (người Đức) Giám Đốc của Max Plank - viện nghiên cứu chất rắn ở Stuttgart (Tây Đức).  
Về Văn Chương: nhà văn người Pháp Claude Simon 72 tuổi qua 3 tác phẩm nổi tiếng của ông trong những thập niên 50 và 60 (The Wind) The Flanders Road - The Palace.
- Tổng Thống Daniel Ortega Saavedra của xứ Nicaragua đã tuyên bố tình trạng khẩn trương trên toàn xứ và giới hạn gần tất cả các quyền tự do như đình công, hội họp, báo chí... nhằm ngăn chặn sự bành trướng của lực lượng chống hành pháp do Mỹ yểm trợ.
- Sau gần 4 năm ban bố quân luật, trước sự chống đối của công nhân

và giới tu sĩ Thiên Chúa Giáo, chính quyền cộng sản Ba Lan đã có một vài nhượng bộ. Tuy nhiên, với cộng sản đỏ chỉ là những thủ đoạn chính trị. Vào trung tuần tháng 10/85 một cuộc bầu cử Quốc Hội được tổ chức; những công đoàn Đoàn Kết do Walesa lãnh đạo đã hỗ hào tẩy chay; nên số cử tri tham dự chỉ 66% thay vì 75% như dự tính của chính phủ của tướng Jaruzelski.

- Trận tranh giải túc cầu vô địch Âu Châu giữa Ý và Anh tổ chức tại Bỉ làm 39 người chết-kéo theo sự tử chực của chính phủ Bỉ. Trung tuần tháng 10 vừa qua một cuộc bầu cử được tổ chức- Liên minh của Thủ Tướng từ chức Wilfried Martens lại tái đắc cử.
- Theo John Colville bí thư của cố Thủ Tướng Winston Churchill thì vào năm 2002 nữ hoàng Elizabeth sẽ nhường ngôi cho Thái Tử Charles-lúc đó bà 76 tuổi, Charles 54-Diana 41 và Hoàng Tử William 20.
- Trong 9 tháng của năm 1985 hãng xe hơi Volkswagen, đã bán được 800 chiếc trong số xe bán được tại Âu Châu tổng cộng 1,8 triệu; riêng kiểu Golf bán được 600.000 chiếc. Hãng kế tiếp về số bán được là Ford, Fiat và Peugeot...
- Hai hãng thuốc đã có mức bán cao nhất thế giới hiện nay là hãng Philip Morris (35% thị trường thuốc thế giới) thu trên 23 tỷ đô la. Kế đến là hãng R.J. Reynolds chiếm 32% thị trường thuốc thế giới, thu 19 tỷ đô la.
- Theo tin của tổ chức y tế thế giới Liên Hiệp Quốc ở Genève cho biết tại Việt Nam hiện nay có 229 trường hợp bị dịch hạch đã có 6 người chết vì chứng bệnh này.
- Theo tin của (dpa) Tây Đức ba sự đoàn Khmer Đỏ để mở cuộc công kích mùa mưa các căn cứ quân sự của bộ đội CSVN ở miền Tây Nam Cam Bốt. Con số tổn thất đối bên được ghi là nhẹ.

VŨ NGỌC LONG  
24-11-1985

§ XIN MỚI QUÍ VỊ ĐÓN ĐỌC: CỐI ĐQA ĐẦY, truyện ký tu của Vũ Ngọc Long. Một tác phẩm được viết ròng rã trong 4 năm trường, sẽ ra mắt quý vị độc giả xa gần trong năm 1986.

# Cáo lỗi

Vì một số bài vở cần thiết phải đăng cùng một lúc; trong khi đó báo không thể tăng thêm trang được nữa. Nếu tăng số trang, cước phí bưu điện phải tăng theo. Do đó Ban Biên Tập đã cho rút nhỏ lại một số bài của các Tác Giả. Tuy có hơi khó đọc; nhưng bài có tính cách liên tục. Vậy kính xin quý vị Tác Giả của những bài nói trên và quý độc giả niệm tình hỷ thú cho. Xin thành thật cảm ơn Quý vị nhiều.

Ngoài ra có một số bài gởi về chùa; nhưng chưa kịp đăng; không có nghĩa là bài của quý vị không được đăng. Xin quý vị nán lòng chờ đợi những số kế tiếp. Chỉ trừ một số bài nào không phù hợp với chủ trương của tờ báo chúng tôi mỗi không đăng; còn tất cả sẽ được đăng theo thủ tục và liên tục. Kính mong Quý Vị cảm thông cho.

BAN BIÊN TẬP

# Phương danh Quý Đạo hữu Phật Tử ủng hộ

## Bất thường

(Tính đến ngày 6 tháng 12 năm 1985)

ĐH Trưởng Thực Thanh(Spaichingen)50DM. GĐĐH Huỳnh Văn Mên(Geilenkirchen)hối hưởng hưởng linh ĐH Huỳnh Thuận Nguyên 500DM.ĐH Tăng Suy Nghiêm(Goslar)50DM.GĐĐH Nguyễn(Hildesheim)-100DM.ĐH ân danh 38DM.ĐH Lê Huệ(Ravensburg)50DM.ĐH Bùi Anh Dũng(Gütersloh)50DM.ĐHNguyễn Thụy Kim Lan(Ravensburg)20DM.ĐH Trần Tú Anh(Reutlingen)20DM.Bác Nguyễn Lưu(Paris)70OFF ĐH Tung(Marseille)50OFF.ĐH Đoàn Thị Thanh Tú(Paris)20OFF.ĐH Trì Hải Trần Quốc Thanh - (Nürnberg)20DM.ĐH Trần Thuận Đạt(")10DM. ĐH Huỳnh Văn Quan(Viersen)hối hưởng hưởng linh yếu tử Huỳnh Thị Hiền Hoa 100DM.ĐH Trần Nguyễn Anh(Bomblitz)30DM.ĐH Đoàn Thị Yên(Rottweil)100DM.ĐH Trần Sang(Würzburg)50DM.ĐH Thiện Tâm Nguyễn Thị Bích Thoa(Berlin)100DM.ĐHVõ Thanh Xuân(Fürth)20DM.ĐH Hercha Osso (Einbeck)10DM.ĐH Huỳnh Mộc Lan(Bad Pyrmont)50DM ĐH Nguyễn Thị Thu Thảo(Freiburg)20DM.NPĐTâm Giác(München)400DM.ĐH Trần Văn Huyền(Reutlingen)10DM.ĐH Nguyễn Minh Trí(Plattenhardt)50DM.ĐH Lâm Minh Đức(Filderstadt)20DM. ĐH Hoàng Văn Thủy(Böblingen)20DM.ĐH Nguyễn Hữu Diệu(Stuttgart)20DM.Đông bào Phật Tử tại Sindelfingen 80DM.ĐH Phạm Thị Nhiều(Hồa Lan) 50 Guld.GĐĐH Trần Vĩnh Cam(Münster)hối hưởng tuần chung thất của hưởng linh ĐH Trần Văn 300DM.GĐĐH Phạm Thị(Solingen)20DM.ĐH Dũng Minh(Nienburg)20DM.ĐH Qui You Quin(Münster)50DM.ĐH Quách Tân và ĐH Hồng Võ Lũng 10DM. ĐH Vong Senh Vun(Baden-Baden)20DM.ĐH Trần Thanh Huệ(Münster)20DM.ĐH Huỳnh Lý Xưởng 10 DM.ĐH Du Men Binh(Baden-Baden)5DM.ĐH Lại Lập Tài 30DM.ĐH Viên Nhuận Lâm(Westersterte) 50 DM.ĐH Diệu Hưởng Võ Thị Lý(Erlangen)50DM.ĐH Nguyễn Thị Lệ 10DM.ĐH Hùng(Bad Oeyhausen)10 DM.ĐH Nguyễn Phưởng Hoàng(")10DM.ĐH Đức Hưởng và ĐH Diệu Tịnh(Fürth)100DM.ĐH Guồng(Bad - Oeyhausen)5DM.ĐH Trần Phong Lưu(Saarburg)20 DM.GĐĐH Nguyễn Thanh Tâm(Merzig)150DM.ĐH Hh Thế Mỹ(Hamburg)20DM.ĐH Diệu Nhứt Lâm Thúy - Liễu(Berlin)20DM.ĐH Nguyễn Thị Nhiên(Lingen) hối hưởng hưởng linh song thân Ngô Văn Bưởi

và Nguyễn Thị Tâm 50DM.ĐH Sĩ Ngọc(Berlin)50 DM.ĐH Diệu Xuân Nguyễn Thị Mai 20DM.ĐH. Đức Tín, Tứ Đương, Tứ Chí, Tứ Lạc, Tứ Phát, Thiện Hậu và Thiện Năng(Fürth)50DM.ĐH Giang Ngọc Lết + ĐH Trần Văn Chánh(Flensburg)10DM.ĐH Diệu Minh Lâm Liêng Nguyệt(Berlin)50DM.ĐH Nguyễn Văn Phưởng(Bremervörde)50DM.ĐH Thị Thủy 10DM.GĐ ĐH Bùi Trọng Lũng(Úc)100 Đckim.ĐH Đỗ Hữu Ai (Oberhausen)20DM.NPĐ Khánh Hòa(Barntrop)100 DM.ĐH Huệ Lộc(Pháp)cầu an PT Huệ Tường 100 DM và cầu siêu hưởng linh ĐH Huệ Đức và ĐH Huệ Quới 100DM.Ni cô Trì Đạo(")60OFF.ĐH Diệu Thuận Lữ Thị Thảo(")20OFF.ĐH Tân Tới(Thụy Sĩ) 20FS.ĐH Minh Không(")100FS.ĐH Đỗ Văn Chân - (Recklinghausen)50DM.ĐH Ngô Ngọc Thái(Kre - feld)20DM.ĐH Lê Văn Lợi(Konstanz)10DM.ĐH Đep Brandes(Neumünster)50DM.ĐH Lee Mai Thu Văn (Bad Salzuflen)50DM.ĐH Diệu Huệ Nguyễn Thị Bảy(Krefeld)hối hưởng hưởng linh ĐH Lâm Văn Nền PD Minh Nhân 50DM.Đoàn Phật Tử lớn tuổi đi nghỉ dưỡng sức tại tỉnh Porta Westfalica Holzhausen năm 1985 cúng chùa 250DM.ĐHNguyễn Văn Lộc(Hồa Lan)hối hưởng hưởng linh ĐH Đỗ Văn Khôi 150Guld.Một số người Đức trong Hội Hồng Thập Tự Dortmund 50DM.ĐH Huỳnh Thị Muối (Thụy Điển)100Kr.ĐH Bàn Quốc Vinh(")100Kr. ĐH Trưởng Triệu Bắc(Albstadt)20DM.ĐH Vũ Văn Phú(Schwetzingen)20DM.ĐH Đương Đoàn(")20DM. Ban Trì Sự chùa Linh Sơn(Bruxelles-Bi)4.000 FB.ĐH Tĩnh Niệm Nguyễn Chí Đức(Canada)50US. ĐH Vương Cường(Lichtenstein)10DM.ĐH Giang - Phước Lợi(München)20DM.ĐH Lũng Thị Anh - (Wiesbaden)37DM.ĐH ân danh(Stuttgart)150DM. ĐH Trần Kiệt(Lüneburg)20DM.ĐH Bùi Anh Dũng - (Gütersloh)20DM.ĐH Tăng Hưởng(Lingen)50DM . ĐH Vương Quan Sen(Dorsten)10DM.ĐH Trần Hồ - (Thụy Điển)100Kr.ĐH Nguyễn Văn Hình(Stutt - gart)20DM.ĐH Cao Minh Yên(Papenburg)20DM.GĐ ĐH Lâm(")20DM.ĐH Trưởng Quan Phục(Moschheim) 20DM.ĐH Trịnh Hi(Saarbrücken)50DM.ĐH Trần thị Lữ(Auholt)20DM.

ĐH Katy Liao và ĐH Lin Shueo(Đài Loan)100DM.Gia đình ĐH Lâm Cẩm Dung(Paderborn)hối hưởng tuần bách nhật chg hưởng linh PT Chueng Chan Fuk 150DM.ĐHNguyễn Bàn Thuận(Lünen)30DM.ĐH Thiện Nghĩa Đào Trọng Hiếu(Karlsruhe)30DM.Cầu an GĐĐH Khửu Sanh(Việt Nam)50DM.ĐH Nguyễn Thị Tú(Frei - burg)50DM.ĐH Huỳnh Thị Hoàng(")100DM.ĐH Đặng Văn Ty(")50DM.ĐH Đặng Văn Đỉnh(")200DM. ĐH Phạm Nguyễn Tuyên(")20DM.ĐH Nguyễn Thị Thu Thảo(")20DM.ĐH Nguyễn Thị Thanh Xuân(")20DM ĐH Đào Văn Dũng(")10DM.ĐH Nguyễn Ban(") 50 DM.ĐH Nguyễn Văn Đông(")60DM.ĐH Tea Sùng - Heng(Bad Iburg)hối hưởng hưởng linh bàohuynh Tea Kong 150DM.ĐH Lê Thị Minh Lũng(Krefeld) 20DM.ĐH Lâm Cẩm Dung 20DM.ĐH Lưu Minh Phước 200DM.ĐH Lũng Ngọc Dân(Hamburg)200DM.ĐH Hh thị Trung(Burgwedel)20DM.ĐH Ngô Long Du 20DM ĐH Trần Cho 20DM.Đông bào Việt Nam tại Bad Iburg hối hưởng hưởng linh PT Tea Kong 300DM

Restaurant Sàigòn(Bielefeld)100DM.ĐH Diệu -  
Hùng Võ thị Lý(Erlangen)cầu siêu hưởng lĩnh  
thân mẫu Diệu Huỳnh 30DM.

## Định kỳ

ĐH Lê thị Thu Ba(Mochenwanden)60DM/1-12/85.  
ĐH Đoàn thị Thanh Tú(Paris)300FF/7-12/85.ĐH  
Hồ văn Nguyên(")300FF/7-12/85.ĐH Grimaldi(")  
300FF/7-12/85.ĐH Lý Diệu Anh(Vechta)50DM/10  
-11/85.ĐH Phan thị Thên 40DM/10-11/85.ĐH Lê  
văn Hồng(Lohr am Mainz)60DM/10-11/85.ĐH Trần  
Liệu thị Diệu Huyền 40DM/10-11/85.ĐH Phạm  
Đăng Anh Tuấn(Kassel)80DM/8-11/85.ĐH Tô văn  
Phước(München)40DM/10-11/85.ĐH Lai Khánh Vân  
(Germering)100DM/9-1/86.

## Cúng dường xây Chùa

ĐH Diệu Hóa(Bi)500FB.ĐH Diệu Đạo(")500FF.ĐH  
Viên Kim Huy(Sindelfingen)50DM/10/85.Một ĐH  
ở Áo, 57DM.ĐH Nguyễn thị Giang(Laufen)43DM .  
ĐH ân danh(Reutlingen)50DM.GĐĐH Minh Tâm Ng  
Quang Di và Chí Nghĩa Lê thị Ngọc Dung(Cana  
-da)1.000Can.ĐH Nguyễn Tú và ĐH Đoàn thị -  
Quỳnh Nga(")20Can.ĐH Nguyễn Giảng(")20Can .  
ĐH Bửu Đôn và ĐH Nguyễn thị Hoàng Khuê(")50  
Can.ĐH Trường Hồng(")50Can.ĐH Quách Nhi(USA  
200DM.ĐH Quách Tâm(Münster)50DM.ĐH Mã Chi -  
(")40DM.ĐH Huỳnh Lý Xưởng(")40DM.ĐH Trần -  
Vĩnh Cam và ĐH Trần Muội(")100DM.ĐH... Trần  
Mý Huê, Trần Ngọc Huê, Trần Thanh Huê, Trần Yến  
Huê, Trần Thế Huê, Trần Thăng Huê(")120DM. ĐH  
Trưởng Hoàng Phong(Düsseldorf)50DM.ĐH Viên  
Nhuận Lâm(Westersterte)50DM.ĐH VongSenh Vun  
và ĐH Nguyễn Hồng Thanh(Baden-Baden)100DM .  
ĐH Darunel Möller(Hildesheim)50DM.ĐH Lương  
Xuân Hùng(Bad Iburg)80DM.ĐH Trần Hồng Nhung  
(")50DM.ĐH Nguyễn thị Bình 250DM.ĐH Diệu  
Thông(Krefeld)300DM.ĐH Tâm Lưu Nguyễn thị  
Nhiều(Hòa Lan)50Gulden.ĐH Phạm thị Thưởng(")  
50Guld.ĐH Huỳnh Thanh Hà(Schwalmtal)30DM.ĐH  
Nguyễn thị Yên Chi(Nettetal)10DM.ĐH Cao thị  
Việt(")20DM.ĐH Phạm Minh 50DM.ĐH Nguyễn Vạn  
Phúc và ĐH Nguyễn thị Búng(")200DM.ĐH Cao  
Hoàng Dũng(")20DM.ĐH Nguyễn Thành Lâm(Kre-  
feld)30DM.ĐH Lý thị Mạc Bích(")50DM.ĐH Nguyễn  
Ngọc Ân(Viersen)20DM.ĐH Võ Kim Phượng(Nette-  
-tal)20DM.ĐH Ngô Tấn Nghĩa(")30DM.ĐH Nguyễn  
Mạnh Diệu(Krefeld)20DM.ĐH Trần Đình Trung(")  
100DM.ĐH Thị văn Lộc(")50DM.ĐH Dương Hồng Y(")  
20DM.ĐH Khẩu văn Thạch(")50DM.ĐH Cao Hùng  
Việt(")20DM.ĐH Tiêu Chí Hùng(")50DM.ĐH Triệu  
văn Tùng(")200DM.ĐH Phạm Xuân Liễu(Hòa Lan)  
300Guld.ĐH Bành Thiện Sơn(")50Guld.ĐH Lê Trì

(")50Guld.ĐH Trưởng Hiếu Văn(Nettetal)50DM.  
ĐH Huỳnh văn Sâm(")20DM.ĐH Trình Sen(") 100  
DM.ĐH Hoàng văn Tuấn(")50DM.ĐH Huỳnh Thành-  
(")30DM.ĐH Nguyễn văn Hòa(Koblenz)20DM. ĐH  
Nguyễn Ngọc Sơn(Nettetal)10DM.ĐH Bùi V. Mũi  
(")20DM. Kinh Đô Tailor(Hòa Lan)50Guld. ĐH  
Trạc Nghinh(Viersen)100DM.ĐH Nguyễn văn Hai  
(")20DM.ĐH Quách Hoàng Vũ(Castrop-Rauxel)10  
DM.ĐH Phan Thanh Châu(Viersen)30DM.ĐH Trần  
Bá Kiệt 50DM.ĐH Trưởng Kim Thành 50DM.ĐH Lý  
Xuân Vinh 30DM.ĐH Huỳnh văn Quan 60DM.ĐH Vũ  
Viết Boong 30DM.ĐH Đặng Đức Long 20DM.ĐH Tâm  
(Thuy Sĩ)50FS.ĐH Nguyễn văn Dũng(Hòa Lan)50  
Guld.ĐH Văn Quan(")25Guld.ĐH Khẩu Bình(")25  
Guld.ĐH Nguyễn Dũng Kim(")25Guld.ĐH Nguyễn  
văn Ut(")25Guld.ĐH Thái Sanh(")100Guld. ĐH  
Nguyễn văn Điện(Krefeld)50DM.ĐH Trần  
Hoanh(Enzickofen)20DM.ĐH Võ văn Khả(Wupper-  
tal)20DM.ĐH Trần thị Liên(Krefeld)50DM. ĐH  
Diệu Huệ Nguyễn thị Bảy(")50DM.ĐH Thị Sắc -  
Nguyễn thị Vẽ(")50DM.ĐH Võ văn Liệt(")10DM.  
ĐH Nguyễn Minh Thông và ĐH Nguyễn Liêm(")30  
DM.ĐH Nguyễn Thanh Văn(")20DM.ĐH Phan Hào -  
Tâm(Recklinghausen)20DM.ĐH Thâm Say Và (Bo-  
chum)20DM.ĐH Phan Thanh Phước(Berlin)20DM .  
ĐH Diệu Dung Đỗ Kim Anh(Pháp)500FF.ĐH Thiện  
Hạnh Võ thị Mỹ(Nürnberg)50DM.ĐH Ngô Thanh  
Cát(Wiesbaden)10DM.ĐH Đình văn Trần(")10DM.  
ĐH Phạm Tuấn(")10DM.ĐH Phạm thị Diệu Linh(")  
10DM.ĐH Châu Thành Lợi(")20DM.ĐH Lương thị  
Anh(")20DM.ĐH Nguyễn Ngọc Châu(")20DM.ĐH Ng  
Ngọc Huân(")20DM.ĐH Bành Tham Cường(")10DM.  
ĐH Diệu Lan Mai thị Đẹp(Ffm)50DM.ĐH Hà văn  
Thành(")55DM.ĐH Phan thị Hoàng Yên(Bonn) 20  
DM.ĐH Thiện Nguyễn Lý Hùng Sơn(Stuttgart)DM  
200.GĐĐH ho Lý(Rottenburg)200DM.ĐH Lê thị,  
-Quỳnh Châu(Essen)10DM.GĐĐH Nguyễn Phước(Bi)  
2.000FB.ĐH Viên Kim Huy(Sindelfingen)50DM /  
11/85.ĐH Nguyễn Mạnh Nam(Aachen)50DM/11/85.  
ĐH Nguyễn thị Tốt(USA)200US.ĐH Hersha Otto-  
(Einbeck)50DM.ĐH Mach thị Phượng(FN)20DM.Cô  
Diệu Ân và Cô Thị Nguyễn(Rottershausen - Đài  
Loan)500DM.ĐH Diệu Đạo(Bi)500FB.ĐH Diệu Hóa  
(")500FB.ĐH Lưu Đức Anh(Rheine)100DM.ĐH Bùi  
thị Ngân Bình(Úc)46,17DM.ĐH Lê Trần(Ravens-  
burg)100DM.

## Bảo Viên Giác

ĐH Diệu Thuận(Paris)200FF.ĐH Dương Trí Quan  
(")200FF.ĐH Nguyễn Danh Đán(Créteil)100FF .  
ĐH Thân Trọng Lạc(Paris)100FF.ĐH Tưởng Văn  
(")100FF.ĐH Võ Vinh Hoa(")200FF.ĐH Đoàn Hòa  
(Mỹ)100FF.ĐH Vũ Ngọc Long(Lichtenstein)20DM  
ĐH Vương Quan Sen(Dorsten)10DM.GĐĐH Minh Tâm  
Nguyễn Quang Di và Chí Nghĩa Lê thị Ngọc Dung  
(Canada)20Can.ĐH Diệu Bích(")20Can.ĐH Thị  
Hòa Đỗ Hữu Quý 20Can.ĐH Tứ Nguyễn(Đan Mạch)

120Kr.ĐH Trưởng Hoàng Phong(Düsseldorf)20DM  
 ĐH Diệu Hương Võ thị Lý(Erlangen)20DM. NPĐ  
 Linh Phong(Thụy Sĩ)100DM.ĐH La Kim Thuận( )  
 20FS.ĐH Hứa thị Hoa( )50FS.ĐH Phan Thanh  
 Phước(Berlin)30DM.ĐH Đỗ Kim Phượng(Düssel -  
 dorf)20DM.ĐH Trần Đăng Thanh(Karlsruhe)20DM  
 ĐH Huỳnh Tấn Hùng(Na Uy)30DM.ĐH DiệuDung Đỗ  
 Kim Anh(Pháp)200FF.ĐH Phạm Kim Ngân(München  
 10DM.ĐH Diệu Huệ Nguyễn thị Bảy(Krefeld) 20  
 DM.ĐH Thiện Hạnh Võ thị Mỹ(Nürnberg)50DM.ĐH  
 Huỳnh Kim Thanh Sơn(Úc)20DM.ĐH Nguyễn văn -  
 Lộc(Hòa Lan)50Guld.ĐH Lê Thái Loan(Krefeld)  
 30DM.ĐH Đoàn văn Thuận(Gießen)50DM.ĐH Minh  
 Huệ(Na Uy)30DM.ĐH Nguyễn Trung Thoại(Canada  
 20Can.ĐH Diệu Nhã Võ thị Dạ Lan(Hòa Lan)100  
 Guld.ĐH Hà thị Định(Hannover)20DM.ĐH Lê thị  
 Kim Uyên(Essen)20DM.ĐH Nguyễn Đại Quý (Mün-  
 chen)20DM.ĐH Nguyễn thị Kim Hồng(Nettetal)-  
 10DM.ĐH Thái văn Tuồng(Wilhemshaven)20DM.ĐH  
 Trưởng Quan Phục(Moschheim)20DM.ĐH Nguyễn  
 Ngọc Châu(Ibbenbüren)18,30DM.ĐH Nguyễn Thanh  
 Phong(Kamen)20DM.ĐH Nguyễn Lương Thiện(Darm-  
 -stadt)10DM.ĐH Ngọc An(USA)30US.ĐH Trần Đình  
 Đệ(Mỹ)20US.ĐH Nguyễn thị Hồ(Haltersheim) 20  
 DM.ĐH Bửu Thọ(Bi)1.000FB.ĐH Trần thị Mỹ Vân  
 (Neuss)20DM.ĐH Bùi thị Ngân Bình(Úc)20DM.ĐH  
 Bùi thị Kim(Pháp)20DM.

## Ấn tổng Kinh sách

Đặng Quốc Hùng(Stuttgart)10DM.ĐH Nguyễn thị  
 Kim Hồng(Nettetal)10DM.ĐH Trịnh thị Tiên 20  
 DM.ĐH Võ Phước Nguyên(Unna)10DM.

Mọi sự cúng dường, ủng hộ, quý vị có thể gửi  
 thẳng về chùa trong bao thư hoặc qua 1 trong  
 2 số Konto của ngân hàng Deutsche Bank Han-  
 nover như sau : Chùa Viên Giác Konto Nummer  
 8650228-BLZ 250 700 70. Hoặc số Konto Cong.  
 der Verein.Vietn.Buddhist.Kirche eV.8657470  
 BLZ 250 700 70.Xin thành thật cảm ơn quý vị

### *tiếp theo trang 71*

đường mật của Cộng Sản, tập cho chúng lái các  
 loại phi cơ của Mỹ còn để lại, đến khi chúng  
 thuận thực chúng tổng cơ các anh đi học tập  
 cải tạo để trả ơn. Chánh sách và đường lối  
 trước sau như một của tập đoàn lãnh đạo miền  
 Bắc là như vậy đó! Hỡi các người mù quáng đã  
 và đang làm tay sai cho chúng hãy nên suy -  
 nghĩ!!...

Hàng ngày trong những lúc ngồi chờ lãnh một  
 chén cơm để làm thỏa mãn một phần nào cái  
 bao tử, anh nào có nghề gì thì chỉ lại cho các

anh khác học, anh Bác sĩ thì chỉ cách thức  
 trị bệnh thông thường, cách châm cứu, anh kỹ  
 sư canh nông thì chỉ cách trồng trọt, anh  
 chuyên viên truyền tin thì chỉ cách sửa chữa  
 radio v.v... Riêng tôi nhờ anh chuyên viên  
 chỉ cách trồng bầu và trồng rau cải, khi ra  
 Bắc tôi trồng một giẫy bầu có gần 100 trái,  
 và trồng bông cải, có một bông rất to được đem  
 đi triển lãm cho cả liên trại xem (tôi sẽ nói  
 về cách thức trồng bầu khi viết đến lúc học  
 tập ở ngoài Bắc).

Nói về tập hát, mỗi B phải cử một người đến  
 văn phòng của trưởng trại để tập hát và phải  
 hát bài nào, sau đó về dạy lại cho anh em  
 B.B tôi có anh Trung tá P., anh thì hát không,  
 hay, nhưng hay hát nên anh được anh em cử  
 đi học hát để về dạy lại. Nghề này cũng đỡ  
 khổ vì khỏi phải đi lao động chân tay khác.  
 Thật không có gì đau khổ cho bằng khi mình  
 ghét việc gì mà hằng ngày cứ gặp phải việc đó.  
 Ở hoàn cảnh chúng tôi cũng vậy, chúng tôi với  
 Việt Cộng như mặt trời với mặt trăng, mà hằng  
 ngày phải hát những bài hát ca tụng già hồ  
 và Đảng v.v... như bài :

- Tiến về Sài Gòn
- Như có già hồ trong ngày vui đại thắng
- Mùa Xuân trên thành phố Hồ Chí Minh

v.v...

Anh quản ca dạy hát một đường, chúng tôi hát  
 một nẻo, dạy hoài, dạy ngày 2 buổi mà chẳng ai  
 thuộc bài nào cả.

Trong K. tôi có nhiều Bác sĩ, Dược sĩ, có những  
 bác sĩ nổi tiếng như Bác sĩ Tiến ở Tổng Y  
 Viện Cộng Hòa, Bác sĩ Thành ở Tổng Tham Mưu,  
 v.v... nhưng tất cả đều được VC xử dụng thua  
 một y tá của chúng. Hằng ngày trong K. có ai  
 bệnh hoạn khai với B. Trưởng, anh này khai với  
 K. Trưởng (cũng cải tạo viên) K. Trưởng lập danh  
 sách nạp cho Trưởng trại hoặc y tá. Đứng 9g30  
 bệnh nhân tập trung trước một cái lều nhỏ  
 ở trước cổng trại, trong lều có 1 cái bàn và  
 1 cái ghế đầu. Bệnh nhân ngồi chồm hóm dưới  
 đất thành hai hàng dọc, bác sĩ Tiến (hoặc một  
 bác sĩ khác) ngồi một bên ở phía trước bệnh  
 nhân, còn y tá Việt Cộng thì ngồi chồm hóm  
 trên ghế đầu (ngồi để luôn hai chân lên ghế)  
 hỏi bệnh chứ không phải khám bệnh đầu vì y  
 tá có biết gì đâu mà khám, trình độ y tá vượt mà.  
 Nếu bệnh nào khai chứng bệnh mà y không biết  
 thì y quay sang bác sĩ "nguy", ngồi chồm hóm  
 (cứng ngồi chồm hóm) ở dưới đất. Thật là một  
 cuộc đời đời đúng theo ý nghĩa của câu nói  
 mà tập đoàn Cộng. Sản miền Bắc đã từng tuyên  
 bố và đá cho là CHIẾN THẮNG VỀ VANG!!!

(Còn tiếp)





# \* CUNG CHÚC TÂN XUÂN \*

Trong niềm vui đón mừng Tết dương lịch năm 1986 và Tết Bình Dân vào ngày 9 tháng 2 năm 1986 sắp đến, thay mặt Chủ Tểng Ni trong Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức xin gửi đến Quý Đạo Hữu và Quý Phật Tử gần xa một lời chúc an lành trong mùa Xuân Đạo Hạnh và nguyện cầu cho buổi quyên của Quý Vị được:

XUÂN ĐA KIẾT KHÁNH  
THU MIỄN TAM TAI

HẠ BẢO BÌNH AN  
ĐÔNG NGHINH BÁCH PHƯỚC

TM Chi Bộ  
Chi Bộ Trưởng: Thích Nhu Điền

Đại Diện cho Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Tây Đức, chúng con thành tâm kính chúc Chủ Tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni khắp nơi trên thế giới cũng như tại Tây Đức, pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ và gặp được những thành quả tốt đẹp trong khi truyền trao giáo pháp cho mọi người, mọi loài trong năm Bình Dân sắp đến. Và kính chúc toàn thể quý vị Văn Hữu, Thi Hữu, Đạo Hữu v.v... đã cộng tác cho Viên - Giác trong thời gian qua gặp nhiều hạnh duyên trong cuộc sống hằng ngày cũng như các Hội Đoàn Bạn, các Tổ Chức và quý Đạo Hữu, Phật Tử xa gần được mọi điều như ý nguyện.

TM Ban Chấp Hành Hội PTVN tỵ nạn tại Tây Đức.

Hội Trưởng: Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp

## Quảng cáo



Tin cần lưu ý :

Văn phòng du lịch V. BEUST & KREUZNER REI - SEBÜRO GMBH chuyên lo vấn đề du lịch kế cả vùng Đông Nam Á cho người Việt Nam sinh sống tại Tây Đức.

Mọi chi tiết xin liên lạc trực tiếp qua Bà MỸ ANH HANISCH, là một người Việt Nam với nhiều năm kinh nghiệm, bà MỸ ANH sẵn sàng giải đáp mọi thắc mắc của quý vị bằng tiếng VN hoặc nhiều ngôn ngữ khác về những vấn đề liên quan đến việc đi du lịch.

Quý vị đừng do dự khi dự định đi du lịch, nghỉ hè trong tương lai. Xin liên lạc với chúng tôi trong giờ làm việc :

Thứ Hai đến Thứ Sáu từ 9.00 đến 18.00

Thứ Bảy từ 10.00 đến 13.00

(Quý vị có thể liên lạc với VBK bằng t h a tin hoặc qua điện thoại).

**vBeust & Kreuzner**  
**Reisebüro** ...persönlich im Service!  
0221

Am Hof 23 · 5000 Köln 1 ☎ 219656-58



## PHÂN ƯU

HỘI NGƯỜI VIỆT TỴ NẠN CỘNG SẢN TỈNH VIERSEN thành thật chia buồn cùng Gia - Đình Ông Bà: Huỳnh Văn Quan đã mất đứa con:

HUYỀN THỊ HUYỀN HOA

Lễ an táng được cử hành vào ngày 22.10.85 vào lúc 10 giờ 30 tại nghĩa trang Süch - tein.

Thay mặt Ban Chấp Hành và người Việt trong Tỉnh

Thư Ký

QUÁCH HOÀNG VŨ

# Chỉ hướng

MINH THIÊN



Các anh phường xa từ đôi núi oai hùng. Chung tôi miền



xuôi miền thùy dương cát trắng. Gặp nhau đây ta cùng nguyện đáp



xây xây ngày mai huy hoàng. Các anh hân hoan vì màu



Áo Lam hiền. Chúng tôi mừng vui vì đàn em yêu mến. Gặp nhau



đây ta chung một chỉ hướng đem Đuốc Tuệ soi đường.



Ôi! nắm tay nhau mà ca một niềm chân thành. Ôi!



gió sương mùa dù rơi một lòng tinh tấn. Các anh hiền



ngang nhận cuộc sống thắm vàng. Chúng tôi cúi vang hòa niềm vui thân



ái, gặp nhau đây ta chung một chỉ hướng đem Đuốc Tuệ soi đường



Các anh phường ..... Tuệ soi đường.

Trích từ tuyển tập 99 bài ca sinh hoạt Gia Đình Phật Tử của Hàn Lệ Nhân  
sáng tác và sưu tập; chùa Khánh Anh Paris xuất bản năm 2.526 - 1982.